

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

VŨ DUY HÙNG

**QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở
CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC
(Giai đoạn 2020 - 2022)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

HÀ NỘI, NĂM 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

VŨ DUY HÙNG

**QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở
CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC
(Giai đoạn 2020 - 2022)**

Chuyên ngành: Báo chí học

Mã số: 9 32 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC OANH

HÀ NỘI, NĂM 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tất cả các số liệu, thông tin và kết quả được đưa ra trong luận án đều được thu thập, phân tích và trình bày một cách trung thực, minh bạch, đồng thời có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn từ các tài liệu tham khảo đáng tin cậy hoặc nghiên cứu thực tiễn được thực hiện trực tiếp. Mọi thông tin được sử dụng đều được kiểm chứng kỹ lưỡng và ghi nhận đầy đủ để đảm bảo tính chính xác và khách quan.

Tác giả

Vũ Duy Hưng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC	16
1.1. Các nghiên cứu liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí	16
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại.....	22
1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại	27
1.4 . Đánh giá tình hình nghiên cứu.....	33
Tiểu kết Chương 1.....	40
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC	42
2.1. Một số khái niệm cơ bản.....	42
2.2. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực.....	50
2.3. Chủ thể, khách thể, nội dung, phương thức và tác động của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực	55
2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực	75
Tiểu kết Chương 2.....	87
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở MỘT SỐ CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-2022.....	89
3.1. Khái quát về một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam... ..	89
3.2. Thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí được khảo sát.....	100

3.3. Ưu điểm, nhược điểm của quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam.....	131
Tiểu kết Chương 3.....	156
CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỚI.....	157
4.1. Bối cảnh, những vấn đề đặt ra và bài học từ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022	157
4.2. Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam.....	172
4.3. Một số khuyến nghị cụ thể	183
Tiểu kết Chương 4.....	189
KẾT LUẬN	190
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	195
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	196
PHỤ LỤC	210

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

HITV:	Truyền hình Cable Hà Nội
TTXVN:	Thông tấn xã Việt Nam
VNEWS:	Trung tâm Truyền hình Thông tấn
VOV:	Đài Tiếng nói Việt Nam
VOV5:	Ban Đối ngoại (Đài Tiếng nói Việt Nam)
VTV:	Đài Truyền hình Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Theo dõi hoạt động phỏng vấn sâu hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý đầu vào ở báo Nhân Dân, TTXVN và VOV	13
Bảng 3.1. Nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin đối ngoại và số lượng tin, bài đối ngoại tại báo Nhân Dân giai đoạn 2020-2022	107
Bảng 3.2. Tin, bài của Ban Quốc tế báo <i>Nhân Dân</i> giai đoạn 2020-2022 ...	108
Bảng 3.3. Tin, bài của Ban Nhân Dân điện tử giai đoạn 2020-2022	108
Bảng 3.4. Tin, bài của <i>Truyền hình Nhân Dân</i> giai đoạn 2020-2022	108
Bảng 3.5. Nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin đối ngoại và số lượng tin, bài đối ngoại tại TTXVN giai đoạn 2020-2022.....	117
Bảng 3.6. Tin, bài phát tin nguồn VNANET (TTXVN) giai đoạn 2020-2022 ..	121
Bảng 3.7. Tin, bài trên báo của TTXVN giai đoạn 2020-2022	122

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Khung lý thuyết của luận án	11
Hình 2. Khung phân tích của luận án.....	14
Hình 3. Mô hình quản lý thông tin tại báo <i>Nhân Dân</i>	101
Hình 4. Mô hình quản lý thông tin truyền hình tại <i>Truyền hình Nhân Dân</i> ..	102
Hình 5. Mô hình quản lý thông tin tiếng nước ngoài tại báo <i>Nhân Dân</i>	102
Hình 6. Mô hình quản lý thông tin tại Thông tấn xã Việt Nam.....	111
Hình 7. Mô hình quản lý thông tin tại VOV5 - VOV	124

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thông tin đối ngoại nói chung và thông tin đối ngoại trên báo chí nói riêng đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Đặc biệt, giai đoạn 2020-2022, đại dịch COVID-19 không chỉ là một cuộc khủng hoảng y tế mà còn là cuộc khủng hoảng truyền thông toàn cầu, khi các quốc gia phải đối phó với dịch bệnh, đồng thời phải cung cấp thông tin được cập nhật thường xuyên trên phạm vi quốc gia, khu vực, thế giới về dịch bệnh, biện pháp phòng chống cũng như phải ngăn chặn sự lan truyền của tin giả, thông tin sai lệch. Thông tin không chỉ dừng lại ở phạm vi hẹp trong cộng đồng, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ mà còn mang tính chất quy mô toàn cầu. Thông tin về diễn biến dịch bệnh cũng như biện pháp phòng tránh dịch bệnh đã vượt quy mô một nước, phạm vi biên giới quốc gia để trở thành một phần của thông tin toàn cầu. Sự phối hợp trong thông tin về dịch bệnh của mỗi nước gắn chặt với thông tin toàn cầu và ngược lại. Trong tình huống này, quản lý thông tin đối ngoại trở thành một nhiệm vụ mang tính sống còn để đảm bảo dòng chảy thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời và định hướng đúng cho dư luận quốc tế.

Các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam như Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN), báo *Nhân Dân*, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) đóng vai trò tiên phong trong công tác thông tin đối ngoại. Theo báo cáo của báo *Nhân Dân* năm 2022, trong giai đoạn cao điểm chống dịch bệnh, số tin bài về dịch bệnh chiếm 25-30% nội dung trong số báo. Trong giai đoạn 2020-2022, Ban *Nhân Dân* điện tử đã triển khai khoảng 10.000 tin, bài về dịch COVID-19. Với thế mạnh có 6 ngôn ngữ truyền tải thông tin, Ban *Nhân Dân* điện tử tiếng Việt, Nga, Trung, Anh, Pháp, Tây Ban Nha đã đăng tải thông tin liên tục từng giờ, cung cấp thông tin cho độc giả trong nước và quốc tế thông tin khách quan, cập nhật về tình hình dịch bệnh cũng như chính sách ứng phó của Việt Nam. Sự tham gia

này góp phần quan trọng trong việc định vị Việt Nam như một “điểm sáng” trong kiểm soát dịch bệnh, được dư luận quốc tế đánh giá cao về tính minh bạch, chủ động và trách nhiệm [11].

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 cũng bộc lộ nhiều thách thức lớn đối với công tác quản lý thông tin đối ngoại. Một mặt, sự bùng nổ của mạng xã hội và truyền thông số đã khiến tốc độ lan truyền tin tức vượt ngoài khả năng kiểm soát truyền thống, làm gia tăng tình trạng tin giả và thông tin sai lệch. Theo Báo cáo năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ Thông tin và Truyền thông được hợp nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ theo Nghị quyết của Quốc hội thông qua ngày 18/02/2025, đổi tên thành Bộ Khoa học, Công nghệ. Các chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông được chuyển giao, trong đó các chức năng quản lý báo chí, xuất bản chuyển sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), chỉ riêng trong năm 2021, hàng nghìn tin giả liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội đã bị phát hiện, trong đó có nhiều tin ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, hình ảnh quốc gia. Mặt khác, sự phối hợp liên ngành trong xử lý thông tin đối ngoại còn thiếu tính đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn.[18]

Về phương diện lý luận, nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn COVID-19 giúp hệ thống hóa và bổ sung cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia trong bối cảnh khủng hoảng. Đây là tình huống đặc thù chưa từng có tiền lệ, đòi hỏi cách tiếp cận mới để vừa bảo đảm tính nhanh nhạy của thông tin, vừa giữ vững tính định hướng chính trị và ngoại giao. Về phương diện thực tiễn, việc phân tích các thành công, hạn chế và bài học từ hoạt động của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong thời kỳ này sẽ cung cấp kinh nghiệm quý cho việc ứng phó với các cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai. Đồng thời, kết quả nghiên cứu mang ý nghĩa chiến lược, giúp hoạch định chính sách truyền thông đối ngoại nhằm khẳng định hình ảnh Việt Nam là quốc gia minh bạch, nhân văn và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Đây cũng là lý do chính để nghiên cứu sinh lựa chọn và thực hiện đề tài nghiên cứu:

“*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020-2022)*” cho luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hoá cơ sở lý luận về quản lý thông tin đối ngoại trên các báo chí chủ lực, luận án phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thông tin đối ngoại trên các báo chí chủ lực, tiêu biểu là báo *Nhân Dân* và TTXVN, VOV trong bối cảnh khủng hoảng y tế và khủng hoảng truyền thông mang tính toàn cầu của giai đoạn 2020-2022. Từ đó, luận án đề xuất những quan điểm, định hướng và hệ thống giải pháp nâng cao năng lực quản lý thông tin đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều biến động phức tạp, không chỉ về y tế mà còn về an ninh thông tin và truyền thông toàn cầu.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

- Hệ thống hóa và phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí trong đó làm rõ khái niệm, đặc điểm, yêu cầu, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí nhà nước trên các báo chí chủ lực;
- Khảo sát thực trạng quản lý thông tin đối ngoại trên ba loại báo chí chủ lực là báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV nhằm chỉ ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân trong quản lý thông tin đối ngoại trên các ấn phẩm của các cơ quan báo chí này giai đoạn 2020 – 2022;
- Đề xuất những quan điểm, định hướng nội dung, hình thức và hệ thống giải pháp, điều kiện tổng thể phù hợp cần thiết nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại trên các ấn phẩm của báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV..

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là việc quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí chủ lực ở Việt Nam hiện nay, tập trung khảo sát giai đoạn 2020-2022.

Khách thể nghiên cứu là các cá nhân và đơn vị trực tiếp tham gia vào

công tác quản lý và sản xuất thông tin đối ngoại tại 3 cơ quan báo chí được khảo sát. Đó là:

(1) Nhóm quản lý, lãnh đạo cấp cao (Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập) và trưởng các ban, phòng phụ trách thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV.

(2) Nhóm tác nghiệp gồm các nhà báo, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và quản trị viên.

(3) Khách thể tham gia gồm các chuyên gia và nhà khoa học có kinh nghiệm về báo chí đối ngoại, tham gia đóng góp ý kiến thông qua các buổi phỏng vấn sâu hoặc hội thảo khoa học.

(4) Tin bài về đối ngoại trên các sản phẩm báo chí đối ngoại của 3 cơ quan báo chí được khảo sát.

Khảo sát tin bài giúp luận án có cơ sở thực tế để đánh giá hiệu quả của công tác quản lý, nội dung nghiên cứu không chỉ là về quy trình quản lý mà còn về chất lượng và bản chất của sản phẩm mà quy trình đó tạo ra. Đồng thời, quản lý nội dung và hình thức thông tin cũng là một nội dung quan trọng trong quản lý thông tin đối ngoại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Nghiên cứu thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV qua khảo sát ở các đơn vị trực thuộc tham gia thông tin đối ngoại trên một số nội dung như: Tổ chức tòa soạn, nội dung, hình thức, phương thức truyền tải... Từ đó, đưa ra đánh giá về mặt mạnh, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất, khuyến nghị một số giải pháp để nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại đối với báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV cũng như cơ quan báo chí nói chung.

- *Phạm vi địa bàn*:

+ Tại báo *Nhân Dân*, 3 đơn vị tập trung nghiên cứu là Ban Quốc tế, Ban *Nhân Dân* điện tử và Trung tâm *Truyền hình Nhân Dân* (*Truyền hình Nhân Dân*). Đây là các đơn vị cấp vụ, trực thuộc Ban Biên tập. Trong đó, Ban Quốc tế chịu trách nhiệm về thông tin quốc tế cho người Việt Nam, đưa tin hoạt động đối ngoại của lãnh đạo đảng, nhà nước trong nước và ngoài nước,

phụ trách về chuyên môn đối với các phóng viên thường trú ở nước ngoài. Ban *Nhân Dân* điện tử phụ trách thông tin trên trang báo điện tử xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga. *Truyền hình Nhân Dân* thực hiện thông tin đối ngoại trên truyền hình với các bản tin thời sự và chuyên đề, chuyên mục. Đồng thời trực tiếp vận hành trang tin tức phát thanh trên nền tảng số, trang Tiktok của báo *Nhân Dân*. Công trình nghiên cứu cũng sẽ đề cập hệ thống các phóng viên thường trú nước ngoài của báo *Nhân Dân*.

+ Tại TTXVN, luận án trình bày, phân tích hiện trạng, phương thức quản lý thông tin đối ngoại từ cấp ngành, đến các đơn vị liên quan như Ban Thư ký, Biên tập và Quan hệ đối ngoại, Ban biên tập Tin đối ngoại, Ban biên tập Tin thế giới, Ban biên tập Tin trong nước, các tờ báo thuộc TTXVN như báo tiếng Anh *Vietnam News*, báo tiếng Pháp *Le Courrier du Vietnam*, *Báo ảnh Việt Nam*, tạp chí *Vietnam Law and Legal Forum*, báo điện tử *VietnamPlus* xuất bản bằng tiếng Việt và các tiếng nước ngoài và *Truyền hình Thông tấn* (viết tắt là VNEWS).

+ Tại VOV, luận án tập trung nghiên cứu, khảo sát Ban Đối ngoại, hay còn gọi tắt là VOV5. VOV5 ra đời ngày 7/9/1945. Cho đến nay, VOV5 là một trong những kênh đối ngoại lớn, với các chương trình phát thanh thời sự tin tức đối ngoại hằng ngày bằng 13 ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung, Nhật, Hàn, Đức, Tây Ban Nha, Lào, Thái Lan, Campuchia (Khmer), Indonesia và chương trình dành cho “Đồng bào xa Tổ quốc” (gọi tắt là chương trình Việt kiều) bằng tiếng Việt dành cho người Việt Nam ở nước ngoài. VOV5 có 2 chương trình phát sóng ra Biển Đông là chương trình tiếng Trung và chương trình tiếng Anh, phát sóng từ đài phát sóng Nam Trung Bộ trên sóng trung (1071KHz). Trong đó, chương trình tiếng Trung được phát sóng hai lần/ngày, từ 11h30’ - 12’00’ và từ 17h30’ - 18h00’. Kể từ năm 2012, trang thông tin điện tử đối ngoại vovworld.vn văn bản hóa các chương trình phát thanh đối ngoại, đồng thời đăng tải thêm các thông tin đối ngoại dưới dạng văn bản, file âm thanh, ảnh, phóng sự ảnh, video clip, các sản phẩm đa phương tiện. Lúc đầu VOV5 phát

sóng bằng 12 ngôn ngữ và kể từ năm 2018 bằng 13 ngôn ngữ (thêm chương trình tiếng Hàn khai trương tháng 9/2018).

Trong quy trình tác nghiệp, trước khi xây dựng tác phẩm báo chí đối ngoại của VOV5, các phóng viên phải tiếp xúc với nguồn tư liệu, báo chí, âm thanh, văn bản... tiếng nước ngoài, thêm một công đoạn dịch tài liệu, chuyển đổi ngôn ngữ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Trong nhiều trường hợp, do đối tượng tiếp cận, giao tiếp để lấy thông tin, phỏng vấn là người nước ngoài, nên phóng viên, biên tập viên phải biết ngoại ngữ. Địa bàn tác nghiệp của phóng viên VOV5 có thể liên quan đến các yếu tố nước ngoài, thậm chí là ở nước ngoài, dẫn đến cần có yêu cầu đặc thù về việc biết ngoại ngữ để tác nghiệp và đòi hỏi có kế hoạch sản xuất mang tính đặc thù, trang thiết bị đủ hiện đại để tác nghiệp trong môi trường đặc thù, nguồn kinh phí để di chuyển, tác nghiệp ở ngoài Việt Nam. Nguồn tin của VOV5 cũng nhận từ đội ngũ cộng tác viên nước ngoài và các các hãng truyền thông nước ngoài. Khi VOV5 sản xuất tác phẩm trực tiếp bằng ngoại ngữ đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa có khả năng ngoại ngữ, vừa có kiến thức chuyên môn để sản xuất tác phẩm báo chí.

- *Phạm vi thời gian*: Luận án nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại trong khoảng thời gian từ năm 2020-2022. Giai đoạn 2020-2022 được chọn vì đây là thời kỳ cao điểm của đại dịch COVID-19, mang tính đại diện cho cuộc khủng hoảng toàn cầu ảnh hưởng sâu sắc đến thông tin đối ngoại. Cụ thể:

- Năm 2020, dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ. Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh thời gian đầu nhờ các biện pháp quyết liệt, đòi hỏi truyền thông đối ngoại phải nhanh chóng quảng bá hình ảnh Việt Nam an toàn để duy trì đầu tư và du lịch quốc tế.

- Năm 2021, biến chủng Delta gây ra đợt bùng phát lớn tại Việt Nam, dẫn đến thách thức lớn về quản lý thông tin để chống tin giả và hỗ trợ hợp tác quốc tế như tiếp nhận vắc xin từ các đối tác.

- Năm 2022, quá trình phục hồi sau COVID-19 diễn ra với việc Việt Nam tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế, nhấn mạnh vai trò truyền thông trong việc củng cố quan hệ đối ngoại hậu đại dịch.

Ngoài ra, giai đoạn này cũng cho thấy sức mạnh, sự ảnh hưởng của nội dung số ngày càng rõ, gợi mở đồng thời có tính “cưỡng bức” việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xã hội, trong báo chí, truyền thông cũng như đối với báo chí đối ngoại nói riêng. Việc giới hạn ở giai đoạn này giúp nghiên cứu tập trung vào các bài học cụ thể từ khủng hoảng từ đó cung cấp cơ sở để giải quyết cho các tình huống tương tự trong tương lai.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

- *Về vai trò và chính sách*: Công tác quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có những vai trò gì?

- *Về các yếu tố ảnh hưởng*: Hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam chịu sự tác động của các yếu tố gì?

- *Về thực trạng*: thực trạng quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam (TTXVN, báo *Nhân Dân*, VOV) trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và sự bùng nổ của truyền thông số giai đoạn 2020–2022 được triển khai và thể hiện như thế nào?

- *Về giải pháp*: Cần có những giải pháp mang tính đột phá nào nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam trong giai đoạn tới, để thích ứng với sự cạnh tranh thông tin toàn cầu và sự lan tỏa mạnh mẽ của mạng xã hội?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

- *Giả thuyết về vai trò và chính sách*: Công tác quản lý thông tin đối ngoại đóng vai trò then chốt và trực tiếp trong việc chuyển hóa các chủ trương đối ngoại thành các chiến dịch truyền thông cụ thể; giúp thống nhất thông điệp quốc gia, từ đó gia tăng sức mạnh mềm và uy tín của Việt Nam.

- *Giả thuyết về các yếu tố ảnh hưởng*: Hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam chịu sự tác động tổng hợp và có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố gồm: yếu tố chính trị và định hướng chính sách đối ngoại; chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại; mức độ ứng dụng công nghệ và đặc điểm môi trường

truyền thông; bối cảnh kinh tế – xã hội; và khung khổ pháp lý. Trong đó, định hướng chính trị – chính sách và chất lượng cán bộ giữ vai trò nền tảng, yếu tố công nghệ và môi trường truyền thông đóng vai trò thúc đẩy, còn môi trường kinh tế – xã hội và yếu tố pháp lý tạo điều kiện hoặc rào cản đối với hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại trong bối cảnh cạnh tranh thông tin toàn cầu.

- *Giả thuyết về thực trạng*: Trong giai đoạn 2020–2022, công tác quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam đã có sự thích ứng tương đối nhanh với bối cảnh đại dịch COVID-19 và sự bùng nổ của truyền thông số, thể hiện qua việc đổi mới phương thức quản lý, đa dạng hóa kênh truyền thông và tăng cường truyền thông đa ngôn ngữ; tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế về tính đồng bộ, nguồn lực và năng lực quản lý trong môi trường số.

- *Giả thuyết về giải pháp*: Việc triển khai các giải pháp mang tính đột phá, bao gồm hoàn thiện mô hình quản lý thông tin đối ngoại theo hướng tích hợp – thông minh, tăng cường ứng dụng công nghệ số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cải thiện cơ chế phối hợp liên ngành, sẽ góp phần nâng cao rõ rệt hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh thông tin toàn cầu và sự lan tỏa mạnh mẽ của mạng xã hội.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

- Cơ sở phương pháp luận: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối và chính sách quản lý thông tin đối ngoại của đảng, nhà nước Việt Nam.

- Cơ sở lý thuyết:

+ *Lý thuyết quản lý từ trên xuống của Henry Fayol*: Nhấn mạnh quy trình quản lý thông tin đối ngoại ở các báo chí đối ngoại chủ lực, bao gồm: dự đoán và lập kế hoạch; tổ chức; điều khiển; phối hợp; kiểm tra.

+ *Lý thuyết viên đạn ma thuật*: Áp dụng có hiệu quả khi xây dựng nội dung thông tin đối ngoại trên các sản phẩm báo chí đối ngoại khiến cho thông điệp được “bắn thẳng” vào công chúng và thâm nhập vào tâm trí của họ giống

nghư một viên đạn ma thuật, tạo ra các phản ứng giống nhau ở mọi người. Lý thuyết này có thể áp dụng vào việc xây dựng nội dung báo chí đối ngoại đúng với mục tiêu mà nhóm làm chương trình hướng đến và thuyết phục đối tượng công chúng về lý trí và cảm xúc; hình thành và định hướng dư luận xã hội. Cụ thể là cung cấp thông tin tốt, xác thực lẫn át thông tin xấu, sai trái, có thể vận dụng trong việc chuyển tải các nội dung đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch.

+ *Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự*: Lý thuyết này áp dụng đối với tình huống, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực dựa trên bối cảnh thông tin thực tế và các mục tiêu đề ra để xác định những vấn đề và nội dung đối ngoại mà họ cho là quan trọng để truyền tải đến công chúng, thay vì tập trung cung cấp những thông tin mà công chúng thực sự yêu cầu.

+ *Lý thuyết sử dụng và hài lòng*: Nhấn mạnh các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đang cạnh tranh với các nguồn thông tin khác để mang đến thông tin đối ngoại thỏa mãn sự hài lòng cho người dùng tin.

+ *Lý thuyết truyền thông Lasswell*: Mô hình truyền thông của Lasswell được sử dụng để phân tích một cách cơ bản quá trình truyền thông, từ việc lựa chọn người gửi, xây dựng thông điệp, đến xác định kênh và đánh giá hiệu quả. Mô hình này thường được ứng dụng nhiều trong truyền thông chính trị, trong việc xây dựng thông điệp và chiến lược truyền thông chính trị nhằm đạt được sự ủng hộ của công chúng. Do đó, nó rất phù hợp với thông tin đối ngoại. Mỗi yếu tố trong mô hình truyền thông Lasswell đều đóng vai trò quan trọng của quá trình truyền thông đối ngoại. Cụ thể:

+ Ai (Who) - Người truyền tải

Trong trường hợp thông tin đối ngoại của Việt Nam, chủ thể truyền tải là các cơ quan truyền thông quốc gia như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV (chủ yếu ở VOV5). Các cơ quan này đóng vai trò là những đại diện chính thức của quốc gia, đảm bảo thông tin truyền đạt phản ánh các chính sách và lập trường chính thức của Việt Nam.

+ Nói gì (Says what) - Nội dung

Nội dung tin tức đối ngoại của các cơ quan này thường bao gồm các

thông tin về quan hệ ngoại giao, hợp tác quốc tế và các sáng kiến đa phương mà Việt Nam tham gia. Nội dung thường nhằm khẳng định vai trò của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế như ASEAN và Liên hợp quốc, cũng như nhấn mạnh các hoạt động hợp tác kinh tế và văn hóa.

+ Qua kênh nào (Through which channel) - Phương tiện truyền thông

Các kênh thông tin đối ngoại bao gồm phát thanh, truyền hình, báo in và các nền tảng kỹ thuật số. Đặc biệt, VOV5 và các trang web tiếng nước ngoài của báo *Nhân Dân* và TTXVN là những kênh chủ lực, nhằm đến việc tiếp cận công chúng quốc tế. Các phương tiện này còn bao gồm cả các trang mạng xã hội và các ứng dụng di động nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận với thính giả toàn cầu.

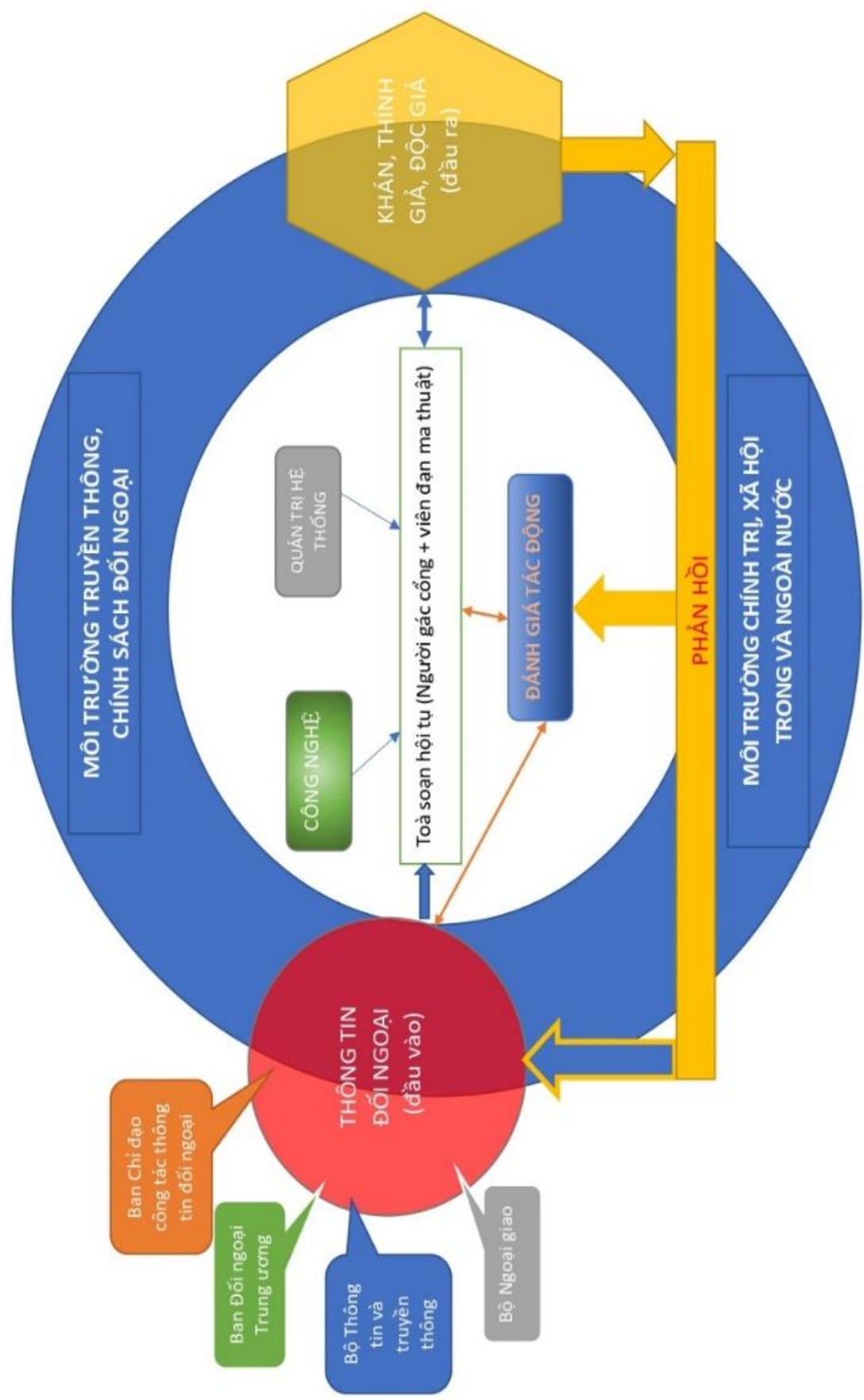
+ Đến với ai (To whom) - Đối tượng nhận tin

Các bài viết và chương trình phát thanh đối ngoại hướng tới công chúng quốc tế và người Việt Nam sống ở nước ngoài, nhằm xây dựng hình ảnh tích cực của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế. Đối tượng này có thể là các chính phủ, tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư và công chúng ở nhiều quốc gia khác nhau.

+ Ảnh hưởng như thế nào (With what effect) - Ảnh hưởng

Mục tiêu cuối cùng của hoạt động thông tin đối ngoại là nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của cộng đồng quốc tế về Việt Nam, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế và hỗ trợ các mục tiêu ngoại giao của đất nước. Thông qua việc nhấn mạnh vào hình ảnh một Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển, các cơ quan truyền thông đối ngoại của Việt Nam đã góp phần củng cố vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Từ các lý thuyết trên, nghiên cứu sinh mô hình hoá khung lý thuyết sẽ sử dụng trong luận án như sau:



Hình 1. Khung lý thuyết của luận án

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu tổng hợp tài liệu*: Được sử dụng với mục đích tìm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống lý thuyết về quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực, cách thức làm báo chí đối ngoại, xác định những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng làm báo đối ngoại ở nước ta đồng thời kế thừa những kết quả nghiên cứu sẵn có, làm cơ sở cho việc so sánh, đánh giá các kết quả khảo sát.

- *Phương pháp phân tích nội dung*: Phân tích thực trạng hoạt động, quản lý thông tin đối ngoại của các đơn vị trong sự so sánh, đối chiếu, phân tích.

- *Phương pháp quan sát tham dự*: Bản thân nghiên cứu sinh là nhà báo, là nhà quản lý của cơ quan báo chí, với những trải nghiệm và quan sát từ người trong cuộc nên có thêm các thông tin quan trọng trong nghiên cứu.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu (phương pháp định tính)*: Để tìm hiểu thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm: báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV, ngoài việc thu thập các thông tin, số liệu thứ cấp phản ánh thực trạng quản lý tại các cơ quan này, nghiên cứu sinh còn thực hiện một số phỏng vấn sâu trực tiếp lãnh đạo Ban *Nhân Dân* điện tử phụ trách tiếng Trung của báo *Nhân Dân*, lãnh đạo Ban *Nhân Dân* điện tử phụ trách Dự án “Going Home” của báo *Nhân Dân*, Phó Tổng Giám đốc TTXVN, lãnh đạo báo *Le Courrier du Vietnam* thuộc TTXVN, lãnh đạo báo *Việt Nam News* thuộc TTXVN, một lãnh đạo ban và một phóng viên thường trú của VOV... Các câu hỏi phỏng vấn sâu được thiết kế dựa trên ma trận SWOT, tập trung vào các nội dung gồm:

1. Tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại
2. Duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại
3. Triển khai thực hiện thông tin đối ngoại
4. Giám sát thực hiện thông tin đối ngoại
5. Phổ biến thông tin đối ngoại
6. Tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi
7. Kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại.

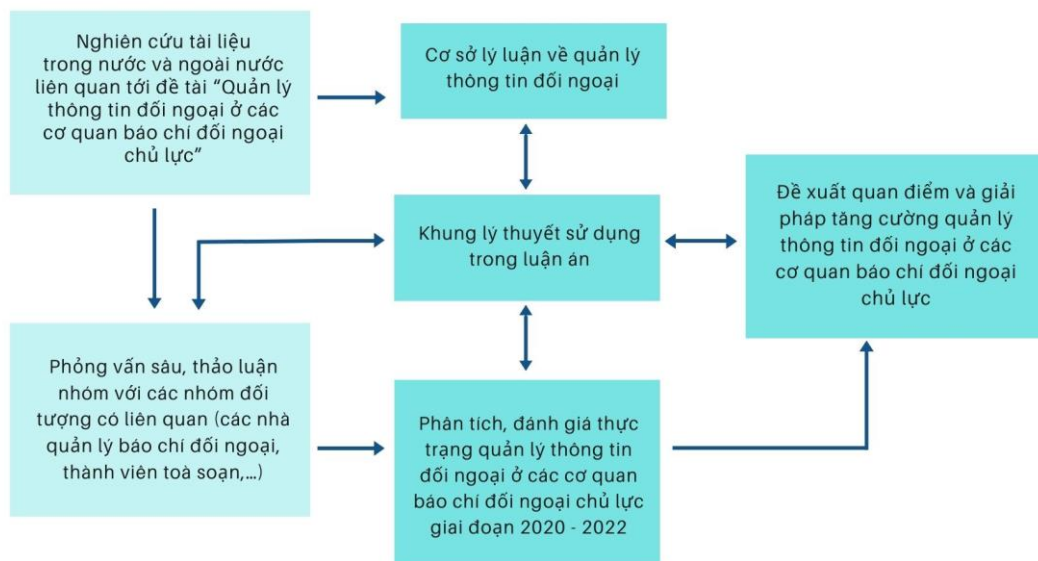
Bảng 1. Theo dõi hoạt động phỏng vấn sâu hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý đầu vào ở báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV

Đơn vị	Số lượng	Nội dung
Báo <i>Nhân Dân</i>	Lãnh đạo Ban <i>Nhân Dân</i> điện tử tiếng nước ngoài, phóng viên thường trú nước ngoài	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác.
TTXVN	Lãnh đạo TTXVN, đại diện báo <i>Le Courrier du Vietnam</i> , đại diện báo <i>Việt Nam News</i> , đại diện Ban biên tập tin Đối ngoại	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác.
VOV	Lãnh đạo Ban Đối ngoại, phóng viên thường trú nước ngoài	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác.

Nguồn: Nghiên cứu sinh xây dựng và thiết kế

- *Phương pháp chuyên gia, chuyên khảo, tham gia hội thảo khoa học*: Sử dụng để thu thập các thông tin, ý kiến đánh giá của các chuyên gia có kinh nghiệm về hoạt động báo chí đối ngoại thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm, trao đổi khoa học như Hội thảo khoa học trực tuyến "*Quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí*

truyền thông" do tạp chí *Người làm báo* (Hội Nhà báo Việt Nam) phối hợp với Khoa Quan hệ Quốc tế (Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) và Truyền hình Cable Hà Nội (HITV) tổ chức ngày 8/1/2022; Hội thảo khoa học quốc gia “*Kinh tế truyền thông: lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm*” do Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật tổ chức năm 2021; Hội thảo “*Ứng dụng công nghệ trong quản trị tòa soạn số*” do Hội Nhà báo Việt Nam phối hợp với Học Viện Công nghệ Bưu chính và Viễn thông tổ chức năm 2023; Hội thảo khoa học quốc tế “*Kinh tế báo chí truyền thông Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế số*” do Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội) kết hợp với Tạp chí *Thông tin và Truyền thông* tổ chức tháng 6/2024.



Hình 2. Khung phân tích của luận án

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

- Góp phần hệ thống hoá và phân tích, làm rõ những cơ sở lý luận liên quan về quản lý thông tin đối ngoại trên các báo chủ lực.

- Góp phần củng cố và nâng cao nhận thức, phương pháp tổ chức quản lý thông tin đối ngoại trong tổ hợp báo đa phương tiện

- Hệ thống hoá các văn bản, tài liệu của Đảng và Nhà nước liên quan đến hoạt động, quản lý báo chí đối ngoại.

- Cung cấp những dữ liệu và gợi ý mô hình quản lý thông tin đối ngoại cho các cơ quan quản lý, tòa soạn trong việc quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin đối ngoại trên các ấn phẩm báo đa phương tiện.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Những đề xuất, khuyến nghị trong việc quản lý thông tin đối ngoại ở báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV góp phần định hình quan điểm và thúc đẩy hoạt động thông tin đối ngoại ở 3 cơ quan này, cũng như các cơ quan báo chí chủ lực, đa phương tiện khác.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu các môn học của chuyên ngành quan hệ quốc tế và thông tin đối ngoại tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như ở các cơ sở đào tạo về quan hệ quốc tế, đào tạo cán bộ truyền thông báo chí đối ngoại; tài liệu tham khảo cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề thông tin đối ngoại.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục Tài liệu Tham khảo, luận án gồm có các chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực.

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực.

Chương 3. Thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022 (Khảo sát tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV).

Chương 4. Những vấn đề đặt ra và giải pháp quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn tới.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC

1.1. Các nghiên cứu liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí

1.1.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại

Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại thường đề cập đến rất nhiều các khía cạnh liên quan như: vấn đề thông tin báo chí hoặc truyền thông nói chung, thông tin đối ngoại nói riêng; vấn đề quản lý báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại nói riêng. Trong đó, mỗi công trình lại tiếp cận từ những góc độ khác nhau tạo nên bức tranh khá đa dạng, phong phú trong nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại. Trong đó, ở những nước có nền báo chí phát triển mạnh mẽ như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc, Pháp, Trung Quốc, Thụy Điển,... số lượng các công trình được công bố thường nhiều hơn. Trước hết, nhóm các công trình nghiên cứu về các lý thuyết quản lý, tiêu biểu như:

+ *Lý thuyết quản lý theo khoa học* của Frederick W. Taylor chỉ ra rằng tất cả các nhà quản lý đều phải thực hiện 5 chức năng là: kế hoạch - tổ chức - chỉ huy - phối hợp - kiểm soát. Đây là những nội dung quan trọng của hoạt động quản lý thông tin và truyền thông [115].

+ *Lý thuyết quản lý hành chính* của Henry Fayol đã tiếp cận vấn đề quản lý ở tầm rộng hơn và xem xét dưới góc độ tổ chức - hành chính. Theo Fayol, quản lý hành chính bao gồm dự đoán, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, phối hợp và giám sát. Khác với Taylor, người tập trung vào mối quan hệ đốc công - công nhân theo hướng từ dưới lên, nhấn mạnh kỹ thuật sản xuất, Fayol tiếp cận từ trên xuống, tập trung vào quản lý nhân viên trong tổ chức lớn. Song, cả hai đều đề cao phương pháp và nguyên tắc khoa học trong quản lý [121].

+ *Lý thuyết lãnh đạo dựa trên cơ sở hành vi*, theo nghiên cứu của R.M. Stogdill & A.E. Coons (1957), hành vi lãnh đạo phản ánh đặc điểm và kỹ năng cá nhân của người lãnh đạo. Lý thuyết này kế thừa từ lý thuyết tổ chức

lãnh đạo, nhưng nhấn mạnh vào hai yếu tố chính quyết định hiệu quả lãnh đạo là mức độ quan tâm đến công việc và con người trong tổ chức [142].

Về nhóm các công trình nghiên cứu các lý thuyết truyền thông, tiêu biểu như:

+ *Lý thuyết thông tin của Claude Elwood Shannon* cho rằng thông tin là nội dung chứa đựng trong một thông điệp truyền qua kênh và giá trị của thông tin phụ thuộc vào mức độ bất ngờ hoặc độ không chắc chắn của nó. Các thành phần chính trong mô hình của Shannon gồm:

i) Nguồn thông tin (nơi tạo ra thông tin cần được truyền đi, như một máy tính hay con người);

ii) Bộ mã hóa (chuyển thông tin từ nguồn thành tín hiệu để dễ truyền tải, ví dụ, chuyển đổi thành mã nhị phân);

iii) Kênh truyền (môi trường mà thông tin được truyền đi, có thể là dây cáp, sóng vô tuyến, hoặc kênh không dây);

iv) Bộ giải mã (nhận tín hiệu từ kênh và tái tạo lại thông tin gần với bản gốc nhất có thể); đích nhận (nơi cuối cùng nhận được thông tin, ví dụ, một máy tính khác hoặc con người) [110].

+ *Lý thuyết hội tụ truyền thông*, được phát triển vào những năm 70 của thế kỷ XX, khi tác giả Nicholas Negroponte đưa ra khái niệm hội tụ. Lý thuyết này đề cập đến sự tích hợp giữa truyền thông truyền thống và hiện đại, cho phép người làm truyền thông sử dụng đa phương tiện để truyền tải thông tin, đồng thời mang đến cho công chúng nhiều lựa chọn tiếp cận nội dung [140].

+ *Lý thuyết truyền thông và truyền thông đại chúng* nhấn mạnh khả năng ảnh hưởng của truyền thông trong việc thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của đối tượng. Lý thuyết này có thể được sử dụng để truyền tải nội dung phản bác các luận điệu sai trái từ các thế lực thù địch, đồng thời xây dựng báo chí đối ngoại thuyết phục công chúng qua lý trí và cảm xúc, hỗ trợ quản lý nội dung hiệu quả.

Lý thuyết người gác cổng được nhà xã hội học người Mỹ Kurt Lewin khởi xướng, ban đầu nghiên cứu vai trò lựa chọn thực phẩm của các bà nội trợ. Sau này, ông mở rộng khái niệm sang lĩnh vực truyền thông, cho rằng chỉ những thông tin phù hợp với chuẩn mực của người kiểm duyệt mới được truyền tải.

Đến năm 1950, Kurt Lewin áp dụng lý thuyết này vào báo chí, chỉ ra rằng quá trình đưa tin luôn bao gồm sự chọn lọc nghiêm ngặt, chỉ một phần nhỏ thông tin được lọt qua “cánh cổng” để đến với công chúng. Đối với thông tin đối ngoại, nhất là ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, “người gác cổng” thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận, chọn lọc, định hướng cho đối tượng tiếp nhận thông tin [134].

+ *Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự* của Maxwell McCombs và Donald L. Shaw (1972), nhấn mạnh khả năng của truyền thông, đặc biệt báo chí, trong việc định hình quan niệm về sự thật và sự kiện trong tâm trí công chúng. Các cơ quan báo chí đối ngoại, dựa trên tôn chỉ, mục đích và đối tượng, chọn lọc vấn đề và nội dung thông tin chính xác để cung cấp. Lý thuyết này hỗ trợ xây dựng thông điệp, lựa chọn kênh truyền tải, thời gian và tần suất để tối ưu hóa hiệu quả tác động đến công chúng [137].

+ *Lý thuyết viên đạn ma thuật* được công bố bởi Harold Lasswell, năm 1920, cho rằng truyền thông như “viên đạn ma thuật” có khả năng tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến nhận thức, thái độ, hành vi của công chúng. Theo đó, việc truyền tải thông tin chính xác, liên tục sẽ giúp công chúng hình thành “hệ miễn dịch” trước những thông tin sai lệch, tạo ra hiệu ứng thuyết phục và định hướng dư luận theo hướng tích cực. Đây là nhiệm vụ quan trọng trong việc thông tin đối ngoại, phản bác các quan điểm sai trái, bôi nhọ, xuyên tạc của các kênh truyền thông [120].

+ *Lý thuyết tiếp nhận* do Hall Stuart phát triển vào năm 1973, nhấn mạnh đến quá trình mã hóa và giải mã thông điệp trong truyền thông. Thay vì chỉ tập trung vào nội dung do người gửi tạo ra, lý thuyết này xem trọng vai trò chủ động của người tiếp nhận trong việc diễn giải thông tin, tùy theo trải nghiệm và bối cảnh cá nhân [118].

Mô hình truyền thông được Lasswell H.D. giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1948. Đây là một mô hình truyền thông tuyến tính cơ bản, được sử dụng để phân tích các yếu tố trong quá trình truyền thông và đánh giá hiệu quả của nó. Mô hình này được trình bày dưới dạng công thức nổi tiếng: "*Ai (who) - Nói gì (Says what) - Bằng phương tiện nào (In which channel) - Đến ai (To whom) - Với tác động gì (With what effect)*" [135].

Về nhóm các công trình nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại, có thể chia ra như sau:

Một là về quản lý tổ chức và quy trình trong báo chí. Nhóm nghiên cứu này tập trung vào cơ cấu nội bộ và vận hành của các cơ quan truyền thông, với sự tiếp nối từ mô hình truyền thống đến ứng dụng ở các nước đang phát triển. Herbert Lee Williams và Frank Warren Rucker (1955) trong *Tổ chức và quản trị tòa soạn* phân tích cơ cấu, chức năng tòa soạn cùng quy trình sản xuất báo chí, nhấn mạnh quản lý cơ bản để đảm bảo hiệu quả nội bộ [122]. Tiếp nối, John Prescott Thomas (2009) đã mở rộng sang hướng dẫn cụ thể về tổ chức, chiến lược, tài chính và nhân sự cho truyền hình, phát thanh ở các quốc gia chuyển đổi, bổ sung nghiên cứu tình huống thực tiễn. Điểm tương đồng là cả hai đều coi quản lý là nền tảng cho sản xuất thông tin chất lượng, nhưng khác biệt ở phạm vi Williams và Rucker tập trung báo in truyền thống, trong khi Thomas nhấn mạnh thích ứng toàn cầu, phản ánh sự phát triển từ mô hình địa phương sang quốc tế [127].

Hai là về ảnh hưởng xã hội của báo chí và nhu cầu thông tin. Các công trình nghiên cứu ở nhóm này khám phá mối quan hệ tương hỗ giữa báo chí và công chúng, với sự tiếp nối từ ảnh hưởng xã hội cơ bản đến nhu cầu thông tin trong xã hội hiện đại. George L. Bird và E. Merwin (1955) nhấn mạnh báo chí không chỉ ảnh hưởng mạnh đến công chúng mà còn tham gia các quá trình hoạt động xã hội, đồng thời nhu cầu thị hiếu thúc đẩy phát triển báo chí, nhưng cần tôn chỉ rõ ràng để định hướng [117]. Frank Webster (2006) trong *Các lý thuyết về xã hội thông tin* tiếp nối bằng cách phân tích khái niệm thông tin xã hội, cho rằng nhu cầu khai thác thông tin tăng nhanh do phát triển đời sống xã hội. Tương đồng ở việc coi báo chí là công cụ xã hội hóa, nhưng khác biệt ở góc nhìn: Bird và Merwin tập trung tương tác trực tiếp với công chúng, trong khi Webster nhấn mạnh bối cảnh thông tin hóa rộng lớn hơn, đánh dấu sự chuyển dịch từ ảnh hưởng cục bộ sang toàn cầu [113].

Ba là về khái niệm, hệ thống và vai trò của truyền thông quốc tế. Nhóm nghiên cứu này xây dựng khung khái niệm từ định nghĩa thông tin đến hệ thống truyền thông toàn cầu, với sự tiếp nối từ lý thuyết trừu tượng đến ứng dụng quốc tế. Philippe Breton và Serge Proulx (1996), trong *Bùng nổ truyền thông*, tiếp cận "thông tin" qua hai nghĩa: hành động tạo hình thái và truyền đạt ý tưởng, gắn kết kỹ thuật với kiến thức [59]. James Wilson và Stan Le Roy Wilson (1998), trong *Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng*, mở rộng thành hệ thống rộng lớn

bao gồm báo in, phát thanh, Internet, với truyền thông đối ngoại là phần quan trọng của hệ sinh thái quốc tế [123]. Claudia Mast (2004), trong *Truyền thông đại chúng - những kiến thức cơ bản*, bổ sung nền tảng về khái niệm, phương tiện, đạo đức và vai trò thị trường ở các nước phát triển [22]. Thussu D.K. (2000), trong *Truyền thông quốc tế: Sự liên tục và thay đổi*, đã tiếp nối bằng nguồn gốc, vai trò truyền thông quốc tế trong chính trị, kinh tế, văn hóa, nhấn mạnh thúc đẩy lợi ích cường quốc [143]. Tương đồng ở việc coi truyền thông là hệ thống đa dạng phục vụ lợi ích xã hội, nhưng khác biệt ở trọng tâm: Breton và Proulx trừu tượng hóa khái niệm, trong khi James Wilson, Stan Le Roy Wilson (1998) nhấn mạnh cấu trúc [123]. Thussu, D. K. (2000) theo hướng ứng dụng quốc tế, phản ánh sự phát triển từ lý thuyết sang thực tiễn [143].

Bốn là về quyền lực mềm, ngoại giao công chúng và truyền thông chính trị. Nhóm nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò chiến lược của truyền thông trong chính trị quốc tế, với sự tiếp nối từ quyền lực mềm đến tác động kỹ thuật số. Joseph S. Nye Jr. (2008), trong *Ngoại giao công chúng và quyền lực mềm*, cho rằng quyền lực mềm quan trọng trong kỷ nguyên thông tin, quảng bá hình ảnh quốc gia qua truyền thông đối ngoại một cách linh hoạt để nâng cao uy tín [130]. Arnaud Mercier (2020), trong *Truyền thông chính trị*, tiếp nối bằng khái niệm, vai trò ảnh hưởng đến đời sống chính trị kỹ thuật số, với tác động tích cực hoặc tiêu cực đến chính sách. Các tác giả có điểm tương đồng ở việc coi truyền thông là công cụ quyền lực và ngoại giao, nhưng khác biệt ở phạm vi: Nye tập trung quảng bá quốc gia toàn cầu, Mercier mở rộng sang bối cảnh số với rủi ro, đánh dấu sự tiến hóa từ lý thuyết quyền lực đến ứng dụng hiện đại [5].

Năm là về thách thức kỹ thuật số, hội tụ và mô hình quản lý trong bối cảnh toàn cầu. Các nghiên cứu này khám phá biến đổi kỹ thuật số và mô hình quản lý, với sự tiếp nối từ hội tụ Internet đến thách thức toàn cầu. Kevin L. McCrudden (1999), trong *Những mô hình hội tụ truyền thông*, phân tích nguyên lý hội tụ trên Internet, vai trò quan trọng trong thông tin đối ngoại [132]. William Hachten và James F. Scotton (2011), trong *Lăng kính tin tức thế giới*, tiếp nối bằng thách thức kỹ thuật số của báo chí quốc tế, ví hệ thống thông tin toàn cầu như lăng kính biến đổi, tăng phụ thuộc lẫn nhau qua Internet và tiếng Anh [147]. David Held (2013), trong *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*, bổ sung tổng quan nhà nước dân chủ và tư tưởng chính trị,

áp dụng một số mô hình vào quản lý báo chí đối ngoại. Tương đồng ở việc nhấn mạnh thích ứng kỹ thuật số để quản lý thông tin toàn cầu, nhưng khác biệt ở góc nhìn: McCrudden tập trung công nghệ hội tụ, Hachten và Scotton nhấn mạnh thách thức phân phối, David Held (2013) theo hướng chính trị dân chủ, phản ánh sự tích hợp từ công nghệ sang quản lý nhà nước [24].

Sáu là về vai trò đội ngũ quản lý trong báo chí đối ngoại. Jørgen Skrubbeltrang (2015), trong *Vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý báo chí đối ngoại*, nhấn mạnh thẩm định nội dung đa văn hóa để quyết định xuất bản, phù hợp chuẩn mực địa phương [129].

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại

Đối với các vấn đề liên quan đến lý thuyết quản lý thông tin đối ngoại như: lý thuyết truyền thông, lý thuyết quản lý, lý thuyết ngoại giao quốc tế, các nghiên cứu trong nước thường khảo cứu, phân tích, so sánh và đánh giá các lý thuyết của các học giả nước ngoài mà không có lý thuyết riêng. Các nghiên cứu trong nước thường đề cập đến một số vấn đề cụ thể về lý luận của quản lý thông tin đối ngoại. Tiêu biểu là những công trình như:

Nguyễn Phùng Hồng (1999), trong *Báo chí Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự*, đã trình bày vai trò, chức năng và đặc điểm của báo chí Cách mạng Việt Nam trong công cuộc bảo vệ an ninh, trật tự [36]. Hồng Vinh (2006), nhấn mạnh vai trò tích cực của thông tin đối ngoại trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam [99]. Hoàng Đình Cúc và Đức Dũng (2007), đề cập nhiều khía cạnh báo chí hiện đại, đặc biệt nhấn mạnh báo chí cần đặt dưới sự lãnh đạo của đảng và sự quản lý của nhà nước để phát triển lành mạnh và giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc [23]. Tạ Ngọc Tấn (chủ biên) (2007), khẳng định báo chí là sản phẩm của kiến trúc thượng tầng, đồng thời là công cụ tuyên truyền và diễn đàn xã hội, dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh và nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin [71]. Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), tổng quan về truyền thông quốc tế, trong đó coi thông tin đối ngoại là nội dung trọng tâm, nhấn mạnh yêu cầu chuyên môn và đánh giá hiệu quả trong hoạt động này [14]. Đoàn Thế Hanh (2013), phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của quản lý nhà nước với báo chí, chỉ rõ báo chí là công cụ của Đảng và Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời là diễn đàn của

nhân dân. Tác giả đề xuất các nguyên tắc và cơ sở pháp lý cần thiết để báo chí phát huy vai trò một cách sáng tạo và hiệu quả [32]. Nguyễn Thị Thương Huyền (2018), trong *Quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, đã hệ thống hóa, phân tích và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về báo chí đối ngoại và quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại gồm các khái niệm: sản phẩm báo chí, tác phẩm báo chí, thông tin đối ngoại, truyền thông quốc tế, sản phẩm báo chí đối ngoại; quy trình sản xuất sản phẩm báo chí và quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí; đặc điểm, vai trò của báo chí đối ngoại; quy trình và những đặc trưng của quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam [41]. Nguyễn Minh Thắng (2019) phân tích cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử, bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc và các yếu tố tác động [73]. Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Đồng Anh (2021), làm rõ khái niệm, đặc điểm và hệ thống sản phẩm báo chí đối ngoại, truyền thông quốc tế [54]. Bùi Thị Vân (2021), tập trung vào lý luận và phương thức quản lý báo chí đối ngoại trong hệ thống quản lý nhà nước về báo chí [98]. Đỗ Thị Hùng Thúy (2022), nghiên cứu vai trò và cấu trúc của hoạt động thông tin đối ngoại thông qua việc tổ chức các sự kiện, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của hình thức này trong truyền thông đối ngoại hiện nay [89]. Tạp chí *Người làm báo* (2022), trong *Kỷ yếu Diễn đàn thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số*, đề cập đến vai trò của báo chí, truyền thông trong thông tin đối ngoại và yêu cầu thay đổi từ duy quản lý thông tin đối ngoại trong thời kỳ kỹ thuật số [68].

1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

1.2.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến thực tiễn quản lý báo chí nói chung trong đó có quản lý thông tin đối ngoại ở các báo chí đối ngoại chủ lực khá phong phú với những nhóm công trình tiêu biểu như:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu về ngoại giao công chúng và báo chí đối ngoại tập trung vào mối liên hệ giữa truyền thông, văn hóa và chính sách đối ngoại. Các công trình của Hans N. Tuch và Marvin Kalb (1990) [119] và John Merrill (1995) [126] đều cho rằng báo chí quốc tế là công cụ phục vụ trực tiếp

cho ngoại giao và thương mại của các quốc gia, đặc biệt là các cường quốc. Nếu như Tuch & Kalb nhấn mạnh sự gắn kết giữa báo chí - công nghệ - ngoại giao trong việc thực thi chính sách đối ngoại, thì Merrill chỉ ra xu hướng tập trung truyền thông quốc tế vào tay các tập đoàn lớn, qua đó thể hiện sự bất cân xứng trong quyền lực thông tin toàn cầu. Nhóm nghiên cứu này đặt nền tảng cho việc nhìn nhận thông tin đối ngoại như một công cụ chiến lược, thay vì chỉ là hoạt động báo chí thuần túy.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu về truyền thông kỹ thuật số, mạng xã hội và chính trị chỉ ra sự thay đổi trong quản lý thông tin đối ngoại dưới tác động của công nghệ số. Chris Toulouse và Timothy W. Luke (1998) đã sớm dự báo vai trò của không gian mạng trong tiến trình chính trị, nhấn mạnh đến tiềm năng của dân chủ điện tử nhưng cũng cảnh báo nguy cơ bất bình đẳng tiếp cận thông tin [108]. Nghiên cứu của Janies Gomez (2004) tiếp nối hướng này khi cho rằng việc sử dụng Internet cho truyền thông chính trị ở châu Á chịu sự chi phối mạnh mẽ của cấu trúc pháp lý và văn hóa chính trị từng quốc gia [124]. Philip Behnke (2010) và Melanie Ciolek (2010) tiếp tục mở rộng phân tích bằng cách xem xét vai trò thực tiễn của mạng xã hội trong chính trị và ngoại giao công chúng, với ví dụ điển hình từ Facebook của Đại sứ quán Mỹ tại Indonesia [60]. Như vậy, điểm chung của nhóm nghiên cứu này là đều khẳng định mạng xã hội trở thành công cụ quản lý thông tin đối ngoại không thể bỏ qua; tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở cách tiếp cận: một số tác giả thiên về khía cạnh lý luận chính trị (dân chủ điện tử, cấu trúc chính trị), trong khi số khác tập trung vào các trường hợp thực tiễn.

Thứ ba, nhóm nghiên cứu về mô hình tổ chức và quản lý thông tấn quốc tế tập trung vào những thay đổi của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở các nước lớn. Nổi bật là nghiên cứu của Junhao Hong (2011) về *Tân Hoa xã*, cho thấy sự chuyển đổi từ “công cụ tuyên truyền nội địa” sang một “hãng thông tấn đa năng toàn cầu”, gắn liền với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Điểm đáng chú ý ở đây là sự vận dụng mô hình “hỗn hợp”, vừa duy trì định hướng chính trị, vừa mở rộng các dịch vụ thông tin quốc tế. Kết quả nghiên cứu này bổ sung cho cách tiếp cận của nhóm nghiên cứu ngoại giao công chúng ở trên, khi nhấn mạnh rằng quản lý thông tin đối ngoại không chỉ nằm ở chiến lược quốc gia mà còn thể hiện qua sự vận hành và tái cấu trúc của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực [131]. Ngoài ra, một số nghiên cứu như Sun, W. (2015); Hu và cộng sự (2017) chỉ ra

kinh nghiệm quản lý thông tin của các cơ quan báo chí lớn như Tân Hoa Xã, Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc và Nhân dân Nhật báo. Nội dung nghiên cứu tập trung vào hệ thống chỉ đạo thống nhất từ trung ương, cơ chế biên tập nhiều tầng, kiểm soát chặt chẽ thông tin đối ngoại, đặc biệt trong các tình huống khủng hoảng. Một số công trình nhấn mạnh việc Trung Quốc chú trọng kết hợp quản lý hành chính với quản lý bằng công nghệ, dữ liệu lớn và nền tảng số nhằm nâng cao khả năng định hướng dư luận quốc tế và phản bác thông tin sai lệch.

Thứ tư, nhóm nghiên cứu về mạng lưới chính trị - truyền thông và quyền lực mềm nhấn mạnh đến yếu tố kết nối và dòng chảy thông tin trong xã hội. Các công trình của Michael T. Heaney và Scott D. McClurg phân tích mạng xã hội như một lý thuyết đa phương pháp, coi dòng chảy thông tin, sự hợp tác và niềm tin là yếu tố quyết định hiệu quả truyền thông. Nhóm nghiên cứu này có điểm chung với Nye (2008) về quyền lực mềm khi coi thông tin không chỉ đơn thuần là dữ liệu, mà là tài nguyên chiến lược giúp hình thành uy tín quốc gia [138].

Thứ năm, nhóm nghiên cứu về truyền thông chính trị trong bối cảnh toàn cầu biến động nhấn mạnh tính phức hợp và đôi khi “lưỡng diện” của quản lý thông tin đối ngoại. Arnaud Mercier (2020) là một trong những tác giả tiêu biểu, phân tích các trường hợp như chiến lược truyền thông của Tổng thống Mỹ Donald Trump, hay vai trò mạng xã hội trong “Mùa Xuân Ả Rập”, từ đó cho thấy báo chí đối ngoại và thông tin chính trị không thể tách rời trong môi trường số [5].

Các nghiên cứu ngoài nước có quan điểm chung, thống nhất về quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí là sự giao thoa giữa ba yếu tố: chính trị - công nghệ - công chúng. Sự khác biệt của các nghiên cứu nằm ở cách tiếp cận: nghiên cứu nhấn mạnh đến vai trò chiến lược của nhà nước và tập đoàn truyền thông; nghiên cứu đi sâu vào ảnh hưởng của công nghệ số và mạng xã hội, nghiên cứu phân tích sự chuyển đổi cơ cấu tổ chức của cơ quan báo chí, nghiên cứu đặt trọng tâm vào quyền lực mềm và tính chính trị. Các công trình này tạo nền tảng quan trọng để so sánh, đối chiếu và từ đó phát triển nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam, đặc biệt giai đoạn 2020-2022 với sự bùng nổ truyền thông số và ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch COVID-19 cũng như sự phát triển với tốc độ cao của công nghệ số trong đời sống xã hội cũng như hoạt động báo chí, trong đó có báo chí đối ngoại.

1.2.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

Với sự phát triển trên thực tế của hoạt động báo chí nói chung và thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực nói riêng, các nghiên cứu trong nước liên quan đến thực tiễn quản lý báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại nói riêng khá đa dạng với những góc độ tiếp cận khác nhau. Tiêu biểu là các công trình sau:

Lê Doãn Hợp (2007), chỉ ra những bất cập trong quản lý báo chí như văn bản pháp luật chưa theo kịp thực tiễn, xử lý vi phạm chưa nghiêm, đội ngũ quản lý yếu kém, đồng thời đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này [35]. Cuốn sách *Tăng cường lãnh đạo, quản lý nhà nước tạo điều kiện để báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ, vững chắc* (2007), do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo toàn diện của đảng đối với báo chí cách mạng và chỉ rõ một số biểu hiện lệch hướng như xa rời tôn chỉ, tư nhân hóa báo chí, thiếu nhạy bén chính trị và thông tin thiếu chính xác. Vũ Thanh Sơn (2008), phân tích thực trạng quản lý báo chí trong bối cảnh hội nhập, cho rằng pháp luật còn chậm sửa đổi, cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu và công tác thanh tra, kiểm tra chưa hiệu quả [67].

Đề tài cấp Bộ *Chỉ đạo, quản lý báo chí trong tình hình hiện nay* (2008), do Vụ Báo chí - Xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, khẳng định vai trò lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước trong phát triển báo chí, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nâng cao hiệu quả chỉ đạo, định hướng để đáp ứng nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội [101]. Phạm Gia Khiêm (2010), đánh giá hiệu quả công tác thông tin đối ngoại sau Đại hội X, nhấn mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo cấp cao, các cấp, ngành và báo chí trong việc triển khai nhiệm vụ tuyên truyền đối ngoại [42]. Trương Xuân Phúc (2014), trong *Quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam với một số kết quả và hạn chế như: Việt Nam đã ban hành nhiều quy định về trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong bảo đảm an toàn thông tin trên Internet nói chung và truyền

thông xã hội nói riêng, giúp các cơ quan quản lý từng bước tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin trên các phương tiện truyền thông xã hội. Đồng thời, việc quản lý cũng góp phần định hướng cho người dân trong việc tiếp cận, chia sẻ thông tin trên môi trường số. Tác giả nêu rõ những khó khăn trong quản lý nhà nước về an ninh báo chí: công tác phòng ngừa, ngăn chặn còn hạn chế; hệ thống pháp luật về an ninh mạng chưa chặt chẽ; quản lý an ninh mạng, đặc biệt trên truyền thông xã hội, chưa hiệu quả; ý thức bảo vệ bí mật nhà nước và riêng tư trên Internet còn thấp; hệ thống mạng thông tin thiếu chuẩn thống nhất, nhiều nơi chưa được thẩm định an ninh; thiết bị mạng lõi của nhiều cơ quan có lỗ hổng bảo mật, dễ bị giám sát từ xa; đầu tư cho an toàn thông tin chưa đủ; nhân lực an ninh mạng thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng, chính sách đãi ngộ chưa khuyến khích được đội ngũ chuyên gia [60].

Bùi Thị Vân (2021), trong *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, đã khảo sát hoạt động của báo chí và báo chí đối ngoại giai đoạn năm 2016-2019. Tác giả đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại, chỉ rõ những kết quả đạt được như: việc quy hoạch báo chí đối ngoại đã đạt được kết quả tích cực; việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại được thực hiện tương đối hiệu quả, rõ nhất là qua kết quả thực hiện đề xuất, kiến nghị, xây dựng văn bản liên quan đến quản lý nhà nước đối với báo chí đối ngoại; cách thức tổ chức thông tin và quản lý tổ chức thông tin của báo chí đối ngoại đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản về chủ trương, đường lối của đảng, chính sách của nhà nước đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài, cộng đồng quốc tế, góp phần quan trọng vào việc quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam; quản lý nhà báo tác nghiệp ở nước ngoài được thực hiện chặt chẽ, không có hiện tượng vi phạm pháp luật. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra một số bất cập như: chính sách về báo chí đối ngoại ban hành chậm, đời sống cán bộ còn khó khăn, cơ sở vật chất thiếu thốn, đào tạo chưa đồng bộ, khen thưởng chưa được chú trọng nên chưa tạo động lực rõ rệt cho đội ngũ làm báo và quản lý [98].

Tạp chí *Người làm báo* (2022), trong *Kỷ yếu Diễn đàn thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số*, đề cập đến thực trạng mô hình quản lý thông tin đối ngoại tại

VOV5, với những hiệu quả cũng như hạn chế và nguyên nhân của hạn chế từ mô hình quản lý đó; thực trạng mô hình quản lý thông tin đối ngoại tại tờ *Báo Quốc tế* (hay Tạp chí *Quan hệ quốc tế*); một số vấn đề liên quan đến quản lý về mặt thông tin đối ngoại của Vụ Thông tin Đối ngoại và Hợp tác Quốc tế, Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương); Cục Thông tin Đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), cũng như Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương trước đây [68].

1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

1.3.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

Các nghiên cứu ngoài nước chỉ đề cập đến các giải pháp nâng cao quản lý báo chí nói chung mà ít có nghiên cứu đề cập trực tiếp đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại. Các công trình tiêu biểu như:

Cuốn sách *Những vấn đề cơ bản của đạo đức nghề nghiệp nhà báo* (2003), của tác giả G.V. Ladutina, tuy không bàn trực tiếp về quản lý nhà nước báo chí, nhưng nhấn mạnh trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của nhà báo, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng bởi lợi ích kinh tế và cơ chế hoạt động [116]. Line Ross (2004), trong *Nghệ thuật thông tin*, trình bày kỹ năng cơ bản của nhà báo, từ thu thập, xử lý đến viết và biên tập tin, đồng thời đề cập vai trò ngày càng phổ biến của thông cáo báo chí [46]. V. V. Vôrôsilốp (2004), trong *Nghệ vụ báo chí: Lý luận và thực tiễn*, tổng hợp kinh nghiệm báo chí toàn cầu, từ kỹ thuật, tổ chức tòa soạn đến chuẩn mực đạo đức, dù nội dung chủ yếu gắn với Nga nhưng vẫn hữu ích cho báo chí và cơ quan quản lý ở Việt Nam trong bối cảnh mới [103]. Junhao Hong (2011), trong *Từ cỗ máy tuyên truyền lớn nhất thế giới đến một cơ quan thông tấn toàn cầu đa năng: Các yếu tố và ý nghĩa trong sự chuyển đổi của Tân Hoa Xã kể từ năm 1978*, cho rằng, Tân Hoa Xã, với mô hình và phương thức hoạt động cũng như sự thay đổi lớn về tư duy truyền thông trong giai đoạn 1978-2008, đòi hỏi các cơ quan báo chí truyền thông cần có các giải pháp tích cực đổi mới, không chỉ giữ vai trò là cơ quan ngôn luận của chính quyền, mà cần hướng đến cung cấp thông tin cho công chúng trong nước và trên thế giới, đồng thời phải có lợi nhuận như một tập

đoàn thương mại [131]. U.S Fed News Service (2005), trong *Trung Quốc tiếp tục thắt chặt quản lý tin tức và thông tin mạng xã hội*, đề cập đến việc Trung Quốc quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin đại chúng bằng Luật Internet ban hành năm 2005. Có các cách chặn những thông tin xấu, gồm:

- (1) Kiểm soát bằng đặt từ khóa để chặn;
- (2) Chặn các trang web từ bên ngoài vào có nội dung tiêu cực đối với Trung Quốc;
- (3) Những thông tin nhạy cảm trước khi đăng phải được sự đồng ý của cơ quan cấp trên, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền [144].

1.3.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

Tương tự các nghiên cứu ngoài nước, các công trình nghiên cứu trong nước rất ít nghiên cứu đề cập đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực mà chỉ chủ yếu đề cập đến giải pháp nâng cao quản lý nhà nước về báo chí nói chung. Các công trình tiêu biểu như:

Lê Doãn Hợp (2007), nhấn mạnh vai trò then chốt của cơ quan quản lý nhà nước trong việc nâng cao hiệu quả công tác báo chí, trong đó có báo chí đối ngoại. Tác giả đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm như: thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm theo kịp sự phát triển nhanh chóng của báo chí; làm rõ trách nhiệm và vai trò của cơ quan chủ quản báo chí trong định hướng nội dung và bảo đảm tuân thủ pháp luật; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý báo chí, nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành hiệu quả trong bối cảnh mới [35].

Tiếp nối hướng tiếp cận đó, Vũ Thanh Sơn (2008), trong *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về báo chí ở nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế*, đã đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về báo chí trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. *Trước hết* là cần rà soát toàn diện hệ thống pháp luật hiện hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp thực tiễn. *Thứ hai*, cần xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản lý báo chí, nhất là trong môi trường truyền thông đa nền tảng. *Thứ ba*, cần xác lập một chiến lược phát

triển báo chí với lộ trình rõ ràng, bảo đảm gắn kết giữa quy hoạch báo chí quốc gia và mục tiêu thông tin đối ngoại. *Cuối cùng*, việc tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế về báo chí cần được đẩy mạnh để học hỏi kinh nghiệm quản lý và mở rộng ảnh hưởng của thông tin đối ngoại Việt Nam ra thế giới [67].

Đào Việt Trung (2008), trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Ban Bí thư về công tác thông tin đối ngoại, đã chỉ rõ một số hạn chế trong hoạt động phối hợp giữa các cơ quan và địa phương. Từ đó, tác giả đề xuất việc hoàn thiện cơ chế điều phối giữa các thành viên Ban Chỉ đạo Công tác Thông tin Đối ngoại, xây dựng chiến lược thông tin đối ngoại quốc gia thống nhất và hiệu quả. Điều này nhằm bảo đảm sự đồng bộ về nội dung truyền thông đối ngoại giữa trung ương và địa phương, nâng cao tính chủ động trong việc định hướng thông tin ra thế giới, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và hội nhập quốc tế [92].

Phạm Gia Khiêm (2010), bổ sung thêm một khía cạnh quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, đó là tăng cường công tác nghiên cứu và dự báo tình hình quốc tế nhằm chủ động xây dựng nội dung thông tin phù hợp với từng giai đoạn, đối tượng và mục tiêu tuyên truyền. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh cần tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại ở các cấp, nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng xử lý thông tin một cách hiệu quả, góp phần bảo vệ hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế [42].

Nguyễn Thế Kỷ (chủ biên) (2012), trong *Công tác chỉ đạo quản lý nhà nước báo chí trong 25 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới*, gồm 3 chương, trong đó chương 3 tập trung phân tích, luận giải và đề xuất 5 nhiệm vụ, 6 giải pháp tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước báo chí ở Việt Nam. Trong đó, công trình nhấn mạnh các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, cơ quan chủ quản và các cơ quan báo chí cần bám sát những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư tưởng nói chung, của báo chí nói riêng; tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới; phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội; kế thừa và phát huy các giá trị quý báu của tinh hoa văn hóa nước nhà; tiếp nhận, phát huy tinh hoa văn hóa nhân loại [44].

Hoàng Anh (2012), trong *Tăng cường quản lý nhà nước về pháp luật đối với báo chí*, cho rằng cần chú trọng hoàn thiện khung pháp lý toàn diện cho lĩnh vực báo chí đối ngoại và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chuyên trách [1].

Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), trong *Tổng quan truyền thông quốc tế - Dành cho người làm công tác thông tin đối ngoại*, đã đề xuất một số phương hướng, nhiệm vụ, khuyến nghị những chủ trương, cách tiếp cận, phương pháp triển khai mới trong hoạt động đối ngoại trong đó tác giả cho rằng giải pháp quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, vai trò của quốc gia trên trường quốc tế, lực lượng báo chí, truyền thông và các phương tiện truyền thông đại chúng có vai trò quan trọng [13].

Lê Hải (2013), tập trung vào việc phát triển mô hình tập đoàn truyền thông như một giải pháp chiến lược để hiện đại hóa nền báo chí Việt Nam. Tác giả đề xuất Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm tổ chức và quản trị của các tập đoàn truyền thông lớn trên thế giới như Bertelsmann AG (Đức) hay *Bắc Kinh Nhật báo* (Trung Quốc). Việc xây dựng mô hình truyền thông theo hướng tập đoàn không chỉ đòi hỏi nền tảng tài chính và pháp lý vững chắc mà còn cần xác lập các nguyên tắc hoạt động minh bạch, chuyên nghiệp, đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu thông tin đối ngoại và tính cạnh tranh trong môi trường báo chí hiện đại [33].

Trương Xuân Phúc (2014), trong *Quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, đã đề xuất một số những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí nhằm bảo đảm an ninh quốc gia trong đó nhấn mạnh một số nội dung gồm: xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về báo chí; vận dụng triệt để Luật An ninh mạng để đấu tranh, xử lý các vụ việc vi phạm; nâng cao nhận thức, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ quản lý báo chí và xuất bản; phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông chính thống trong định hướng, dẫn dắt truyền thông xã hội đi đúng hướng, tăng cường thực hiện các giải pháp về rào kỹ thuật để ngăn thông tin tiêu cực [60].

Nguyễn Bắc Sơn (2014), nhấn mạnh sự cần thiết của việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về báo chí, đặc biệt là trong lĩnh vực báo chí điện tử. Tác giả cho rằng, quản lý báo chí đối ngoại hiệu

quả đòi hỏi phải có chiến lược phát triển báo chí dài hạn, gắn với quy hoạch hệ thống báo chí quốc gia. Cần tăng cường vai trò chỉ đạo của cơ quan chủ quản và nâng cao chất lượng hoạt động giao ban báo chí, coi đây là kênh quan trọng để định hướng nội dung thông tin đối ngoại phù hợp với bối cảnh mới [65].

Doãn Thị Thuận (2014), phân tích tác động mạnh mẽ của báo chí điện tử và mạng xã hội, đồng thời cảnh báo những thách thức mới trong công tác quản lý. Bà cho rằng, quản lý nhà nước cần tận dụng tối đa lợi thế công nghệ, đồng thời kiểm soát nội dung, ngăn ngừa thông tin xấu độc. Việc nâng cao nhận thức, kỹ năng sử dụng công nghệ và quy định rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể truyền thông là giải pháp quan trọng nhằm định hướng thông tin đối ngoại đúng đắn trong môi trường số [88].

Nguyễn Công Dũng (2015), trong *Báo điện tử ở Việt Nam định hướng và giải pháp*, giới thiệu một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với báo điện tử ở Việt Nam cũng như một số kinh nghiệm quản lý nhà nước về báo điện tử ở một số nước tiên tiến trên thế giới, từ đó tác giả đề xuất định hướng giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với báo điện tử ở Việt Nam trong đó nhấn mạnh vai trò và sự lãnh đạo của đảng đối với quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng [26].

Tại Hội thảo khoa học *Nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước báo chí điện tử trước yêu cầu mới* (2015), do Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức tại Hà Nội, các đại biểu đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với báo chí điện tử. Trong đó nổi bật là yêu cầu đổi mới hệ thống pháp luật liên quan đến báo chí số, tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ phục vụ công tác giám sát, xử lý thông tin và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trước yêu cầu quản trị báo chí trong kỷ nguyên số.

Cuốn sách chuyên khảo *Truyền thông quốc tế: Lý luận và thực tiễn* của nhóm tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam, Phạm Thái Việt và Lý Thị Hải Yến (2016), đề cập đến các vấn đề lý luận chung của truyền thông quốc tế (sự gia tăng ảnh hưởng của truyền thông quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; các lý thuyết truyền thông quốc tế; vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); thực tiễn truyền thông của một số quốc gia trên thế giới

(Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hoa Kỳ) và thực tiễn cũng như định hướng phát triển truyền thông quốc tế tại Việt Nam [50].

Bùi Thị Vân (2021), trong *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, đã đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý báo chí đối ngoại theo hai nhóm: dài hạn và ngắn hạn. Về dài hạn, tác giả nhấn mạnh việc hoàn thiện cơ sở pháp lý chuyên biệt cho lĩnh vực báo chí đối ngoại, tăng cường đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực. Về ngắn hạn, cần sớm tổ chức lại bộ máy quản lý từ trung ương đến địa phương theo hướng chuyên trách, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan và ưu tiên đầu tư thiết bị công nghệ số phục vụ công tác quản lý. Đồng thời, cần nâng cao hiệu lực thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm và chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý báo chí đối ngoại có trình độ chuyên môn vững vàng và bản lĩnh chính trị cao, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia trong thông tin đối ngoại [98].

Tạp chí *Người làm báo* (2022), *Kỷ yếu diễn đàn thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số*, đề cập đến nhiều giải pháp nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại gồm: Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về truyền thông, báo chí; phân biệt rõ thông tin đối nội và thông tin đối ngoại. Không nên quan niệm thông tin đối ngoại là thông tin đối nội được chuyển ngữ là thành thông tin đối ngoại; đào tạo và sử dụng một đội ngũ làm truyền thông đối ngoại vững vàng về quan điểm, sắc sảo về nghiệp vụ truyền thông, có kiến thức sâu rộng về quốc tế, nhạy cảm về thời cuộc, thông thạo về ngoại ngữ báo chí truyền thông; xây dựng kênh thông tin riêng về đối ngoại; áp dụng những kỹ thuật tiên tiến nhất về truyền thông, là mới hình thức và nội dung của các thể loại báo chí. Đồng thời, các ý kiến tại diễn đàn cũng nêu một số giải pháp đối với quản lý thông tin đối ngoại như tăng cường năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền về thông tin đối ngoại; coi trọng nghiên cứu, dự báo tình hình, các tình huống và các vấn đề có thể xảy ra để có phương án chủ động tuyên truyền; hình thành cơ chế chặt chẽ và chính sách hiệu quả để cung cấp thông tin liên quan cần thiết cho các cơ quan báo chí; hỗ trợ, bảo đảm kinh phí cho công tác tuyên truyền; khen thưởng kịp thời những cơ quan báo chí, tổ chức và cá nhân làm tốt công tác này; tăng

cường sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các ban, bộ, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí để bảo đảm công tác thông tin đối ngoại được triển khai thống nhất [68].

1.4 . Đánh giá tình hình nghiên cứu

1.4.1. Những vấn đề đã được thống nhất và luận án có thể kế thừa

Có thể kế thừa ba nhóm vấn đề lớn về lý luận từ các công trình nghiên cứu đi trước như sau:

Thứ nhất, nhóm các công trình tổng quan trên đã tập trung nghiên cứu ở những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và một số nội dung lý luận của quản lý thông tin đối ngoại nói riêng. Trong đó, các công trình làm rõ nhiều khái niệm trọng tâm mà nghiên cứu sinh cần nắm vững như: bản chất và vai trò của thông tin - truyền thông trong đời sống hiện đại; khái niệm, đặc điểm và mục tiêu của thông tin đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa; các nguyên tắc và chức năng cơ bản của quản lý nhà nước về báo chí; cơ sở pháp lý của nền báo chí hiện đại gắn với quyền con người, quyền tiếp cận thông tin và quyền tự do biểu đạt. Đồng thời, nhiều công trình còn làm sáng tỏ mối quan hệ giữa báo chí với hệ thống chính trị, đạo đức xã hội, kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cũng như đặt báo chí trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự điều chỉnh của pháp luật quốc tế về truyền thông. Qua đó, các tác giả đã hình thành hệ thống cơ sở lý luận tương đối vững chắc, giúp nghiên cứu sinh có nền tảng để xây dựng mô hình quản lý nhà nước phù hợp đối với thông tin đối ngoại trên báo chí hiện nay.

Thứ hai, hầu hết, các công trình nghiên cứu nêu trên đều khẳng định rằng báo chí nói chung, thông tin đối ngoại nói riêng có vai trò, vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Báo chí không chỉ là công cụ truyền thông mà còn là phương tiện phản ánh và định hướng tư tưởng, góp phần quan trọng trong việc hình thành dư luận xã hội, nâng cao nhận thức và củng cố niềm tin chính trị. Báo chí còn là kênh chính thức truyền tải tiếng nói của đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và là phương tiện thúc đẩy quan hệ giữa thượng tầng kiến trúc với hạ tầng cơ sở, giữa chính sách với thực tiễn. Thông tin đối ngoại trong hệ thống báo chí vì thế không chỉ phục vụ nhiệm vụ truyền thông đối nội mà còn có vai trò chiến lược trong quảng bá hình ảnh quốc gia, đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trên trường quốc tế.

Thứ ba, các tác giả đã khái quát nguồn gốc và lịch sử ra đời của báo chí thế giới và báo chí cách mạng Việt Nam, đưa ra một số quan điểm, nhận thức, khái niệm về báo chí, thông tin điện tử, trang điện tử, tạp chí điện tử, báo điện tử; khái niệm về quản lý nhà nước nói chung và báo chí nói riêng; vị trí, chức năng, vai trò, đặc điểm, nội dung của báo chí. Nhiều tác giả đã đưa ra các phân tích so sánh khái niệm giữa các loại hình truyền thông mới như báo điện tử, tạp chí điện tử, cổng thông tin điện tử... Đồng thời, các nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí cũng được tiếp cận dưới nhiều góc độ như chức năng, vai trò, nguyên tắc quản lý; đặc điểm hoạt động của cơ quan báo chí trong hệ thống chính trị; tính tất yếu khách quan của việc kiểm soát, định hướng nội dung thông tin trên không gian số. Các công trình cũng khẳng định, hoạt động quản lý báo chí - truyền thông, đặc biệt là báo chí đối ngoại, cần được đặt trong tổng thể chiến lược tư tưởng của đảng, xem đây là công cụ sắc bén trên mặt trận tư tưởng, lý luận và là một bộ phận hữu cơ trong công tác đối ngoại, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng và lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh thông tin ngày càng gay gắt.

Về thực tiễn. có các nhóm vấn đề lớn từ các công trình nghiên cứu đi trước như sau:

Thứ nhất, một số nghiên cứu khẳng định, hoạt động thông tin đối ngoại ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng; hình thức truyền tải đa dạng, nội dung phong phú; số lượng phạm vi phát hành tăng, đội ngũ phóng viên đông đảo. Vì vậy, quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trong thời gian qua còn gặp nhiều vấn đề khó khăn, bất cập; Luật Báo chí, các văn bản quy phạm pháp luật còn chậm, chưa theo kịp, chưa sát với tình hình phát triển của thực tiễn của hoạt động thông tin đối ngoại hiện nay.

Thứ hai, xét về phương diện quản lý thông tin đối ngoại, nhiều công trình nghiên cứu đã ghi nhận những kết quả tích cực mà hệ thống quản lý nhà nước đã đạt được trong thời gian qua. Cụ thể, một số công trình đã chỉ ra sự chủ động trong việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thông tin đối ngoại. Qua đó, tạo hành lang pháp lý ngày càng rõ ràng, phù hợp với bối cảnh truyền thông hiện đại và yêu cầu hội nhập quốc tế. Ngoài ra, công tác chỉ đạo báo chí cũng được chú trọng hơn, với việc định hướng nội dung tuyên truyền gắn liền với các mục tiêu lớn trong chiến

lược phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và củng cố hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng đã tăng cường hoạt động cung cấp thông tin chính thống phục vụ công tác đối ngoại, chủ động điều phối nội dung thông tin báo chí để định hướng dư luận trong nước và ngoài nước. Các biểu hiện sai lệch, vi phạm quy định trong hoạt động thông tin đối ngoại cũng từng bước được phát hiện, xử lý kịp thời, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và kỷ cương trong hệ thống truyền thông báo chí.

Về giải pháp, một số công trình nghiên cứu nêu trên đã đưa ra một số kiến nghị, đề xuất, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung trong đó có hoạt động quản lý thông tin đối ngoại nói riêng, đặc biệt là các giải pháp tăng cường nâng cao năng lực quản lý nhà nước về báo chí.

Nhìn chung, các ấn phẩm, công trình nghiên cứu, bài báo đã công bố đều nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại, một kênh thông tin quan trọng nhằm phổ biến các đường lối, chủ trương, chính sách và những thành tựu của Đảng và Nhà nước đến kiều bào Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, cũng như đấu tranh bác bỏ những thông tin sai trái, thiếu khách quan về tình hình đất nước. Các ấn phẩm cũng cho thấy những nghiên cứu bước đầu về đối tượng và chủ thể thực hiện thông tin đối ngoại trên báo chí, quy trình tác nghiệp, định hướng đào tạo... Một số công trình nghiên cứu khoa học đã khái quát hoạt động báo chí và thông tin đối ngoại như khái niệm, các tổ chức chuyên trách, các hoạt động chủ yếu, thành tựu và kinh nghiệm bước đầu. Đây là những tư liệu quý, góp phần làm rõ thực trạng về công tác thông tin đối ngoại trong lĩnh vực báo chí ở phạm vi hẹp.

Ngoài ra, nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích rõ sự phát triển đáng kể của 4 loại hình báo chí chủ đạo hiện nay, gồm: báo in, phát thanh, truyền hình và báo điện tử. Mỗi loại hình đều thể hiện những thế mạnh và đặc trưng riêng, góp phần quan trọng vào việc thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền đối ngoại. Trong đó, báo in vẫn giữ vai trò là kênh thông tin truyền thống với tính chuẩn mực cao, thích hợp cho việc cung cấp các nội dung phân tích sâu sắc, thông tin chính luận, lý luận và các vấn đề mang tính chiến lược lâu dài.

Phát thanh phát huy thế mạnh trong việc truyền tải thông tin đến những khu vực xa xôi, vùng sâu, vùng xa và nhóm đối tượng đặc thù thông qua ngôn ngữ nói, không phụ thuộc vào điều kiện hạ tầng công nghệ cao.

Truyền hình, theo đánh giá của nhiều học giả, vẫn giữ được vị thế nổi bật trong hoạt động tuyên truyền đối ngoại nhờ khả năng kết hợp hiệu quả giữa hình ảnh trực quan và âm thanh sống động. Điều này tạo nên sự hấp dẫn thị giác, giúp truyền tải thông tin một cách sinh động, dễ tiếp cận và dễ tạo ấn tượng mạnh mẽ với người xem. Nhờ khả năng mô tả trực tiếp, ghi hình sự kiện, phỏng vấn nhân vật thực tế, truyền hình mang đến cảm giác xác thực và thuyết phục cao, qua đó góp phần nâng cao mức độ tin cậy và hiệu quả truyền thông quốc tế.

Báo điện tử và các nền tảng truyền thông số hiện đại lại có ưu thế vượt trội về tốc độ truyền tải thông tin, khả năng cập nhật liên tục, tương tác hai chiều với công chúng và phạm vi lan tỏa toàn cầu thông qua internet. Đây là công cụ ngày càng được sử dụng rộng rãi trong bối cảnh công nghệ phát triển như hiện nay, khi thông tin cần được xử lý nhanh chóng và linh hoạt để đáp ứng yêu cầu đa dạng của công chúng.

Từ đó có thể thấy, việc kết hợp, khai thác thế mạnh của từng loại hình báo chí trong một chiến lược truyền thông đối ngoại tổng thể là yêu cầu thiết yếu nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới.

1.4.2. Những vấn đề còn có ý kiến khác biệt

Về lý luận, có những vấn đề nổi bật như sau:

Thứ nhất, về khái niệm, có nhiều cách tiếp cận về thông tin đối ngoại giữa các công trình trên thế giới và ở Việt Nam. Trên thế giới, thuật ngữ thông tin đối ngoại chưa được xác lập theo một chuẩn mực thống nhất, mà thường được diễn giải thông qua các thuật ngữ tương đương hoặc gần nghĩa như: “ngoại giao công chúng” (public diplomacy), “truyền thông quốc tế” (international communication), hay “tuyên truyền đối ngoại” (external propaganda). Những khái niệm này thường được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể và được thể hiện thông qua các chính sách đối ngoại, hoạt động truyền thông quốc gia, hoặc các chiến dịch quảng bá hình ảnh của nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân ra bên ngoài. Việc tiếp cận khái niệm mang tính bao trùm và được thể hiện thông qua các hành động cụ thể như hoạt động ngoại giao chính thức, giao lưu văn hóa, quảng bá quốc gia, vận động chính sách đối ngoại hoặc xử lý khủng hoảng truyền thông quốc tế.

Ở Việt Nam, khái niệm thông tin đối ngoại được đề cập trong nhiều nghiên cứu, song tiếp cận từ nhiều góc độ: báo chí, truyền thông đối ngoại, quan hệ quốc tế, công tác tư tưởng. Sự khác biệt về cách hiểu này không chỉ phản ánh sự đa dạng trong tư duy lý luận mà còn cho thấy nhu cầu cấp thiết cần xây dựng một hệ thống khái niệm chặt chẽ, thống nhất và phù hợp với bối cảnh phát triển truyền thông hiện đại và hội nhập quốc tế hiện nay. Đặc biệt, trong điều kiện công nghệ số phát triển mạnh mẽ, khái niệm thông tin đối ngoại cần được làm rõ để có thể định hướng đúng chức năng, nhiệm vụ, phương pháp và đối tượng thực hiện trong khuôn khổ quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

Thứ hai, khái niệm, vai trò quản lý thông tin đối ngoại cũng như nguyên tắc quản lý thông tin đối ngoại cũng chưa có sự thống nhất. Nguyên nhân do quan điểm của các học giả còn khác nhau, cách tiếp cận khác nhau và còn có những khác biệt do thể chế chính trị khác với Việt Nam.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án xác định phương thức, các nhân tố tác động ảnh hưởng khác nhau về lịch sử, thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Phương thức quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và quản lý công tác thông tin đối ngoại nói riêng ở một số quốc gia họ quản lý báo chí thông qua các hiệp hội, nghiệp đoàn, tổ chức đoàn thể, không thông qua hệ thống chính trị.

Về thực tiễn, do nhiều công trình nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau hoặc cùng nghiên cứu ở một quốc gia nhưng thời điểm nghiên cứu khác nhau nên bức tranh thực tiễn quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại nói riêng khá đa dạng, phong phú. Các kết quả có những nhận xét, đánh giá rất khác nhau, cũng như về các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại nói riêng.

Về giải pháp, các tác giả đưa ra một số kiến nghị, đề xuất, giải pháp tăng cường nâng cao quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại nói riêng còn nhiều vấn đề khác nhau về quan điểm, về mặt nhận thức thông tin đối ngoại (mặt trái và những tác động của báo chí điện tử, mạng xã hội, truyền hình... với công chúng; việc ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý còn có ý kiến khác nhau chưa thống nhất); các giải pháp (hoàn

thiện hệ thống pháp luật về báo chí và quản lý thông tin đối ngoại, bộ máy quản lý nhà nước, đội ngũ quản lý nhà nước, năng lực chuyên môn, tư tưởng chính trị người làm báo còn nhiều ý kiến và những quan điểm khác biệt...).

Đồng thời, các công trình nghiên cứu, bài báo chưa tập trung nghiên cứu đặc điểm và yêu cầu quản lý thông tin đối ngoại trong cơ quan báo chí chủ lực mang tính tổ hợp đa phương tiện (trên các báo in, điện tử, truyền hình) và có vị thế đặc biệt trong hệ thống báo chí chính trị nước ta, như báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV.

1.4.3. Những vấn đề chưa được triển khai nghiên cứu

Do hướng tiếp cận, mục tiêu, yêu cầu nghiên cứu khác nhau nên số lượng công trình nghiên cứu về quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại còn chưa nhiều. Về mặt khoa học liên quan đến đề tài luận án, một số nội dung chưa được triển khai nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện. Cụ thể như sau:

Về cơ sở lý luận, do phạm vi, đối tượng, phương pháp tiếp cận khác nhau, nên các công trình này chưa xây dựng được cơ sở lý luận sâu sắc, toàn diện, cụ thể về quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Trong đó, các công trình nghiên cứu chưa có khái niệm về quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực; chưa làm rõ được đặc điểm, đặc thù, vai trò và giá trị của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực; chưa phân tích, luận giải một cách sâu sắc, thấu đáo về nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong giai đoạn 2020-2022 và thời gian tiếp theo.

Về thực tiễn, các nghiên cứu hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc phản ánh, nêu thực trạng trong hoạt động quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung mà chưa nghiên cứu đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực để tổng hợp, luận giải, một cách sâu sắc toàn diện về nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực; chưa có nghiên cứu nào đi sâu và phân tích những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của các văn bản quy phạm pháp luật, pháp luật liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong thời gian qua; mô hình bộ máy quản lý nhà nước, hoạt động của đội ngũ cán bộ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ

lực đáp ứng được với yêu cầu của thực tiễn không, nhu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực như thế nào để đáp ứng được quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Đó là những câu hỏi mà nghiên cứu sinh cần nghiên cứu làm rõ và thấu đáo. Thậm chí, ngay trong một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV, cũng chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến quản lý thông tin đối ngoại của đơn vị, nhất là trong bối cảnh hội nhập và bùng nổ công nghệ thông tin, mạng xã hội như hiện nay...

Về giải pháp, các công trình nghiên cứu hiện có mới chỉ đưa ra các giải pháp để tăng cường quản lý nhà nước đối với báo chí nói chung mà chưa có giải pháp để tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Hơn nữa, các giải pháp còn chưa cụ thể, chưa sát với bối cảnh quốc tế và trong nước đã có nhiều thay đổi, nhất là khi thực hiện sắp xếp lại các tỉnh, thành phố và cơ quan báo chí trung ương cũng như địa phương từ đầu năm 2025 trở đi.

Qua khảo sát các công trình khoa học trong nước và ngoài nước, nghiên cứu sinh nhận thấy, chưa có luận án nào có tên đề tài trùng với tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Nghiên cứu “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” là công trình đầu tiên thực hiện với đối tượng nghiên cứu là quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn 2020-2022 tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, gồm báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV.

Tiểu kết Chương 1

Trên thế giới và Việt Nam có nhiều nghiên cứu xung quanh vấn đề thông tin đối ngoại và quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực. Những nghiên cứu này đã có một số nội dung thống nhất, song cũng còn những nội dung còn các ý kiến khác nhau, chưa được thống nhất và có những khoảng trống trong nghiên cứu.

Những công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo, bài báo khoa học, báo cáo chuyên đề và tham luận tại các hội thảo đã được đề cập ở phần trên là nguồn tài liệu có giá trị tham khảo cao, đóng vai trò nền tảng về mặt lý luận và thực tiễn cho quá trình triển khai nghiên cứu đề tài. Đây là những đóng góp quan trọng trong việc làm rõ các khía cạnh liên quan đến hoạt động báo chí đối ngoại, từ nội dung, phương pháp tiếp cận, cơ chế quản lý đến các giải pháp tăng cường hiệu quả truyền thông ra thế giới.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đó, đề tài hướng tới việc làm sâu sắc hơn vai trò của báo chí đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đồng thời, qua đó góp phần cụ thể hóa việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước theo định hướng: độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng; mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng hóa các đối tác chiến lược và toàn diện.

Ngoài ra, các nghiên cứu nói trên còn cung cấp thêm cho đề tài một số cơ sở để đề xuất những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực báo chí đối ngoại, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số. Qua việc cải thiện chất lượng thông tin đối ngoại, báo chí có thể phát huy tốt hơn vai trò là cầu nối thông tin giữa Việt Nam với cộng đồng quốc tế, đóng góp vào việc xây dựng hình ảnh đất nước thân thiện, ổn định, có trách nhiệm và đang phát triển năng động.

Hiện chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022. Vấn đề đặt ra là thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022 ra sao và làm thế nào để việc

quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam thiết thực, hiệu quả, nâng cao vai trò và vị thế của báo chí đối ngoại, đáp ứng yêu cầu của đất nước trong tình hình mới. Đó là những nội dung mà luận án sẽ làm rõ ở những chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm thông tin đối ngoại

Thông tin: Thông tin là khái niệm cơ bản, có tính liên ngành, được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy theo lĩnh vực nghiên cứu. Đại từ điển tiếng Việt định nghĩa: “thông tin”: I). Động từ: Truyền tin, đưa tin báo cho nhau biết. II). Danh từ: Tin tức được truyền đi cho biết [104].

Theo các tác giả Philippe Breton, Serge Proulx (1996), thuật ngữ “thông tin” có thể hiểu theo hai hướng nghĩa: thứ nhất, thông tin là nói về một hành động cụ thể để tạo ra một hình dạng; thứ hai, thông tin là nói về sự truyền đạt một ý tưởng, một khái niệm hay một biểu tượng. Ngoài ra, có quan điểm cho rằng, thông tin cũng được hiểu “là những dữ liệu dưới hình thức khác nhau như: các số liệu, hình ảnh, sự kiện... đã được xử lý dưới dạng dữ liệu thích hợp có ý nghĩa nhất định nhằm phục vụ cho người xử lý nó”[59].

Trong phạm vi luận án này, dưới góc độ báo chí học, “*thông tin*” được hiểu là *sản phẩm của hoạt động thu thập, xử lý và truyền đạt các dữ kiện về những sự kiện, hiện tượng, vấn đề có ý nghĩa xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức và định hướng dư luận của công chúng*. Thông tin báo chí không chỉ là dữ liệu thô, mà là dữ liệu đã được chọn lọc, xác minh, diễn giải và trình bày theo chuẩn mực nghề nghiệp để đạt được tính chính xác, kịp thời, khách quan và công chúng có thể hiểu được.

Thông tin đối ngoại: Thuật ngữ “thông tin đối ngoại” hiện có nhiều cách xác định nội hàm khác nhau do tiếp cận từ các góc độ khác nhau.

Tiếp cận từ khía cạnh một loại hình thông tin, hay thông báo về các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong cuộc sống, tác giả Phạm Minh Sơn đưa ra quan niệm: “*Thông tin đối ngoại là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng và đối ngoại của đảng, nhà nước và nhân dân ta nhằm làm cho thế giới hiểu rõ đường lối, chính sách của đảng, nhà nước, những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Việt Nam, đất nước, con người, lịch sử, văn hóa, những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam; đấu tranh chống lại*

những luận điệu xuyên tạc, chống phá Việt Nam; làm cho nhân dân ta hiểu rõ về thế giới; đồng thời tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, sự đồng thuận và đóng góp của đồng bào ta ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [66].

Dưới góc độ quản lý nhà nước, thông tin đối ngoại là một lĩnh vực hoạt động đặc thù trong công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước, bao gồm việc tổ chức, định hướng và truyền tải có chủ đích các thông tin chính thống về Việt Nam ra cộng đồng quốc tế, cũng như tiếp nhận và xử lý thông tin từ thế giới vào trong nước.

Xét về nội dung, thông tin đối ngoại bao gồm: thông tin quảng bá hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa dân tộc Việt Nam; thông tin về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; thông tin về thành tựu phát triển kinh tế, xã hội; thông tin thời sự quốc tế [78].

Về chức năng, thông tin đối ngoại là công cụ chiến lược nhằm định hình nhận thức của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam, góp phần tạo dựng môi trường thuận lợi cho hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Đồng thời, thông tin đối ngoại cũng có vai trò quan trọng trong việc đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc về Việt Nam, qua đó củng cố sự đồng thuận của người Việt Nam ở nước ngoài và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [102].

Về tính chất “đối ngoại” của thông tin đối ngoại được thể hiện rõ qua nhiều khía cạnh đặc thù. Trước hết, đó là tính hướng ngoại, khi đối tượng chính mà thông tin hướng tới là khán giả ngoài lãnh thổ quốc gia, đặc biệt là cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, thông tin đối ngoại mang tính chính trị, ngoại giao sâu sắc, bởi nó gắn chặt với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, đồng thời thúc đẩy mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Hơn nữa, thông tin đối ngoại còn thể hiện rõ tính chiến lược và định hướng, khi không chỉ dừng lại ở chức năng truyền thông - tuyên truyền thông thường mà còn phục vụ mục tiêu lâu dài là xây dựng hình ảnh, củng cố uy tín và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Đặc biệt, thông tin đối ngoại có tính song

hành hai chiều: một mặt, truyền tải hình ảnh, thông tin và quan điểm chính thống của Việt Nam đến với thế giới; mặt khác, tiếp nhận, phân tích và phản hồi những thông tin từ bên ngoài, qua đó phục vụ cho quá trình hoạch định chính sách và định hướng dư luận trong nước.

Trong phạm vi luận án này, do tiếp cận dưới góc độ quản lý của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở Việt Nam, nên *thông tin đối ngoại được hiểu là thông tin về chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; thông tin về tình hình Việt Nam trên các lĩnh vực; thông tin về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam; thông tin về tình hình thế giới trên các lĩnh vực; thông tin về quan hệ giữa Việt Nam với các nước và các thông tin khác nhằm thúc đẩy quan hệ chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh giữa Việt Nam với các nước; thông tin phục vụ phát triển kinh tế đất nước, thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam*. Thông tin đối ngoại không chỉ là sự truyền thông tin ra bên ngoài, mà còn là hoạt động mang tính tổng hợp, có tính tương tác hai chiều, vừa truyền tin vừa tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi.

Nội dung của thông tin đối ngoại bao gồm 4 nội dung cơ bản sau đây:

- *Truyền tải chủ trương, chính sách và thành tựu quốc gia*: Hoạt động này tập trung vào việc phổ biến các đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, các quy định pháp luật và chính sách, pháp luật của nhà nước, cùng với những thành tựu nổi bật đạt được trong quá trình đổi mới và phát triển đất nước. Bên cạnh đó, thông tin đối ngoại còn bao gồm việc cập nhật tình hình quốc tế, các mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các quốc gia và tổ chức trên thế giới, đồng thời đảm bảo việc chuyển tải thông tin quốc tế chính xác, kịp thời đến người dân trong nước. Nhiệm vụ này nhằm nâng cao nhận thức của công chúng về vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế.

- *Quảng bá hình ảnh quốc gia và tiềm năng hợp tác*: Thông qua việc truyền tải các giá trị văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, cũng như những thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, công nghệ, thông tin đối ngoại góp phần xây dựng hình ảnh Việt Nam năng động, hiện đại và giàu bản sắc. Đồng thời, các tiềm năng hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và phát triển bền vững của Việt Nam cũng được nhấn mạnh nhằm thu hút sự quan tâm và hợp tác từ các đối tác quốc tế.

- *Phản bác thông tin sai lệch và bảo vệ lợi ích quốc gia*: Hoạt động này bao gồm việc cung cấp thông tin chính xác, minh bạch để làm rõ các vấn đề bị bóp méo, đồng thời bảo vệ uy tín và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Những nỗ lực này nhằm củng cố lòng tin của cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- *Tăng cường cung cấp thông tin quốc tế cho người dân trong nước*: Giúp người dân Việt Nam hiểu rõ hơn về các sự kiện, xu hướng và diễn biến trên thế giới, từ đó nâng cao nhận thức và khả năng hội nhập quốc tế [50].

2.1.2. Khái niệm cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Thuật ngữ cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực hiện chưa được định nghĩa cụ thể trong một văn bản pháp luật riêng biệt. Tuy nhiên, các thuật ngữ bên trong như: báo chí và cơ quan báo chí thì đã được định nghĩa rõ ràng. Cụ thể:

Báo chí là thuật ngữ đã được định nghĩa rõ nội hàm trong Luật Báo chí năm 2016, theo đó: "*Báo chí là sản phẩm thông tin về các sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội thể hiện bằng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được sáng tạo, xuất bản định kỳ và phát hành, truyền dẫn tới đông đảo công chúng thông qua các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử*" [62].

Tương tự, cơ quan báo chí cũng được định nghĩa rõ: "*Là cơ quan ngôn luận của các cơ quan, tổ chức thực hiện một hoặc một số loại hình báo chí, có một hoặc một số sản phẩm báo chí theo quy định của Luật Báo chí*" [62].

Thuật ngữ "chủ lực" được giải thích theo từ điển tiếng Việt là lực lượng chính, nòng cốt, có tác dụng quyết định.

Thuật ngữ cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực hiện chưa được định nghĩa, song theo Quyết định số 2434/QĐ-TTg ngày 13/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực quốc gia được xác định là TTXVN với các sản phẩm truyền thông chủ lực gồm: Báo in, tạp chí in, báo điện tử; cơ quan hỗ trợ là các cơ quan báo chí khác ở trung ương, địa phương và nước ngoài, trong đó, các bài viết, chuyên mục trên các báo và tạp chí của các cơ quan báo chí này phục vụ từng đối tượng, địa bàn cụ thể [83].

Cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là những cơ quan báo chí được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống thông tin đối ngoại quốc gia. Các cơ quan này trực tiếp sản xuất, biên tập và truyền tải thông tin ra nước ngoài hoặc tới các nhóm công chúng quốc tế, nhằm tuyên truyền

đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Về vị trí và vai trò, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giữ vai trò trung tâm, dẫn dắt và định hướng trong hoạt động thông tin đối ngoại. Đây là những kênh truyền thông chính thức, có độ tin cậy cao, có khả năng tạo ảnh hưởng lớn đối với dư luận quốc tế và góp phần định hình nhận thức của cộng đồng quốc tế về Việt Nam trong các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Xét về chức năng, cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực vừa thực hiện chức năng báo chí, vừa đảm nhiệm chức năng chính trị – đối ngoại. Hoạt động của các cơ quan này không chỉ tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp báo chí mà còn gắn chặt với yêu cầu bảo đảm định hướng đối ngoại, an ninh thông tin và lợi ích quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa truyền thông.

Về phạm vi và đối tượng tác động, thông tin do các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực sản xuất chủ yếu hướng tới công chúng nước ngoài, người nước ngoài tại Việt Nam, cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài. Nội dung thông tin mang tính đối ngoại rõ nét, được tổ chức và truyền tải bằng nhiều ngôn ngữ, đa dạng về loại hình và nền tảng, nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp cận và tiếp nhận thông tin của công chúng quốc tế.

Về mối quan hệ quản lý, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước về báo chí và thông tin đối ngoại. Đồng thời, các cơ quan này phải chủ động tổ chức hoạt động quản lý nội bộ nhằm bảo đảm sự thống nhất về nội dung, tính chính xác, kịp thời và hiệu quả của thông tin đối ngoại trong từng giai đoạn cụ thể.

Theo Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 3/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025*, để xây dựng một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, đa phương tiện làm nòng cốt, có vai trò định hướng dư luận xã hội, thông tin đối ngoại, có 6 cơ quan truyền thông đa phương tiện được xác định là cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm: báo *Nhân Dân*, TTXVN, VTV, VOV, báo *Quân đội Nhân dân*, báo *Công an Nhân dân* [85].

Trong hệ thống các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nêu trên, nghiên cứu lựa chọn Báo Nhân Dân, TTXVN và VOV làm đối tượng nghiên cứu vì

đây là các cơ quan giữ vai trò nòng cốt, đại diện cho ba loại hình báo chí chủ yếu và có chức năng thông tin đối ngoại rõ nét, thường xuyên. Ba cơ quan này có hệ thống sản phẩm đa ngữ, đa nền tảng và phạm vi tiếp cận rộng, cho phép phản ánh tương đối toàn diện thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí chủ lực. Đồng thời, so với một số cơ quan khác, các cơ quan được lựa chọn có tính phổ quát cao, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu mang tính tổng quát của đề tài.

Như vậy, có thể hiểu cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là cơ quan báo chí làm nòng cốt, có vai trò định hướng dư luận xã hội, thông tin đối ngoại; là những cơ quan báo chí được nhà nước giao nhiệm vụ chính thức, thường xuyên thực hiện công tác thông tin đối ngoại; có năng lực sản xuất và phát hành các sản phẩm truyền thông hướng tới khán giả quốc tế hoặc người Việt Nam ở nước ngoài; có hạ tầng, đội ngũ nhân lực, ngôn ngữ và mạng lưới truyền thông phù hợp để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới, đồng thời phản bác kịp thời các thông tin sai lệch, xuyên tạc về Việt Nam.

2.1.3. Khái niệm quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Quản lý là một khái niệm cơ bản, phổ quát trong các ngành khoa học xã hội và quản trị, được hiểu là quá trình tổ chức, điều hành, phối hợp và kiểm soát các nguồn lực về con người, tài chính, thông tin, vật chất... nhằm đạt được những mục tiêu nhất định một cách hiệu quả. Trong bối cảnh quản lý nhà nước, quản lý là công cụ để các cơ quan có thẩm quyền thực thi pháp luật, triển khai chính sách và định hướng các hoạt động xã hội nhằm phục vụ lợi ích quốc gia, bảo vệ chủ quyền và thúc đẩy phát triển bền vững trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Quản lý không chỉ tập trung vào việc ban hành quy định mà còn đảm bảo sự phối hợp nhịp giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân để đạt được sự thống nhất và hiệu quả trong thực tiễn.

Từ góc độ quản lý nêu trên, quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại có phạm vi nội hàm rộng lớn, bao gồm sự tác động có hệ thống của các chủ thể mang quyền lực nhà nước, chủ yếu thông qua các văn bản pháp luật, quy định và cơ chế giám sát, đến các đối tượng quản lý là thông tin đối ngoại. Mục tiêu chính là thực hiện các chức năng của nhà nước, hiện thực hóa những mục tiêu

đã xác định trong lĩnh vực này, như quảng bá hình ảnh quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia trên trường quốc tế và đấu tranh chống thông tin sai lệch. Theo quy định pháp lý tại Việt Nam, thông tin đối ngoại được hiểu là hoạt động cung cấp thông tin có định hướng, bao gồm thông tin chính thức về chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật, tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam; thông tin quảng bá hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa; thông tin về tình hình thế giới phục vụ hội nhập quốc tế; cũng như các tài liệu giải thích, làm rõ thông tin sai lệch về Việt Nam. Quản lý hoạt động này không chỉ tập trung vào nội dung mà còn bao gồm việc xây dựng chiến lược, kế hoạch, phối hợp giữa các bộ ngành, bảo mật thông tin và xử lý vi phạm, nhằm đảm bảo thông tin được lan tỏa một cách chính xác, kịp thời và phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước, có lợi cho đất nước.

Tuy nhiên, nếu xét trên phương diện quản lý hoạt động sản xuất sản phẩm báo chí, quản lý thông tin báo chí chỉ bao gồm quản lý các nội dung được sản xuất, theo những tiêu chí định sẵn, như tính chính trị, định hướng tuyên truyền, tính chính xác, thời sự, kịp thời, nhạy bén; bảo đảm nhiệm vụ tuyên truyền luôn luôn đúng định hướng, tôn chỉ, mục đích; tôn trọng sự thật khách quan, chính xác về nội dung, thông điệp truyền tải.

Do đó, dưới góc độ báo chí học, có thể hiểu quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là sự tác động của các chủ thể quản lý ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong quá trình tiếp nhận thông tin đối ngoại đầu vào, sản xuất, giám sát, phổ biến, tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện thông tin nhằm truyền tải thông tin trong nước đến với bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng như thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam đảm bảo đúng vai trò của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là chỉ đạo, định hướng và chi phối thông tin, là các kênh thông tin chính thống, chủ yếu trên các loại hình báo chí, thể hiện quan điểm, tiếng nói chỉ đạo của đảng, nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Như vậy, khái niệm quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực không đồng nhất với khái niệm quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại. Có thể phân biệt hai khái niệm này như sau:

Tiêu chí	Quản lý thông tin đối ngoại tại cơ quan báo chí	Quản lý Nhà nước về thông tin đối ngoại
Chủ thể quản lý	Ban Biên tập, Tổng biên tập, Trưởng các phòng/ban chuyên môn.	Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền
Đối tượng quản lý	Quy trình sản xuất tin bài, phóng viên, dữ liệu độc giả, bản sắc thương hiệu tòa soạn.	Toàn bộ hệ thống các cơ quan báo chí, nhà báo, hành vi truyền thông trên phạm vi quốc gia.
Mục đích chính	Tối ưu hóa quy trình, đảm bảo chất lượng nội dung, giữ uy tín tòa soạn và phục vụ độc giả.	Đảm bảo báo chí hoạt động đúng pháp luật, định hướng dư luận, bảo vệ lợi ích quốc gia và quyền tự do báo chí.
Công cụ quản lý	Quy trình biên tập, quy chế nội bộ	Luật Báo chí, văn bản quy phạm pháp luật, giấy phép hoạt động, thẻ nhà báo, thanh tra/xử phạt.
Phạm vi tác động	Nội bộ từng cơ quan báo chí	Toàn bộ các loại hình báo chí (in, nói, nhìn, điện tử) trong cả nước.

Nhìn chung, hai khái niệm nêu trên có quan hệ chặt chẽ nhưng không đồng nhất. Quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại đóng vai trò định hướng, điều phối và tạo khuôn khổ pháp lý, trong khi quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại là khâu thực thi trực tiếp trong hoạt động báo chí. Hiệu quả thông tin đối ngoại quốc gia phụ thuộc vào sự phối hợp đồng bộ giữa quản lý nhà nước và quản lý nội bộ của các cơ quan báo chí.

Nói tóm lại, có thể hiểu, *quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là quá trình tổ chức, điều hành và kiểm soát một cách có hệ thống toàn bộ hoạt động sản xuất, biên tập, xuất bản và phân phối*

thông tin đối ngoại trong phạm vi các cơ quan báo chí giữ vai trò nòng cốt của quốc gia, nhằm bảo đảm sự thống nhất về định hướng chính trị – đối ngoại, tính chính xác, kịp thời, hiệu quả truyền thông và an ninh thông tin; qua đó góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.2. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.2.1. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với đời sống kinh tế - xã hội

Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống xã hội mỗi quốc gia, tác động nhiều chiều, sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Đó là do hoạt động thông tin đối ngoại thực hiện hai chiều thông tin.

Một là, thông tin về tình hình trong nước ra nước ngoài. Hoạt động này tập trung vào việc giới thiệu và quảng bá các thông tin liên quan đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và các thành tựu phát triển của Việt Nam đến công chúng quốc tế. Nội dung thông tin được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt, tùy thuộc vào các yếu tố như sau:

- Đặc điểm địa bàn: Mỗi khu vực hoặc quốc gia có đặc thù văn hóa, chính trị và xã hội riêng, đòi hỏi các nội dung thông tin được thiết kế phù hợp để tạo sự đồng cảm và thu hút sự quan tâm của đối tượng tiếp nhận.

- Giai đoạn phát triển của quốc gia: Tùy thuộc vào từng thời kỳ, các ưu tiên trong thông tin có thể thay đổi. Ví dụ như tập trung vào các thành tựu đổi mới, các chính sách hội nhập kinh tế, hoặc các sáng kiến phát triển bền vững.

- Đối tượng tiếp nhận: Các nhóm đối tượng khác nhau, như chính phủ, tổ chức quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, hoặc công chúng quốc tế, yêu cầu cách tiếp cận và nội dung thông tin riêng biệt.

- Yêu cầu cụ thể tại từng thời điểm: Các nhiệm vụ trọng tâm được xác định dựa trên tình hình thực tiễn, chẳng hạn như quảng bá một sự kiện quốc tế lớn tổ chức tại Việt Nam hoặc giải thích một chính sách đối ngoại quan trọng.

Việc lựa chọn và trình bày thông tin phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời và hấp dẫn, nhằm xây dựng hình ảnh Việt Nam năng động, hiện đại và giàu bản sắc, đồng thời củng cố lòng tin và sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế..

Hai là, thông tin về tình hình thế giới, khu vực vào trong nước. Trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ và trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, người dân Việt Nam có thể dễ dàng tiếp cận thông tin quốc tế thông qua các kênh truyền thông đại chúng, mạng xã hội và các nền tảng số. Do đó, thông tin đối ngoại mang một vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho công chúng trong nước những thông tin chính xác, đáng tin cậy về các sự kiện, xu hướng và diễn biến trên thế giới cũng như khu vực. Vai trò “mang thế giới đến với Việt Nam” của thông tin đối ngoại thể hiện ở chức năng cung cấp, trung gian và giải mã các dòng thông tin quốc tế cho xã hội trong nước, qua đó giúp Việt Nam tiếp cận thế giới đương đại một cách kịp thời, có chọn lọc và hệ thống. Thông qua việc tổng hợp, phân tích và chuẩn hóa thông tin từ nhiều nguồn quốc tế, thông tin đối ngoại phản ánh các xu hướng chính trị, kinh tế, khoa học – công nghệ, văn hóa và đời sống toàn cầu, góp phần giúp công chúng trong nước hình thành bức tranh tương đối toàn diện về thế giới, hạn chế tình trạng tiếp nhận thông tin rời rạc hoặc sai lệch. Bên cạnh đó, thông tin đối ngoại giữ vai trò giải thích và định hướng nhận thức về các vấn đề quốc tế trong mối liên hệ với lợi ích và điều kiện cụ thể của Việt Nam, đồng thời kết nối xã hội trong nước với các giá trị, tri thức và kinh nghiệm quốc tế. Qua việc truyền tải các mô hình phát triển, kinh nghiệm quản trị và xu hướng toàn cầu, thông tin đối ngoại góp phần mở rộng tầm nhìn xã hội, nâng cao năng lực hội nhập và tạo đồng thuận xã hội đối với đường lối đối ngoại, hợp tác quốc tế và các quyết sách lớn của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

- Đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân: Thông tin đối ngoại giúp người dân hiểu rõ hơn về các vấn đề quốc tế, từ các sự kiện chính trị, kinh tế, đến các xu hướng văn hóa và khoa học toàn cầu, qua đó nâng cao nhận thức và khả năng hội nhập quốc tế.

- Truyền tải đường lối, chính sách đối ngoại: Thông tin đối ngoại không chỉ cung cấp thông tin mà còn giúp người dân nắm bắt các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước trong các vấn đề quốc tế, từ đó tạo sự đồng thuận và ủng hộ đối với các chính sách đối ngoại của đất nước.

- Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa quốc tế: Thông tin đối ngoại đóng vai trò như một bộ lọc, giúp người dân tiếp cận những giá trị, kinh nghiệm và tinh

hoa văn hóa của nhân loại một cách có chọn lọc, tránh những ảnh hưởng tiêu cực hoặc thông tin sai lệch.

- Đóng góp vào hòa bình và phát triển: Bằng cách cung cấp thông tin về các vấn đề toàn cầu, thông tin đối ngoại khuyến khích người dân tham gia vào các nỗ lực đấu tranh vì hòa bình, hợp tác quốc tế và phát triển bền vững, đồng thời củng cố ý thức trách nhiệm công dân trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Việc quản lý thông tin đối ngoại cùng với quản lý hoạt động thông tin nói chung ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực góp phần bảo đảm các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực hoạt động đúng định hướng, góp phần ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

Việc tổ chức và kiểm soát thông tin đối ngoại một cách chặt chẽ, trên cơ sở tuân thủ đúng tôn chỉ và mục tiêu hoạt động của báo chí, có vai trò quan trọng trong việc phát huy chức năng định hướng và phản ánh của báo chí đối với đời sống xã hội. Thông qua việc cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời, phù hợp với định hướng chính trị, tư tưởng, hoạt động báo chí góp phần định hình và dẫn dắt dư luận xã hội theo hướng tích cực, đồng thời khơi dậy tinh thần trách nhiệm công dân, củng cố niềm tin vào thể chế pháp luật và giá trị công lý trong toàn xã hội. Bên cạnh việc biểu dương những tấm gương người tốt, việc tốt, cổ vũ hành vi tuân thủ pháp luật và đạo đức, báo chí còn có vai trò phát hiện, phản ánh, đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm pháp luật, góp phần xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh, công bằng và tiến bộ.

Mặt khác, hoạt động quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm an toàn thông tin và giữ gìn lợi ích quốc gia. Việc kiểm soát nội dung thông tin trước khi truyền tải ra bên ngoài giúp hạn chế nguy cơ phát tán những nội dung sai lệch, thiếu kiểm chứng hoặc mang tính xuyên tạc, có thể gây ảnh hưởng đến uy tín quốc gia, vi phạm nguyên tắc bảo mật thông tin, xâm phạm đời tư hoặc đi ngược lại với chuẩn mực văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc. Đồng thời, việc quản lý hiệu quả còn góp phần ngăn chặn các hành vi lợi dụng báo chí để phục vụ cho mục đích cá nhân, kích

động, chia rẽ hoặc gây rối trật tự an ninh trong nước, từ đó bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của không gian truyền thông toàn cầu.

2.2.2. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với hoạt động ngoại giao

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, hoạt động quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Một mặt, việc quản lý hiệu quả các nội dung thông tin được truyền tải ra quốc tế giúp định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực, góp phần đấu tranh với các luồng thông tin sai lệch, phản động và lan truyền các giá trị văn hóa, thông tin tích cực của Việt Nam. Quản lý thông tin đối ngoại đóng vai trò là cầu nối quan trọng giúp người dân trong nước hiểu đúng, đầy đủ và có hệ thống về quan điểm, chủ trương, chính sách đối ngoại của nhà nước, từ đó hình thành sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại chính trị.

Mặt khác, công tác quản lý thông tin đối ngoại cũng giúp kiểm soát và định hướng việc lan tỏa các thông điệp chiến lược, hình ảnh quốc gia, chính sách đối ngoại ra thế giới một cách nhất quán và có định hướng. Nhờ vậy, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể đóng góp trực tiếp vào hoạt động ngoại giao bằng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho các tổ chức quốc tế, các cơ quan ngoại giao, cũng như công chúng toàn cầu. Điều này góp phần tăng cường sự hiểu biết và hợp tác quốc tế.

Xét ở bình diện rộng hơn, hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực góp phần quan trọng vào việc xây dựng hình ảnh quốc gia tích cực trong mắt cộng đồng quốc tế. Thông qua các sản phẩm truyền thông được kiểm duyệt kỹ lưỡng, các cơ quan này có thể giới thiệu sâu rộng về lịch sử, văn hóa, con người và các giá trị đặc trưng của Việt Nam, đồng thời làm nổi bật những thành tựu phát triển trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Đây là yếu tố nền tảng giúp củng cố vị thế và uy tín của Việt Nam, đồng thời tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Không chỉ vậy, công tác quản lý còn có vai trò chiến lược trong việc phản ứng nhanh chóng, hiệu quả trước các chiến dịch truyền thông xuyên tạc, sai sự thật có thể gây ảnh hưởng đến hình ảnh đất nước. Nhờ đó, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể kịp thời cung cấp thông tin phản bác chính xác, đồng thời giúp định hướng nhận thức xã hội, củng cố niềm tin vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ.

2.2.3. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với sự phát triển của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Hoạt động quản lý thông tin đối ngoại đóng vai trò không thể thiếu trong việc nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn và khẳng định vị thế, uy tín của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Cụ thể:

Thứ nhất, quản lý thông tin đối ngoại là công cụ hiệu quả để củng cố vai trò tiên phong, chủ lực của các cơ quan báo chí này trong hệ thống truyền thông quốc gia. Với tư cách là những cơ quan báo chí có thẩm quyền và độ tin cậy cao, việc quản lý chặt chẽ nội dung thông tin đối ngoại giúp các cơ quan này duy trì hình ảnh là nguồn tin chính thống, có tính định hướng mạnh mẽ, được công chúng trong nước và quốc tế tin nhiệm.

Thứ hai, hoạt động quản lý thông tin đối ngoại còn góp phần tạo ra sự kết nối đồng bộ giữa mục tiêu chính trị và hoạt động nghiệp vụ báo chí. Việc thiết lập quy trình kiểm soát, thẩm định, phân phối và đánh giá hiệu quả thông tin đối ngoại cho phép các cơ quan báo chí chủ lực nâng cao năng lực điều hành, giám sát và triển khai hoạt động báo chí, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm về chính trị, đối ngoại. Nhờ vậy, việc phổ biến đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước có thể được thực hiện rộng rãi, toàn diện và hiệu quả hơn.

Thứ ba, thông qua hoạt động quản lý, các cơ quan báo chí chủ lực có điều kiện thường xuyên rà soát, cập nhật, đổi mới cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất thông tin đối ngoại. Đây là cơ hội để nâng cao chất lượng đội ngũ từ cấp lãnh đạo ban biên tập, biên dịch viên, kỹ thuật viên đến phóng viên hiện trường đều được bồi dưỡng và đào tạo về kỹ năng khai thác, xử lý và truyền tải thông tin phù hợp với yêu cầu đối ngoại trong thời kỳ mới. Nội dung tập huấn không

chỉ giới hạn trong nghiệp vụ báo chí mà còn mở rộng đến các lĩnh vực như kỹ năng phát ngôn, tình hình chính trị quốc tế, chính sách đối ngoại, vấn đề nhân quyền, chủ quyền biển đảo, phản ứng quốc tế đối với các vấn đề khu vực...

Những kiến thức và kỹ năng này được cập nhật thông qua các chương trình bồi dưỡng định kỳ, giúp đội ngũ làm báo có đủ năng lực phản ứng nhanh, chính xác và phù hợp với thông lệ quốc tế trong xử lý thông tin. Khi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được nâng cao thì cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cũng sẽ từng bước phát triển vững mạnh hơn. Nhờ vậy, công tác thông tin đối ngoại ngày càng chuyên nghiệp hơn, đáp ứng được yêu cầu chính trị, ngoại giao của nhà nước cũng như nhu cầu thông tin ngày càng cao của công chúng trong nước và ngoài nước.

2.3. Chủ thể, khách thể, nội dung, phương thức và tác động của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.3.1. Chủ thể quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Chủ thể quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực bao gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Ban Tuyên giáo Trung ương (từ ngày 3/02/2025, Ban Tuyên giáo Trung ương hợp nhất với Ban Dân vận Trung ương thành Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương), Bộ Ngoại giao; các cơ quan như Vụ Báo chí - Xuất bản (Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương); Cục Thông tin Cơ sở và thông tin Đối ngoại, Cục Báo chí, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Vụ Khoa giáo - Văn xã (Văn phòng Chính phủ); Vụ Thông tin Báo chí (Bộ Ngoại giao) và trực tiếp là đội ngũ lãnh đạo, ban biên tập các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VTV, VOV...

Đây là những chủ thể có thẩm quyền định hướng nội dung, ban hành quy định, phân bổ nguồn lực và giám sát thực hiện trong toàn bộ quá trình thông tin đối ngoại.

Trong nội bộ từng cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, các chủ thể quản lý thông tin đối ngoại gồm:

Thứ nhất là lãnh đạo cơ quan báo chí (Tổng Giám đốc, Tổng Biên tập,

Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Biên tập): Trong các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, lãnh đạo cơ quan đóng vai trò then chốt trong quản lý thông tin đối ngoại. Đây là cấp có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng tổng thể và hoạch định kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại, bảo đảm sự phù hợp với đường lối đối ngoại và chiến lược truyền thông quốc gia. Đồng thời, lãnh đạo cơ quan là cầu nối quan trọng giữa báo chí đối ngoại với các cơ quan chỉ đạo, vừa bảo đảm sự thống nhất trong định hướng chính trị, vừa chịu trách nhiệm trước đảng, nhà nước và công chúng về hiệu quả và tác động của thông tin đối ngoại.

Thứ hai là ban biên tập và các ban chuyên môn (Ban Đối ngoại, Ban Thời sự, Ban Quốc tế, Ban Tiếng nước ngoài...). ban biên tập và các ban chuyên môn có vai trò trực tiếp trong quản lý nội dung thông tin đối ngoại: Đây là nơi cụ thể hóa các định hướng chính trị, ngoại giao thành sản phẩm báo chí cụ thể như tin, bài, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình, báo điện tử bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Bằng việc duyệt nội dung và điều tiết thông tin trước khi xuất bản, ban biên tập không chỉ đảm bảo tính chính xác, thời sự và phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp, mà còn điều chỉnh cách thức truyền tải nhằm phù hợp với từng đối tượng công chúng quốc tế. Do đó, ban biên tập giữ vai trò “gác cổng” quan trọng, quyết định tính hiệu quả và sức lan tỏa của thông tin đối ngoại.

Thứ ba là các phòng, ban quản lý nghiệp vụ và pháp chế: Phòng nghiệp vụ và pháp chế đảm nhận chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế tòa soạn và chuẩn mực nghề nghiệp trong hoạt động thông tin đối ngoại. Bên cạnh việc kiểm soát chất lượng sản phẩm báo chí, các bộ phận này còn tổ chức bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ và kỹ năng đối ngoại cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên nhằm nâng cao năng lực sản xuất thông tin chuyên sâu, phù hợp với yêu cầu hội nhập. Ngoài ra, các phòng pháp chế còn xử lý những vấn đề liên quan đến bản quyền, sở hữu trí tuệ và tranh chấp thông tin trong hoạt động hợp tác quốc tế, góp phần bảo vệ tính hợp pháp và uy tín của cơ quan báo chí.

Thứ tư là các cơ quan thường trú và phóng viên thường trú ở nước ngoài: Đội ngũ phóng viên thường trú ở nước ngoài là lực lượng trực tiếp thu thập, phản ánh và phân tích thông tin quốc tế phục vụ công tác thông tin đối

ngoại. Với vai trò là “cánh tay nối dài” của cơ quan báo chí chủ lực, họ không chỉ truyền tải thông tin Việt Nam ra thế giới mà còn tiếp nhận, sàng lọc và phản hồi thông tin từ quốc tế vào trong nước, phục vụ công tác hoạch định chính sách và định hướng dư luận. Hoạt động của phóng viên thường trú chịu sự quản lý kép, trực tiếp từ lãnh đạo cơ quan trung ương và nghiệp vụ từ các ban chuyên môn, đảm bảo thông tin vừa kịp thời, vừa đúng định hướng chiến lược đối ngoại. Đây là lực lượng đặc thù của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực vì chỉ các cơ quan như vậy mới được đầu tư nguồn lực nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất để duy trì đội ngũ chục phóng viên thường trú nước ngoài. Ở TTXVN có khoảng trên 70 phóng viên thường trú tại 30 cơ quan thường trú nước ngoài, ở tất cả các châu lục trên thế giới. Báo *Nhân Dân*, VOV đều có phóng viên thường trú ở nước ngoài. Tuy nhiên, quy mô hạn chế hơn TTXVN.

Thứ năm là các phòng kỹ thuật, công nghệ, đối ngoại, hợp tác quốc tế. Bên cạnh yếu tố nội dung, các phòng kỹ thuật, công nghệ và hợp tác quốc tế đóng vai trò bảo đảm nền tảng hạ tầng cho hoạt động quản lý thông tin đối ngoại. Bộ phận kỹ thuật, công nghệ duy trì hệ thống phát hành thông tin trên đa nền tảng như báo in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội, góp phần mở rộng khả năng tiếp cận công chúng toàn cầu. Trong khi đó, bộ phận hợp tác quốc tế thúc đẩy liên kết với các hãng thông tấn, đài phát thanh - truyền hình nước ngoài, từ đó mở rộng kênh phân phối và lan tỏa thông tin đối ngoại Việt Nam. Nhờ sự kết hợp này, quản lý thông tin đối ngoại không chỉ dừng ở việc kiểm soát nội dung mà còn bao trùm cả phương thức và kênh truyền tải, nâng cao hiệu quả tác động đối với dư luận quốc tế.

Có thể thấy, hệ thống chủ thể quản lý trong nội bộ các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được tổ chức theo cơ chế phân cấp, phân tầng, đồng thời bảo đảm tính liên thông và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp độ quản lý. Lãnh đạo cơ quan giữ vai trò định hướng chiến lược và chịu trách nhiệm chính trị cao nhất; ban biên tập và các ban chuyên môn đảm nhận khâu tổ chức, kiểm duyệt và điều tiết nội dung; phòng pháp chế và nghiệp vụ giám sát việc tuân thủ pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp; đội ngũ phóng viên thường trú ở nước ngoài trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thông tin hai chiều; còn các phòng kỹ thuật, công nghệ và hợp tác quốc tế bảo đảm hạ tầng, phương thức truyền tải

và mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng toàn cầu. Cơ chế quản lý này vừa tạo nên sự thống nhất trong định hướng chính trị, vừa bảo đảm tính linh hoạt và hiệu quả trong triển khai thông tin đối ngoại. Nhờ đó, báo chí đối ngoại chủ lực không chỉ thực hiện tốt vai trò “kênh thông tin chính thống của nhà nước” mà còn góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3.2. Khách thể quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Trong khoa học quản lý, khách thể quản lý được hiểu là đối tượng mà các chủ thể quản lý tác động đến để đạt được mục tiêu quản lý đã xác định. Đối với lĩnh vực thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, khách thể quản lý mang nội hàm đặc thù, không chỉ bao gồm sản phẩm thông tin mà còn bao trùm cả quy trình, hoạt động và nguồn lực liên quan đến việc sản xuất, phổ biến và tiếp nhận thông tin.

Thứ nhất, sản phẩm thông tin đối ngoại chính là khách thể quản lý trọng yếu. Đó là các tin, bài, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình, sản phẩm báo chí đa phương tiện bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, được định hướng để phản ánh chính xác tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh. Các sản phẩm này vừa là công cụ truyền tải thông tin chính thống của nhà nước, vừa là phương tiện tạo dựng hình ảnh, uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Việc quản lý sản phẩm thông tin đối ngoại đòi hỏi phải bảo đảm tính định hướng chính trị, tính chính xác, kịp thời và phù hợp với từng nhóm công chúng quốc tế.

Thứ hai, quy trình và hoạt động thông tin đối ngoại cũng là khách thể quan trọng của quản lý. Bao gồm toàn bộ chu trình từ tiếp nhận thông tin đầu vào, biên tập, sản xuất, phát hành đến thu thập, phân tích và phản hồi thông tin từ bên ngoài. Quản lý ở khâu này nhằm bảo đảm sự vận hành đồng bộ, khoa học, hiệu quả và tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ báo chí, đồng thời phù hợp với yêu cầu đối ngoại, an ninh thông tin và lợi ích quốc gia.

Thứ ba, nguồn lực thông tin đối ngoại là khách thể đặc biệt cần được quản lý, bao gồm đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên ở trong nước; các phóng viên, ban biên tập của hệ thống báo chí Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài ở Việt Nam, cũng như cơ sở vật chất, kỹ thuật và hạ tầng công nghệ truyền thông đa phương tiện. Việc quản lý nguồn lực này quyết định chất lượng,

phạm vi và hiệu quả tác động của thông tin đối ngoại. Chẳng hạn, việc đào tạo phóng viên có năng lực ngoại ngữ, kiến thức quốc tế và kỹ năng truyền thông số là yếu tố sống còn trong bối cảnh cạnh tranh thông tin toàn cầu.

Như vậy, khách thể quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực không chỉ gói gọn ở sản phẩm thông tin, mà còn bao gồm cả quy trình sản xuất, nguồn lực tổ chức. Quản lý hiệu quả các khách thể này sẽ góp phần bảo đảm thông tin đối ngoại thực sự trở thành công cụ chính thống, thuyết phục trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3.3. Nội dung quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 72/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại, nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực này được thể hiện toàn diện qua nhiều phương diện.

Thứ nhất, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tham mưu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trực tiếp ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình hành động liên quan đến lĩnh vực thông tin đối ngoại. Đây là bước nền tảng nhằm xác lập cơ sở pháp lý và định hướng tổng thể cho hoạt động thông tin đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, hoạt động quản lý còn bao gồm việc tổ chức và điều phối các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ công tác thông tin đối ngoại; đồng thời triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên và các lực lượng tham gia hoạt động trong lĩnh vực này nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Thứ ba, trong vai trò định hướng thông tin, cơ quan quản lý chủ động tổ chức cung cấp thông tin chính thống cho hệ thống báo chí, truyền thông trong nước cũng như cho báo chí nước ngoài và cộng đồng quốc tế. Bên cạnh đó, thông tin về tình hình thế giới cũng được tổng hợp và phổ biến kịp thời đến công chúng trong nước nhằm bảo đảm sự tiếp nhận thông tin hai chiều và nâng cao hiểu biết của người dân về thế giới xung quanh.

Thứ tư, công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin đối ngoại cũng là

một nội dung quan trọng, thể hiện ở việc thiết lập, duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin và thúc đẩy hiệu quả truyền thông đối ngoại của Việt Nam ra thế giới.

Thứ năm, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thông tin đối ngoại cũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước. Những hoạt động này góp phần bảo đảm việc thực thi pháp luật nghiêm minh, giữ vững kỷ cương trong lĩnh vực thông tin đối ngoại.

Thứ sáu, cơ quan quản lý có trách nhiệm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại trong từng giai đoạn. Từ đó, kịp thời rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất hình thức khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm khuyến khích, chấn chỉnh hoạt động trong lĩnh vực này theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, dưới góc độ quản lý nhà nước, nội dung quản lý thông tin đối ngoại rất rộng. Song, nếu xét dưới góc độ báo chí học, nội dung quản lý thông tin đối ngoại chính là trả lời câu hỏi: chủ thể quản lý làm gì để có được thông tin đối ngoại tốt, có được sản phẩm báo chí đạt chất lượng, hiệu quả và đáp ứng mục tiêu đề ra? Trên cơ sở đó, căn cứ vào công việc của các chủ thể quản lý ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, có thể xác định nội dung quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực bao gồm các hoạt động sau:

- + Tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại
- + Duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại
- + Triển khai thực hiện thông tin đối ngoại
- + Giám sát thực hiện thông tin đối ngoại
- + Phổ biến thông tin đối ngoại
- + Tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi
- + Kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại.

Quy trình cơ bản sản xuất thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực như sau:

- 2.3.3.1. Tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại*
- + *Tiếp nhận thông tin đối ngoại*

Để có được các thông tin đối ngoại, các cán bộ trong quy trình sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

thực hiện nghiên cứu, giao tiếp thực tế (phát hiện vấn đề, phỏng vấn, quan sát, khai thác tài liệu hoặc có nội dung định sẵn), khai thác thông tin từ các đơn vị như nguồn tin trong nước và nước ngoài.

Điểm nổi bật trong việc sản xuất các sản phẩm báo chí đối ngoại so với báo chí thông thường nằm ở quá trình lựa chọn đề tài. Các đề tài cần được thiết kế để phù hợp với đặc điểm của công chúng mục tiêu, bao gồm:

Trình độ và thói quen tiếp nhận thông tin: Công chúng quốc tế hoặc người Việt Nam ở nước ngoài có những đặc thù riêng về văn hóa, ngôn ngữ và cách tiếp cận thông tin, đòi hỏi nội dung phải được tùy chỉnh để đáp ứng sở thích và kỳ vọng của họ.

Địa bàn sinh sống: Các khu vực địa lý khác nhau có bối cảnh văn hóa, chính trị và xã hội riêng, ảnh hưởng đến cách tiếp nhận thông tin.

Nhu cầu của công chúng và mục tiêu truyền thông: Đề tài không bị giới hạn bởi phạm vi rộng hay hẹp của vấn đề, mà phụ thuộc vào nhu cầu thông tin của đối tượng tiếp nhận và định hướng của cơ quan báo chí.

Thực tế cho thấy, phần lớn các đề tài báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay được xây dựng dựa trên yêu cầu hoặc “đặt ” từ phía nhà nước. Do đó, ngoài các nội dung mang tính thời sự, các sản phẩm báo chí đối ngoại thường tập trung vào những chủ đề đã được định hướng trước, nhằm phục vụ các mục tiêu chiến lược của quốc gia, như quảng bá văn hóa, chính sách, hoặc thành tựu phát triển.

+ Xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại

Dưới sự chỉ đạo, định hướng chung của ban biên tập, trưởng phòng phụ trách sản xuất sản phẩm thông tin đối ngoại của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại dựa trên các định hướng chiến lược, kế hoạch tuyên truyền trọng tâm và các nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn. Kế hoạch này được thiết kế để đảm bảo các mục tiêu dài hạn của cơ quan, phù hợp với từng lĩnh vực và đáp ứng kịp thời các vấn đề quan trọng liên quan đến thông tin đối ngoại. Các yêu cầu chính trong việc xây dựng kế hoạch bao gồm:

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước: Kế hoạch thông tin đối ngoại cần đảm bảo tính chủ động, toàn diện và thường xuyên, với các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm được xác định rõ ràng. Kế hoạch phải kết hợp chặt chẽ giữa thông tin đối ngoại và đối nội, đồng thời gắn kết với các hoạt động chính

trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao của đảng, nhà nước, cũng như các hoạt động đối ngoại trong khoảng thời gian nhất định.

Quảng bá hình ảnh và chính sách quốc gia: Kế hoạch cần tập trung truyền tải các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế, xã hội, pháp luật của nhà nước và các chính sách thu hút đầu tư của địa phương. Đồng thời, kế hoạch phải giới thiệu hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa và các thành tựu kinh tế, xã hội của Việt Nam đến cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời cung cấp thông tin về tình hình thế giới cho người dân trong nước.

Tuân thủ định hướng của Đảng và Nhà nước: Các hoạt động thông tin đối ngoại phải bám sát đường lối, chính sách của đảng và pháp luật của nhà nước. Kế hoạch cần chú trọng tuyên truyền, cung cấp thông tin chính xác, tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, hỗ trợ phát triển kinh tế và xúc tiến đầu tư. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi để các hoạt động đối ngoại diễn ra hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu chiến lược.

Đảm bảo tính nghiêm túc và phù hợp với thực tiễn: Kế hoạch thông tin đối ngoại cần được triển khai một cách nghiêm túc, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành và đơn vị liên quan. Các hoạt động phải tuân thủ chế độ bảo mật thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, đồng thời định hướng dư luận, phản bác các thông tin sai lệch, chống phá, hoặc các nội dung độc hại nhằm phá hoại uy tín và hình ảnh của Việt Nam.

Nhờ vào việc tiếp nhận thông tin một cách khoa học và việc xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại bài bản, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực không chỉ đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng mà còn góp phần nâng cao vị thế quốc gia, bảo vệ lợi ích dân tộc và thúc đẩy sự hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2.3.3.2. Duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại

Sau khi xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại, trưởng, phó phòng, ban phụ trách thông tin đối ngoại của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực phải trình bản kế hoạch cho ban biên tập duyệt. Người cụ thể của ban biên tập là Tổng Biên tập, hoặc Phó Tổng biên tập phụ trách nội dung sẽ duyệt kế hoạch và chuyển phòng, ban chuyên môn triển khai thực hiện kế hoạch.

2.3.3.3. Triển khai thực hiện thông tin đối ngoại

Sau khi kế hoạch được duyệt và ban hành, trưởng phòng, ban phân công phóng viên viết tin bài, đặt bài cộng tác viên; phân công các chức danh khác dưới quyền trong phòng, ban để đảm bảo thực hiện đúng chức trách,

nhiệm vụ và tuân thủ các kế hoạch đã được quản lý phòng, ban xây dựng và đã được ban biên tập phê duyệt. Đây là công đoạn sáng tạo ra sản phẩm báo chí đối ngoại, có thể là bài báo in, báo mạng, bài phát thanh hoặc truyền hình. Công đoạn này có thể do các phóng viên, phóng viên thường trú, cộng tác viên, biên tập viên tự thực hiện hoặc khai thác từ các nguồn tin tương ứng ở trong nước và ngoài nước. Việc sáng tạo tác phẩm báo chí đối ngoại cần theo thể thức quy định của từng loại hình báo chí.

2.3.3.4. Giám sát thực hiện thông tin đối ngoại

Giám sát thực hiện thông tin đối ngoại là một giai đoạn quan trọng trong quy trình sản xuất và phổ biến thông tin tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, đảm bảo chất lượng, tính chính xác và hiệu quả của các sản phẩm báo chí. Quá trình giám sát bao gồm các nội dung chính sau:

Giám sát đội ngũ nhân sự: Quá trình này tập trung vào việc theo dõi và đánh giá hoạt động của các cá nhân tham gia sản xuất thông tin đối ngoại, bao gồm phóng viên, cộng tác viên, biên tập viên, người dẫn chương trình, kỹ thuật viên, họa sĩ thiết kế và các vị trí liên quan. Mục tiêu là đảm bảo rằng các nhiệm vụ được giao được thực hiện đúng tiến độ, đúng định hướng và đạt chất lượng cao. Giám sát nhân sự không chỉ kiểm tra tiến độ công việc mà còn hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp đội ngũ hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

Giám sát chất lượng sản phẩm báo chí: Các sản phẩm do phóng viên, cộng tác viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, hoặc họa sĩ thực hiện đều phải trải qua quá trình kiểm tra kỹ lưỡng. Việc giám sát này nhằm đánh giá tính phù hợp, chính xác và chất lượng của nội dung, đảm bảo rằng các sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn báo chí đối ngoại, từ nội dung thông tin đến hình thức trình bày.

Giám sát hệ thống trang thiết bị: Quá trình giám sát còn bao gồm việc kiểm tra tình trạng vận hành của các thiết bị kỹ thuật hỗ trợ xuất bản và phát sóng, như máy móc sản xuất báo in, hệ thống phát thanh, truyền hình, hoặc các nền tảng số. Việc này đảm bảo rằng các sản phẩm báo chí được phát hành đúng thời gian và đạt chất lượng kỹ thuật tối ưu.

Quy trình giám sát cụ thể:

Giám sát trong quá trình tác nghiệp tại hiện trường: Khi phóng viên thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường, lãnh đạo hoặc quản lý phòng, ban chịu

trách nhiệm theo dõi và hỗ trợ kịp thời. Sự giám sát này giúp xử lý nhanh các tình huống bất ngờ, cung cấp hướng dẫn cần thiết và bảo đảm rằng công việc của phóng viên được thực hiện hiệu quả, đúng định hướng và phù hợp với mục tiêu thông tin đối ngoại.

Kiểm tra và biên tập lần đầu: Sau khi phóng viên hoàn thành cơ bản sản phẩm (bài viết, phóng sự, hình ảnh, hoặc video), sản phẩm sẽ được gửi đến trưởng hoặc phó phòng, ban để thực hiện biên tập lần đầu. Đây là bước kiểm soát chất lượng quan trọng, đóng vai trò như “cửa ải” đầu tiên để loại bỏ các nội dung không đạt yêu cầu, cải thiện chất lượng sản phẩm và đảm bảo tính chính xác, khách quan của thông tin. Quá trình này bao gồm việc kiểm tra kỹ lưỡng các dữ liệu, nguồn thông tin và cách trình bày để đảm bảo sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn báo chí đối ngoại.

Duyệt lần hai bởi cấp quản lý cao hơn: Sau khi qua biên tập lần đầu, sản phẩm được chuyển đến lãnh đạo đơn vị để duyệt lần hai. Bước này đảm bảo rằng nội dung đã được kiểm tra kỹ lưỡng về mặt nội dung, định hướng và tính phù hợp với chiến lược thông tin đối ngoại của cơ quan.

Sắp xếp và hoàn thiện sản phẩm báo chí: Đối với các sản phẩm báo in hoặc báo mạng, sau khi được duyệt, lãnh đạo phòng sẽ tiến hành phân bổ nội dung vào các chuyên mục hoặc trang báo phù hợp. Tiếp theo, bộ phận kỹ thuật và họa sĩ thiết kế thực hiện công đoạn dàn trang, sắp xếp văn bản, hình ảnh và các yếu tố đồ họa sao cho đảm bảo sự hài hòa giữa nội dung và hình thức, tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh, hấp dẫn và chuyên nghiệp. Phần trình bày, thiết kế báo của họa sĩ hoặc phần đọc, nói của phóng viên, biên tập viên sẽ chịu sự giám sát của ban biên tập và lãnh đạo phòng, ban phụ trách thông tin đối ngoại trên sản phẩm báo chí đối ngoại tương ứng. Khép lại quá trình dàn trang, in ấn, xuất bản là khâu phát hành và xuất bản. Đây cũng là một trong những khâu quan trọng của quy trình tổ chức sản xuất báo chí và cũng là một thao tác quản lý thông tin đối ngoại trên tạp chí.

Đối với sản phẩm phát thanh, truyền hình, quy trình giám sát bao gồm các giai đoạn sản xuất, kiểm duyệt và phát sóng với sự phối hợp giữa nhiều bộ phận để tạo ra sản phẩm báo chí chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu định hướng dư luận và quảng bá hình ảnh quốc gia. Các bước cụ thể trong quy trình giám sát bao gồm:

Chuẩn bị và thực hiện kịch bản chương trình: Sau khi biên tập viên hoàn thiện kịch bản với nội dung được định hướng rõ ràng, quá trình sản xuất chương trình bắt đầu. Việc quay hoặc ghi âm được thực hiện theo ý tưởng do biên tập viên hoặc đạo diễn đề xuất, sử dụng các thiết bị hiện đại như máy quay di động, xe truyền hình lưu động, hoặc tại các studio chuyên dụng. Các yếu tố kỹ thuật, bao gồm hình ảnh, âm thanh, ánh sáng và các hiệu ứng khác, được đảm bảo bởi đội ngũ kỹ thuật viên chuyên trách, nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng tối ưu.

Khai thác thông tin qua các phương tiện công nghệ cao: Trong một số trường hợp, các chương trình truyền hình có thể sử dụng dữ liệu từ các nguồn như vệ tinh, cáp quang, hoặc các nền tảng truyền thông quốc tế để thu thập thông tin nhanh chóng và đa dạng. Việc này giúp đảm bảo nội dung chương trình mang tính thời sự, phong phú và phù hợp với nhu cầu của công chúng quốc tế cũng như cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Sản xuất tiền kỳ và xử lý hậu kỳ: Kết quả của giai đoạn tiền kỳ là các đoạn băng hoặc hiện nay chủ yếu là dạng file gốc, đi kèm với phiếu sản xuất tiền kỳ ghi rõ thông tin về quá trình thực hiện. Các đoạn file này sau đó được chuyển sang khâu hậu kỳ để thực hiện các công đoạn chỉnh sửa, hoàn thiện về mặt âm thanh, hình ảnh và các yếu tố kỹ thuật khác. Đối với các chương trình truyền hình trực tiếp, khâu hậu kỳ và kiểm duyệt nội dung được tích hợp ngay trong giai đoạn tiền kỳ, sau đó tín hiệu được gửi trực tiếp đến phòng tổng khống chế để phát sóng.

Kiểm duyệt nội dung trước phát sóng: Trước khi được phát sóng, mọi sản phẩm phát thanh và truyền hình đều phải trải qua quy trình kiểm duyệt nội dung nghiêm ngặt. Lãnh đạo đơn vị, phòng, ban hoặc một hội đồng thẩm định của cơ quan báo chí sẽ xem xét và đánh giá nội dung chương trình để quyết định liệu sản phẩm có đủ điều kiện phát sóng hay cần chỉnh sửa, thậm chí hủy phát. Kết quả kiểm duyệt được ghi nhận trong phiếu nghiệm thu phát sóng hoặc hiện nay chủ yếu thông qua hệ thống mạng quản trị nội bộ. Nếu chương trình cần điều chỉnh, đoạn băng sẽ được trả lại để xử lý lại từ khâu hậu kỳ, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về nội dung và kỹ thuật.

Quản lý các chương trình khai thác hoặc phát lại: Đối với các chương trình được khai thác từ nguồn bên ngoài hoặc các chương trình phát lại (sau

hơn một tháng kể từ lần phát sóng đầu tiên), quy trình giám sát bao gồm việc kiểm tra nội dung và chất lượng kỹ thuật trước khi chuyển đến phòng phát sóng. Điều này đảm bảo rằng các sản phẩm vẫn duy trì tính chính xác, phù hợp với định hướng thông tin đối ngoại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật tại thời điểm phát sóng.

Về ý nghĩa, quy trình giám sát sản phẩm phát thanh và truyền hình đối ngoại được thiết kế để đảm bảo rằng các chương trình không chỉ đạt chất lượng cao về mặt kỹ thuật mà còn truyền tải chính xác các thông điệp liên quan đến văn hóa, chính sách và hình ảnh của đất nước, dân tộc. Sự kiểm soát chặt chẽ từ khâu sản xuất đến phát sóng giúp các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực thực hiện hiệu quả vai trò định hướng dư luận, quảng bá hình ảnh quốc gia và hỗ trợ các mục tiêu ngoại giao, đồng thời duy trì uy tín và tính chuyên nghiệp trong hoạt động truyền thông.

2.3.3.5. Phổ biến thông tin đối ngoại

Việc phổ biến thông tin đối ngoại được thực hiện qua các loại hình báo chí khác nhau, mỗi loại có đặc điểm riêng về phương thức truyền tải, tốc độ và phạm vi tiếp cận.

Báo in được phân phối chủ yếu theo hình thức trao tay, chuyển phát thông qua hệ thống bưu điện hoặc các phương tiện vận chuyển như đường bộ, đường không... Do đặc thù của phương thức này, thông tin trên báo in thường có độ trễ nhất định so với các loại hình báo chí khác, đặc biệt khi phát hành đến các khu vực vùng sâu, vùng xa hoặc hải đảo. Tuy nhiên, nhờ sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, việc sản xuất và phát hành báo in đã được cải thiện đáng kể. Nhiều cơ quan báo chí hiện nay áp dụng các phương pháp in ấn và phân phối đồng thời tại nhiều địa điểm, cho phép tờ báo được phát hành nhanh chóng hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về tính thời sự của công chúng. Điều này giúp báo in vẫn giữ được vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin đối ngoại đến các đối tượng độc giả ở những khu vực chưa tiếp cận tốt với các nền tảng số. tận dụng sức mạnh của Internet để phổ biến thông tin một cách nhanh chóng và tiện lợi. Trong khi đó, chỉ với một thao tác đơn giản, các bài viết hoặc nội dung báo chí có thể được đăng tải lên các nền tảng trực tuyến, cho phép công chúng tiếp cận ngay lập tức. Điểm nổi bật của báo điện tử là khả năng cập nhật và chỉnh sửa nội dung linh hoạt. Ngay cả sau khi đã công bố, các bài viết vẫn có thể được bổ sung, điều chỉnh hoặc hoàn thiện mà không ảnh hưởng đến

trải nghiệm của độc giả. Nhờ sử dụng công nghệ, báo điện tử đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thông tin của công chúng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời đảm bảo tính thời sự và độ chính xác của thông tin đối ngoại.

Đối với các chương trình phát thanh và truyền hình, việc phổ biến thông tin đối ngoại được thực hiện thông qua các kênh phát chuyên dụng. Các chương trình đã hoàn thiện, được duyệt nội dung và đáp ứng đầy đủ các thủ tục cần thiết, sẽ được phát sóng, phát tin hiệu theo lịch trình hoặc trực tiếp từ các studio, hiện trường, thông qua các phương thức truyền dẫn hiện đại như vệ tinh hoặc cáp quang. Bộ phận kỹ thuật sử dụng phần mềm nội bộ để truy xuất và phát sóng các nội dung theo thứ tự được xác định trong kịch bản chương trình. Các phát thanh viên và kỹ thuật viên chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các nội dung được phát đúng thời điểm và đúng trình tự. Sau khi phát, các nội dung đã sử dụng được lưu trữ để phục vụ tra cứu, tránh trùng lặp thông tin và hỗ trợ các hoạt động quản lý nội dung.

Nhìn chung, việc phổ biến thông tin đối ngoại qua các loại hình báo chí không chỉ giúp truyền tải các thông điệp về văn hóa, chính sách và thành tựu của Việt Nam đến công chúng toàn cầu mà còn đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân trong nước về tình hình thế giới. Sự đa dạng trong phương thức phổ biến, từ báo in truyền thống đến các nền tảng số và phát thanh, truyền hình hiện đại, giúp các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực tối ưu hóa phạm vi tiếp cận, nâng cao hiệu quả truyền thông và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3.3.6. Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi

Sau khi đã phát hành, các sản phẩm thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể nhận được thông tin phản hồi của người đọc, người xem. Cán bộ cấp phòng, ban phụ trách thông tin đối ngoại của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có trách nhiệm xử lý thông tin phản hồi từ công chúng, xem xét, phúc đáp hoặc kịp thời điều chỉnh các nội dung, chi tiết chưa chuẩn xác. Hình thức đối thoại, tương tác giúp phòng, ban thông tin đối ngoại hiểu rõ hơn về công chúng của mình, nắm bắt được nhu cầu của họ cũng như sự cần thiết phải phát triển, bổ sung, làm sâu sắc thêm những quan điểm đúng đắn, đấu tranh chống lại những quan điểm lệch lạc, phúc đáp những băn khoăn của công chúng... từ đó đúc kết kinh nghiệm, góp phần nâng cao hiệu suất lao

động và đảm bảo tính định hướng của thông tin, đồng thời còn giúp lớp phóng viên, biên tập viên trẻ mau chóng trưởng thành cả về chuyên môn lẫn bản lĩnh chính trị. Công việc này được thực hiện thông qua các buổi giao ban hằng ngày, tuần hoặc các buổi sinh hoạt chuyên môn tại các phòng liên quan.

2.3.3.7. Kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại

Đánh giá hay hậu kiểm cũng là một thao tác của quản lý. Sau khi các tin, bài về thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được đăng phát, khâu tiếp theo là đánh giá chất lượng kết quả thực hiện, chính là đánh giá chất lượng tác phẩm. Nhiều toà soạn báo sẽ đánh giá theo tuần, có toà soạn sẽ đánh giá theo tháng hoặc định kỳ nửa tháng. Thậm chí, những tin, bài về thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có vấn đề nổi bật (xuất sắc, hoặc nhận phản hồi, phản ứng không tốt từ công chúng) sẽ được ban biên tập đánh giá ngay trong buổi giao ban ngày nếu toà soạn thực hiện giao ban theo ngày hoặc vào thời điểm phù hợp.

Việc kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ quá trình thực hiện thông tin đối ngoại là công việc thường xuyên để xem xét các khâu tổ chức sản xuất sản phẩm diễn ra đúng quy trình, đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm ở mỗi công đoạn cũng như tinh thần, thái độ, trách nhiệm của các cán bộ tham gia quy trình sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại, việc phối hợp giữa các phòng, ban, bộ phận... Công đoạn này giúp đúc rút kịp thời những kinh nghiệm hay hoặc dở trong quá trình thực hiện thông tin đối ngoại để từ đó tăng cường chất lượng, hiệu quả thực hiện thông tin đối ngoại trong thời gian tiếp theo.

2.3.4. Phương thức, công cụ quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Người thực hiện quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể sử dụng các phương thức và công cụ quản lý thông tin đối ngoại khác nhau. Phương thức quản lý thông tin đối ngoại là cách thức, hình thức và biện pháp tổ chức tác động của chủ thể quản lý đối với hoạt động thông tin đối ngoại, phản ánh logic vận hành và cách thức sử dụng các công cụ quản lý trong thực tiễn. Công cụ quản lý thông tin đối ngoại là những phương tiện, cơ chế và quy định được các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực sử dụng nhằm tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, biên tập, xuất bản và phân phối thông tin đối ngoại, qua đó bảo đảm sự thống nhất về định hướng chính trị – đối ngoại, tính chính xác và hiệu quả truyền thông.

- Các phương thức quản lý có thể được sử dụng trong quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm:

Quản lý thông qua cảm hóa, thuyết phục

Quản lý bằng giáo dục, thuyết phục được xem là phương pháp hỗ trợ cần thiết, là phương tiện quản lý “mềm” bên cạnh phương thức quản lý “cứng” là theo quy định của pháp luật và tài chính. Đây là cách quản lý thiên về định hướng giá trị, tác động đến nhận thức và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ phóng viên, biên tập viên thông qua sự đồng thuận và tự giác.

Trong lĩnh vực báo chí ở Việt Nam, bên cạnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà các cơ quan báo chí và người làm báo phải nghiêm túc thực hiện, còn có các quy chuẩn nghề nghiệp mang tính định hướng. Điển hình là 10 điều “Quy định về đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam” do Hội Nhà báo Việt Nam ban hành năm 2016 là một trong những căn cứ quan trọng để ban biên tập, lãnh đạo các phòng ban đánh giá phẩm chất và tư cách nghề nghiệp của nhân sự.

Tại các buổi giao ban định kỳ tuần hoặc tháng, nếu phát hiện những biểu hiện vi phạm pháp luật báo chí hoặc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lãnh đạo cơ quan sẽ tiến hành nhắc nhở, định hướng, uốn nắn bằng hình thức trao đổi trực tiếp. Cách tiếp cận này không chỉ nhằm giúp cá nhân khắc phục sai sót mà còn góp phần xây dựng môi trường làm việc có tính nhân văn, tôn trọng và đề cao chuẩn mực nghề báo trong hoạt động thông tin đối ngoại. Qua đó, nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được sáng tạo theo đúng chuẩn mực đạo đức, nhân văn.

Quản lý thông qua đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại

Ngoài căn cứ vào quy ước đạo đức để tiến hành quản trị mềm, một hình thức quản trị mềm cũng rất hữu dụng là thông qua đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại. Tổng Biên tập cần tạo môi trường thuận lợi, đảm bảo sự công bằng trong việc cử cán bộ, đặc biệt là phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên... tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên. Thông qua các chương trình đào tạo, năng

lực chuyên môn, trình độ nghề nghiệp và đạo đức nghề báo của đội ngũ cán bộ được củng cố và nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu tuyên truyền, truyền thông trong bối cảnh mới. Đây cũng là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Đặc biệt, do hoạt động thông tin đối ngoại có những điểm đặc thù nên cán bộ tham gia sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại cần có nhiều loại kiến thức chuyên môn nghiệp vụ báo chí tốt, ngoại ngữ giỏi và nhận thức chính trị sâu sắc, nắm vững tình hình trong nước và quốc tế cũng như đường lối, chủ trương quan điểm của Đảng và Nhà nước về các vấn đề trong nước và quốc tế; có hiểu biết sâu sắc về nội dung, đối tượng mà mình tuyên truyền.

- Các công cụ quản lý có thể được sử dụng trong quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm:

Quản lý bằng pháp luật

Trong các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, một trong những phương thức quản lý hiệu quả và phổ biến là quản lý thông qua hệ thống pháp luật. Pháp luật, với vai trò là công cụ quản lý nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, cũng như các quyết định hành chính, nội quy và quy chế do cơ quan báo chí xây dựng và áp dụng trong phạm vi quản lý của mình. Đây là hình thức quản lý mang tính mệnh lệnh hành chính, trong đó các cá nhân và bộ phận liên quan phải tuân thủ các chỉ đạo từ cấp trên một cách nghiêm ngặt.

Tương tự như nhiều lĩnh vực khác trong đời sống xã hội, hoạt động báo chí nói chung và thông tin đối ngoại nói riêng ở Việt Nam cũng được đặt trong khuôn khổ điều chỉnh của pháp luật. Quản lý báo chí bằng pháp luật chính là quá trình nhà nước sử dụng các công cụ pháp lý, thông qua việc xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành luật, để định hướng, điều tiết các hoạt động báo chí theo đúng quy chuẩn, phù hợp với định hướng chính trị và bảo đảm trật tự xã hội. Ngay từ khi nền báo chí Việt Nam hiện đại hình thành, pháp luật đã đóng vai trò then chốt trong việc định hình và điều tiết hoạt động báo chí.

Luật Báo chí được Quốc hội ban hành là nền tảng pháp lý cao nhất trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, còn có hệ thống văn bản dưới luật như

các nghị định của chính phủ, thông tư hướng dẫn thi hành luật và nghị định, tạo thành hành lang pháp lý đồng bộ để quản lý hoạt động báo chí một cách toàn diện.

Đối với các cơ quan báo chí đối ngoại, Tổng Biên tập, Tổng Giám đốc, Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực thi pháp luật trong phạm vi đơn vị mình quản lý. Căn cứ vào Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành, lãnh đạo đơn vị điều hành hoạt động của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, trong đó bao gồm cả việc quản lý nội dung và chất lượng thông tin đối ngoại.

Việc áp dụng pháp luật trong quản lý thông tin đối ngoại có ý nghĩa thiết thực, góp phần xác định rõ ràng quyền hạn và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham gia vào quy trình sản xuất và truyền tải thông tin. Nhờ đó, thông tin được xuất bản không chỉ đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật mà còn góp phần nâng cao chất lượng nội dung, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ thông tin tuyên truyền ra thế giới.

Quản lý thông tin đối ngoại thông qua sắp xếp tổ chức

Quản lý thông tin đối ngoại thông qua sắp xếp tổ chức là một phương pháp quan trọng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Phương pháp này tập trung vào việc phân bổ và tổ chức công việc cho đội ngũ nhân sự, đảm bảo rằng mỗi cá nhân được đặt vào vị trí phù hợp với năng lực và chuyên môn, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm báo chí và phục vụ tốt các mục tiêu thông tin đối ngoại.

Thứ nhất, phân bổ vị trí công việc theo năng lực. Phương pháp quản lý này nhấn mạnh việc phân công nhiệm vụ cho các phóng viên, biên tập viên và các nhân sự liên quan dựa trên trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm của họ. Việc bố trí đúng người, đúng việc có ý nghĩa then chốt trong việc đảm bảo chất lượng tác nghiệp và tạo ra sản phẩm báo chí chất lượng. Phóng viên và biên tập viên, với vai trò là những người trực tiếp sáng tạo và xử lý nội dung thông tin đối ngoại, cần được giao các nhiệm vụ phù hợp để phát huy tối đa năng lực của mình. Ví dụ, một phóng viên có kinh nghiệm về ngoại giao quốc tế có thể được giao nhiệm vụ thực hiện các phóng sự chuyên sâu về chính sách đối ngoại, trong khi một biên tập viên có kỹ năng ngôn ngữ tốt sẽ đảm nhận việc hiệu chỉnh nội dung đa ngôn ngữ để phù hợp với công chúng

quốc tế. Đồng thời, sự phân công hợp lý giúp đảm bảo rằng các sản phẩm báo chí, từ bài viết, phóng sự, đến chương trình phát thanh, truyền hình, đều đạt tiêu chuẩn cao về nội dung, hình thức và tính chính xác, góp phần quảng bá hiệu quả hình ảnh và chính sách của Việt Nam.

Thứ hai, thiết lập kỷ cương và giám sát thông qua quy chế tổ chức. Quản lý thông qua sắp xếp tổ chức không chỉ dừng lại ở việc phân công công việc mà còn bao gồm việc xây dựng và thực thi các quy chế, quy trình và nội dung hoạt động của cơ quan. Những yếu tố này tạo nên một khuôn khổ kỷ luật, giúp định hướng và kiểm soát hoạt động của đội ngũ nhân sự. Cụ thể:

+ *Quy chế và quy trình rõ ràng:* Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực thiết lập các quy định cụ thể về quy trình sản xuất, biên tập và phát hành thông tin. Điều này đảm bảo rằng mọi hoạt động đều được thực hiện một cách thống nhất, có hệ thống và tuân thủ các định hướng chiến lược.

+ *Giám sát và kiểm tra:* Quá trình giám sát được thực hiện thường xuyên để đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân và chất lượng của các sản phẩm báo chí. Các biện pháp kiểm tra này giúp phát hiện kịp thời các sai sót, đảm bảo tính chính xác và phù hợp của thông tin đối ngoại.

+ *Xử lý kết quả công việc:* Dựa trên kết quả giám sát, lãnh đạo cơ quan có thể đưa ra các biện pháp khen thưởng hoặc xử lý đối với những trường hợp không đạt yêu cầu, từ đó duy trì kỷ cương và nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ.

Nhìn chung, nhờ phương pháp quản lý thông qua sắp xếp tổ chức, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể đảm bảo hiệu quả tốt nhất cho hoạt động thông tin đối ngoại.

Quản lý thông qua cơ chế tài chính

Quản lý thông tin đối ngoại trên tạp chí điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua cơ chế tài chính trong cơ quan báo chí là một trong những phương thức quản lý hiệu quả. Căn cứ vào nguồn thu và chi trong cơ quan báo chí, người đứng đầu đơn vị hoặc người được ủy quyền và trưởng phòng, ban thực hiện cách thức:

+ *Thiết lập chế độ nhuận bút và thù lao:* Cơ quan báo chí xây dựng các chính sách chi trả nhuận bút và thù lao phù hợp cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên và kỹ thuật viên. Chế độ này được thiết kế dựa trên khối lượng công

việc, mức độ phức tạp của nhiệm vụ và chất lượng sản phẩm báo chí. Việc áp dụng chính sách thù lao minh bạch không chỉ tạo động lực cho nhân sự mà còn đảm bảo sự công bằng trong việc ghi nhận đóng góp của từng cá nhân trong quy trình sản xuất thông tin đối ngoại.

+ *Xây dựng cơ chế thưởng, phạt*: Hệ thống thưởng và phạt được thiết lập dựa trên các tiêu chí cụ thể, như định mức công việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong các khoảng thời gian định kỳ (tuần, tháng, quý, hoặc năm). Các khoản thưởng được trao để ghi nhận những đóng góp xuất sắc, trong khi các biện pháp phạt được áp dụng đối với những trường hợp không đạt yêu cầu hoặc vi phạm quy định. Việc thực thi cơ chế thưởng, phạt cần được tiến hành nghiêm túc, công bằng và thường xuyên để duy trì kỷ luật và thúc đẩy tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ nhân sự.

Cơ chế quản lý tài chính không chỉ tạo động lực thúc đẩy tinh thần sáng tạo và năng lực nghề nghiệp của đội ngũ làm báo, mà còn đảm bảo sự công bằng giữa cống hiến và quyền lợi. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng nội dung và hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

2.3.5. Tác động của quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.3.5.1. Tác động đến hình ảnh quốc gia và sức mạnh mềm quốc gia

Theo quan điểm của Joseph S. Nye Jr. (2008), sức mạnh mềm là khả năng thu hút và thuyết phục thông qua các giá trị văn hóa, chính trị và chính sách đối ngoại tích cực. Quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực đóng vai trò quan trọng trong việc định hình hình ảnh quốc gia và củng cố sức mạnh mềm thông qua cơ chế xây dựng thông điệp có định hướng, lựa chọn chủ đề và góc nhìn phù hợp, đồng thời tôn vinh các giá trị văn hóa cũng như triển khai các chiến dịch truyền thông nhằm tăng cường thiện cảm và sự hiểu biết từ cộng đồng quốc tế. Hoạt động quản lý hiệu quả giúp tăng cường độ tin cậy và sức hấp dẫn của thông tin đối ngoại, đồng thời quảng bá các giá trị văn hóa, lịch sử và bản sắc dân tộc, góp phần gia tăng “mức độ yêu thích” và “sức thuyết phục”. Đây là hai yếu tố cốt lõi của sức mạnh mềm. Kết quả của quá trình này là việc nâng cao nhận thức tích cực về quốc gia, hỗ trợ hiệu quả cho ngoại giao văn hóa, thu hút đầu tư nước ngoài và du lịch. Ngược

lại, nếu quản lý kém hiệu quả hoặc thông tin thiếu chuyên nghiệp, có thể dẫn đến giảm độ tin cậy và giới hạn sức hút mềm của quốc gia [130].

2.3.5.2. Tác động đến chính sách ngoại giao và quan hệ song phương hoặc đa phương

Trong lĩnh vực chính sách ngoại giao và quan hệ song phương cũng như đa phương, báo chí đối ngoại hoạt động như một công cụ then chốt để truyền tải lập trường chính thức của quốc gia, khuếch tán thông tin về các sự kiện và ý kiến quan trọng, từ đó tạo nền tảng dư luận quốc tế thuận lợi cho các cuộc đàm phán và hợp tác. Khi thông tin được quản lý một cách chính xác, minh bạch và kịp thời, nó góp phần giảm thiểu hiểu lầm, ngăn ngừa khủng hoảng truyền thông và nâng cao hiệu quả đối thoại giữa các quốc gia. Tuy nhiên, nếu quản lý thông tin đối ngoại không tốt có thể dẫn đến các thông tin đối ngoại mâu thuẫn hoặc bị nhận định là "định hướng quá mức", có thể khiến đối tác nghi ngờ về tính minh bạch và làm suy yếu lòng tin.

2.3.5.3 Tác động đến an ninh thông tin và phòng, chống sai lệch

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của truyền thông số, quản lý thông tin đối ngoại đóng vai trò như một “tuyến phòng thủ mềm” trong việc bảo vệ an ninh thông tin quốc gia. Việc kiểm soát, biên tập và phản hồi thông tin đối ngoại chặt chẽ giúp cơ quan báo chí có khả năng kịp thời phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc liên quan đến những vấn đề nhạy cảm như chủ quyền biển đảo, nhân quyền hay chính sách trong khủng hoảng. Kết quả của cơ chế này là giảm thiểu khả năng lan truyền thông tin sai lệch, từ đó bảo vệ lợi ích quốc gia trên mặt trận thông tin. Tuy nhiên, nếu các biện pháp kiểm soát quá nghiêm ngặt dẫn đến giảm tính minh bạch, có thể tạo khoảng trống cho các nguồn tin bên ngoài thiếu khách quan chiếm lĩnh dư luận.

2.3.5.4 Tác động đến thương mại và thu hút đầu tư

Công tác quản lý thông tin đối ngoại có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển kinh tế, thương mại và thu hút đầu tư quốc tế. Việc truyền tải hình ảnh một quốc gia ổn định, đáng tin cậy cùng các thông tin chính xác, cập nhật về chính sách kinh tế và môi trường đầu tư sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của các nhà đầu tư nước ngoài. Quản lý thông tin đối ngoại

chủ động, chuyên nghiệp góp phần giảm thiểu rủi ro về nhận thức, tăng tính minh bạch thị trường và tạo dựng lòng tin của giới đầu tư. Kết quả mong đợi là sự gia tăng cơ hội thương mại và dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Ngược lại, nếu nội dung thiếu cập nhật hoặc việc đề xuất hiện những thông tin trái chiều, không được kiểm chứng, có thể làm tăng chi phí tìm hiểu rủi ro và giảm sức hấp dẫn đầu tư.

2.3.5.5. Tác động nội tại tới chất lượng báo chí, uy tín truyền thông

Bên cạnh các tác động đối ngoại, công tác quản lý thông tin đối ngoại còn ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nội tại của hệ thống báo chí và uy tín của các cơ quan truyền thông. Quy trình quản lý từ biên tập, kiểm chứng thông tin, đào tạo nhân lực đến đầu tư công nghệ truyền thông đa ngữ quyết định tính chuyên nghiệp và sức thuyết phục của sản phẩm báo chí. Khi cơ chế quản lý được kết hợp hài hòa với sự tự chủ nghề nghiệp, tăng cường đào tạo chuyên sâu về báo chí quốc tế, ngoại ngữ và công nghệ truyền thông số, uy tín của cơ quan báo chí đối ngoại được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của công chúng toàn cầu. Ngược lại, nếu cơ chế quản lý còn nặng tính hành chính, thiếu phản hồi từ công chúng và chậm đổi mới, thông tin dễ bị coi là mang tính tuyên truyền, làm giảm hiệu quả thuyết phục.

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.4.1. Yếu tố chính trị

Quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin đối ngoại cần phải chú trọng tới yếu tố chính trị bởi chính trị có ảnh hưởng hết sức quan trọng đến hoạt động quản lý nhà nước. Trong lĩnh vực thông tin đối ngoại, một lĩnh vực nhạy cảm và có ý nghĩa chiến lược trong việc định hình hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế, yếu tố chính trị đóng vai trò then chốt trong việc xác lập định hướng, nội dung, phương thức truyền thông, cũng như cơ chế kiểm soát và tổ chức thực hiện. Hoạt động quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực không thể tách rời khỏi định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước, bởi chính hệ tư tưởng và đường lối chính trị của đảng sẽ quyết định việc thông tin nào được nhấn mạnh, cách thức truyền tải ra sao và đâu là giới hạn trong hoạt động báo chí đối ngoại.

Yếu tố chính trị ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại có thể được xem xét dưới 2 khía cạnh cơ bản:

Thứ nhất là nhận thức chính trị của các chủ thể quản lý và thực thi. Nhận thức chính trị ở đây bao gồm sự hiểu biết sâu sắc về chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực thông tin, báo chí, truyền thông và đối ngoại. Đó là nền tảng tư tưởng định hướng cho hành vi quản lý cũng như quá trình tổ chức sản xuất nội dung thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí. Khi các cấp lãnh đạo, ban biên tập, trưởng phòng ban và phóng viên nắm vững quan điểm chính trị, họ sẽ chủ động trong việc lựa chọn chủ đề, cách thức thể hiện, lựa chọn đối tượng truyền thông phù hợp với định hướng chính trị của đất nước.

Nhận thức chính trị cũng ảnh hưởng đến cách các cơ quan báo chí tiếp cận các vấn đề nhạy cảm như chủ quyền, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo hay quan hệ quốc tế. Nếu nhận thức này lệch lạc, không đầy đủ hoặc thiếu sâu sắc, rất dễ dẫn đến việc thông tin bị sai lệch, vô tình gây tác động tiêu cực đến hình ảnh quốc gia, thậm chí vi phạm pháp luật. Ngược lại, một đội ngũ có nhận thức chính trị tốt sẽ là nhân tố đảm bảo cho sự nhất quán giữa thông tin đối ngoại và lập trường quốc gia, làm tăng hiệu quả tuyên truyền, tạo dựng niềm tin trong công chúng trong nước và quốc tế.

Thứ hai là quyết tâm chính trị và cam kết hành động từ phía các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm. Quyết tâm chính trị là yếu tố thể hiện ý chí chính trị mạnh mẽ của hệ thống lãnh đạo trong việc tổ chức và thực hiện công tác quản lý thông tin đối ngoại. Điều này không chỉ thể hiện ở các tuyên bố, chỉ thị mang tính hình thức, mà phải được cụ thể hóa thông qua hành động chính trị thực tế: ban hành nghị quyết, triển khai kế hoạch hành động cụ thể, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện và điều chỉnh kịp thời các sai lệch trong quá trình triển khai.

Tại Việt Nam, trên phương diện thể chế chính trị, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nền tảng bảo đảm tính định hướng cho thông tin đối ngoại. Các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư như Nghị quyết số 22-NQ/TW (2013) về hội nhập quốc tế, Chỉ thị số 26-CT/TW (2008) về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, đã trở thành cơ sở chính trị chủ đạo cho việc triển khai và quản lý thông tin đối ngoại trong hệ thống báo chí. Bên

cạnh đó, các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc, đặc biệt từ Đại hội XI đến Đại hội XIII, đều khẳng định thông tin đối ngoại là bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng, góp phần “tăng cường sức mạnh mềm quốc gia, nâng cao vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế”.

Tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, quyết tâm chính trị của ban lãnh đạo được thể hiện qua việc xây dựng chiến lược truyền thông đối ngoại dài hạn, lựa chọn nội dung phù hợp để tuyên truyền ra bên ngoài, kiên quyết đấu tranh phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế. Sự quyết liệt trong chỉ đạo, sự chủ động trong phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cũng như nỗ lực đầu tư về nhân lực, tài chính cho hoạt động thông tin đối ngoại chính là minh chứng cụ thể cho quyết tâm chính trị đó. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn tồn tại tình trạng một số cơ quan báo chí chưa thật sự coi trọng thông tin đối ngoại, xem đây là nhiệm vụ phụ hoặc bị động chờ chỉ đạo từ cấp trên. Việc thiếu hụt quyết tâm chính trị dẫn đến triển khai hoạt động không đồng bộ, thiếu chiều sâu và hiệu quả thấp. Một số đơn vị chưa chủ động phối hợp với các cơ quan ngoại giao, cơ quan chủ quản thông tin đối ngoại để nâng cao chất lượng thông tin và mở rộng đối tượng tiếp cận quốc tế.

Yếu tố chính trị không chỉ ảnh hưởng gián tiếp mà còn tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Từ tư tưởng, đường lối đến hành động cụ thể đều cần được quán triệt và thực thi nhất quán. Chỉ khi nào nhận thức chính trị sâu sắc được kết hợp với quyết tâm chính trị mạnh mẽ, công tác quản lý thông tin đối ngoại mới có thể đạt được hiệu quả thực chất, góp phần khẳng định vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ hình ảnh quốc gia và nâng cao vị thế đất nước trong bối cảnh hội nhập toàn diện.

2.4.2. Yếu tố pháp lý

Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực và pháp luật về hoạt động thông tin đối ngoại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại gồm hai bộ phận cấu thành là hệ thống cấu trúc pháp luật quản lý nhà nước và hệ thống các quy định, điều kiện về thông tin đối ngoại. Hệ thống cấu trúc pháp luật quản lý nhà nước là cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy định về thông tin

đôi ngoại, còn hệ thống các quy định và điều kiện về thông tin đôi ngoại là cơ sở cho việc xây dựng nội dung giới thiệu tổng quan quản lý nhà nước về thông tin đôi ngoại. Xét ở khía cạnh quản lý hoạt động thông tin đôi ngoại, yếu tố pháp lý có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả quản lý thông tin đôi ngoại. Nếu yếu tố pháp lý không được quan tâm thì việc quản lý thông tin đôi ngoại có thể theo khuynh hướng tự do, tùy tiện, không theo định hướng thống nhất vì thế sẽ tản mạn, thiếu thống nhất từ trung ương đến địa phương. Nếu không có hệ thống các quy định của pháp luật đối với hoạt động thông tin đôi ngoại thì không thể có cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động quản lý nhà nước. Trên thực tiễn, yếu tố pháp lý ảnh hưởng đến quản lý thông tin đôi ngoại là tương cao. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nhà nước được ban hành đảm bảo tính hệ thống, toàn diện, phù hợp thực tiễn và mang tính khả thi thì đây sẽ là điều kiện tiên quyết để việc quản lý thông tin đôi ngoại hoạt động có hiệu quả. Nhưng nếu hệ thống các quy định của pháp luật không đầy đủ, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc xa rời thực tế sẽ cản trở quá trình quản lý thông tin đôi ngoại và ảnh hưởng không nhỏ đến quản lý thông tin đôi ngoại. Các quy định về quản lý thông tin đôi ngoại được quy định một cách chặt chẽ, có sự phối hợp đồng bộ trên các lĩnh vực khác nhau sẽ tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật một cách chặt chẽ, từ đó tăng cường nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Ngược lại, nếu các quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý hoạt động thông tin đôi ngoại không đồng bộ, thiếu chặt chẽ thì kết quả đạt được sẽ không cao.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về thông tin đôi ngoại, ngoài các nội dung nói trên, còn có chính sách pháp lý khuyến khích để thông tin đôi ngoại phát triển có ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng và hiệu quả của quản lý thông tin đôi ngoại. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thông tin đôi ngoại là yếu tố quan trọng bảo đảm hoạt động của thông tin đôi ngoại tiến hành mang tính pháp quyền, bắt buộc, nghiêm túc và đầy đủ. Mức độ hoàn thiện của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thông tin đôi ngoại là một trong những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng, rất lớn đến hoạt động quản lý nhà nước của đảng, nhà nước nói chung và của lĩnh vực thông tin đôi ngoại nói riêng. Có nhiều tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan

đến quản lý thông tin đối ngoại, trong đó có các tiêu chuẩn chính như: tính toàn diện, tính thống nhất, tính phù hợp, tính phổ quát, tính đặc thù... Mỗi tiêu chuẩn và tổng thể các tiêu chuẩn nói trên có tác động rất lớn đến quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại, cụ thể là tác động đến quan điểm, chủ trương, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện chương trình, nội dung, phương thức quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại. Nếu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại có mức độ hoàn thiện cao là cơ sở để cung cấp toàn diện, đồng bộ, có hệ thống, đầy đủ, lô ghích (logic) đến chủ thể và đối tượng quản lý thông tin đối ngoại. Ngược lại, nếu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại còn thiếu tính toàn diện, tính thống nhất, tính phù hợp, tính phổ quát, tính đặc thù thì hoạt động quản lý thông tin đối ngoại sẽ không toàn diện, không đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, logic.

Tại Việt Nam, có rất nhiều văn bản là cơ sở pháp lý quan trọng, là nền tảng cơ bản để định hướng các hoạt động thông tin đối ngoại cũng như quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực.

Thứ nhất là Hiến pháp và hệ thống pháp luật về báo chí, truyền thông. Hiến pháp năm 2013 khẳng định quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân, đồng thời quy định trách nhiệm của báo chí trong việc “thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới” (Điều 25). Trên cơ sở đó, Luật Báo chí năm 2016 là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh trực tiếp hoạt động báo chí, trong đó nhấn mạnh báo chí là “diễn đàn của nhân dân”, đồng thời là “cơ quan ngôn luận của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội” (Điều 4). Luật cũng quy định rõ yêu cầu báo chí phải phục vụ lợi ích quốc gia, trong đó có nhiệm vụ thông tin đối ngoại, đấu tranh phản bác thông tin sai trái, xuyên tạc, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự xã hội.

Thứ hai là các nghị định và văn bản dưới luật hướng dẫn hoạt động thông tin đối ngoại, trong đó, nổi bật là Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 7/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại. Đây là văn bản chuyên ngành đầu tiên quy định cụ thể nội dung, phương thức, cơ quan thực hiện và trách nhiệm quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại. Nghị định này xác định rõ báo chí là một trong những phương tiện chủ lực để thực hiện thông tin đối ngoại, đồng thời giao trách nhiệm trực tiếp cho Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), phối hợp với

Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương), Bộ Ngoại giao và các cơ quan báo chí. Ngoài ra, Nghị định số 09/2017/NĐ-CP về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí cũng đặt ra khuôn khổ pháp lý bảo đảm sự thống nhất, chính thống trong thông tin ra công chúng, bao gồm cả đối ngoại.

Thứ ba là các chiến lược, đề án quốc gia về thông tin đối ngoại. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng, như Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển một số báo in và báo điện tử đối ngoại quốc gia giai đoạn 2022-2030*; Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 14/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác Thông tin đối ngoại của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030"*; Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới*. Các văn bản nêu trên nhấn mạnh mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại, trong đó báo chí đối ngoại chủ lực giữ vai trò nòng cốt trong truyền thông quốc tế, đồng thời, xác định rõ yêu cầu các cơ quan báo chí chủ lực phải tập trung nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại trọng điểm.

Thứ tư là các chỉ thị, nghị quyết và văn bản chỉ đạo của đảng về công tác thông tin đối ngoại. Bên cạnh khung pháp lý của nhà nước, đảng đã ban hành nhiều văn bản định hướng, trong đó có Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 10/9/2008 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, Kết luận số 16-KL/TW ngày 14/2/2012 về chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020. Các văn bản này khẳng định vai trò đặc biệt của thông tin đối ngoại trong việc nâng cao vị thế quốc gia, đồng thời yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước và báo chí đối ngoại chủ lực trong việc triển khai.

Thứ năm là quy chế và quy định nội bộ của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Song song với khung pháp lý chung, mỗi cơ quan báo chí chủ lực như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VTV và VOV đều ban hành các quy chế biên tập, quy định đạo đức nghề nghiệp, quy trình sản xuất và kiểm duyệt nội dung thông tin đối ngoại. Đây là cơ sở pháp lý nội bộ quan trọng nhằm cụ thể hóa luật pháp và chỉ đạo của đảng, nhà nước vào thực tiễn quản lý.

Như vậy, cơ sở pháp lý của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được hình thành từ nhiều tầng nấc: từ hiến pháp, luật pháp; nghị định và quyết định của chính phủ; văn bản chỉ đạo của đảng; chiến lược, đề án quốc gia đến các quy chế nội bộ cơ quan báo chí. Sự kết hợp này tạo nên một khung pháp lý vừa thống nhất, vừa có tính chuyên biệt, bảo đảm hoạt động thông tin đối ngoại được tiến hành hiệu quả, đúng định hướng và phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc.

2.4.3. Môi trường kinh tế - xã hội

Môi trường kinh tế - xã hội đóng vai trò nền tảng trong việc định hình và tác động đến mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống quốc gia, trong đó có công tác thông tin đối ngoại. Về phương diện kinh tế, đây là hệ thống các mối quan hệ sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng hóa, dịch vụ, diễn ra trong điều kiện nguồn lực có giới hạn, nhưng nhu cầu của con người lại không ngừng gia tăng. Chính vì thế, mọi hành vi kinh tế đều là kết quả của sự cân nhắc giữa chi phí và lợi ích, hiệu quả sử dụng tài nguyên và mục tiêu phát triển.

Trong bối cảnh đó, thông tin đối ngoại, là lĩnh vực gắn với tuyên truyền, quảng bá hình ảnh quốc gia ra thế giới, cũng không nằm ngoài quy luật chịu sự chi phối của điều kiện kinh tế. Hoạt động thông tin đối ngoại được triển khai một cách hiệu quả hay không phụ thuộc phần lớn vào tiềm lực kinh tế của quốc gia, của ngành truyền thông nói chung và của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói riêng.

Một nền kinh tế phát triển bền vững tạo điều kiện thuận lợi để nhà nước đầu tư nguồn lực cho các hoạt động truyền thông đối ngoại như: sản xuất nội dung chất lượng cao, ứng dụng công nghệ hiện đại trong phát thanh, truyền hình và báo chí đa phương tiện, mở rộng phạm vi truyền thông ra quốc tế, đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên sâu. Đồng thời, kinh tế phát triển cũng giúp các cơ quan báo chí nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, từ đó tạo động lực sáng tạo và nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp. Những yếu tố này góp phần làm gia tăng chất lượng và tính thuyết phục của thông tin đối ngoại, qua đó nâng cao hình ảnh và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Ngược lại, trong điều kiện kinh tế còn khó khăn, nguồn ngân sách dành cho các hoạt động thông tin đối ngoại bị hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng đầu

tư cho cơ sở vật chất, công nghệ truyền thông, đào tạo nhân lực và tổ chức hoạt động truyền thông quốc tế. Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thể đối mặt với tình trạng thiếu kinh phí cho sản xuất nội dung, giảm chất lượng dịch vụ thông tin, hạn chế khả năng tiếp cận đối tượng công chúng quốc tế. Thêm vào đó, khi đời sống của đội ngũ cán bộ, phóng viên chưa được bảo đảm đầy đủ, cũng dễ dẫn đến tâm lý làm việc cầm chừng, thiếu sáng tạo, từ đó làm suy giảm hiệu quả của công tác truyền thông đối ngoại.

Bên cạnh yếu tố kinh tế, điều kiện xã hội, bao gồm trình độ dân trí, mức sống, nhận thức của người dân, sự ổn định chính trị, xã hội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường thuận lợi hoặc bất lợi cho việc thực hiện các chiến lược thông tin đối ngoại. Một xã hội ổn định, có trình độ dân trí cao sẽ tạo ra lực lượng công chúng trong nước có khả năng tham gia, phản hồi và lan tỏa các thông điệp đối ngoại một cách hiệu quả. Ngược lại, nếu môi trường xã hội bất ổn, thiếu đồng thuận hoặc trình độ tiếp nhận thông tin thấp thì sẽ ảnh hưởng đến cả quá trình xây dựng và truyền thông hình ảnh quốc gia ra bên ngoài.

Môi trường kinh tế - xã hội chính là điều kiện vật chất và tinh thần để vận hành hệ thống thông tin đối ngoại. Một nền kinh tế phát triển, đời sống xã hội ổn định không chỉ tạo điều kiện thuận lợi về nguồn lực cho các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường khả năng hội nhập quốc tế và củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế thông qua công cụ truyền thông chiến lược.

2.4.4. Chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và quản lý công tác thông tin đối ngoại của một quốc gia, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại tạo khung nội dung cho công tác thông tin đối ngoại, quyết định các thông điệp quốc gia sẽ truyền tải ra thế giới. Chẳng hạn, khi một quốc gia muốn xây dựng hình ảnh hòa bình và hợp tác, thông tin đối ngoại sẽ tập trung vào các thành tựu ngoại giao và các sáng kiến hòa bình quốc tế của quốc gia đó. Việc xây dựng hình ảnh tích cực thông qua truyền thông góp phần củng cố mối quan hệ quốc tế và thúc đẩy các mục tiêu ngoại giao.

Thứ hai, thông qua chính sách đối ngoại, quốc gia có thể thúc đẩy các hợp tác quốc tế về truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và xây dựng các nền tảng truyền thông song phương hoặc đa phương. Chính sách khuyến khích hợp tác giúp quốc gia nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại và mở rộng mạng lưới truyền thông quốc tế, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đối ngoại khác.

Thứ ba, chính sách đối ngoại linh hoạt giúp công tác thông tin đối ngoại có thể phản ứng nhanh chóng với những thay đổi trong tình hình quốc tế, chẳng hạn như khủng hoảng kinh tế, xung đột chính trị, hay đại dịch. Khi đối mặt với khủng hoảng, thông tin đối ngoại đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ hình ảnh quốc gia và giải thích lập trường, chính sách của chính phủ, đồng thời giúp định hướng dư luận quốc tế.

Thứ tư, ở một số quốc gia, chính sách đối ngoại có thể ảnh hưởng đến mức độ kiểm duyệt thông tin đối ngoại. Các quốc gia có chính sách kiểm soát thông tin nghiêm ngặt thường giới hạn các nội dung truyền thông đối ngoại, trong khi các quốc gia có chính sách cởi mở hơn sẽ khuyến khích sự minh bạch, giúp cộng đồng quốc tế hiểu rõ hơn về quan điểm của quốc gia đó.

Nhìn chung, do việc thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở Việt Nam phải tuân theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước nên hoạt động quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực chịu tác động mạnh của chính sách đối ngoại. Chính sách đối ngoại ổn định, rõ ràng với từng quốc gia, khu vực trên thế giới sẽ giúp quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có những thuận lợi. Ngược lại, những thay đổi bất ngờ trong chính sách đối ngoại có thể khiến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gặp khó khăn nếu không kịp thời có những điều chỉnh trong quản lý quá trình sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại.

2.4.5. Yếu tố công nghệ, môi trường truyền thông

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông kỹ thuật số đã làm thay đổi sâu sắc cách thức sản xuất, phân phối và tiêu thụ thông tin. Công nghệ hiện đại không chỉ tác động đến nội dung báo chí mà còn làm thay đổi cấu trúc tổ chức, quy trình

tác nghiệp và phương pháp quản lý tại các cơ quan truyền thông, đặc biệt là các đơn vị báo chí đối ngoại chủ lực.

Chuyển đổi số đã giúp cho nhà báo tác nghiệp dễ dàng và đơn giản hơn thế hệ đi trước, giúp họ tạo ra những sản phẩm báo chí nhanh chóng và chất lượng. Điều này cũng giúp việc quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có nhiều thuận lợi hơn, nhanh chóng hơn. Việc số hóa quy trình tác nghiệp, từ thu thập dữ liệu, xử lý thông tin, biên tập nội dung đến phân phối sản phẩm báo chí đã mang lại hiệu suất vượt trội so với các phương thức truyền thống. Nhờ đó, đội ngũ nhà báo có thể sản xuất tin bài nhanh chóng hơn, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) hay các công cụ phân tích truyền thông số để theo dõi xu hướng dư luận và điều chỉnh chiến lược nội dung kịp thời. Điều này giúp công tác quản lý thông tin đối ngoại trở nên chủ động, linh hoạt và phản ứng nhanh hơn với các vấn đề phát sinh trên trường quốc tế.

Bên cạnh lợi ích rõ rệt, sự phát triển công nghệ cũng đặt ra nhiều thách thức đối với hoạt động thông tin đối ngoại. Trong môi trường truyền thông kỹ thuật số, thông tin được lan truyền theo thời gian thực, nội dung có thể đến với người đọc chỉ trong vài giây sau khi đăng tải. Tốc độ cao này đặt báo chí trước cuộc đua "nhanh", "nóng" và các yếu tố khác lập tức có nguy cơ bị chèn xuống thứ yếu và cũng đặt quản lý báo chí nói chung và quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực trước nhiều thách thức. Nguyên nhân do trong bối cảnh chung hết sức phức tạp của thế giới toàn cầu hóa, việc đưa các thông tin "nóng", "nhanh" nhưng thông tin thiếu nhân văn, không có ích với người dân, với cộng đồng, với đất nước thì cũng là vô ích, thậm chí tai hại. Việc quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực nhằm tạo động lực cho các báo chí đối ngoại chủ lực tăng cường khả năng kiểm chứng và khả năng đưa thông tin chân thực, có tính định hướng tới độc giả trong bối cảnh thông tin dễ nhiễu loạn như hiện nay.

An ninh mạng, bảo mật thông tin cũng là những khó khăn đối với quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Việc đầu tư vào công nghệ truyền thông tiên tiến, các giải pháp chuyển đổi số và đảm bảo an ninh mạng cũng là thách thức không nhỏ với nhiều cơ quan báo chí. Không phải đơn vị nào cũng có đủ nguồn lực, cơ sở hạ tầng và nhân lực để vận hành

hệ thống công nghệ phức tạp và liên tục cập nhật. Do đó, trong công tác quản lý thông tin đối ngoại, đòi hỏi phải có chiến lược chuyển đổi số bài bản, đi kèm với quy trình kiểm soát chất lượng và tính bảo mật cao nhằm đảm bảo tính an toàn, tin cậy của thông tin được lan truyền ra thế giới.

Hơn nữa, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư ngày càng phát triển mạnh mẽ, truyền thông mới, truyền thông mạng xã hội, khi mà mỗi người đều là "nhà báo mạng xã hội", có thể là một nguồn phát tin hay là một kênh truyền tin; mỗi người dân đều có thể tiếp cận với nhiều thông tin trên khắp thế giới, báo chí có thể đánh mất mình để trở thành công cụ sản xuất nội dung cho các nền tảng mạng xã hội khi mà người đọc tìm đến nguồn tin chính trên mạng xã hội, không cần quan tâm nguồn tin đó từ đâu, ai là người viết. Do đó, việc quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cần phải không ngừng đổi mới, đón đầu xu thế, ứng dụng công nghệ mới, để thông tin chính thống vẫn phải là dòng chủ lưu, lan tỏa rộng hơn, nhanh chóng hơn, hấp dẫn hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của người dân trong nước và ngoài nước, không để mất mảng dư luận, luôn đảm bảo vị trí, vai trò dẫn dắt dư luận của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong quản lý thông tin đối ngoại.

2.4.6. Yếu tố chất lượng cán bộ

Nhân tố con người luôn là yếu tố then chốt quyết định thành công trong mọi hoạt động truyền thông, đặc biệt là trong công tác thông tin đối ngoại khi đòi hỏi sự chuẩn xác, tinh tế và tầm nhìn chiến lược, trong đó, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và phóng viên, biên tập viên phụ trách thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực đóng vai trò quyết định.

Thứ nhất là chất lượng cán bộ quản lý thông tin đối ngoại. Nếu cán bộ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có năng lực quản lý tốt sẽ đảm bảo việc sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại có chất lượng cao, đảm bảo tiến độ thời gian, đưa các thông tin đối ngoại nhanh chóng, chuẩn xác, đúng đường lối của Đảng và Nhà nước, giúp cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giữ được vị trí tiên phong, dẫn dắt dư luận. Ngược lại, nếu năng lực quản lý, năng lực chuyên môn và sự nhạy bén trong công việc của cán bộ quản lý có hạn chế sẽ gây ảnh hưởng xấu đến công tác thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực.

Thứ hai là số lượng và chất lượng của cán bộ tham gia sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại. Các cán bộ tham gia sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại không chỉ cần năng lực nghiệp vụ báo chí vững vàng mà còn phải có kiến thức sâu rộng về quốc tế, có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo, hiểu biết về văn hóa, xã hội các quốc gia mà Việt Nam hướng tới trong thông tin đối ngoại. Hơn nữa, người làm báo đối ngoại cần có sự nhạy cảm chính trị, khả năng phân tích sắc bén, biết cách phát hiện và xử lý các vấn đề nóng trong nước và quốc tế theo hướng vừa khách quan vừa đúng định hướng, từ đó xây dựng hình ảnh đất nước một cách tích cực.

Không chỉ chất lượng chuyên môn, mà số lượng nhân lực được phân công cho lĩnh vực thông tin đối ngoại cũng là yếu tố cần được quan tâm. Thiếu hụt nguồn lực sẽ khiến công việc bị chùng chéo, giảm hiệu suất và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thông tin.

Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực việc thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, đồng thời xây dựng hệ thống đánh giá, phân loại, tuyển chọn nhân sự một cách bài bản, khoa học.

Tiểu kết Chương 2

Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là sự tác động của các chủ thể quản lý ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong quá trình tiếp nhận thông tin đối ngoại đầu vào, sản xuất, giám sát, phổ biến, tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện thông tin nhằm truyền tải thông tin trong nước đến với bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng như thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam. Quá trình này đảm bảo đúng vai trò của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là chỉ đạo, định hướng và chi phối thông tin, là các kênh thông tin chính thống, chủ yếu trên các loại hình báo chí, thể hiện quan điểm, tiếng nói chỉ đạo của đảng, nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế xã hội đất nước, hỗ trợ tích cực cho hoạt động ngoại giao và góp phần thúc đẩy sự phát triển của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, đảm bảo các cơ quan này luôn giữ vững vị trí tiên phong, dẫn dắt, định hướng dư luận, thể hiện quan điểm, tiếng nói chỉ đạo của đảng, nhà nước đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao vị thế, xây dựng hình ảnh quốc gia trong thời kỳ hội nhập sâu rộng và toàn diện; góp phần thông tin về các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước về đối ngoại; góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và góp phần đấu tranh dư luận, chống lại những luận điệu sai trái thù địch, phản bác lại những thông tin xuyên tạc, sai lệch về tình hình Việt Nam.

Các nội dung quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm: tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại; duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại; triển khai thực hiện thông tin đối ngoại; giám sát thực hiện thông tin đối ngoại; phổ biến thông tin đối ngoại; tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi; kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại. Việc quản lý được thực hiện thông qua các phương thức như: quản lý bằng pháp luật; quản lý thông qua tổ chức công việc; quản lý thông qua cơ chế tài chính; quản lý thông qua cảm hoá, thuyết phục; quản lý thông qua đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại.

Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau như yếu tố chính trị, pháp luật, chính sách đối ngoại, kinh tế xã hội, công nghệ, môi trường truyền thông và năng lực cán bộ.

Các vấn đề lý luận về quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nêu trên là nền tảng quan trọng giúp nghiên cứu sinh tiếp tục triển khai phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong giai đoạn 2020-2022 cũng như đề ra những giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở các chương tiếp theo.

**CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI
Ở MỘT SỐ CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC
CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-2022
(KHẢO SÁT TẠI BÁO NHÂN DÂN, THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM
VÀ ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM)**

3.1. Khái quát về một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

3.1.1. Khái quát về báo Nhân Dân

Báo *Nhân Dân* là cơ quan ngôn luận chính thức của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời là tiếng nói đại diện cho đảng, nhà nước và nhân dân. Tờ báo được thành lập theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ II của đảng.

Báo *Nhân Dân* ra đời trong bối cảnh kháng chiến chống thực dân Pháp đang diễn ra ác liệt, với số báo đầu tiên phát hành ngày 11/3/1951 tại chiến khu Việt Bắc, gồm 4 trang in. Sự ra đời của báo *Nhân Dân* là sự tiếp nối truyền thống và sứ mệnh cách mạng của các ấn phẩm tiền thân như: *Thanh niên*, *Tranh đấu*, *Cờ giải phóng* và *Sự thật*. Đây là những tờ báo đã góp phần định hướng dư luận và dẫn dắt tư tưởng trong các giai đoạn lịch sử trọng yếu trước đó.

Báo *Nhân Dân* với hệ thống xuất bản đa dạng, bao gồm các ấn phẩm chính sau:

Báo *Nhân Dân* (hàng ngày) ra hàng ngày.

Báo *Nhân Dân* Cuối tuần 16 trang ra hàng tuần.

Báo *Nhân Dân* Hằng tháng ra hàng tháng, mỗi số 48 trang.

Báo *Nhân Dân* điện tử gồm: được chính thức đưa vào hoạt động từ ngày 21/6/1998. Đây là tờ nhật báo đầu tiên của Việt Nam có mặt trên Internet, khởi đầu với địa chỉ www.nhandan.org.vn và hiện hoạt động đồng thời tại các địa chỉ: nhandan.vn và nhandan.com.vn. Báo *Nhân Dân* điện tử có các phiên bản bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, gồm: tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, phục vụ độc giả trong nước và quốc tế. Trong năm 2025, báo *Nhân Dân* điện tử khai trương phiên bản tiếng Hàn, dự kiến tiếp theo là phiên bản tiếng Nhật Bản.

Báo *Thời nay* ra số đầu ngày 4/1/2010, phát hành hai kỳ mỗi tuần vào

thứ Hai và thứ Năm, mỗi số gồm 24 trang in màu, tập trung khai thác phong phú các lĩnh vực đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật, giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng và tình hình thời sự trong nước, quốc tế.

Truyền hình Nhân Dân là kênh truyền hình thời sự chính luận tổng hợp trực thuộc báo *Nhân Dân* với tôn chỉ mục đích là "Tiếng nói của đảng, nhà nước và nhân dân Việt Nam". Đây là một trong 7 kênh truyền hình thiết yếu quốc gia theo Thông tư số 18/2016/TT-BTTTT quy định về danh mục kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương. *Truyền hình Nhân Dân* là kênh thời sự chính luận của đảng phát sóng 24/24 giờ mỗi ngày, mang lại dòng chảy thông tin liên tục phục vụ mọi tầng lớp nhân dân. *Truyền hình Nhân Dân* lên sóng chính thức vào ngày 1/9/2015 và hoạt động trong gần 10 năm. Ngày 14/1/2025, thực hiện quyết định sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan ở trung ương, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân ra Quyết định Kết thúc hoạt động của Trung tâm *Truyền hình Nhân Dân* ngày 10/2/2025.

Về cơ cấu tổ chức của báo *Nhân Dân*, theo Quyết định số 155-QĐ/TW ngày 06/12/2012 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về *Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của báo Nhân Dân*, báo *Nhân Dân* là cơ quan sự nghiệp có thu, được tổ chức thành Bộ Biên tập với cơ cấu tổ chức như sau :

1- Ban Biên tập báo *Nhân Dân*: là bộ phận giữ vai trò chỉ đạo và điều hành toàn diện các hoạt động của tòa soạn. Cơ cấu của Ban Biên tập bao gồm: Tổng Biên tập, người chịu trách nhiệm cao nhất về nội dung và định hướng xuất bản, cùng với các Phó Tổng biên tập và các Ủy viên Ban Biên tập, là những người phối hợp thực hiện công tác quản lý, tổ chức và kiểm soát nội dung báo chí theo định hướng chính trị và tôn chỉ mục đích của cơ quan báo.

2- Cơ cấu tổ chức của báo *Nhân Dân* gồm:

- Ban Thư ký - Biên tập
- Ban Xây dựng đảng
- Ban Chính trị - Xã hội
- Ban Kinh tế Công nghiệp
- Ban Nông nghiệp
- Ban Khoa giáo

- Ban Văn hoá - Văn nghệ
- Ban Quốc tế
- Ban Bạn đọc
- Ban Tuyên truyền Lý luận
- Ban *Nhân Dân* điện tử
- Ban *Nhân Dân* Cuối tuần
- Ban *Nhân Dân* Hằng tháng
- Ban báo *Thời nay*
- Ban Quản lý phóng viên thường trú
- . Cơ quan thường trực tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ quan thường trực tại Đà Nẵng
- Cơ quan thường trực tại Cần Thơ
- Vụ Tổ chức - Cán bộ
- Ban Trị sự
- Trung tâm *Truyền hình Nhân Dân*
- Trung tâm Thông tin
- Văn phòng
- Văn phòng đảng ủy và các đoàn thể
- Ban Hỗ trợ Xuất bản

Báo *Nhân Dân* cũng có các doanh nghiệp trực thuộc hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, gồm các Công ty TNHH In báo *Nhân Dân* tại Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Định và Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, báo *Nhân Dân* còn xây dựng thêm các bộ phận hỗ trợ cho công tác xuất bản như: phát hành báo, kinh doanh ấn phẩm, khai thác quảng cáo và các hoạt động liên quan khác.

Sau thời điểm tái cơ cấu, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, ngày 28/12/2024 Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị công bố Quyết định của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác của 13 cơ quan ban đảng, đơn vị sự nghiệp của đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, trong đó có báo *Nhân Dân*. Theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của báo *Nhân Dân*, báo *Nhân Dân* tập trung phát triển báo in và báo điện tử với các đầu mối như sau:

- Ban Thư ký - Biên tập
- Ban Xây dựng đảng
- Ban Chính trị - Ngoại giao
- Ban Kinh tế
- Ban Khoa học và Môi trường
- Ban Văn hóa - Xã hội
- Ban *Nhân Dân* điện tử
- Ban Chuyên đề (xuất bản báo *Nhân Dân* Cuối tuần, *Nhân Dân* Hằng tháng và *Thời nay*)
- Ban Quản lý phóng viên thường trú
- Cơ quan đại diện báo *Nhân Dân* tại miền Nam
- Cơ quan đại diện báo *Nhân Dân* tại miền Trung và Tây Nguyên
- Ban Công nghệ
- Trung tâm Phát triển Truyền thông
- Ban Kế hoạch - Tài chính
- Văn phòng

Tuy tinh gọn các đầu mối nhưng hoạt động chuyên môn của báo *Nhân Dân* liên quan thông tin đối ngoại cơ bản không thay đổi. Trong giai đoạn 2020-2022, hoạt động thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân* tập trung vào 3 đơn vị là Ban Quốc tế, Ban *Nhân Dân* điện tử và *Truyền hình Nhân Dân*. Đây là các đơn vị cấp vụ, trực thuộc Ban Biên tập. Trong đó, Ban Quốc tế chịu trách nhiệm về thông tin quốc tế cho người Việt Nam, đưa tin hoạt động đối ngoại của lãnh đạo đảng, nhà nước trong nước và ngoài nước, phụ trách về chuyên môn đối với các phóng viên thường trú ở nước ngoài. Ban *Nhân Dân* điện tử phụ trách thông tin trên trang báo điện tử xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga. *Truyền hình Nhân Dân* thực hiện thông tin đối ngoại trên truyền hình với các bản tin thời sự và chuyên đề, chuyên mục. Sau thời điểm tinh gọn bộ máy, Trung tâm *Truyền hình Nhân Dân* kết thúc hoạt động ngày 1/2/2025 nhưng trên báo *Nhân Dân* điện tử và các trang mạng xã hội, báo *Nhân Dân* vẫn duy trì thông tin thời sự quốc tế. Các chuyên mục phát sóng trên *Truyền hình Nhân Dân* trước đây tạm dừng và được định hướng từng bước chuyển sang hình thức phát mạng trên các nền tảng số. Báo *Nhân Dân* cũng duy trì trang tin tức phát thanh trên nền tảng số. Ngoài ra, báo *Nhân Dân* còn có hệ

thống các phóng viên thường trú nước ngoài cũng có nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện thông tin đối ngoại.

3.1.2. Khái quát về TTXVN

TTXVN là cơ quan thông tấn nhà nước, giữ vai trò chủ lực trong hệ thống báo chí quốc gia và thực hiện chức năng thông tin đối nội, đối ngoại theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Sự ra đời của TTXVN gắn liền với những bước đi đầu tiên trong việc thiết lập nền báo chí cách mạng nước nhà trong thời kỳ giành độc lập dân tộc.

Việt Nam Thông tấn xã được thành lập ngày 15/9/1945. Đây cũng là ngày đầu tiên cơ quan này phát đi bản tin toàn thế giới Bản Tuyên ngôn độc lập bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp. Sau khi thống nhất đất nước, ngày 24/5/1976, theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Việt Nam Thông tấn xã được hợp nhất với Thông tấn xã Giải phóng (cơ quan thông tin chính thức của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam). Ngày 12/5/1977, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị quyết số 84/NQ-QHK6 phê chuẩn việc đổi tên *Việt Nam Thông tấn xã* thành TTXVN.

TTXVN là cơ quan thuộc chính phủ, thực hiện chức năng cung cấp thông tin chính thống cho các cơ quan báo chí, các tổ chức trong nước và ngoài nước, cũng như đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của đảng và quản lý điều hành của nhà nước. Ngoài việc đăng tải các văn kiện chính thức, TTXVN còn đảm nhiệm việc thu thập, xử lý và truyền tải thông tin dưới nhiều hình thức báo chí và truyền thông đa phương tiện.

Với mô hình tổ chức theo hướng tổ hợp truyền thông, trong giai đoạn 2020-2022, TTXVN bao gồm 15 đơn vị chuyên trách sản xuất tin bài cho các đối tượng đối nội và đối ngoại (gồm 5 ban biên tập, 2 trung tâm thông tin nguồn và 8 tòa soạn), bên cạnh các đơn vị chức năng hỗ trợ như trung tâm dịch vụ, nhà xuất bản, doanh nghiệp in, các cơ quan đại diện khu vực và các đơn vị phục vụ trực tiếp cho Tổng Giám đốc. Đặc biệt, mạng lưới tác nghiệp của TTXVN được triển khai rộng khắp với hệ thống cơ quan thường trú tại tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước và 30 cơ quan thường trú tại nước ngoài, trải đều trên cả 5 châu lục. Điều này tạo điều kiện cho cơ quan này có thể thu

thập thông tin tại chỗ, bảo đảm độ tin cậy và tính thời sự cao trong các sản phẩm thông tin.

Với nguồn nhân lực trên 2.300 người, trong đó hơn 1.000 phóng viên và biên tập viên, TTXVN sản xuất hơn nhiều loại hình sản phẩm thông tin khác nhau. Các sản phẩm này bao gồm cả văn bản, ảnh báo chí, truyền hình, đồ họa, âm thanh, báo in, báo điện tử, ứng dụng di động và thông tin trên nền tảng mạng xã hội, đáp ứng đa dạng nhu cầu của công chúng trong kỷ nguyên truyền thông số.

Trong vai trò là cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của quốc gia, TTXVN phát hành tin tức bằng nhiều ngôn ngữ quốc tế như tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Trung và tiếng Việt, phục vụ cả hệ thống truyền thông trong nước lẫn quốc tế. Đặc biệt, các ấn phẩm của TTXVN còn được xuất bản bằng 10 ngôn ngữ khác nhau, bao gồm cả các ngôn ngữ dân tộc thiểu số như Khmer, Bahnar, Jrai, Êđê, Mông, K'ho, Cotu, v.v. Báo ảnh *Dân tộc và Miền núi*, một trong những sản phẩm báo chí tiêu biểu của TTXVN, là ấn phẩm song ngữ duy nhất hiện nay dành riêng cho các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

Về quan hệ quốc tế, TTXVN hiện có hợp tác song phương và đa phương với trên 40 hãng thông tấn, tổ chức báo chí lớn trên toàn cầu. Cơ quan này là thành viên Ban Chấp hành Tổ chức các Hãng thông tấn châu Á - Thái Bình Dương (OANA) và các sản phẩm của TTXVN được đăng tải rộng rãi trên các nền tảng truyền thông quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin.

Trong thời đại truyền thông kỹ thuật số, TTXVN không ngừng đổi mới về hình thức, công nghệ và phương thức tổ chức sản xuất nội dung. Với vai trò là kênh thông tin chiến lược, dòng thông tin chính thống và định hướng dư luận xã hội, TTXVN tiếp tục giữ vững vị thế là cơ quan thông tấn chủ lực của Đảng và Nhà nước, đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về phương diện thể chế, TTXVN hoạt động như một tổ chức hành chính trực thuộc chính phủ, có hệ thống tổ chức bộ máy hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương và quốc tế, bảo đảm tính linh hoạt, hiệu quả và hiện đại hóa trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Cơ cấu tổ chức của TTXVN gồm:

1. Ban Thư ký Biên tập và Quan hệ Đối ngoại.

2. Văn phòng.
3. Ban Tổ chức - Cán bộ.
4. Ban Kế hoạch - Tài chính.
5. Ban Kiểm tra.
6. Ban biên tập Tin Trong nước.
7. Ban biên tập Tin Thế giới
8. Ban biên tập Tin Đối ngoại
9. Ban biên tập Ảnh
10. Ban biên tập Tin Kinh tế
11. Trung tâm Thông tin Tư liệu và Đồ họa
12. Trung tâm *Truyền hình Thông tấn*
13. Báo *Tin tức*
14. Báo *Thể thao và Văn hóa*
15. Báo điện tử *VietnamPlus*
16. Báo *Việt Nam News*
17. Báo *Le Courrier du Vietnam*
18. Tạp chí *Vietnam Law and Legal Forum*
19. Báo ảnh *Việt Nam*
20. Báo ảnh *Dân tộc và Miền núi*
21. Nhà xuất bản *Thông tấn*
22. Cơ quan TTXVN khu vực phía Nam
23. Cơ quan TTXVN khu vực miền Trung - Tây Nguyên
24. Các cơ quan thường trú TTXVN ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật
25. Các cơ quan thường trú TTXVN ở nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật
26. Trung tâm Kỹ thuật *Thông tấn*
27. Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ *Thông tấn*
28. Trung tâm Phát triển Truyền thông *Thông tấn*
29. Trung tâm Hợp tác Quốc tế *Thông tấn* [18].

Trong giai đoạn 2020-2022, hoạt động thông tin đối ngoại tại TTXVN tập trung chủ yếu tại các đơn vị gồm: Ban Thư ký – Biên tập và Quan hệ Đối

ngoại, Ban biên tập Tin Đối ngoại, Ban biên tập Tin Thế giới, Ban biên tập Tin Trong nước. Các tờ báo thuộc TTXVN như: *Báo Ảnh Việt Nam* là tạp chí đối ngoại đầu tiên của Việt Nam, ra đời năm 1954; báo *Việt Nam News*, ra đời năm 1991, là tờ báo tiếng Anh hàng ngày đầu tiên và cho đến nay vẫn là duy nhất của Việt Nam; báo *Le Courrier du Vietnam* ra đời năm 1993, là tờ báo tiếng Pháp duy nhất của nước ta; báo điện tử *VietnamPlus*, ra đời năm 2008, là báo điện tử đối ngoại quốc gia cung cấp thông tin thời sự bằng 6 ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Trung, Nga; *Truyền hình Thông tấn*, phát sóng năm 2010, là một trong những kênh truyền hình thiết yếu quốc gia.

Tuy nhiên, cơ cấu bộ máy tổ chức này thay đổi vào năm 2025 khi TTXVN thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Cơ cấu, tổ chức bộ máy của TTXVN cũng thay đổi cùng với lộ trình tinh gọn, sắp xếp bộ máy cơ quan trung ương và địa phương bắt đầu từ năm 2024. Nghị định số 27/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TTXVN. Theo đó, TTXVN là cơ quan thuộc chính phủ, là cơ quan thông tấn quốc gia, là cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện, với chức năng đăng, phát thông tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, TTXVN cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo của đảng và quản lý của nhà nước; phổ biến thông tin phục vụ các cơ quan thông tin đại chúng, công chúng và các đối tượng khác trong và ngoài nước. Trong lĩnh vực thông tin đối ngoại, văn bản Nghị định nêu rõ TTXVN “Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực quốc gia; thu thập, biên soạn và phổ biến thông tin về Việt Nam bằng các ngôn ngữ khác nhau cho các cơ quan, tổ chức, cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước, người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài”. Theo Nghị định 27/2025/NĐ-CP, cơ cấu tổ chức của TTXVN gồm:

1. Ban Thư ký biên tập và Quan hệ đối ngoại
2. Văn phòng
3. Ban Tổ chức - Cán bộ.
4. Ban Kế hoạch - Tài chính
5. Ban biên tập tin Trong nước
6. Ban biên tập tin Thế giới

7. Ban biên tập tin Đối ngoại
8. Ban biên tập Ảnh
9. Ban biên tập tin Kinh tế
10. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa
11. Báo *Tin tức và Dân tộc*
12. Báo *Thể thao và Văn hóa*
13. Báo điện tử VietnamPlus
14. Báo *Việt Nam News and Law*
15. Báo *Le Courrier du Vietnam*
16. Báo *Ảnh Việt Nam*
17. Nhà xuất bản *Thông tấn*
18. Trung tâm Thông tin TTXVN khu vực phía Nam
19. Trung tâm Thông tin TTXVN khu vực miền Trung - Tây Nguyên
20. Trung tâm Nội dung số và Truyền thông
21. Trung tâm Kỹ thuật *Thông tấn*
22. Trung tâm Hợp tác Quốc tế *Thông tấn*

TTXVN có hệ thống các Cơ quan thường trú TTXVN ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và hệ thống các cơ quan thường trú TTXVN ở nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Khái quát về VOV

Ngày 22/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho Bộ Nội vụ và Bộ Tuyên truyền phải sử dụng các phương tiện truyền thông, đặc biệt là cần xây dựng ngay Đài Phát thanh Quốc gia. Ngày 7/9/1945, VOV phát đi chương trình phát thanh đầu tiên với danh xưng hào hùng, tự tin “*Đây là Tiếng nói của Việt Nam, phát thanh từ Hà Nội, thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*”.

VOV là cơ quan thuộc chính phủ, đảm nhiệm vai trò là đài phát thanh quốc gia với chức năng trọng yếu trong hệ thống thông tin đại chúng. VOV có nhiệm vụ truyền tải và phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của đảng, cũng như chính sách, pháp luật của nhà nước đến với toàn thể nhân dân. Đồng thời, VOV giữ vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục chính trị, xã hội, nâng cao trình độ dân trí và đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của công

chúng thông qua hệ thống chương trình phát thanh cùng các sản phẩm báo chí, truyền thông đa phương tiện được triển khai trên nhiều nền tảng hiện đại.

Về cơ cấu tổ chức, trong giai đoạn 2020-2022, VOV hoạt động theo Nghị định số 03/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 của Chính phủ *Quy định chức năng nhiệm vụ của Đài Tiếng nói Việt Nam*, theo đó, Cơ cấu tổ chức gồm:

1. Ban Thư ký Biên tập.
2. Ban Tổ chức Cán bộ.
3. Ban Kế hoạch - Tài chính.
4. Ban Hợp tác Quốc tế.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng.
7. Ban Thời sự (VOV1).
8. Ban Văn hóa - Xã hội (VOV2).
9. Ban Âm nhạc (VOV3).
10. Ban Dân tộc (VOV4).
11. Ban Đối ngoại (VOV5).
12. Ban Văn học - Nghệ thuật (VOV6).
13. Báo Điện tử VOV (VOV.VN).
14. Báo *Tiếng nói Việt Nam* (Báo VOV).
15. Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC.
16. Kênh VOV Giao thông.
17. Cơ quan thường trú khu vực Đông Bắc.
18. Cơ quan thường trú khu vực Tây Bắc.
19. Cơ quan thường trú khu vực Miền Trung.
20. Cơ quan thường trú khu vực Tây Nguyên.
21. Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Cơ quan thường trú khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.
23. Các cơ quan thường trú tại nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật.
24. Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh Truyền hình.
25. Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ Chương trình.
26. Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền thông.

27. Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D).

Đối với hoạt động thông tin đối ngoại, VOV5 là một trong 3 đơn vị đầu tiên ra đời cùng VOV ngày 7/9/1945, phát sóng chương trình bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng Đông (Trung Quốc). Sau đó, VOV5 phát thêm tiếng Bắc Kinh (Trung Quốc), quốc tế ngữ (Esperanto).

Cơ cấu bộ máy tổ chức của VOV thay đổi với Nghị định số 92/2022/NĐ-CP ngày 2/11/2022 của chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VOV. Tuy nhiên, từ ngày 1/3/2025, cơ cấu, tổ chức bộ máy của VOV thay đổi theo chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan trung ương, địa phương. Ngày 28/2/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2025/NĐ-CP Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam. Nghị định nêu rõ VOV là cơ quan thuộc chính phủ, là đài phát thanh quốc gia, cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh, báo in, báo điện tử. Theo đó, liên quan đến thông tin đối ngoại, Nghị định chỉ rõ VOV được quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, thời lượng phát sóng hằng ngày trên các kênh chương trình, phạm vi phủ sóng, phạm vi tác động thông tin đối nội và đối ngoại; cung cấp trên nền tảng số của VOV và nền tảng số khác các chương trình, kênh chương trình trong nước và ra nước ngoài theo quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức bộ máy thực hiện từ ngày 1/3/2025 của VOV như sau:

- Ban Thư ký biên tập
- Ban Tổ chức cán bộ và Hợp tác quốc tế
- Ban Kế hoạch - Tài chính
- Văn phòng
- Ban Thời sự (VOV1)
- Ban Văn hoá - Xã hội và Dân tộc (VOV2)
- Ban Văn học - Nghệ thuật - Âm nhạc (VOV3)
- Ban Đối ngoại (VOV5)

- Báo Điện tử Tiếng nói Việt Nam (VOV)
- Ban VOV Giao thông Quốc gia (VOVGT)
- Báo Điện tử VTC News
- Cơ quan thường trú khu vực Đông Bắc
- Cơ quan thường trú khu vực Tây Bắc
- Cơ quan thường trú khu vực miền Trung
- Cơ quan thường trú khu vực Tây Nguyên
- Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ quan thường trú khu vực Đồng bằng sông Cửu Long
- Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ Chương trình
- Trung tâm Kỹ thuật
- Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền thông
- Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D).

Như vậy, VOV5 vẫn tiếp tục duy trì nhiệm vụ chủ yếu tuyên truyền, thông tin đối ngoại bằng hình thức phát thanh cũng như khai thác nội dung trên trang điện tử của đơn vị.

Nhìn chung, ba cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực gồm: báo *Nhân Dân*; TTXVN và VOV đều có cơ cấu tổ chức khá chặt chẽ với nhiều phòng, ban và có một số cơ quan chuyên trách về thông tin đối ngoại. Đây là cơ sở để các cơ quan này thực hiện tốt việc quản lý và thực hiện công tác thông tin đối ngoại theo đúng chủ trương, chính sách đối ngoại của nhà nước, đúng quy định của Luật Báo chí.

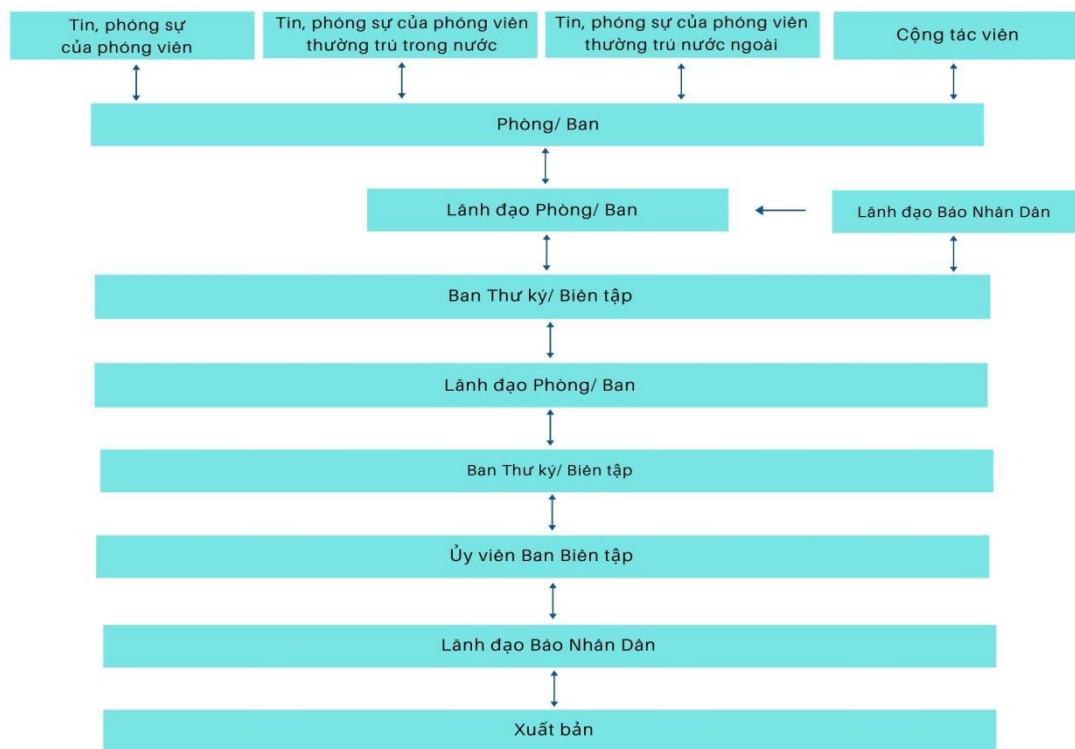
3.2. Thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí được khảo sát

3.2.1. Quản lý thông tin đối ngoại ở báo *Nhân Dân* giai đoạn 2020-2022

Tại báo *Nhân Dân*, công tác thông tin đối ngoại được thực hiện ở nhiều trang tin, chương trình, chuyên mục, ấn phẩm song có ba đơn vị có nhiệm vụ trọng tâm thực hiện công tác thông tin đối ngoại là: Ban Quốc tế, Ban *Nhân Dân* điện tử và *Truyền hình Nhân Dân*. Đây là các đơn vị cấp vụ, trực thuộc Ban Biên tập. Trong đó, Ban Quốc tế chịu trách nhiệm về thông tin quốc tế cho người Việt Nam, đưa tin hoạt động đối ngoại của lãnh đạo đảng, nhà nước trong nước và ngoài nước, phụ trách về chuyên môn đối với

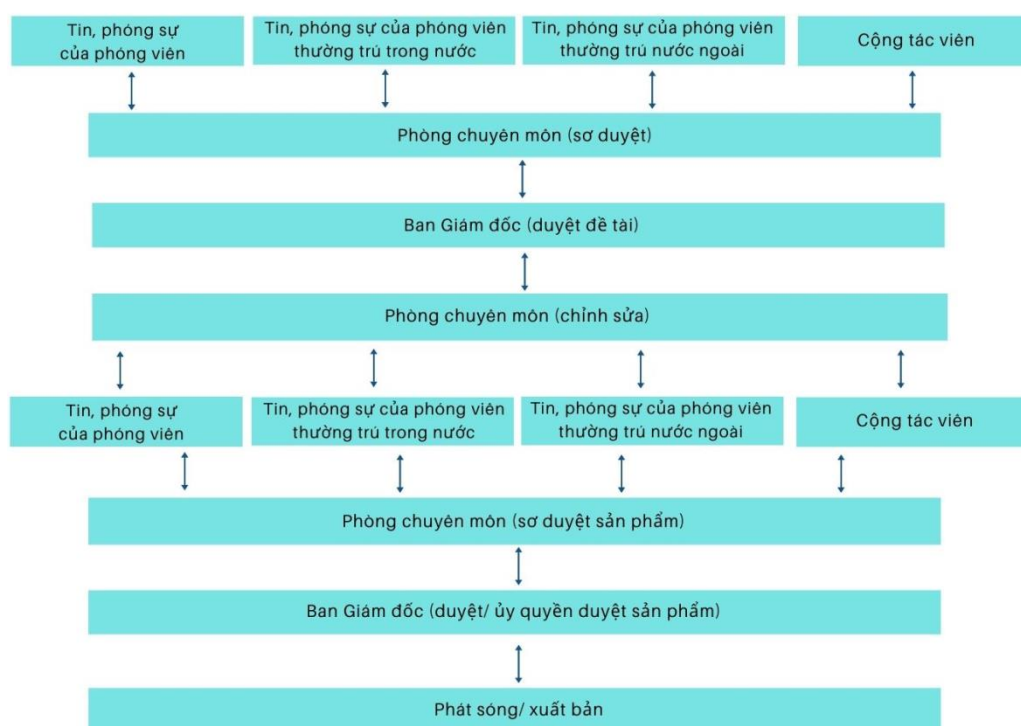
các phóng viên thường trú ở nước ngoài. Ban *Nhân Dân* Điện tử phụ trách thông tin trên trang báo điện tử xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga. *Truyền hình Nhân Dân* thực hiện thông tin đối ngoại trên truyền hình với các bản tin thời sự và chuyên đề, chuyên mục. Đồng thời trực tiếp vận hành trang tin tức phát thanh trên nền tảng số, trang Tiktok của báo *Nhân Dân*. Quy trình sản xuất thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân* gồm 8 bước:

- i) Khai thác, tiếp nhận thông tin, xử lý tư liệu;
- ii) Biên tập, biên dịch các tác phẩm;
- iii) Lãnh đạo phòng, ban sơ duyệt, hiệu đính lần 1;
- iv) Ban Thư ký - Biên tập, chỉnh sửa lần 2 (gồm cả chỉnh sửa morat, bản bông, thiết kế, trình bày ấn phẩm);
- v) Ban Biên tập duyệt, hiệu đính chuyên gia gửi lại Ban Thư ký;
- vi) In ấn, xuất bản;
- vii) Phát hành, lưu trữ thông tin;
- viii) Tiếp nhận phản hồi và đánh giá.



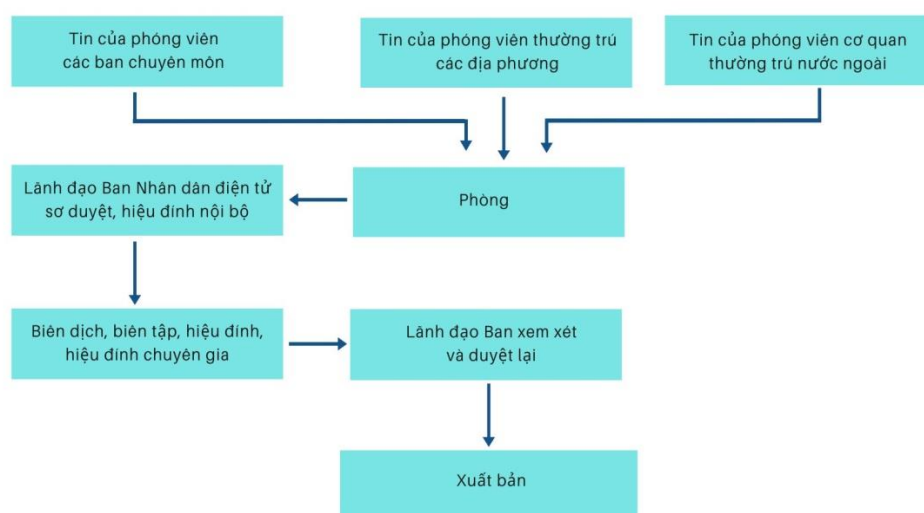
Hình 3. Mô hình quản lý thông tin tại báo *Nhân Dân*

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp



Hình 4. Mô hình quản lý thông tin truyền hình tại Truyền hình Nhân Dân

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp



Hình 5. Mô hình quản lý thông tin tiếng nước ngoài tại báo Nhân Dân

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp

Luận án đi sâu phân tích thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở báo *Nhân Dân* trong giai đoạn từ năm 2020-2022 theo 7 nội dung chính. Cụ thể như sau:

Thứ nhất là hoạt động tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Các phóng viên, nhất là phóng viên thường trú tại địa phương và nước ngoài thực hiện hoạt động tiếp nhận thông tin đối ngoại ngày và chuyển đến lãnh đạo các phòng, ban để sơ duyệt nội dung và lên kế hoạch thông tin cụ thể. Đối với kế hoạch dài hạn, lãnh đạo báo *Nhân Dân* có chiến lược trung hạn và kế hoạch hằng năm đối với ấn phẩm, từng đơn vị. Đây là cơ sở để lãnh đạo các phòng, ban để sơ duyệt nội dung và lên kế hoạch thông tin đối ngoại cụ thể tháng, tuần và ngày.

Thứ hai là công tác duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Ban chuyên môn, Ban Biên tập duyệt kế hoạch thông tin và quyết định xuất bản các ấn phẩm, các chủ đề tin bài. Với những nội dung đã phân cấp chịu trách nhiệm, Ban Biên tập kiểm tra và có quyền yêu cầu các phòng, ban phụ trách chỉnh sửa nếu cần thiết. Các tin bài của phóng viên thực hiện theo kế hoạch xuất bản, song, với một số trường hợp đặc biệt khi có đề tài hay vấn đề có tính thời sự đặc biệt đột ngột thì phóng viên phải được sự đồng ý của tòa soạn để sản xuất hoặc thay đổi đề tài đã đăng ký trước đó.

Báo *Nhân Dân* có các cuộc họp giao ban xuất bản vào 8h30' hằng ngày và 14h30' vào Thứ Bảy và Chủ nhật hằng tuần. Đây là cuộc họp phân công 1 Ủy viên Ban Biên tập điều hành, các đơn vị sản xuất thông tin, trong đó có thông tin đối ngoại cử đại diện họp nhằm trao đổi, báo cáo, định hướng hoạt động thông tin của đơn vị. Ủy viên Ban Biên tập chủ trì cũng là người sẽ trực thông tin tuần của báo *Nhân Dân* (từ Thứ Hai đến Chủ nhật tuần đó).

Thứ ba là việc triển khai thực hiện thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Công tác biên tập, kiểm duyệt thông tin đối ngoại được thực hiện theo 3 cấp từ phóng viên tới trưởng phòng, ban chuyên môn phụ trách tới Ban Biên tập. Đồng thời, đội ngũ phóng viên của báo *Nhân Dân* đa số có kinh nghiệm và được đào tạo chuyên sâu về báo chí nên hầu hết các thông tin đối ngoại đều có chiều sâu, có sự phân tích, định hướng nội dung đúng yêu cầu của công tác thông tin đối ngoại, tạo nên sự ổn định, tin cậy và hiệu quả. Việc hiệu đính cũng được thực

hiện hai lần với lần hai là hiệu đính chuyên gia để đảm bảo các ấn phẩm thông tin đối ngoại không bị các lỗi chính tả, diễn đạt, trình bày khi chuyển ngữ.

Lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn ấn phẩm thẩm định, biên tập tin bài và chịu trách nhiệm về những sai sót trong nội dung; thẩm định, sửa lỗi, hoàn thiện market số báo.

Truyền hình Nhân Dân đã thực hiện chủ trương tuyên truyền quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; các chủ trương, quan điểm, giải pháp chỉ đạo điều hành của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, Bộ Y tế, của các địa phương về công tác phòng, chống dịch bệnh; đẩy mạnh tuyên truyền về chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 gắn với thông tin, tuyên truyền về những biện pháp, giải pháp quyết liệt, kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đảng, nhà nước, bộ, các ngành, địa phương trong việc triển khai các biện pháp cấp bách về phòng, chống dịch.

Thông tin về dịch bệnh được phản ánh, cập nhật kịp thời trong các bản tin thời sự (4 bản tin/ngày), chuyên mục “Sống khỏe” (thời lượng 10’/số), các phóng sự 10’ theo đơn đặt hàng tuyên truyền của Bộ Thông tin và Truyền thông khi đó. Đặc biệt, *Truyền hình Nhân Dân* mở chuyên mục phát óng hằng ngày “Quyết thắng đại dịch” (thời lượng 3-7’/số/ngày), chuyên mục “Đại dịch COVID-19 - Phòng tránh và điều trị”, thời lượng 10’/số, mỗi tuần 2 số. *Truyền hình Nhân Dân* cũng sản xuất 4 phim tài liệu về dịch bệnh COVID-19 trên thế giới (thời lượng 10’/tập). Tháng 9/2021, *Truyền hình Nhân Dân* cử nhóm 3 phóng viên vào TP. Hồ Chí Minh tác nghiệp nhiều ngày tại Bệnh viện Dã chiến số 13 nhằm thực hiện phóng sự, phim tài liệu về hoạt động các y, bác sỹ trong bệnh viện dã chiến.... Bộ phim này sau đó được giải cao giải báo chí của Bộ Y tế. Tin, phản ánh, phóng sự, phim tài liệu do *Truyền hình Nhân Dân* sản xuất được phát trên truyền hình, website, hạ tầng mạng xã hội... thu hút được sự quan tâm của khán giả.

Nội dung thông tin khẳng định sự vào cuộc khẩn trương của các cơ quan, lực lượng chức năng ở địa phương nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của các chính sách và nguồn lực, mang tính nhân văn. các giải pháp của cấp

uỷ đảng, chính quyền các cấp về công tác phòng, chống dịch COVID-19 và phát triển kinh tế, xã hội trong trạng thái “bình thường mới”, vừa phòng chống dịch bệnh CCOVID-19, vừa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, sự nỗ lực của các doanh nghiệp và những kết quả đã đạt được của các doanh nghiệp trong việc tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh...

Thứ tư là công tác giám sát thực hiện thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Lãnh đạo phòng, ban phụ trách ấn phẩm có trách nhiệm giám sát, huy động nhân lực, vật lực thực hiện công tác thông tin đối ngoại, công tác tổ chức xuất bản ấn phẩm, đồng thời, bao quát, giám sát khâu biên tập, thiết kế. Chính nhờ sự giám sát thường xuyên, liên tục, gắn với thực tiễn đưa tin và định hướng dư luận xã hội mà công tác thông tin đối ngoại đã có nhiều cải tiến, sáng tạo trong trình bày, nội dung có sự sắc nét, chuyển biến rõ rệt, tạo sự hấp dẫn bạn đọc; cách dùng tin chọn lọc, cách đặt tiêu đề phong phú, các trang báo sinh động hơn, ngắn gọn, thiết thực, giàu thông tin.

Thứ năm là hoạt động phổ biến thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Trưởng phòng, ban phụ trách ấn phẩm duyệt toàn bộ tin bài, duyệt market số báo, trình Ban Biên tập duyệt xuất bản. Đồng thời, trưởng phòng, ban phụ trách ấn phẩm chịu trách nhiệm về nội dung tin bài, đảm bảo quy trình thiết kế, trình bày đúng tiến độ.

Trong giai đoạn COVID-19, các đơn vị phát hành báo chí cũng như các công ty in trực thuộc, báo *Nhân Dân* đã cung cấp miễn phí gần 4 triệu tờ báo cho người dân Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Long An, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu (trước đây) trong 20 ngày các tỉnh, thành phía Nam thực hiện giãn cách xã hội trong năm 2021. Ngoài ra, tòa soạn báo *Nhân Dân* đã áp dụng đường dẫn (link) đọc báo trực tuyến miễn phí với các ấn phẩm báo in trong năm 2021 phục vụ bạn đọc cả nước.

Năm 2021 là năm đổi mới mạnh mẽ và toàn diện của báo *Nhân Dân* trên góc độ phổ biến thông tin đa dạng, đa hình thức. Điểm nổi bật là cách thức thể hiện tin, bài phong phú, đa dạng, chất lượng cao rõ rệt trên cả ấn phẩm báo in, báo điện tử và truyền hình. Báo *Nhân Dân* đã tăng cường sự hiện diện trên các nền tảng mạng xã hội Facebook, Tiktok, Zalo, Podcast...

đồng thời nhiều ấn phẩm báo in cũng được đưa lên các sản phẩm công nghệ để tiếp cận tốt hơn đến các đối tượng bạn đọc.

Thứ sáu là việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi tại báo Nhân Dân. Các thông tin phản hồi từ bạn đọc sẽ được cung cấp trực tiếp cho tòa soạn báo *Nhân Dân* dưới nhiều phương thức và góc độ khác nhau. Các trưởng bộ phận có email riêng và mỗi bộ phận cũng có một email. Ngoài ra, báo còn có đường dây nóng chuyên tiếp nhận các cuộc gọi.

Các nguồn thông tin phản ánh của người dân đến cơ quan báo chí hoặc từ độc giả có 3 dạng chính: gợi ý cho nhà báo, báo chí; thông tin, bài viết gửi đến báo chí, cộng tác viên và kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo qua báo chí được truyền tải đến người có chức vụ, quyền hạn của tổ chức đảng, cơ quan nhà nước. Trong đó, số lượng đơn thư, ý kiến phản ánh đến báo chí chiếm tỷ lệ cao là đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền của người dân, tham nhũng, quản lý tài nguyên.

Việc khai thác thông tin từ đơn thư bạn đọc luôn được làm theo quy trình khép kín với trình tự: Phóng viên phát hiện đề tài; báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban được ủy quyền, về quy trình tác nghiệp; Trưởng ban, Phó Trưởng ban báo cáo Ban Biên tập. Khi nhận được sự đồng ý, phóng viên mới được thực hiện.

Trong kế hoạch sản xuất, lãnh đạo báo *Nhân Dân* cũng phân công rõ ràng từ giao chức năng nhiệm vụ cho phòng, ban nào đến đăng tải trên các chuyên mục, tiểu mục nào. Các ban, đơn vị làm nhiệm vụ chuyên môn, văn phòng đại diện, phóng viên thường trú đều có thể đề xuất đề tài điều tra. Quyết định cuối cùng thuộc về Ban Biên tập [73].

Thứ bảy là công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại tại báo Nhân Dân. Lãnh đạo báo *Nhân Dân* và Ban Biên tập thực hiện kiểm tra, đánh giá công tác thông tin đối ngoại trong các cuộc họp giao ban định kỳ. Ngoài ra, công tác thông tin đối ngoại cũng có thể được kiểm tra, đánh giá theo chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết công tác 6 tháng hoặc cuối năm. Việc kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo hoạt động thông tin đối ngoại được thực hiện đúng chủ trương, chính sách của đảng, quy định của Luật Báo chí và

phản ánh đường lối đối ngoại của nhà nước. Ngoài ra, việc kiểm tra, đánh giá công tác thông tin đối ngoại còn làm tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động thông tin đối ngoại, nâng cao năng lực tổ chức và thực hiện quy trình sản xuất thông tin đối ngoại ở tòa soạn báo *Nhân Dân*.

Nhìn chung, mặc dù giai đoạn 2020-2022, hoạt động thông tin đối ngoại của báo *Nhân Dân* gặp khó khăn khi dịch bệnh COVID-19 lan rộng, “*phóng viên, biên tập viên không được gặp nhau, song nhờ được trang bị các công cụ hiện đại hỗ trợ làm việc online nên công việc vẫn được triển khai đều đặn, thường xuyên và thậm chí có thời điểm, lượng tin bài còn tăng chứ không hề bị giảm*” (Trích phỏng vấn lãnh đạo Ban *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung).

Quản lý thông tin đối ngoại của báo *Nhân Dân* giai đoạn 2020-2022 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, luôn đi sát định hướng phục vụ nhiệm vụ chính trị, góp phần thúc đẩy hoạt động thông tin đối ngoại nói riêng và thông tin báo chí nói chung trong phổ biến, tuyên truyền, thống nhất nhận thức và hành động của toàn xã hội trong thực hiện chủ trương, chính sách kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội, ngoại giao của Đảng và Nhà nước.

Bảng 3.1. Nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin đối ngoại và số lượng tin, bài đối ngoại tại báo *Nhân Dân* giai đoạn 2020-2022

Năm	Ban Quốc tế	Ban <i>Nhân Dân</i> điện tử					Truyền hình <i>Nhân Dân</i>
		Anh	Trung	Nga	Pháp	Tây Ban Nha	
2020	23	7	9	9	8	9	7
2021	23	8	9	9	7	9	7
2022	23 (12 phóng viên thường trú nước ngoài)	7	7	7	6	7	8

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của báo *Nhân Dân*

Bảng 3.2. Tin, bài của Ban Quốc tế báo Nhân Dân giai đoạn 2020-2022*Đơn vị: tin, bài*

Năm	Tin, bài		
	<i>Nhân Dân</i> (báo in)	<i>Nhân Dân</i> (điện tử)	Khác (<i>Nhân Dân</i> Cuối tuần, <i>Nhân Dân</i> Hằng tháng, <i>Thời nay</i> , báo Tết...)
2020	4.011	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	105
2021	4016	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	104
2022	4.023	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	102

*Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của báo Nhân Dân***Bảng 3.3. Tin, bài của Ban Nhân Dân điện tử giai đoạn 2020-2022***Đơn vị: tin, bài*

Năm	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nga	Tiếng Tây Ban Nha
2020	11.426	5.504	8.528	5.825	8.172
2021	14.869	6.885	10.677	5.396	10.810
2022	11.905	8.242	12.083	5.467	13.417

*Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp từ số liệu của báo Nhân Dân***Bảng 3.4. Tin, bài của Truyền hình Nhân Dân giai đoạn 2020-2022***Đơn vị: tin, bài, chuyên mục*

Năm	Tin thời sự	Chuyên mục Đối ngoại và Hội nhập (15')	Chuyên mục Nhìn từ Hà Nội (15')	Chuyên mục Thế giới phẳng (10')	Chuyên mục Nghiên cứu (5')	Chuyên mục Kinh tế (10')	Ghi chú
2020	32.448	53	53	54	101		
2021	33.005	52	52	52	106	48	Từ ngày 27/10/2021
2022	33.796	52	52	53	106	260	

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của báo Nhân Dân

Các bài thông tin đối ngoại mang tính định hướng cao, bố cục chặt chẽ, đảm bảo chuyển tải nhanh, kịp thời hiệu quả chủ trương, đường lối đối ngoại của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và cũng bám sát đời sống kinh tế - xã hội của cả nước. Báo *Nhân Dân* là đơn vị đi đầu trong công tác chuyển đổi số, đổi mới chính mình giúp công tác tuyên truyền nói chung và tuyên truyền thông tin đối ngoại nói riêng ngày càng hiệu quả, đồng hành cùng các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực khác trên cả nước trong việc đổi mới để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước. Chẳng hạn, *“Đối với các sản phẩm podcast, tiêu chí ngắn gọn nhưng đầy đủ thông tin được đặt lên đầu, do đó, trong các bản tin được sản xuất, các thông tin được đề cập phải là các thông tin mang tính thời sự, ngắn gọn, đầy đủ. Trong đó, yếu tố kịp thời được nhóm thực hiện bản tin quán triệt ngay từ những ngày đầu sản xuất. Tin tức được cập nhật và sản xuất ngay trong thời gian ngắn, giúp các bản tin không bị hoãn về mặt thời gian. Mặt khác do các nền tảng nhúng tệp file hiện nay khá nhanh và ổn định nên khi thực hiện việc đẩy file âm thanh lên các nền tảng này gần như không có độ trễ. Độc giả gần như có thể tiếp cận ngay lập tức sau khi nội dung được hậu kỳ và upload”*. (Trích phỏng vấn lãnh đạo Truyền hình Nhân Dân).

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 của giai đoạn 2020-2022, nhiều bài viết về dịch COVID-19 đã được đăng tải chính xác, kịp thời trên báo *Nhân Dân*, có giai đoạn, số tin bài về dịch chiếm 25-30% nội dung số báo. Riêng Ban *Nhân Dân* điện tử đã triển khai khoảng 10 nghìn tin, bài về dịch COVID-19. Với thể mạnh có 6 ngôn ngữ truyền tải thông tin, Ban *Nhân Dân* điện tử tiếng Việt, Nga, Trung, Anh, Pháp, Tây Ban Nha đã phủ sóng thông tin liên tục, cung cấp thông tin cho độc giả trong nước và quốc tế. Trong khi đó, *Nhân Dân* Hằng tháng, *Nhân Dân* Cuối tuần đều có các bài tiêu điểm về phòng, chống dịch phản ánh hoạt động của lực lượng tuyến đầu chống dịch, các vấn đề cấp thiết đặt ra trong chống dịch, công tác phòng dịch ở các điểm nóng, những tấm gương, mô hình chống dịch tiêu biểu, sự linh hoạt thích ứng trong bối cảnh dịch bệnh. Các bài viết tuyên truyền về dịch bệnh như “1500 giờ ghi

hình trong tâm dịch”, “Bảo tàng chuyển mình thời công nghệ số”, “Người giành giật sự sống với tử thần”, “Phòng chống dịch COVID-19 ở Thành phố Hồ Chí Minh”, “Kịp thời thay đổi để phù hợp tình hình”, “Chạy đua cùng thế giới nghiên cứu sản xuất vắc xin”, “Hộ chiếu vắc xin”, “Cuộc thử nghiệm khó khăn”,... *Truyền hình Nhân Dân* đã mở chuyên mục phát sóng hằng ngày “Quyết thắng đại dịch”, chuyên mục “Đại dịch COVID-19 – Phòng tránh và điều trị”; sản xuất seri 4 phim tài liệu về dịch bệnh COVID-19 trên thế giới; cử êkíp 3 phóng viên vào Thành phố Hồ Chí Minh tác nghiệp nhiều ngày tại Bệnh viện dã chiến số 13 nhằm thực hiện phóng sự, phim tài liệu về hoạt động của các y, bác sĩ trong bệnh viện dã chiến... Ngoài ra, báo *Nhân Dân* ngày 1/10/2021 ra mắt *Radio Thời sự Nhân Dân* hoạt động trên các nền tảng podcast thông dụng của thế giới với tần suất 2 bản tin mỗi ngày; từ ngày 5/10/2021 ra mắt bản tin thời sự trên mạng xã hội Tiktok và Youtube với mục tiêu đưa thông tin chính thống của Đảng và Nhà nước tới đông đảo tính thính giả ở trong nước và nước ngoài [11].

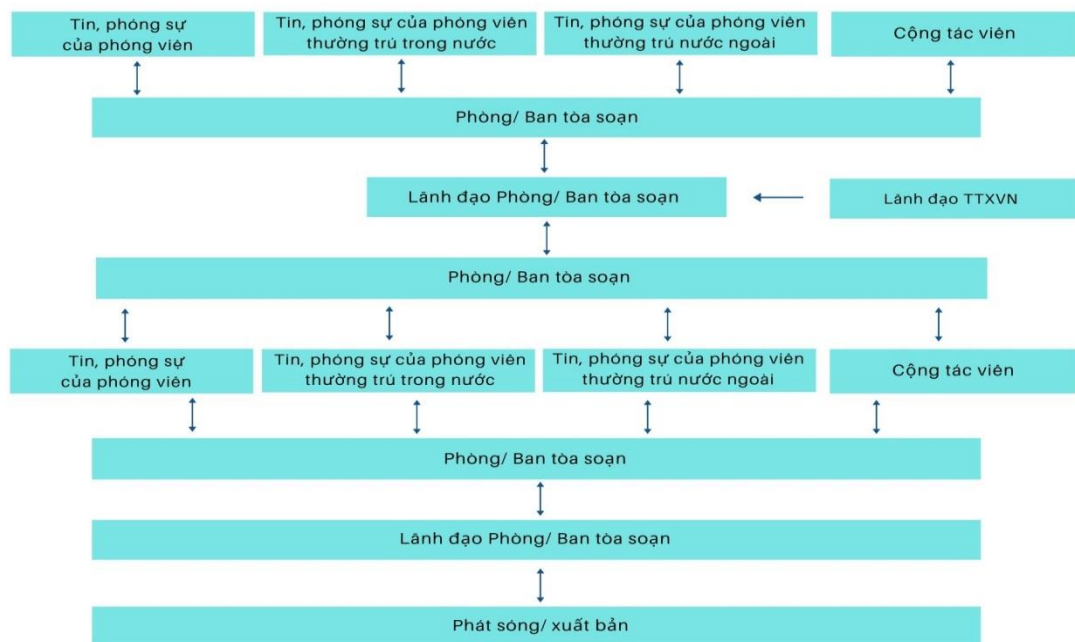
Bên cạnh những kết quả đã đạt được, mặc dù tòa soạn báo *Nhân Dân* được tổ chức theo mô hình tòa soạn đa phương tiện nhưng các ấn phẩm trực thuộc lại được tổ chức dưới mô hình tòa soạn “đơn phương tiện”. Điều này đã trở thành rào cản cho các phòng, ban liên kết, hợp tác trong quá trình thực hiện công tác thông tin đối ngoại. Tòa soạn đơn phương tiện không kích thích sự sáng tạo, dấn thân của phóng viên, cản trở sự trao đổi, chia sẻ với các phòng, ban, phóng viên làm việc trở nên thụ động, chỉ đáp ứng đúng, đủ yêu cầu nhiệm vụ được phân công, dẫn đến thiếu linh động trong các tình huống đặc biệt phát sinh. Ngoài ra, “*Do sản xuất các chương trình cho nền tảng số, do vậy yêu cầu về bản quyền đối với âm nhạc trong sản xuất chương trình là yêu cầu bắt buộc. Nhóm sản xuất đã tự bỏ tiền để mua nhạc bản quyền trong 1 năm đầu để sản xuất chương trình, tuy nhiên, đến nay không còn đủ khả năng để duy trì việc mua bản quyền âm nhạc, do đó một số file âm thanh sử dụng lâu sẽ gây nhàm chán trong việc thu hút và giữ chân độc giả*” (Trích phỏng vấn lãnh đạo *Truyền hình Nhân Dân*).

3.2.2. Quản lý thông tin đối ngoại ở TTXVN giai đoạn 2020-2022

Tương tự báo *Nhân Dân*, công tác thông tin đối ngoại của TTXVN tập trung ở Ban Thư ký - Biên tập và Quan hệ Đối ngoại, Ban biên tập Tin Đối ngoại, Ban biên tập Tin Thế giới, Ban biên tập Tin Trong nước, các tờ báo thuộc TTXVN như báo tiếng Anh *Việt Nam News*, báo tiếng Pháp *Le Courrier du Vietnam*, *Báo ảnh Việt Nam*, tạp chí *Vietnam Law and Legal Forum*, báo điện tử *VietnamPlus* xuất bản bằng tiếng Việt và các tiếng nước ngoài, *Truyền hình Thông tấn*.

Quy trình sản xuất thông tin (văn bản và tin truyền hình) gồm 8 bước:

- i) Khai thác tin;
- ii) Biên tập, biên dịch các tác phẩm;
- iii) Sơ duyệt, hiệu đính;
- iv) Hiệu đính chuyên gia;
- v) Duyệt, xuất bản;
- vi) Lưu trữ thông tin;
- vii) Tiếp nhận phản hồi và rút kinh nghiệm thông tin;
- viii) Đánh giá thực hiện thông tin.



Hình 6. Mô hình quản lý thông tin tại Thông tấn xã Việt Nam

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp

Sau đây, luận án đi sâu vào phân tích thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở TTXVN theo bảy nội dung của quản lý thông tin đối ngoại nói chung. Cụ thể như sau:

TTXVN thực hiện các buổi giao ban vào khoảng 8h30 sáng hằng ngày đối với các đơn vị thông tin toàn cơ quan, trong đó có Ban biên tập Tin Đối ngoại, Ban biên tập Tin Thế giới cũng như các tờ báo đối ngoại bằng tiếng nước ngoài. Cuộc họp do 1 lãnh đạo TTXVN hoặc Trưởng Ban biên tập Tin Thế giới chủ trì để các đơn vị báo cáo dự kiến thông tin trong ngày, những vấn đề trong hoạt động sản xuất của đơn vị, trao đổi giữa các đơn vị cũng như lãnh đạo chủ trì định hướng, giải quyết những vấn đề, lên kế hoạch, phân công sản xuất thông tin.

Trong giai đoạn 2020-2021, nội dung chủ yếu tại các cuộc giao ban thông tin hằng ngày là kế hoạch thông tin liên quan dịch bệnh, các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong nước và quốc tế. Những thông tin cập nhật được báo cáo, trao đổi trước khi lên kế hoạch sản xuất, xuất bản hằng ngày. Trong giai đoạn này, sau khi kết thúc giao ban, do tính chất diễn biến của dịch bệnh, các biện pháp thông tin, định hướng thông tin vẫn có thể thay đổi, phát sinh nên các lãnh đạo TTXVN và đại diện đơn vị luôn cập nhật thông tin, điều chỉnh hoạt động sản xuất, xuất bản, thậm chí chỉnh sửa thông tin đã phát. Cũng trong giai đoạn này, sự liên kết thông tin giữa Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương), Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và TTXVN gắn chặt và thường xuyên trong ngày.

Về cơ bản, cấu trúc xử lý thông tin của TTXVN tuân thủ nguyên tắc chung như sau:

Thứ nhất là hoạt động tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại. Trong hoạt động nghiệp vụ, các ban biên tập phụ trách mảng thông tin đối ngoại của TTXVN chủ yếu thu thập và tiếp nhận nguồn tin từ các đơn vị cung cấp tin nội bộ bằng tiếng Việt như Ban biên tập Tin trong nước, Ban biên tập tin Kinh tế, Ban biên tập Ảnh, Trung tâm Thông tin Tư liệu, *Truyền hình Thông tấn* và các tòa soạn chuyên ngành khác. Đồng thời, các đơn vị này còn chủ động mở rộng khai thác thông tin từ hệ

thông báo chí chính thống trong nước và quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn dữ liệu đầu vào.

Việc lựa chọn, tiếp cận và khai thác thông tin được phân cấp tới từng phòng ngôn ngữ trong các ban biên tập, dựa trên kế hoạch điểm tin buổi sáng và đề xuất thông tin hằng ngày từ các đơn vị tin nguồn. Tùy theo ngôn ngữ xuất bản, đặc điểm của nhóm độc giả hoặc khán thính giả mà từng phòng chuyên môn sẽ chủ động đề xuất hoặc trực tiếp khai thác thêm nội dung từ các nguồn ngoài hệ thống TTXVN. Trong trường hợp này, các phòng chịu trách nhiệm toàn diện về độ tin cậy và tính chính xác của thông tin được sử dụng và công bố.

Thứ hai là công tác duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại. Trên cơ sở các kế hoạch thông tin đối ngoại được đề xuất, căn cứ vào định hướng và kế hoạch hoạt động chung, ban biên tập thông tin đối ngoại duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại. ban biên tập là đơn vị xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại theo ngày, tháng và quý. Việc xây dựng này theo định kỳ và dựa vào các ngày kỷ niệm lớn, các sự kiện đối ngoại nổi bật.

Thứ ba là việc triển khai thực hiện thông tin đối ngoại tại. Để triển khai thực hiện công tác thông tin đối ngoại, các ban biên tập thông tin đối ngoại phân công thực hiện biên tập, biên dịch, sơ duyệt, hiệu đính thông tin đối ngoại.

Ngay sau khi thông tin được chọn lọc và thẩm định, nội dung sẽ được chuyển tới biên tập viên phụ trách dịch thuật. Đây là công đoạn có vai trò trọng yếu trong quy trình sản xuất thông tin đối ngoại, đòi hỏi người thực hiện không chỉ thông thạo ngôn ngữ đích mà còn phải am hiểu nghiệp vụ báo chí và văn hóa truyền thông quốc tế để có thể chuyển tải nội dung từ tiếng Việt sang các ngôn ngữ nước ngoài một cách đầy đủ, súc tích và hiệu quả. Mức độ hấp dẫn và tính chuyên nghiệp của sản phẩm thông tin phụ thuộc đáng kể vào khả năng xử lý văn phong, lựa chọn thể loại phù hợp (chẳng hạn tin ngắn, bài tổng hợp, phân tích, chính luận hay phóng sự) và kỹ năng tổng hợp thông tin của biên tập viên.

Sau khâu dịch thuật, sản phẩm được chuyển tới cán bộ hiệu đính để rà soát cả về nội dung lẫn ngôn ngữ. Những người làm công việc này cần hội tụ các yếu tố: kinh nghiệm thực tiễn, bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ

chuyên môn báo chí, khả năng ngoại ngữ tốt và sự nhạy bén trong nắm bắt định hướng thông tin đối ngoại.

Sau bước sơ duyệt và hiệu đính lần đầu, thông tin đối ngoại tiếp tục được hiệu đính chuyên gia: Đây là khâu mang tính đặc thù trong quy trình sản xuất thông tin của các ban biên tập thông tin đối ngoại. Đây là hình thức kiểm định cuối cùng trước khi xuất bản, nhằm bảo đảm bản tin đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực ngôn ngữ và phong cách báo chí quốc tế. Mọi sản phẩm, dù đã được xử lý bởi biên tập viên và hiệu đính viên giàu kinh nghiệm trong nước, đều tiếp tục được chuyên gia người nước ngoài rà soát kỹ lưỡng về ngữ pháp, cú pháp và sắc thái biểu đạt để phù hợp hơn với đối tượng truyền thông quốc tế. Yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ chuyên gia này là phải có trình độ chuyên môn cao, hiểu biết về chính trị, xã hội Việt Nam và có khả năng nắm bắt đặc điểm ngôn ngữ báo chí của quốc gia tiếp nhận thông tin. Hiện nay, các phòng ngữ của Ban biên tập Tin Đối ngoại đều đang duy trì hợp tác với các chuyên gia bản ngữ thông qua chế độ hợp đồng hoặc các thỏa thuận song phương giữa TTXVN và các hãng thông tấn quốc tế.

Thứ tư là công tác giám sát thực hiện thông tin đối ngoại. Sản phẩm thông tin đối ngoại sau khi qua các bước nói trên được chuyển lại cho cán bộ có thẩm quyền xem xét và duyệt xuất bản, đảm bảo công tác thực hiện thông tin đối ngoại được giám sát chặt chẽ trước khi đăng phát.

Thứ năm là hoạt động phổ biến thông tin đối ngoại. Sản phẩm thông tin đối ngoại được đăng phát lên website *vnanet.vn*, báo điện tử *VietnamPlus*, báo *Việt Nam News*, Báo ảnh Việt Nam, báo *Le Courrier du Vietnam*, tạp chí *Vietnam Law and Legal Forum* và bộ phận Tổng không chế của *Truyền hình Thông tấn*. Một số sản phẩm được lựa chọn đăng phát lên mạng xã hội.

Cùng với việc đăng phát, sản phẩm thông tin đối ngoại được lưu trữ trên các hệ thống máy chủ nội bộ và hệ thống mạng của TTXVN nhằm phục vụ công tác tra cứu, tham khảo và khai thác thông tin về sau. Các sản phẩm được lưu trữ có hệ thống trên các máy chủ nội bộ và hệ thống mạng chuyên dụng của TTXVN, đồng thời được phân loại và sắp xếp theo chủ đề hoặc nội dung trên các ổ cứng dùng chung giữa các đơn vị. Hình thức lưu trữ này

không chỉ giúp đảm bảo an toàn dữ liệu, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng, tổng hợp hoặc phát triển nội dung cho các sản phẩm báo chí tiếp theo có cùng chủ đề hoặc liên quan về mặt thông tin.

Có thể khẳng định rằng, công tác phổ biến và lưu trữ thông tin đối ngoại giữ vai trò thiết yếu trong chuỗi hoạt động truyền thông của TTXVN. Nó không chỉ đảm bảo sản phẩm thông tin đến được với công chúng mục tiêu một cách hiệu quả, mà còn duy trì tính liên tục và kế thừa trong hoạt động báo chí đối ngoại.

Thứ sáu là việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi. Trong bối cảnh truyền thông hiện đại, hoạt động thông tin không kết thúc sau khi sản phẩm báo chí được công bố, mà tiếp tục phát triển thông qua quá trình tương tác với công chúng. Tại TTXVN, sau khi các sản phẩm thông tin đối ngoại được xuất bản trên các nền tảng như báo điện tử, báo in, truyền hình hay mạng xã hội, việc theo dõi và tiếp nhận phản hồi từ người đọc, người xem hoặc các đối tượng liên quan được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong chu trình truyền thông.

Các phản hồi có thể đến dưới nhiều hình thức, bao gồm: bình luận trực tiếp trên các nền tảng số, thư góp ý từ độc giả, ý kiến của các cơ quan hữu quan hoặc các nhận định trên mạng xã hội. Khi nhận được các phản hồi này, cán bộ phụ trách ở cấp phòng, ban, đặc biệt là tại các ban biên tập thông tin đối ngoại, có trách nhiệm phân tích, đánh giá mức độ phù hợp và tính xác thực của nội dung phản hồi. Trong trường hợp cần thiết, các nội dung thông tin chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ sẽ được rà soát, chỉnh sửa hoặc đính chính theo quy trình nghiệp vụ báo chí và theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Không chỉ dừng lại ở việc xử lý kỹ thuật, các hoạt động phản hồi này còn tạo ra cơ hội đối thoại giữa cơ quan báo chí với công chúng. Đây là kênh thông tin hai chiều quan trọng giúp ban biên tập nắm bắt rõ hơn về nhu cầu, thị hiếu và mức độ quan tâm của từng nhóm công chúng, từ đó điều chỉnh định hướng nội dung, phương thức thể hiện và mức độ chuyên sâu của thông tin. Ngoài ra, phản hồi của độc giả còn giúp xác định được các điểm nóng trong dư luận, phát hiện sớm những biểu hiện xuyên tạc, sai lệch hoặc các luận điệu chống phá cần phải được đấu tranh, phản bác kịp thời bằng thông

tin chính thống, có cơ sở và sức thuyết phục cao.

Về mặt tổ chức và phát triển nhân lực, việc thường xuyên tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi cũng đóng vai trò như một quá trình huấn luyện thực tiễn cho đội ngũ biên tập viên, đặc biệt là các biên tập viên trẻ. Qua đó, họ được rèn luyện năng lực chuyên môn, khả năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp báo chí, cũng như tăng cường bản lĩnh chính trị, những yếu tố cốt lõi để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác thông tin đối ngoại trong giai đoạn hội nhập và phát triển. Nhìn chung, nguồn nhân lực chủ yếu thực hiện thông tin đối ngoại tại TTXVN bao gồm Ban biên tập Tin Thế giới, Ban biên tập Tin Đối ngoại, báo tiếng Anh *Việt Nam News*, báo *VietnamPlus* (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Nga), báo tiếng Pháp *Le Courrier du Vietnam*, *Báo ảnh Việt Nam* (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Nhật Bản, tiếng Lào, tiếng Kh'mer, tiếng Hàn) và Tạp chí tiếng Anh *Vietnam Law and Legal Forum*. Đây là nguồn nhân lực quy mô lớn tại TTXVN với những đòi hỏi riêng về ngoại ngữ, kinh nghiệm biên tập, tác nghiệp liên quan yếu tố ngôn ngữ nước ngoài.

Bảng 3.5. Nguồn nhân lực cho hoạt động thông tin đối ngoại và số lượng tin, bài đối ngoại tại TTXVN giai đoạn 2020-2022

Đơn vị: người

Năm	Ban Biên tập Tin Thế giới	Ban biên tập Tin Đối ngoại	<i>Vietnam Plus</i>	<i>Việt Nam News</i>	<i>Le Courrier du Vietnam</i>	<i>Báo Ảnh Việt Nam</i>	Tạp chí <i>Vietnam Law and Legal Forum</i>
2020	212	65	Không làm tin tiếng nước ngoài	97	25	65	12
2021	210	64	Không làm tin tiếng nước ngoài	96	24	64	11
2022	210 (trong nước và ngoài nước)	64	Không làm tin tiếng nước ngoài	92	22	60	11

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của TTXVN

Tóm lại, việc quản lý phản hồi không chỉ đơn thuần là bước hoàn thiện thông tin sau xuất bản, mà còn là một phần cấu thành quan trọng trong quy trình sản xuất thông tin mang tính chiến lược, góp phần giữ vững uy tín, nâng cao chất lượng và hiệu quả định hướng của TTXVN, cơ quan thông tấn quốc gia của Việt Nam.

Trả lời phỏng vấn sâu về những kết quả đạt được trong quản lý thông tin đối ngoại ở một số tờ báo thuộc TTXVN, lãnh đạo TTXVN khẳng định: “*Với một đội ngũ cán bộ, công nhân viên làm công tác thông tin đối ngoại bằng các*

ngữ hơn 400 người, từ bản tin nguồn (Ban biên tập Tin Đối ngoại...) đến các báo, tạp chí (Việt Nam News, Báo ảnh Việt Nam, VietnamPlus, Le Courrier du Vietnam, Vietnam Law and Legal Forum...) được thể hiện bằng 11 ngôn ngữ khác nhau (Việt, Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga, Hàn, Lào, Khmer...), TTXVN ngày càng khẳng định vai trò, vị thế của một hãng thông tấn mạnh về thông tin đối ngoại, có uy tín trong khu vực. Tuy có lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại đông đảo, nhiều ngữ, song công tác chỉ đạo, quản lý thông tin ở TTXVN luôn bảo đảm tính nhất quán, thống nhất đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại. (Trích phỏng vấn lãnh đạo TTXVN).

Trên cơ sở có sự thống nhất quản lý thông tin đối ngoại trong hệ thống các bộ phận của TTXVN, các ý kiến chỉ đạo của ban lãnh đạo TTXVN được triển khai đồng bộ, thống nhất từ cấp ban tới cấp phòng và xuống từng biên tập viên nhằm đảm bảo định hướng thông tin chung. Giữa các đơn vị thông tin luôn có sự phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện hiệu quả các tuyến thông tin trọng điểm, có sự phân nhiệm, phân vai rõ ràng, sẵn sàng hỗ trợ nhau để thông tin đạt hiệu quả cao nhất.

Bên cạnh việc khai thác chọn lọc tin, bài đăng phát trên các bản tin nguồn của Ban biên tập Tin Trong nước, Ban biên tập Tin Thế giới, Ban biên tập Tin Đối ngoại, Ban biên tập Tin Kinh tế, Ban biên tập Ảnh... các đơn vị thông tin đối ngoại đều triển khai những sản phẩm thông tin riêng biệt thể hiện bản sắc riêng và đặc thù của từng ấn phẩm để tạo nên sự phong phú, hấp dẫn của thông tin đối ngoại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của công chúng. Có thể coi đó là “sự thống nhất trong đa dạng”.

Ban biên tập Tin Đối ngoại triển khai mạnh mẽ tất cả các tuyến tin bằng 5 ngôn ngữ nước ngoài cung cấp cho độc giả trong nước và ngoài nước các vấn đề, sự kiện thời sự quan trọng của đất nước; quảng bá hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. Trong những năm gần đây, đơn vị đẩy mạnh thông tin đa phương tiện: thực hiện các bản tin, phóng sự truyền hình bằng các ngữ phát trên kênh *Truyền hình Thông tấn* và báo điện tử; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các khâu của quá trình sản xuất thông tin; cho ra mắt các sản phẩm thông tin đồ họa, podcast; khai thác và đăng phát các phóng sự ảnh,...

Báo *Việt Nam News*, báo hằng ngày bằng tiếng Anh duy nhất của Việt Nam, là tờ báo in đối ngoại quốc gia, liên tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thông tin như tăng cường các bài chuyên sâu có chất lượng về các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa, du lịch của Việt Nam; đa dạng hóa các hình thức thể hiện, đặc biệt là tăng cường thực hiện video, trong đó nhiều video có số lượt xem từ chục nghìn tới trăm nghìn. Chỉ cần quét mã QR được đăng kèm các bài viết trên báo in *Việt Nam News*, bạn đọc có thể nhanh chóng tiếp cận thông tin video để có cái nhìn sinh động hơn về đề tài mà bài viết đề cập. Các tuyến thông tin được đăng phát trên ấn phẩm báo in hằng ngày báo *Việt Nam News*, trang web vietnamnews.vn, bizhub.vn (chuyên trang về kinh tế), các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram và Youtube.

Báo Ảnh Việt Nam, tạp chí in đối ngoại quốc gia, có đặc thù và thế mạnh về thông tin hình ảnh, các tuyến chuyên đề chuyên sâu, được phản ánh bằng 10 ngôn ngữ. Phát huy thế mạnh về ảnh, *Báo Ảnh Việt Nam* tập trung vào các chủ đề giới thiệu, quảng bá các nét văn hóa đặc sắc về phong tục, tập quán, ẩm thực vùng miền,... của Việt Nam. Ngoài thông tin trên các website, tạp chí in *Báo Ảnh Việt Nam* bằng tiếng Lào, Anh và Tây Ban Nha được phát hành rộng rãi tại Lào, các nước khu vực Mỹ Latinh và nhiều Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài.

Báo điện tử *VietnamPlus* đã và đang khẳng định vị thế là tờ báo điện tử đối ngoại chủ lực quốc gia, ngày càng tạo được sức hút đối với độc giả nhờ chất lượng và sản lượng thông tin. Với 6 ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga), *VietnamPlus* là một trong những tờ báo điện tử đi đầu về ứng dụng công nghệ, Trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức sản xuất thông tin đối ngoại, cập nhật xu hướng nổi bật của báo chí thế giới như visual journalism (báo chí thị giác), data journalism (báo chí dữ liệu), tăng cường sản xuất sản phẩm thông tin đối ngoại chất lượng cao theo định dạng longform, megastory kết hợp nhiều yếu tố đa phương tiện, tích cực sản xuất tin video,... *VietnamPlus* liên tục cập nhật nhiều tính năng mới để tiếp cận công chúng nhanh và dễ dàng hơn, đồng thời tăng tính tương tác.

Le Courrier du Vietnam có vai trò là cầu nối giữa Việt Nam với cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp (80 nước thành viên và quan sát viên của Tổ chức Quốc tế Pháp ngữ - OIF), giúp độc giả nói tiếng Pháp tiếp cận tình hình

Việt Nam một cách chính xác, trung thực, giúp họ hiểu hơn về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam.

Trong nỗ lực đẩy mạnh thông tin đa phương tiện, báo *Le Courrier du Vietnam* đã khai trương chuyên mục podcast trên trang điện tử, tập trung vào 3 chủ đề: Việt Nam đa sắc màu, Những người bạn pháp ngữ tại Việt Nam. Đặc biệt, hằng năm, với sự hỗ trợ của OIF và GADIF, báo *Le Courrier du Vietnam* đều đặn tổ chức cuộc thi “Phóng viên trẻ Pháp ngữ” để qua đó lan tỏa tình yêu tiếng Pháp trong các bạn trẻ, trở thành cầu nối góp phần thúc đẩy tình hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với cộng đồng các nước nói tiếng Pháp.

Tạp chí *Vietnam Law and Legal Forum* với 240 kỳ xuất bản và *Official Gazette*, bản dịch tiếng Anh của *Công báo*, các văn bản pháp luật đã đóng góp tích cực cho công tác thông tin đối ngoại về đường lối, chủ trương của đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, những tựa sách ảnh song ngữ hoặc đơn ngữ tiếng nước ngoài của Nhà xuất bản *Thông tấn* có thể tài đa dạng, tập trung giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam, những sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại là một trong những sản phẩm thông tin đối ngoại có giá trị và sức lan tỏa lớn của TTXVN. Ngoài ra, với kho tư liệu ảnh phong phú và có giá trị, TTXVN tích cực tham gia thực hiện các cuộc trưng bày, triển lãm ảnh về quan hệ Việt Nam với các nước nhân chuyến thăm Việt Nam của lãnh đạo cấp cao nước ngoài, các sự kiện lớn của đất nước, bộ ban ngành.

Thứ bảy là công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại. Việc kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ quá trình thực hiện thông tin đối ngoại là công việc thường xuyên để xem xét các khâu tổ chức sản xuất sản phẩm diễn ra đúng quy trình, đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm ở mỗi công đoạn cũng như tinh thần, thái độ, trách nhiệm của các cán bộ tham gia quy trình sản xuất và phổ biến thông tin đối ngoại, việc phối hợp giữa các phòng, ban, bộ phận... Công đoạn này giúp đúc rút kịp thời những kinh nghiệm hay hoặc dở trong quá trình thực hiện thông tin đối ngoại để từ đó tăng cường chất lượng, hiệu quả thực hiện thông tin đối ngoại trong thời gian tiếp theo.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2020-2022, khi có diễn biến bất thường

của đại dịch COVID-19, lãnh đạo TTXVN đã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bằng nhiều giải pháp phù hợp; triệt để ứng dụng công nghệ, AI trong hoạt động nghiệp vụ; tăng cường phối hợp giữa phóng viên ở hiện trường và biên tập viên,... Nhờ đó, TTXVN đã cùng các lực lượng thông tin đối ngoại phản ánh đầy đủ, kịp thời tình hình trong nước và quốc tế, góp phần củng cố sự đồng thuận trong xã hội và nâng cao hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Cùng với các cơ quan thường trú ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước, TTXVN còn có hệ thống 30 cơ quan thường trú ở nước ngoài, khắp 5 châu lục trên thế giới. Mạng lưới này đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin chiến lược phục vụ lãnh đạo, phản ánh các vấn đề quốc tế và khu vực được quan tâm, đồng thời là kênh thông tin quan trọng trong công tác thông tin đối ngoại của quốc gia.

TTXVN cung cấp thông tin đối ngoại bằng 10 ngôn ngữ cho hơn nhiều cơ quan thông tấn nước ngoài, tổ chức báo chí quốc tế và công chúng là người nước ngoài; thông tin đối ngoại bằng các loại hình tin văn bản, đồ họa (tĩnh, động), ảnh, truyền hình, megastory, longform, podcast. Thông tin đối ngoại của TTXVN được đăng tải trên nhiều nền tảng, nhất là các nền tảng mạng xã hội để tăng hiệu quả và sức lan tỏa thông tin. Các đơn vị thông tin đối ngoại của TTXVN tăng cường sản xuất tin đa phương tiện, đặc biệt là video và podcast; đẩy mạnh đưa thông tin bằng 5 ngữ nước ngoài lên mạng xã hội. Với các loại hình thông tin đa dạng và bằng nhiều ngữ, được đăng tải trên nhiều nền tảng khác nhau, sự lan tỏa thông tin đối ngoại của TTXVN đã có sự cải thiện mạnh mẽ.

Bảng 3.6. Tin, bài phát tin nguồn VNANET (TTXVN)
giai đoạn 2020-2022

Đơn vị: tin, bài, ảnh

Năm	Tin thời sự thế giới	Thông tin tham khảo	Tin thời sự kinh tế thế giới	Ảnh thời sự quốc tế	Tin - ảnh thời sự thế giới	Thông tin tư liệu thế giới	Tin đồ họa thế giới
-----	----------------------	---------------------	------------------------------	---------------------	----------------------------	----------------------------	---------------------

2020	28.875	43.415	14.578	36.332	12.546	1.216	678
2021	30.363	46.305	16.494	37.171	12.052	1.123	281
2022	32.873	48.181	17.990	39.407	11.137	1.001	442

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của TTXVN

Bảng 3.7. Tin, bài trên báo của TTXVN giai đoạn 2020-2022

<i>Đơn vị: tin, bài</i>							
Năm	Ban biên tập Tin Đối ngoại (các ngữ)	<i>Vietnam Plus</i> (các ngữ)	<i>Việt Nam News</i> (báo in hằng ngày và báo điện tử)	<i>Le Courrier du Vietnam</i> (báo in và báo điện tử)	<i>Báo ảnh Việt Nam</i> (các ngữ)	<i>Vietnam Law and Legal Forum</i> (báo in và báo điện tử)	<i>Báo Tin tức</i> (thông tin thế giới trên báo in và báo điện tử)
2020	55.990	Báo điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số
2021	54.400	Báo Điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số
2022	62.600	Báo Điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của TTXVN

Trong bối cảnh đặc biệt của giai đoạn 2020-2022, TTXVN phải thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại trong bối cảnh khủng hoảng y tế toàn cầu do đại dịch COVID-19 và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường truyền thông số. Trong bối cảnh đối mặt nhiều thách thức, công tác quản lý thông tin đối ngoại tại TTXVN vẫn đạt được những kết quả nổi bật, thể hiện ở sự thống nhất trong chỉ đạo, tính chuyên nghiệp trong tổ chức sản xuất, đa dạng hóa ngôn ngữ và nền

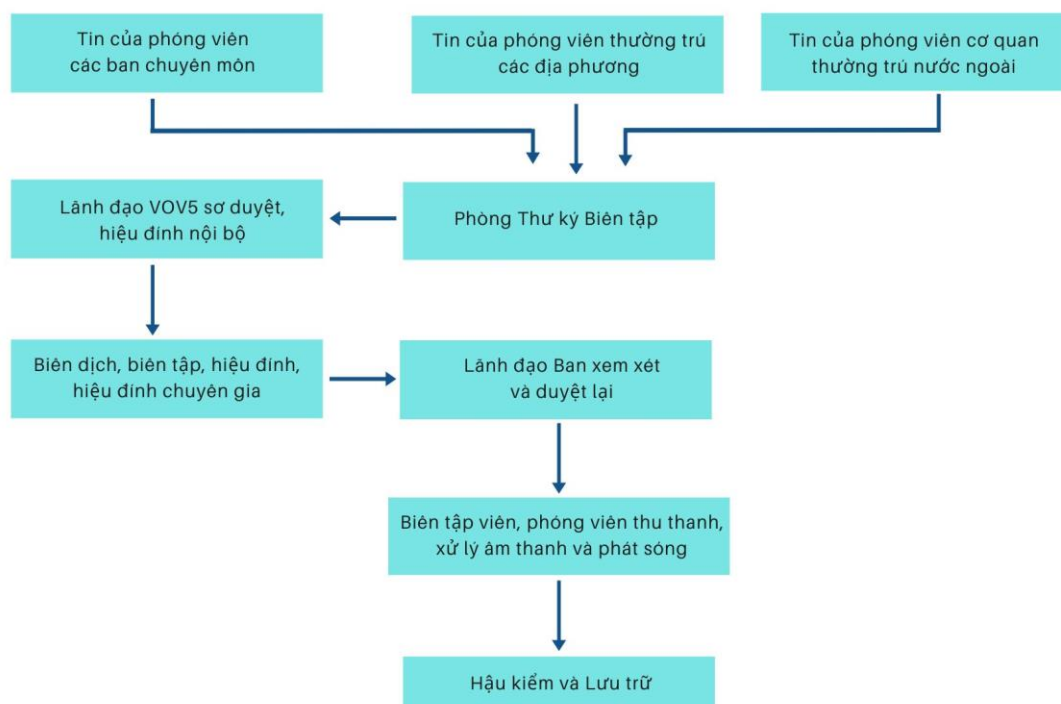
tăng truyền thông, cũng như việc ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiệp vụ báo chí. Quy trình quản lý được tổ chức chặt chẽ, đồng bộ qua các khâu chính: tiếp nhận và xây dựng kế hoạch thông tin dựa trên nguồn nội bộ và khai thác từ báo chí trong nước và quốc tế; phân cấp theo ngôn ngữ và độc giả; duyệt kế hoạch theo định kỳ, gắn với sự kiện đối ngoại lớn; triển khai thực hiện biên tập, dịch thuật, hiệu đính đa cấp, bao gồm chuyên gia bản ngữ để đảm bảo chuẩn mực quốc tế; giám sát duyệt xuất bản cuối cùng; phổ biến qua các nền tảng như vnnet.vn và các báo *VietnamPlus*, *Việt Nam News*, *Le Courrier du Vietnam*, *Báo ảnh Việt Nam*, *Vietnam Law and Legal Forum* và mạng xã hội; tiếp nhận phản hồi, phân tích, chỉnh sửa, tạo đối thoại hai chiều để cải thiện nội dung và rèn luyện nhân lực; và kiểm tra đánh giá thường xuyên để rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng. TTXVN đã phát huy lợi thế của một cơ quan thông tấn quốc gia đa ngữ, đa loại hình, với hơn 400 cán bộ làm công tác đối ngoại thông tin bằng 11 ngôn ngữ khác nhau và mạng lưới 30 cơ quan thường trú ở nước ngoài, góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền và quảng bá hình ảnh Việt Nam. Các đơn vị như *VietnamPlus*, *Vietnam News*, *Báo ảnh Việt Nam*, *Le Courrier du Vietnam*, *Vietnam Law and Legal Forum* đều đổi mới mạnh mẽ về nội dung, hình thức thể hiện và tăng cường yếu tố đa phương tiện như video, podcast, đồ họa, longform, megastory..., giúp thông tin đối ngoại lan tỏa nhanh, sâu và hiệu quả hơn trên các nền tảng số. Nhìn chung, trong giai đoạn 2020-2022, TTXVN đã thể hiện vai trò đầu tàu trong hệ thống báo chí đối ngoại Việt Nam, vừa đảm bảo nhiệm vụ thông tin chiến lược của nhà nước, vừa thích ứng linh hoạt với yêu cầu mới của thời đại số. Tuy nhiên, kết quả này cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục xây dựng chiến lược thông tin đối ngoại dài hạn, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đầu tư sâu hơn cho công nghệ truyền thông hiện đại, nhằm nâng cao vị thế TTXVN trong công tác đối ngoại quốc gia.

3.2.3. Quản lý thông tin đối ngoại ở VOV giai đoạn 2020-2022

Đối với VOV, công tác thông tin đối ngoại tập trung ở VOV5, hay còn gọi là Ban Đối ngoại của VOV. Quy trình sản xuất sản phẩm phát thanh về thông tin đối ngoại ở VOV5 gồm 9 bước:

- i) Khai thác tin;
- ii) Phòng Thư ký - Biên tập lên kế hoạch nội dung sản xuất;
- iii) Lãnh đạo duyệt nội dung;

- iv) Biên dịch, biên tập thông tin;
- v) Sơ duyệt, hiệu đính;
- vi) Hiệu đính chuyên gia nước ngoài;
- vii) Lãnh đạo duyệt (lần hai);
- viii) Thu thanh, biên tập về nội dung và hình thức, phát sóng;
- ix) Thu nhận phản hồi, đánh giá.



Hình 7. Mô hình quản lý thông tin tại VOV5 - VOV

Nguồn: Nghiên cứu sinh tự tổng hợp

Sau đây luận án đi sâu phân tích thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở VOV5 theo 7 nội dung của quản lý thông tin đối ngoại nói chung. Cụ thể như sau:

Thứ nhất là hoạt động tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại. Tại VOV5, hoạt động tiếp nhận thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại được triển khai từ nhiều nguồn đáng tin cậy và có định hướng rõ ràng. Nguồn thông tin chủ yếu được khai thác từ các đơn vị chuyên môn trong đài, từ hệ thống cơ quan thường trú trong nước và ngoài nước, từ cộng tác viên, các hãng thông tấn chính thống như TTXVN cùng một số hãng tin quốc tế. Trong đó, thông tin nội bộ từ VOV được đánh giá là nguồn tin

chủ lực, thường xuyên được VOV5 tiếp cận và sử dụng.

Hoạt động xây dựng kế hoạch tuyên truyền đối ngoại do Phòng Thư ký Biên tập đảm nhiệm, với vai trò đề xuất và triển khai kế hoạch sản xuất nội dung cho toàn bộ 12 chương trình phát thanh đối ngoại, đồng thời là cơ sở nội dung chính cho trang thông tin điện tử đối ngoại vovworld.vn. Các kế hoạch được xây dựng theo chu kỳ tuần, tháng hoặc theo các đợt cao điểm truyền thông, bám sát các chủ đề trọng tâm về đối ngoại. Nội dung kế hoạch được xác lập chi tiết đến từng tin, bài, từng âm thanh, sự kiện và phương thức tiếp cận.

Ngoài ra, lãnh đạo VOV5 chỉ đạo việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tổ chức thông tin đối ngoại 5 năm và năm nhằm đảm bảo thông tin đúng định hướng của Đảng và Nhà nước về thông tin đối ngoại và đúng tôn chỉ mục đích của báo chí nói chung và của VOV nói riêng.

Thứ hai là công tác duyệt kế hoạch thông tin đối ngoại tại VOV. Trên cơ sở kế hoạch mà Phòng Thư ký Biên tập gửi, lãnh đạo VOV5 duyệt nội dung thông tin đối ngoại trước khi chuyển giao cho các phòng ban thực hiện. Sau khi nội dung kế hoạch được lãnh đạo phê duyệt, các thông tin liên quan sẽ được chuyển đến các phòng biên dịch trước thời điểm thu âm và phát sóng. Việc cung cấp tài liệu từ sớm tạo điều kiện cho đội ngũ biên dịch viên có đủ thời gian để xử lý ngôn ngữ một cách chính xác, đồng thời lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với đặc điểm văn hóa và nhu cầu tiếp nhận của từng nhóm đối tượng công chúng. Việc xét duyệt đảm bảo tính thống nhất với các chương trình tổng thể của cơ quan, đồng thời phản ánh đúng mục tiêu, nội dung ưu tiên và các mốc thời gian quan trọng.

Kế hoạch có thể dựa theo dòng sự kiện song phải chỉ rõ những nội dung trọng tâm và các hình thức cơ bản, những thời điểm quan trọng cần tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại, có sự phân rõ trách nhiệm tổ chức cho từng phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên. Bên cạnh đó, các cán bộ, phóng viên, biên tập viên và kỹ thuật viên của kênh cũng dễ dàng nắm bắt được kế hoạch, định hướng thực hiện công tác thông tin đối ngoại, từ đó có sự chủ động trong công việc.

Thứ ba là việc triển khai thực hiện thông tin đối ngoại. Công tác triển khai thực hiện thông tin đối ngoại tại VOV5 bao gồm: biên tập, biên dịch; sơ duyệt, hiệu đính và hiệu đính của chuyên gia nước ngoài.

Trong quy trình xử lý thông tin đối ngoại tại VOV5, công đoạn biên tập và biên dịch giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Sau khi thông tin được lựa chọn và thẩm định, nội dung được chuyển ngay đến các biên tập viên để tiến hành chuyển ngữ sang các ngoại ngữ phù hợp. Giai đoạn này đòi hỏi đội ngũ biên tập viên không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng về nghiệp vụ báo chí mà còn phải có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và chất lượng trong quá trình truyền tải thông tin từ tiếng Việt sang các ngôn ngữ khác.

Một yếu tố quan trọng là đặc thù tiếp nhận thông tin của công chúng quốc tế rất đa dạng. Ví dụ, thính giả châu Âu thường ưa chuộng phong cách thông tin ngắn gọn, trực tiếp, trong khi công chúng châu Á lại có xu hướng tiếp cận những nội dung có đầy đủ bối cảnh và phân tích chiều sâu. Do đó, người làm công tác biên dịch cần linh hoạt trong cách thể hiện, lựa chọn cấu trúc và văn phong phù hợp với đặc điểm văn hóa, tâm lý và thị hiếu của từng nhóm đối tượng.

Tiếp theo là giai đoạn sơ duyệt và hiệu đính, trong đó các sản phẩm sau khi dịch được chuyển đến các cán bộ có kinh nghiệm để rà soát nội dung và ngôn ngữ. Quá trình hiệu đính đòi hỏi hiệu đính viên phải hội tụ nhiều yếu tố: kinh nghiệm thực tiễn, bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn báo chí và khả năng ngoại ngữ tốt, đồng thời cần nắm vững định hướng tuyên truyền để đảm bảo thông tin được truyền tải chính xác, đúng mục tiêu.

Một bước kiểm soát chất lượng đặc thù trong quy trình sản xuất của VOV5 là khâu hiệu đính do các chuyên gia bản ngữ đảm nhiệm. Dù sản phẩm đã qua tay những biên tập viên và hiệu đính viên người Việt có chuyên môn cao, chúng vẫn tiếp tục được rà soát bởi chuyên gia người nước ngoài để đảm bảo độ chuẩn xác về cú pháp, ngữ pháp, văn phong và các chuẩn mực ngôn ngữ bản địa. Hiệu đính viên ở công đoạn này chịu trách nhiệm hiệu đính ngôn ngữ, sửa từ ngữ, câu chữ, văn phong phù hợp ngôn ngữ gốc tiếng Việt, phù hợp ngôn ngữ của người bản địa. Công việc này đòi hỏi chuyên gia phải có trình độ ngôn ngữ xuất sắc, kiến thức văn hóa, xã hội sâu rộng và sự am hiểu về bối cảnh truyền thông quốc tế. Hiện nay, cả 12 phòng ngữ tại VOV5 đều hợp tác với các chuyên gia bản ngữ theo hình thức hợp đồng, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin đối ngoại.

Thứ tư là công tác giám sát thực hiện thông tin đối ngoại. Để giám sát chặt chẽ việc thực hiện thông tin đối ngoại tại VOV5, sản phẩm thông tin đối ngoại sau khi qua các bước nói trên được chuyển lại cho lãnh đạo cấp ban xem xét và duyệt lần tiếp theo để thu dựng, phát sóng. Khâu này giúp đảm bảo kiểm tra lại một lần nữa nội dung thông tin liên quan sai sót và phù hợp định hướng thông tin đối ngoại.

Ngoài ra, lãnh đạo VOV5 cũng thực hiện theo dõi, giám sát từ đó có khen thưởng hoặc kỷ luật đối với cán bộ thực hiện sản xuất thông tin đối ngoại có chất lượng cao hoặc có sai sót cố ý trong nội dung thông tin phát sóng. Hoạt động này giúp lãnh đạo VOV5 vừa tạo động lực khuyến khích tinh thần làm việc của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, vừa thắt chặt kỷ luật trong công tác đối với các đội ngũ này.

Thứ năm là hoạt động phổ biến thông tin đối ngoại. Công tác phổ biến thông tin đối ngoại tại VOV5 được triển khai thông qua quy trình sản xuất và phát sóng các chương trình phát thanh và nội dung số. Cụ thể, sau khi nội dung tin, bài được lãnh đạo duyệt bằng văn bản, các biên tập viên và phóng viên sẽ tiến hành các công đoạn kỹ thuật như thu thanh, xử lý âm thanh và phát sóng trên các kênh phát thanh đối ngoại. Vì là loại hình báo chí âm thanh, nên yêu cầu về hình thức thể hiện cũng được chú trọng nhằm đảm bảo nội dung không chỉ chính xác mà còn hấp dẫn về mặt thính giác.

Đối với nhóm nội dung chuyên biệt chiếm khoảng 10% tổng thể sản phẩm, hướng đến các đối tượng cụ thể theo chiến lược tuyên truyền đối ngoại, các phòng ngôn ngữ trực tiếp đảm nhiệm toàn bộ quá trình từ biên dịch, biên tập, xin phê duyệt lãnh đạo đến thu âm và phát sóng. Quy trình này vừa đảm bảo tính chủ động, vừa giúp tối ưu hóa nguồn lực nội bộ nhằm phục vụ tốt nhất đối tượng công chúng mục tiêu của từng ngôn ngữ.

Bên cạnh kênh phát thanh, nội dung thông tin đối ngoại còn được chuyển thể để đăng tải trên nền tảng số, cụ thể là trang tin vovworld.vn. Các sản phẩm tin, bài của chương trình phát thanh sau khi hoàn tất cũng được chuyển cho các phòng ngôn ngữ để dịch và đăng tải trên website, tuân thủ đúng quy định về thời lượng và tần suất đăng tải đã được xác định trước. Điều này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng, đặc biệt là nhóm thính giả quốc tế ưa chuộng hình thức tiếp cận thông tin qua nền tảng trực tuyến.

Tất cả sản phẩm sau phát sóng và đăng tải đều được lưu trữ có hệ thống dưới dạng tệp tin theo từng chương trình hoặc chủ đề. Đây không chỉ là một phần trong quy trình quản lý nghiệp vụ mà còn là cơ sở phục vụ công tác kiểm tra, giám sát về số lượng và chất lượng thông tin đã phát. Việc lưu trữ còn tạo thuận lợi cho công tác hiệu chỉnh nội dung khi có yêu cầu bổ sung, phản hồi hoặc điều chỉnh từ phía thính giả, các biên tập viên và phát thanh viên, đặc biệt là ở các phòng ngôn ngữ nước ngoài và Phòng Việt kiều.

Thứ sáu là việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi. Việc tiếp nhận và xử lý phản hồi thông tin tại VOV5 cũng là một mắt xích quan trọng trong toàn bộ quy trình thông tin đối ngoại. Sau khi các chương trình được phát sóng hoặc đăng tải, VOV5 thường xuyên nhận được những phản hồi từ công chúng quốc tế. Các ý kiến này có thể đến qua thư điện tử, mạng xã hội, hoặc qua hệ thống tương tác của website. Trách nhiệm xử lý phản hồi được phân công cho từng phòng ngôn ngữ, tùy theo nội dung liên quan.

Các phòng ngữ có nhiệm vụ rà soát, phân loại phản hồi để có phương án phúc đáp kịp thời. Trong trường hợp phát hiện nội dung chưa chính xác hoặc chưa phù hợp, đơn vị phụ trách có thể chủ động hiệu chỉnh hoặc bổ sung theo hướng sát hợp hơn với nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng từng khu vực, từng nhóm ngôn ngữ. Đồng thời, việc tiếp nhận ý kiến từ thính giả cũng giúp đội ngũ sản xuất nhận diện được mối quan tâm nổi bật, những xu hướng tiếp nhận mới hoặc những vướng mắc về mặt ngôn ngữ, từ đó có điều chỉnh phù hợp về nội dung, phong cách và cách thức thể hiện.

Toàn bộ quá trình tiếp nhận và xử lý phản hồi không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm thông tin đối ngoại, mà còn tăng cường tính tương tác hai chiều giữa cơ quan truyền thông và công chúng quốc tế, làm sâu sắc thêm mối quan hệ tin cậy và đồng thuận với các đối tượng tiếp nhận thông tin ở nước ngoài.. Việc tăng cường phản hồi, tương tác trong bối cảnh đại dịch COVID-19 phát huy hiệu quả trên những yếu tố sau: Hạn chế tiếp xúc trực tiếp do các biện pháp ngăn tiếp xúc của chính quyền; phù hợp với bối cảnh liên lạc giữa các nước, vùng lãnh thổ khác nhau: thúc đẩy phát triển công nghệ thông tin bao gồm công nghệ và thói quen sử dụng của người tiêu dùng.

Thứ bảy là công tác kiểm tra, đánh giá về thông tin đối ngoại. Lãnh đạo VOV5 thường xuyên chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin đối ngoại tại đơn vị. Sản phẩm thông tin đối ngoại của các phòng, chương trình cũng được đưa ra trao đổi, góp ý, nhận xét trong các cuộc họp giao ban hoặc sơ kết, tổng kết để sản phẩm ngày càng có chất lượng hơn, phù hợp với các đối tượng thính giả khác nhau.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2020-2022, mặc dù dịch bệnh COVID-19 có ảnh hưởng đến hoạt động của VOV5, buộc đơn vị phải điều chỉnh phương thức làm việc, ưu tiên hình thức trực tuyến, linh hoạt trong biên tập và sản xuất nội dung trong điều kiện giãn cách xã hội, chuyển giao công việc vừa an toàn vừa hiệu quả, song việc quản lý thông tin đối ngoại tại VOV5 đã đạt được những kết quả nhất định.

Trước hết, xét về quy mô và tần suất hoạt động thông tin đối ngoại, VOV5 duy trì hệ thống 12 chương trình phát thanh đối ngoại thường xuyên với 13 ngôn ngữ, phát sóng hằng ngày và định kỳ trên nhiều khung giờ khác nhau. Theo tổng hợp từ báo cáo chuyên môn và phỏng vấn cán bộ quản lý, mỗi năm VOV5 sản xuất hàng chục nghìn phút phát thanh đối ngoại, trong đó các chương trình thời sự – chính trị, thông tin về phòng, chống dịch COVID-19, chính sách đối ngoại và hình ảnh Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn. Điều này cho thấy khối lượng thông tin đối ngoại lớn đòi hỏi hoạt động quản lý phải được tổ chức chặt chẽ, có kế hoạch và phân công rõ ràng.

Về chất lượng và định hướng nội dung, phần lớn các tin, bài phát sóng trong giai đoạn nghiên cứu đều bảo đảm đúng định hướng chính trị – đối ngoại, ít xảy ra sai sót nghiêm trọng về nội dung hoặc ngôn ngữ. Thông tin đối ngoại của VOV5 thể hiện rõ tính đối ngoại thông qua việc lựa chọn chủ đề, sắp xếp ưu tiên tin bài và xây dựng các chuyên mục chuyên biệt cho từng nhóm công chúng. Đặc biệt, cơ chế “đối tượng hóa” nội dung được triển khai tương đối hiệu quả: cùng một nguồn tin chung do Phòng Thư ký – Biên tập cung cấp, các phòng ngôn ngữ đã chủ động điều chỉnh góc tiếp cận, bổ sung chi tiết hoặc lược giản thông tin để phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của công chúng từng

khu vực. Theo phản ánh của lãnh đạo kênh, tỷ lệ tin, bài được điều chỉnh theo đặc thù đối tượng công chúng chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản phẩm, nhất là ở các chương trình tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung.

Xét về hiệu quả của quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng, việc áp dụng mô hình kiểm soát nhiều tầng (biên tập – sơ duyệt – hiệu đính – hiệu đính chuyên gia bản ngữ – lãnh đạo duyệt) đã góp phần hạn chế sai sót về nội dung và ngôn ngữ. Trong giai đoạn 2020–2022, theo phản ánh từ các cuộc họp giao ban chuyên môn, số lượng sai sót nghiêm trọng phải đính chính sau phát sóng là rất thấp, chủ yếu là các lỗi kỹ thuật nhỏ hoặc cách diễn đạt cần điều chỉnh thêm cho phù hợp văn hóa bản địa. Đặc biệt, việc duy trì hợp tác với chuyên gia bản ngữ ở toàn bộ 12 phòng ngôn ngữ được xem là một lợi thế nổi bật của VOV5 so với nhiều cơ quan báo chí đối ngoại khác, giúp nâng cao độ chuẩn xác và tính thuyết phục của thông tin.

Về mở rộng kênh và phạm vi phổ biến thông tin, bên cạnh phát thanh truyền thống, VOV5 đã đẩy mạnh chuyển thể nội dung sang nền tảng số, đặc biệt là trang thông tin điện tử vovworld.vn và các ứng dụng như VOV Live, VOV Media. Theo thống kê nội bộ, phần lớn các chương trình phát thanh quan trọng đều được chuyển tải lên nền tảng số, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng quốc tế, nhất là trong bối cảnh thính giả có xu hướng dịch chuyển từ nghe radio truyền thống sang tiếp nhận thông tin trực tuyến. Trong thời kỳ COVID-19, lượng tương tác trực tuyến (bình luận, thư điện tử, phản hồi qua mạng xã hội) gia tăng rõ rệt so với giai đoạn trước, cho thấy hiệu quả của việc mở rộng kênh phổ biến và tăng cường tương tác hai chiều.

Đối với hoạt động tiếp nhận và xử lý phản hồi, VOV5 đã hình thành cơ chế phân công rõ ràng cho từng phòng ngôn ngữ, bảo đảm phản hồi của thính giả được tiếp nhận, phân loại và xử lý tương đối kịp thời. Các phản hồi không chỉ dừng ở việc phúc đáp mà còn được sử dụng như một nguồn dữ liệu quan trọng để điều chỉnh nội dung, hình thức thể hiện và lựa chọn chủ đề. Trong giai đoạn dịch bệnh, khi việc tiếp xúc trực tiếp bị hạn chế, phản hồi trực tuyến trở thành kênh

tương tác chủ yếu, góp phần duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa VOV5 và công chúng quốc tế, đặc biệt là cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Nhìn chung, *“Hoạt động thông tin đối ngoại của VOV5 đang ngày càng được phát triển cả về phương thức và nội dung. VOV5 không chỉ ngừng lại ở sóng phát thanh truyền thống mà còn mở rộng ra các nền tảng khác, bao gồm trang web. Trang web không chỉ đơn thuần văn bản hóa các chương trình phát thanh, mà còn giúp phát trực tuyến và quảng bá các chương trình này đến đông đảo công chúng. Đồng thời, VOV5 còn có các sản phẩm dành riêng cho web như video clip, phóng sự ảnh, các magazine, podcast cũng được thiết kế cho nền tảng này. Bên cạnh đó, VOV5 còn phát triển trên các ứng dụng là VOV Live và VOV Media. Ngoài ra, một số chương trình lớn dành cho cộng đồng Việt kiều đang được VOV5 thử nghiệm”* (Trích phỏng vấn lãnh đạo VOV5).

Trong giai đoạn 2020-2022, khi dịch bệnh COVID-19 bùng phát, VOV đặc biệt là VOV5, đã thể hiện rõ vai trò là một trong những cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của quốc gia, giữ vị trí quan trọng trong việc truyền tải hình ảnh Việt Nam ra thế giới giữa bối cảnh khủng hoảng y tế toàn cầu và khủng hoảng truyền thông song hành. Hoạt động quản lý thông tin đối ngoại ở VOV trong giai đoạn 2020-2022 đạt được những kết quả nổi bật cả về quy trình, nội dung và công nghệ, thể hiện ở việc kết hợp hài hòa giữa định hướng chính trị, được cho là tính chuyên nghiệp của báo chí, yêu cầu hội nhập truyền thông quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra yêu cầu VOV cần tiếp tục xây dựng chiến lược truyền thông đối ngoại dài hạn, phát triển nguồn nhân lực đa ngôn ngữ chất lượng cao và đẩy mạnh chuyển đổi số để củng cố vị thế của VOV5 như một trung tâm thông tin đối ngoại đa nền tảng, hiện đại và có sức ảnh hưởng quốc tế sâu rộng.

3.3. Ưu điểm, nhược điểm của quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

+ Thứ nhất, việc quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như: báo Nhân Dân, TTXVN, VOV, được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời nhằm giải quyết tốt các yêu cầu của thực tiễn. Công tác quản lý hoạt động thông tin báo chí đối ngoại được thực hiện với mức độ

kiểm soát cao, bảo đảm sự thống nhất giữa định hướng chỉ đạo và thực tiễn hoạt động của các cơ quan báo chí. Hoạt động này không chỉ nhằm đảm bảo nội dung thông tin báo chí đối ngoại đúng pháp luật, mà còn định hướng rõ ràng cho việc xây dựng hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế một cách có hệ thống, nhất quán và hiệu quả.

Các cơ quan quản lý báo chí thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban báo chí chuyên đề về thông tin đối ngoại. Các cuộc họp này được tổ chức định kỳ với hình thức linh hoạt, bao gồm cả họp trực tiếp và họp trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương. Nội dung họp giao ban tập trung vào việc rà soát, đánh giá chất lượng thông tin đối ngoại trên các phương tiện truyền thông đại chúng; kiểm soát chặt chẽ quy trình tổ chức thông tin và cung cấp dữ liệu đầu vào cho các cơ quan báo chí.

Thông qua đó, các cơ quan quản lý không chỉ nắm bắt tình hình thông tin mà còn kịp thời đưa ra các định hướng nội dung nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền. Đặc biệt, các định hướng này thường gắn với mục tiêu truyền thông quốc gia, góp phần định hình dư luận quốc tế một cách tích cực về chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, báo chí đối ngoại cũng được định hướng tăng cường phản ánh các thành tựu phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế và vai trò của Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý cũng thường xuyên đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực truyền thông quốc tế của đội ngũ nhà báo, đặc biệt là phóng viên tham gia tác nghiệp trong lĩnh vực báo chí đối ngoại. Những biện pháp này tạo điều kiện để đảm bảo rằng các sản phẩm thông tin không chỉ đáp ứng yêu cầu chính trị mà còn bảo đảm tính khách quan, chính xác, hấp dẫn và phù hợp với thị hiếu của công chúng quốc tế.

Nhìn chung, việc quản lý thông tin báo chí đối ngoại hiện nay đang được triển khai theo hướng chuyên nghiệp hóa, chú trọng đến tính thực tiễn, hiệu quả và nhất quán trong thông điệp truyền thông đối ngoại, qua đó góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế và hình ảnh quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

+ Thứ hai, trong giai đoạn 2020-2022, khi có dịch COVID-19, công tác thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như báo Nhân Dân, TTXVN, VOV đã có những điều chỉnh để thích ứng với tình hình mới, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Đảng ủy, ban lãnh đạo ở báo Nhân Dân, TTXVN, VOV đã linh hoạt trong quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bằng nhiều giải pháp phù hợp; triệt để ứng dụng công nghệ, AI trong hoạt động nghiệp vụ; tăng cường phối hợp giữa phóng viên ở hiện trường và biên tập viên,... Nhờ vậy, dòng thông tin của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực này luôn liên mạch, phản ánh chân thực cuộc sống, thể hiện sinh động, nổi bật các vấn đề lớn, sự kiện thời sự quan trọng của Việt Nam và thế giới. Những đóng góp nổi bật trong công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giai đoạn 2020-2022 có thể kể đến gồm:

Một là, thông tin đối ngoại tập trung tuyên truyền, quảng bá chủ trương, đường lối, chính sách, quan điểm, lập trường, tình hình mọi mặt, tiềm năng, thế mạnh của Việt Nam tới cộng đồng quốc tế. Mặt khác, thông tin sâu rộng, kịp thời những nỗ lực và thành quả đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; thông tin nổi bật quan điểm, lập trường của Việt Nam về các vấn đề khu vực và quốc tế; khẳng định vai trò tích cực, chủ động và trách nhiệm của Việt Nam trong việc tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Hai là, thông tin đối ngoại góp phần tích cực vào công cuộc phòng chống COVID-19 cũng như các nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội trong bối cảnh đất nước và thế giới mở cửa trở lại sau đại dịch COVID-19. Nổi bật là các tuyến thông tin về các chủ đề: phòng chống dịch COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội, năm Chủ tịch ASEAN 2020, triển khai các Nghị quyết Đại hội Toàn quốc của Đảng lần thứ XIII: phòng chống tham nhũng, tiêu cực; phản hồi, phản bác ... Thông tin đối ngoại đã phản ánh đầy đủ, toàn diện nỗ lực của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng chống dịch COVID-19, tinh thần tương thân, tương ái của cộng đồng; quảng bá những hình ảnh đẹp của người dân Việt Nam cùng đoàn kết, nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn, khiến cộng đồng quốc tế khâm phục. Trong giai đoạn dịch COVID-19, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã tích cực khai thác ý kiến của các cơ quan báo chí, truyền thông nước ngoài đánh giá tích cực những chính sách, biện pháp hiệu quả của Việt Nam trong công tác phòng

chống dịch; đồng thời phản bác kịp thời thông tin trên các cơ quan truyền thông nước ngoài đưa tin sai sự thật, không đúng bản chất vấn đề về công tác phòng chống dịch ở Việt Nam.

Ba là, thông tin đối ngoại tích cực đấu tranh, phản bác hiệu quả với những thông tin sai sự thật, thiếu khách quan về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thông tin đối ngoại bảo vệ vấn đề đại đoàn kết dân tộc; đưa ra thông tin, lập luận, yêu sách phi nghĩa về chủ quyền biển đảo, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; tích cực tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế đối với lập trường của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông; tích cực tuyên truyền về những thành tựu của Việt Nam trong việc đảm bảo quyền con người; phản bác các luận điệu xuyên tạc, thiếu khách quan về tự do tôn giáo, tín ngưỡng; tự do ngôn luận.

Bốn là, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã không ngừng đổi mới phương thức thông tin đối ngoại. Các cơ quan cần nghiên cứu các xu hướng truyền thông mới, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường sản xuất thông tin đa phương tiện, phát triển hệ sinh thái mạng xã hội,... để tăng sức lan tỏa và hiệu quả thông tin đối ngoại.

+ *Thứ ba, trong bối cảnh thông tin quốc tế ngày càng phức tạp và nhiều chiều, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã tăng cường vai trò quản lý, định hướng và kiểm soát nội dung liên quan đến những sự kiện nhạy cảm, có tính chất phức tạp về chính trị, xã hội, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo và chủ quyền quốc gia.* Các cơ quan này không chỉ quản lý ở cấp độ kỹ thuật sản xuất tin, bài, mà còn đóng vai trò điều phối chiến lược truyền thông trong việc xử lý các tình huống truyền thông khủng hoảng, định hướng dư luận quốc tế và bảo đảm thông tin đưa ra vừa tuân thủ pháp luật, vừa đáp ứng yêu cầu tuyên truyền đối ngoại. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là chỉ đạo các đơn vị báo chí trực thuộc thực hiện phản bác, làm rõ các luận điệu sai trái, xuyên tạc, vu cáo Việt Nam của các thế lực thù địch và phản động trên các nền tảng truyền thông quốc tế.

Thông qua việc chủ động phản ánh thông tin chính xác, đầy đủ và có lập luận sắc bén, các cơ quan báo chí đối ngoại góp phần quan trọng vào việc đấu tranh dư luận, bảo vệ quan điểm, lập trường và lợi ích quốc gia trong

không gian truyền thông toàn cầu. Đồng thời, các hoạt động này còn hướng tới mục tiêu tạo dựng niềm tin, sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực dễ bị khai thác để bóp méo như tự do tín ngưỡng, quyền con người hay các vấn đề dân tộc thiểu số.

Chẳng hạn tại *Truyền hình Nhân Dân*, cơ quan tham gia đấu tranh, xử lý kịp thời tình trạng phát tán tin giả, tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch COVID-19; đồng thời, tăng cường rà soát, kiểm chứng thông tin, nâng cao cảnh giác trước luận điệu bịa đặt, xuyên tạc, kích động về công tác phòng, chống dịch COVID-19 của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; thông tin, tuyên truyền biểu dương, cổ vũ, nhân rộng các mô hình, điển hình tập thể, cá nhân sản xuất, kinh doanh hiệu quả, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Chương trình bình luận “Nói thẳng” đã phản ánh một số vấn đề tiêu cực xã hội, các hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, văn minh trong ứng xử, sinh hoạt cộng đồng nhằm tạo dư luận xã hội để phê phán, đấu tranh, góp phần làm cho cuộc sống tốt hơn...

Các cán bộ thực hiện thông tin đối ngoại thường xuyên quan tâm đến các dòng thông tin phản hồi để có những điều chỉnh kịp thời trong hoạt động thông tin. Chẳng hạn, VOV5 nhận phản hồi của thính giả theo rất nhiều phương thức, từ cách truyền thống là viết thư tay đến email, bình luận trên trang web, gọi điện thoại qua các ứng dụng như Viber, Messenger, Skype... Hằng tuần, “*VOV5 đều có thống kê, tổng kết về các phản hồi của khán giả, trong đó, lượng thư gửi đến đứng đầu danh sách là chương trình tiếng Tây Ban Nha, tiếp theo là tiếng Anh và tiếng Pháp. Lượng thính giả Việt kiều là nhóm xem nhiều nhất (chương trình tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Thái Lan). Những phản hồi của thính giả đã giúp VOV5 ngày càng hoàn thiện quản lý công tác thông tin đối ngoại và nâng cao hiệu quả hoạt động của mình*”. (Trích phỏng vấn lãnh đạo VOV5).

+ *Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực báo chí đối ngoại đã được triển khai một cách chủ động, thường xuyên và có hệ thống, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng, định hướng và hiệu quả truyền thông đối ngoại. Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ cũng như các hình thức giám sát chuyên đề, cơ quan quản lý nhà nước đã kịp thời*

phát hiện và chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong hoạt động thông tin của một số cơ quan báo chí đối ngoại. Trên cơ sở đó, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục đã được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn.

Hoạt động kiểm tra, giám sát không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát và xử lý sai sót, mà còn mang tính chất hỗ trợ, định hướng và nâng cao năng lực cho đội ngũ làm báo. Việc phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của từng cơ quan và cá nhân không chỉ giúp minh bạch hóa hoạt động nghề nghiệp mà còn là cơ sở quan trọng để ghi nhận, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thông tin đối ngoại.

Trên thực tế, nhiều phóng viên, biên tập viên, cán bộ làm báo chí đối ngoại đã được biểu dương, tặng bằng khen, huân, huy chương vì có đóng góp tích cực trong việc truyền tải hình ảnh, tiếng nói và chính sách của Việt Nam ra thế giới. Đặc biệt, để biểu dương thành tích của các đơn vị và cá nhân, Thủ tướng Chính phủ, một số bộ, ngành, cơ quan, trong đó có báo Nhân Dân, TTCVN và VOV đã có những hình thức khen thưởng, biểu dương phù hợp. Báo Nhân Dân, TTXVN và VOV đã tặng bằng khen cho các đơn vị và cá nhân xuất sắc trong việc tuyên truyền thông tin liên quan đại dịch COVID-19. Những tập thể và cá nhân được khen thưởng đã đóng góp nhất định đối với việc thông tin trong nước cũng như đối với nước ngoài trong đợt phòng chống dịch bệnh. Những hình thức khen thưởng này không chỉ thể hiện sự ghi nhận xứng đáng của đảng, nhà nước và các cơ quan chủ quản, mà còn có tác dụng khích lệ tinh thần, cổ vũ đội ngũ làm báo chí đối ngoại tiếp tục phát huy năng lực, sáng tạo và cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp thông tin đối ngoại và đường lối đối ngoại của đảng trong giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Nguyên nhân của thành công là do những yếu tố như sau:

Thứ nhất, một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có thâm niên hoạt động lâu đời, có uy tín trong hệ thống các cơ quan truyền thông. Bề dày lịch sử giúp các cơ quan này xây dựng được nền tảng vững chắc trong việc sản xuất và quản lý thông tin đối ngoại. Kinh nghiệm qua nhiều thập kỷ cho phép họ xử lý hiệu quả các vấn đề phức tạp, như tuyên truyền chính sách, phản bác

thông tin sai lệch và quảng bá hình ảnh Việt Nam. Ví dụ, TTXVN và VOV đã duy trì các kênh thông tin bằng nhiều ngôn ngữ, tiếp cận công chúng quốc tế từ rất sớm. Các cơ quan này được xem là những đơn vị đầu ngành, đóng vai trò định hướng dư luận, thể hiện tiếng nói chính thức của Đảng và Nhà nước. Uy tín của họ không chỉ đến từ lịch sử hoạt động mà còn từ chất lượng thông tin, tính chính xác và vai trò trong việc truyền tải các giá trị văn hóa, chính trị của Việt Nam ra thế giới.

Tại báo *Việt Nam News*, “*Là tờ báo tiếng Anh ngày đầu tiên và cho đến nay vẫn là duy nhất tại Việt Nam, đã và đang đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng tăng của cộng đồng nước ngoài. Với những nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng thông tin và phương thức làm báo hiện đại, sau hơn 30 năm hoạt động báo Việt Nam News đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng vững chắc trong lòng bạn đọc trong nước và quốc tế, trở thành một tờ báo có uy tín trong khu vực.* (Trích phỏng vấn lãnh đạo báo *Việt Nam News*)

Báo Nhân Dân, “*Có phát thanh, radio, truyền hình, báo in là các nền tảng quan trọng nhất của báo. Ngoài ra, báo Nhân Dân đang phát hành trên nền tảng số: Nhân Dân điện tử, phát hành trên nền tảng social (mạng xã hội) với rất nhiều kênh trên Youtube, trên Facebook hoặc ngay cả trên Tiktok. Như vậy, báo Nhân Dân có được uy tín và truyền thông rất là mạnh. Vị thế của báo Nhân Dân trong việc tổ chức những sự kiện cụ thể cũng giúp cho việc hoạt động của báo thu hút được rất nhiều công chúng. Báo Nhân Dân cũng đã tổ chức rất nhiều sự kiện văn hóa nghệ thuật thu hút công chúng. Ngoài ra, do có uy tín với nhân dân nên báo có sự đồng hành, ủng hộ của đông đảo các mạnh thường quân, doanh nghiệp, đơn vị để cho các dự án mang tính chất cộng đồng, thiện nguyện của báo Nhân Dân như dự án “Going home” được thực hiện.* (Trích phỏng vấn cán bộ phụ trách dự án “Going home” của báo Nhân Dân).

Thứ hai, một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển hệ thống tác nghiệp đa tầng giúp nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại. Việc phát triển hệ thống tác nghiệp đa tầng, bao gồm tích hợp các nền tảng kỹ thuật số, công cụ quản lý nội dung tiên tiến và phương tiện truyền thông đa phương tiện, đã giúp các cơ quan này tối ưu hóa quy trình sản xuất và phân phối thông tin. Nhờ đó, hiệu quả

quản lý và triển khai thông tin đối ngoại được nâng cao, đảm bảo tính kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu truyền thông quốc tế. Sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho phóng viên, biên tập viên tác nghiệp chuyên nghiệp hơn, mà còn góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng lan tỏa thông tin chính thống của Việt Nam ra thế giới, trong bối cảnh bùng nổ thông tin, cạnh tranh gay gắt trên không gian truyền thông toàn cầu.

Khi trả lời phỏng vấn sâu về điểm mạnh của đơn vị trong quản lý thông tin đối ngoại, lãnh đạo TTXVN cho rằng: *“Trước sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông đa phương tiện, TTXVN đã chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật, xây dựng quy trình tác nghiệp đa tầng và thúc đẩy hội tụ trong sản xuất, phân phối thông tin. Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp rút ngắn thời gian xử lý từ chỉ đạo đến xuất bản. Hiện nay, TTXVN cung cấp hơn 60 loại hình sản phẩm đa dạng, từ văn bản, ảnh, truyền hình, đồ họa, âm thanh đến các ấn phẩm báo chí truyền thống, báo điện tử, nền tảng mạng xã hội và thiết bị di động”* (Trích phỏng vấn lãnh đạo TTXVN).

Thứ ba, việc triển khai chuyển đổi số từ sớm đã giúp đổi mới hoạt động sản xuất nội dung thông tin đối ngoại, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Điều này thể hiện qua những mặt cụ thể sau:

+ Một là chuyển đổi số làm tăng khả năng tiếp cận độc giả. Chuyển đổi số hoạt động sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giúp các cơ quan tiếp cận độc giả ở nhiều nền tảng khác nhau, bao gồm website, mạng xã hội, ứng dụng di động,... Cho phép thông tin đến với một đối tượng độc giả rộng lớn hơn.

+ Hai là nâng cao chất lượng nội dung. Chuyển đổi số hoạt động sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giúp các cơ quan nâng cao chất lượng nội dung bằng cách sử dụng các công nghệ mới để tạo ra nội dung hấp dẫn, lôi cuốn và phù hợp với nhu cầu của độc giả.

+ Ba là các nền tảng báo chí số không chỉ đóng vai trò là kênh phân phối thông tin mà còn tạo ra không gian tương tác đa chiều giữa cơ quan báo chí, phóng viên và độc giả. Thông qua các chức năng như bình luận, chia sẻ,

đánh giá nội dung, người đọc có thể trực tiếp phản hồi, trao đổi ý kiến hoặc đặt câu hỏi cho tác giả. Điều này góp phần xây dựng mối liên kết chặt chẽ và mang tính tương tác cao giữa tác giả và công chúng, đồng thời giúp các cơ quan báo chí nắm bắt kịp thời nhu cầu, thị hiếu, phản hồi từ người đọc để điều chỉnh nội dung phù hợp hơn. Việc tạo ra môi trường truyền thông hai chiều này đã làm tăng đáng kể mức độ tham gia của công chúng và nâng cao hiệu quả truyền thông trong báo chí đối ngoại hiện nay.

+ *Bốn là tăng hiệu quả hoạt động.* Chuyển đổi số hoạt động sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giúp các tòa soạn tăng hiệu quả hoạt động bằng cách tự động hóa các quy trình sản xuất và phân phối nội dung. Chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí đã góp phần quan trọng vào việc giảm thiểu sự lệ thuộc vào các phương thức in ấn và phân phối truyền thống. Việc chuyển dịch sang các nền tảng trực tuyến cho phép các cơ quan báo chí loại bỏ hoặc cắt giảm đáng kể nhu cầu sử dụng vật tư như giấy, mực in cũng như chi phí liên quan đến in ấn và hậu cần vận chuyển đến độc giả. Điều này không chỉ góp phần tối ưu hóa quy trình sản xuất và tiết kiệm đáng kể nguồn lực tài chính cho các đơn vị báo chí, mà còn mang lại lợi ích về mặt môi trường, nhờ giảm lượng chất thải và khí thải phát sinh từ các hoạt động in ấn và giao nhận. Ngoài ra, việc phát hành nội dung số giúp tăng tốc độ tiếp cận thông tin, mở rộng phạm vi phát hành toàn cầu mà không bị giới hạn bởi địa lý hay thời gian, từ đó nâng cao hiệu quả lan tỏa của công tác thông tin .

+ *Năm là tạo ra các mô hình kinh doanh mới.* Chuyển đổi số hoạt động sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực giúp các cơ quan tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Ví dụ như quảng cáo trực tuyến, hội viên trả phí,... Việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp các cơ quan báo chí đổi mới phương thức hoạt động mà còn mở ra cơ hội gia tăng nguồn thu, đảm bảo duy trì hoạt động bền vững trong bối cảnh truyền thông đang chuyển dịch mạnh mẽ sang môi trường số. Bằng cách tận dụng các nền tảng kỹ thuật số, báo chí truyền thống có thể tăng tính cạnh tranh với mạng xã hội, nơi người dùng hiện đang dành nhiều thời gian và có xu hướng tiếp cận thông tin nhanh, ngắn gọn và đa dạng.

Chẳng hạn, báo *Nhân Dân* đã chủ động triển khai chiến lược chuyển

đổi số toàn diện, định hướng trở thành cơ quan báo chí đa phương tiện chủ lực. Báo tập trung phát triển theo mô hình “media-tech”, kết hợp giữa hoạt động báo chí và công nghệ, với việc cơ cấu tổ chức như một đơn vị sản xuất nội dung tích hợp, phân phối thông tin linh hoạt trên nhiều nền tảng. Nhân lực công nghệ cao, hệ thống đo lường dữ liệu người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và báo chí tự động là những yếu tố then chốt trong quá trình vận hành, nhằm phục vụ cả nhiệm vụ tuyên truyền chính trị và nhu cầu tiếp cận thông tin của công chúng hiện đại. Báo cũng chủ động khai thác dữ liệu người dùng đầu tiên (first-party data) để cá nhân hóa nội dung và tối ưu hóa chiến lược phân phối.

Trên thực tế, báo *Nhân Dân* đã chuyển đổi từ cách làm báo truyền thống sang mô hình “ưu tiên nền tảng số” (digital first), thậm chí có nội dung “ưu tiên mạng xã hội” (social first), đẩy mạnh tiếp cận độc giả qua các kênh như Facebook, TikTok. Ví dụ, chỉ trong vòng một tháng kể từ khi tái cơ cấu Fanpage trên Facebook vào tháng 5/2021, lượng người theo dõi đã tăng 5.000%, cho thấy mức độ thu hút mạnh. Tiếp đó, báo khai thác thêm loại hình phát thanh số với sản phẩm *Radio Nhân Dân* từ tháng 9/2021, cung cấp hai bản tin mỗi ngày với thời lượng khoảng 10 phút, xuất hiện trên nhiều nền tảng podcast như Spotify, Apple Podcasts, Google Podcasts, YouTube... nhằm mở rộng đối tượng tiếp cận và tăng tính đa phương tiện. Tháng 10/2021, kênh TikTok của báo được thành lập, tập trung vào giới trẻ (Gen Z), nhóm đối tượng có tiềm năng lớn trong việc tiếp nhận và chia sẻ thông tin chính trị - xã hội. Điều đáng chú ý là các video về chính sách, quy định mới hay các vấn đề thời sự thu hút trăm nghìn đến triệu lượt xem, chứng minh rằng nội dung chính luận vẫn có thể hấp dẫn nếu được thể hiện phù hợp với thói quen tiếp nhận mới.

Ngày 13/6/2023, tòa soạn hội tụ *Nhân Dân* điện tử chính thức đi vào hoạt động, là bước tiến quan trọng trong việc tổ chức sản xuất thông tin tích hợp, hướng tới nội dung phù hợp với từng nền tảng, từng nhóm độc giả, đồng thời bảo đảm yếu tố đa phương tiện và sự hiện diện rộng rãi trong hệ sinh thái truyền thông hiện đại. Đây là bước đi không hoàn toàn mới đối với các cơ quan báo chí ở Việt Nam nhưng đối với báo *Nhân Dân* là bước tiến mạnh mẽ, cho thấy những chuyển động của môi trường kỹ thuật số trong giai đoạn 2020-2022 đã thúc đẩy việc hiện thực hóa việc xây dựng tòa soạn hội tụ.

Tương tự, tại TTXVN, lãnh đạo cơ quan này cũng khẳng định vai trò thiết yếu của chuyển đổi số trong việc nắm bắt kịp thời nhu cầu thông tin của công chúng thông qua các công cụ đo lường và tương tác trực tiếp. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm thông tin mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách giữa báo chí chính thống và công chúng, nhất là trong bối cảnh mạng xã hội lan truyền nhiều thông tin sai lệch. Theo đó, *“Việc sản xuất thông tin nhanh, trúng, đúng và dễ tiếp cận là một trong những yếu tố giúp TTXVN thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, đồng thời nâng cao vị thế cạnh tranh trong thời đại số”* (Trích phỏng vấn lãnh đạo TTXVN).

+ Thứ tư, việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức nước ngoài giúp tăng cường nguồn tin cũng như nguồn lực và hỗ trợ tốt cho công tác bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho phóng viên, biên tập viên thực hiện công tác thông tin đối ngoại. Chẳng hạn, báo *Le Courrier du Vietnam* đang giữ vai trò điều phối trong dự án hợp tác giữa TTXVN và phái đoàn Wallonie-Bruxelles. năm, 3 phóng viên Pháp ngữ của TTXVN được thụ hưởng các khóa thực tập 2 - 4 tháng tại Hãng thông tấn Benga, Kênh phát thanh, truyền hình Pháp ngữ (RTBF), trường Đại học mở Bruxelles (ULB). Đồng thời, cũng trong khuôn khổ dự án này, hàng năm báo *Le Courrier du Vietnam* đón các chuyên gia nước ngoài đến từ các tòa soạn báo, trường đại học của Bỉ đến Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh mở các khóa đào tạo ngắn ngày về các chủ đề khác nhau như báo chí dữ liệu, podcast, ảnh báo chí... nhằm nâng cao nghiệp vụ cho các phóng viên, biên tập viên TTXVN.

Tại báo *Nhân Dân*, *“Các đối tác của báo có rất nhiều loại kinh nghiệm, năng lực liên quan đến vấn đề các tổ chức sự kiện và đặc biệt như là việc đáp ứng những nhu cầu của những nghệ sĩ nổi tiếng trên thế giới (những yêu cầu nghệ sĩ lại cũng khá là khắt khe) thì IB Group, một đơn vị được đánh giá là khá chuyên nghiệp, họ cũng là một đơn vị mà có những mối quan hệ sâu rộng với các nghệ sĩ. Khả năng về tổ chức biểu diễn cũng như việc xây dựng những cái hình ảnh liên quan tới truyền thông của nghệ sĩ khá là chuẩn mực”* (Trích phỏng vấn cán bộ phụ trách dự án “*Going Home*” ở báo *Nhân Dân*).

+ Thứ năm, các chủ thể quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại đã thể

hiện vai trò chủ động và tích cực trong việc triển khai các nhiệm vụ quản lý, điều phối và định hướng hoạt động báo chí phục vụ công tác thông tin đối ngoại. Việc quản lý không chỉ giới hạn ở việc giám sát hoạt động của các cơ quan báo chí và đội ngũ nhà báo làm công tác đối ngoại, mà còn chú trọng đến việc kiểm soát chặt chẽ nội dung thông tin được xuất bản. Nội dung báo chí đối ngoại phải bảo đảm bám sát định hướng chính trị của đảng, tuân thủ pháp luật và phản ánh đúng đắn, khách quan những chủ trương, chính sách lớn của Việt Nam.

Thông qua các cơ chế kiểm duyệt, góp ý, giao ban định kỳ, cũng như việc tổ chức tập huấn chuyên môn cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cơ quan quản lý nhà nước góp phần làm cho báo chí đối ngoại thực sự trở thành công cụ truyền thông chiến lược quan trọng, giúp Đảng và Nhà nước giới thiệu hình ảnh một Việt Nam ổn định, phát triển, hội nhập sâu rộng với cộng đồng quốc tế. Qua đó, nâng cao hiệu quả tuyên truyền về các thành tựu kinh tế, xã hội, đối ngoại, an ninh, quốc phòng cũng như nỗ lực cải cách thể chế và bảo đảm quyền con người ở Việt Nam trên diễn đàn truyền thông toàn cầu.

+ *Thứ sáu, đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, lòng yêu nghề, đam mê tìm tòi và sáng tạo.* Họ không chỉ là những người truyền tải thông tin, mà còn là những “sứ giả truyền thông” đại diện cho hình ảnh, tiếng nói của quốc gia ra thế giới. Việc giữ vững lập trường tư tưởng, cùng khả năng làm chủ nội dung và phương pháp thể hiện, giúp các sản phẩm báo chí đối ngoại đáp ứng được yêu cầu cao về tính chính xác, khách quan, cân bằng và trách nhiệm xã hội, là những tiêu chí cơ bản trong nghiệp vụ báo chí hiện đại.

Không những vậy, đội ngũ này còn không ngừng chủ động nghiên cứu, tìm tòi, cập nhật kiến thức quốc tế và xu hướng truyền thông mới để nâng cao chất lượng nội dung và hình thức thể hiện. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, các cơ quan báo chí đối ngoại đã và đang chú trọng ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới cách thức tổ chức sản xuất và phát hành thông tin, tận dụng hiệu quả nền tảng số và mạng xã hội để lan tỏa thông tin chính thống một cách nhanh chóng, rộng rãi và hiệu quả hơn. Điều này không chỉ giúp báo chí đối ngoại bám sát tôn chỉ, mục tiêu chính trị mà còn góp phần làm gia tăng mức độ tiếp cận công chúng, mở rộng phạm vi ảnh hưởng và từng bước cải thiện nguồn thu, tạo động lực để người làm báo yên tâm cống hiến lâu dài cho nghề.

Chẳng hạn, “Ở TTXVN, các phóng viên thường trú ngoài nước là một trong những bộ phận đầu tiên trong quy trình sản xuất thông tin nguồn của TTXVN. Thực tế cho thấy, thông tin do các phóng viên thường trú ngoài nước thực hiện có tính thuyết phục và độ tin cậy cao do lợi thế là các phóng viên trực tiếp có mặt tại địa bàn, có thể nhanh chóng tiếp cận hiện trường để kiểm chứng thông tin, đảm bảo thông tin chính xác. Bên cạnh đó, các phóng viên thường trú ngoài nước đã tạo dựng được mối quan hệ mật thiết và chặt chẽ với các hãng thông tấn, các cơ quan báo chí nước sở tại để có thể tăng cường trao đổi thông tin giữa TTXVN và các cơ quan báo chí nước ngoài, hợp tác về đào tạo, trao đổi nghiệp vụ, đồng thời tạo dựng được mạng lưới cộng tác viên (chuyên gia, học giả nước ngoài, kiều bào...), qua đó tạo được thêm nhiều nguồn tin phong phú. Thông qua các mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan ngoại giao của Việt Nam và các cơ quan thông tấn báo chí nước sở tại, các phóng viên thường trú ngoài nước đã tăng cường việc quảng bá đất nước, con người, nền kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam bằng các sản phẩm thông tin đối ngoại chính thống, đa dạng, đa loại hình, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đa phương trên các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, thu hút đầu tư nước ngoài, hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hóa, du lịch... góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. (Trích phỏng vấn lãnh đạo TTXVN)

+ Thứ sáu, sự phát triển của mạng xã hội và đóng góp từ ý kiến phản hồi của độc giả giúp nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại. Người dùng mạng xã hội ngày càng nhiều mang đến cơ hội cho các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực tiếp cận độc giả nhanh chóng. Các nhà báo và tổ chức truyền thông có thể tiếp cận một lượng độc giả rộng lớn hơn và thu thập phản hồi ngay lập tức từ cộng đồng. Sự tương tác này không chỉ giúp các nhà báo hiểu rõ hơn về nhu cầu và sở thích của độc giả mà còn tạo điều kiện để xây dựng mối quan hệ trực tiếp và gần gũi hơn với khán giả.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2020-2022, công tác thông tin đối ngoại của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đặc biệt khi có khủng hoảng y tế với đại dịch COVID-19, thông tin đối ngoại đã thể hiện được tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc củng cố hình

ảnh quốc gia, nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời tạo dựng niềm tin xã hội trong nước. Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV đã kịp thời chuyển đổi phương thức sản xuất, đa dạng hóa kênh truyền tải và mở rộng ngôn ngữ thông tin đối ngoại, đảm bảo thông tin được lan tỏa nhanh chóng, chính xác và minh bạch trong điều kiện giãn cách xã hội và hạn chế tiếp xúc. Đặc biệt, việc tăng cường truyền thông tiếng nước ngoài, phản bác tin giả, định hướng dư luận quốc tế về nỗ lực phòng, chống dịch và hợp tác nhân đạo của Việt Nam đã góp phần hình thành một hình ảnh quốc gia có trách nhiệm, nhân văn và năng lực ứng phó hiệu quả trước khủng hoảng toàn cầu. Bên cạnh đó, công tác thông tin đối ngoại trong giai đoạn này cũng tạo tiền đề quan trọng cho quá trình chuyển đổi số và chuyên nghiệp hóa hoạt động truyền thông quốc gia, khi các cơ quan báo chí đã bước đầu ứng dụng công nghệ truyền thông số, sản xuất nội dung đa phương tiện và tận dụng nền tảng mạng xã hội để tiếp cận công chúng trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn 2020-2022, sự phát triển của truyền thông số nói chung đã tạo sức ép cưỡng bức cho các cơ quan báo chí đối ngoại nói riêng và báo chí nói chung phải triển khai quá trình chuyển đổi số để bắt kịp nhu cầu thông tin của công chúng cũng như phù hợp với những giải pháp tiện ích mà công nghệ số mang lại.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2020-2022 không chỉ giúp Việt Nam kiểm soát hiệu quả thông tin trong khủng hoảng, mà còn đặt nền móng cho việc xây dựng chiến lược thông tin đối ngoại hiện đại, chủ động và bền vững. Đây là kinh nghiệm hữu ích cho giai đoạn phát triển tiếp theo, trong đó thông tin đối ngoại không chỉ là công cụ tuyên truyền, mà còn là nguồn lực mềm chiến lược góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, tăng cường hội nhập và củng cố vị thế Việt Nam trong trật tự truyền thông quốc tế mới sau đại dịch.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

Những hạn chế còn tồn tại có thể chỉ ra như sau:

Thứ nhất thiếu một chiến lược truyền thông dài hạn và ổn định, dẫn đến các hoạt động chủ yếu mang tính ứng phó ngắn hạn, thiếu tính chủ động và các chiến dịch liên tục để xây dựng hình ảnh quốc gia bền vững. Điều này thể hiện rõ qua việc nhiều chiến dịch thông tin đối ngoại chỉ được triển khai theo từng giai đoạn hoặc nhằm đáp ứng tình huống cấp bách. Phần lớn nội dung tập trung vào phản ứng nhanh với các diễn biến dịch bệnh, thay vì

có một kế hoạch tổng thể về truyền thông quốc gia trong khủng hoảng. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2022, các hoạt động truyền thông về COVID-19 của Việt Nam “*đạt hiệu quả trong kiểm soát tin giả và củng cố niềm tin công chúng*”, nhưng vẫn thiếu một khung chiến lược xuyên suốt để kết nối các chủ thể truyền thông (báo chí, ngoại giao, y tế, văn hóa) và duy trì hình ảnh Việt Nam một cách thống nhất, lâu dài [18]. Trong khi đó, ở Việt Nam chưa có kênh truyền hình đối ngoại chuyên biệt, phát sóng bằng tiếng Anh. Chính điều này đã đặt ra mục tiêu sớm ra đời một kênh truyền thông đối ngoại bằng hình ảnh, bằng ngôn ngữ tiếng Anh như các kênh đối ngoại của CCTV (Trung Quốc), RT (Nga), NHK (Nhật Bản), KBS tiếng Anh, Arirang (Hàn Quốc), Chanel News Asia (Singapore),...

Đồng thời, việc quản lý xây dựng phát triển nội dung thông tin đối ngoại cũng thiếu chủ động và đổi mới trên các kênh báo chí chuyên trách. Dù đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng nội dung. Tuy nhiên, phần lớn sản phẩm báo chí đối ngoại vẫn còn mang tính mô tả, ít sáng tạo trong cách tiếp cận vấn đề và chưa thể hiện rõ vai trò dẫn dắt truyền thông đối ngoại quốc gia. Một số tòa soạn báo chí đối ngoại chủ lực còn thiếu định hướng chiến lược dài hạn trong việc phát triển thông tin, thường xuyên rơi vào tình trạng bị động trong xử lý thông tin, chậm trong việc cập nhật các sự kiện mới hoặc vấn đề được dư luận quốc tế quan tâm.

Bên cạnh đó, quy trình tổ chức sản xuất thông tin cũng chưa thật sự đồng bộ và hiện đại. Việc xác định đối tượng truyền thông trọng điểm, như các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, các cường quốc, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, hay nhóm độc giả trẻ tuy đã được một số cơ quan chủ động triển khai, nhưng nhìn chung vẫn chưa có sự đầu tư chiều sâu về nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp với đặc điểm của từng nhóm. Những khó khăn về tài chính, cơ chế hỗ trợ sản xuất, cũng như thiếu hụt nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là đội ngũ phóng viên, biên tập viên am hiểu về chính trị đối ngoại và giỏi ngoại ngữ, tiếp tục là những rào cản lớn đối với quá trình nâng cao chất lượng nội dung báo chí đối ngoại.

Trong bối cảnh truyền thông toàn cầu cạnh tranh khốc liệt, việc cải tiến nội dung, hiện đại hóa cách thức truyền tải, đồng thời đảm bảo tính

chính xác, khách quan, phù hợp với định hướng của đảng là yêu cầu cấp thiết. Dù các cơ quan báo chí đối ngoại đã nỗ lực tuân thủ định hướng chính trị và nguyên tắc nghiệp vụ báo chí cách mạng, nhưng rõ ràng cần có sự đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, không chỉ trong tư duy làm báo mà còn ở cả cách thức quản trị nội dung, để tạo ra các sản phẩm có khả năng thu hút công chúng quốc tế, góp phần hiệu quả vào việc truyền thông chính sách, hình ảnh và vị thế Việt Nam ra thế giới.

Theo đánh giá của lãnh đạo Ban biên tập Tin Đối ngoại, TTXVN, “*Cơ chế chỉ đạo thông tin hiện nay chủ yếu được thực hiện thông qua các cuộc họp giao ban nội bộ, diễn ra định kỳ theo ngày, tuần hoặc đột xuất tùy vào tình hình. Cụ thể, giao ban đầu giờ sáng được tổ chức vào lúc 8 giờ, thường kéo dài không quá 15 phút, với sự tham gia của lãnh đạo ban, trợ lý, trưởng hoặc phó phòng chuyên môn và trưởng ca sản xuất. Nội dung tập trung vào việc tổng hợp kết quả sản xuất thông tin trong ngày hôm trước, thống nhất kế hoạch công việc cho ngày hôm sau và tiếp nhận chỉ đạo từ cấp trên để triển khai đến các nhóm biên tập viên, phóng viên*” (Trích phỏng vấn lãnh đạo Ban biên tập Tin Đối ngoại, TTXVN).

Thứ hai là cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khác trong công tác thông tin đối ngoại. Một trong những bất cập đáng chú ý trong công tác phối hợp hiện nay là sự thiếu đồng bộ và chưa kịp thời giữa các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương với các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, đặc biệt là trong các tình huống cần phản ứng nhanh như khủng hoảng truyền thông. Khi xuất hiện các vụ việc nhạy cảm, có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh quốc gia hoặc làm dấy lên dư luận quốc tế bất lợi, việc kết nối thông tin giữa các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương và các đơn vị báo chí đối ngoại đôi lúc vẫn còn bị chậm trễ. Sự chậm trễ này dẫn đến việc không kịp thời xây dựng và phát đi thông tin phản hồi chính thống, khiến không gian truyền thông dễ bị chiếm lĩnh bởi các nguồn tin sai lệch, thù địch hoặc thiếu thiện chí. Một số trường hợp, việc phối hợp cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ thông tin đối ngoại của các cơ quan chức năng có liên quan chưa được thực hiện tích cực, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ phóng viên thu thập thông tin, tư liệu.

Bên cạnh đó, năng lực theo dõi, phát hiện và xử lý các luồng thông tin

sai lệch, xuyên tạc, đặc biệt là trên các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới, vẫn đang gặp nhiều khó khăn cả về công nghệ lẫn cơ chế phối hợp. Việc tham mưu cho cấp có thẩm quyền trong công tác phản bác, gỡ bỏ hoặc hạn chế tác động của các thông tin xấu, độc, đôi khi còn chưa đủ chủ động và hiệu quả. Điều này phần nào cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm, tăng cường liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước về thông tin truyền thông, các lực lượng kỹ thuật nghiệp vụ và các cơ quan báo chí đối ngoại nhằm xử lý linh hoạt và đồng bộ các tình huống truyền thông phức tạp.

Thứ ba, trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí đối ngoại, việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm, cũng như phát hiện, khen thưởng, kỷ luật chưa thật sự hiệu quả. Hiện nay, việc thanh tra hoạt động báo chí được triển khai theo các quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 và Luật Báo chí năm 2016, tuy nhiên các quy định pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều điểm bất cập, đặc biệt là khi áp dụng đối với lĩnh vực báo chí đối ngoại, vốn có đặc thù riêng biệt. Điều 58 của Luật Báo chí chỉ đề cập một cách khái quát về thanh tra chuyên ngành báo chí và chủ yếu dẫn chiếu lại quy định chung của pháp luật về thanh tra, mà chưa xây dựng được các cơ chế kiểm tra phù hợp với tính chất đối tượng công chúng quốc tế, nội dung truyền thông xuyên biên giới, phương thức tác nghiệp đa nền tảng, hay yêu cầu giám sát nội dung đa ngôn ngữ.

Thực tế, hoạt động của báo chí đối ngoại chủ yếu tập trung vào việc sản xuất và phổ biến thông tin cho khán, thính giả quốc tế, bao gồm các đối tượng phức tạp như chính khách, nhà nghiên cứu, giới doanh nhân, học giả quốc tế, kiều bào... và truyền tải thông tin trên không gian truyền thông toàn cầu. Do đó, các công cụ giám sát truyền thông theo mô hình quản lý hành chính trong nước hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý hiệu quả, đặc biệt là khi phải xử lý các vi phạm về nội dung, đạo đức báo chí trong môi trường số hóa và quốc tế hóa mạnh mẽ.

Thứ tư, phạm vi tiếp cận và quy mô độc giả của một số ấn phẩm báo chí đối ngoại sử dụng ngôn ngữ nước ngoài còn hạn chế. Thực tế cho thấy, một số tờ báo tiếng nước ngoài thuộc các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, đặc biệt là các ấn phẩm sử dụng tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Trung, có lượng độc giả chưa cao và mức độ lan tỏa thông tin còn hạn chế so với mục tiêu đề ra. Quy mô công chúng của các ấn phẩm này chưa thực sự ổn định, dẫn đến lượng

truy cập báo điện tử chưa đồng đều và hiệu quả phát hành báo in còn thấp. Hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng mở rộng nhóm độc giả mục tiêu, mức độ hiện diện của thông tin đối ngoại trên không gian truyền thông quốc tế và hiệu quả sử dụng nguồn lực dành cho các sản phẩm báo chí đối ngoại bằng ngôn ngữ nước ngoài.

Thứ năm, một thách thức lớn khác là tình trạng thiếu hụt về nhân sự chuyên trách và những hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm báo và quản lý báo chí đối ngoại. Hiện nay, tại một số cơ quan báo chí chủ lực, số lượng cán bộ trực tiếp tham gia sản xuất nội dung thông tin đối ngoại còn rất khiêm tốn. Trong khi đó, yêu cầu về năng lực chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và khả năng làm báo trong môi trường quốc tế ngày càng cao. Hệ thống chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho cả phóng viên, biên tập viên, cũng như đội ngũ quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại vẫn chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn, dẫn đến nguy cơ tụt hậu về năng lực tiếp cận, xử lý thông tin và định hướng dư luận quốc tế.

Trong bối cảnh hoạt động báo chí đối ngoại ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trên trường quốc tế, đội ngũ người làm báo cần được đầu tư toàn diện, cả về trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, kiến thức đa ngành và bản lĩnh chính trị. Đồng thời, các cơ quan chức năng cần đẩy mạnh cải cách chính sách đào tạo, xây dựng tiêu chuẩn năng lực phù hợp với đặc thù báo chí đối ngoại, đồng thời phát triển các chương trình huấn luyện chuyên sâu, có tính cập nhật và hội nhập cao. Đây là điều kiện tiên quyết để hình thành đội ngũ cán bộ báo chí đối ngoại không chỉ có năng lực làm báo chuyên nghiệp mà còn là lực lượng tiên phong trong công tác thông tin, truyền thông quốc gia, đủ sức đối diện với các vấn đề truyền thông chiến lược, đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, bảo vệ hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Khi được hỏi về khó khăn, hạn chế trong quản lý thông tin đối ngoại ở đơn vị, lãnh đạo Ban Nhân Dân điện tử tiếng Trung cho rằng: “*Số lượng nhân lực tiếng Trung được tuyển vào gần đây bị giảm so với nhân lực tiếng Anh. Năm 2024, báo Nhân Dân điện tử tiếng Trung chỉ có 6 biên tập viên, phóng viên. Tuy nhiên, mọi người đều làm công tác phóng viên, đều đi hiện trường,*

trực tiếp viết tin, viết bài và tổ chức các đợt, cái nhóm bài nhiều kỳ hoặc phối hợp với phóng viên khác không biết tiếng Trung để làm các đợt, các bài dài kỳ. Vì vậy, trong hoạt động thông tin đối ngoại, đội ngũ này cũng gặp khá nhiều khó khăn”. (Trích phỏng vấn lãnh đạo Ban Nhân Dân điện tử tiếng Trung).

Nguyên nhân của hạn chế có thể chỉ ra như sau:

Thứ nhất, vẫn còn tồn tại hạn chế trong nhận thức về tầm quan trọng và tính tất yếu của chuyển đổi số cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quy trình sản xuất nội dung thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Mặc dù chuyển đổi số đã trở thành một xu hướng không thể đảo ngược, nhưng không phải tất cả cán bộ, lãnh đạo trong các cơ quan này đều hiểu rõ về ý nghĩa, lợi ích và tác động lâu dài của quá trình này. Chính sự thiếu nhận thức đầy đủ đó là một trong những nguyên nhân khiến quá trình chuyển đổi số tại một số cơ quan báo chí đối ngoại vẫn diễn ra chậm và chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Thứ hai, nguồn lực của nhà nước cho quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực còn hạn chế. Một trong những rào cản đáng kể hiện nay đối với sự phát triển của báo chí đối ngoại trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu ngày càng cao về đầu tư tài chính, cơ sở vật chất và công nghệ hiện đại. Mặc dù chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư cho các cơ quan báo chí phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại, đặc biệt là trong việc ứng dụng các phương thức truyền thông số, nền tảng kỹ thuật số mới, xây dựng và phát triển hệ thống báo điện tử phục vụ công chúng quốc tế, nhưng thực tế triển khai vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Việc làm báo hiện đại không chỉ dừng lại ở sản xuất nội dung theo các mô hình truyền thống, mà còn yêu cầu năng lực ứng dụng linh hoạt các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa sản xuất tin tức, phát hành nội dung trên đa nền tảng (social media, mobile app, podcast, OTT...). Những thay đổi này đòi hỏi không chỉ nguồn ngân sách đầu tư ban đầu rất lớn mà còn kéo theo chi phí duy trì, bảo trì hệ thống kỹ thuật, chi phí nâng cấp nền tảng định kỳ để đảm bảo khả năng vận hành an toàn, hiệu quả và bảo mật thông tin trong môi trường mạng toàn cầu đầy rủi ro.

Bên cạnh đó, việc phát triển hạ tầng số cũng cần đồng bộ với đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ truyền thông mới, thiết

kế đồ họa, lập trình và vận hành hệ thống CMS (content management system), phân tích dữ liệu người dùng, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO), truyền thông tương tác,... Trong khi đó, hiện nay tiềm lực tài chính và nhân lực của nhiều cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực còn hạn chế, chưa đủ năng lực triển khai toàn diện các yêu cầu hiện đại hóa hoạt động báo chí theo đúng định hướng chiến lược đã được chính phủ đề ra.

Chính phủ đã khuyến khích các cơ quan báo chí đối ngoại chủ động đổi mới công nghệ, tăng cường ứng dụng các hình thức truyền thông hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền, bảo đảm tính cạnh tranh và tính lan tỏa của thông tin đối ngoại Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, để biến chủ trương thành hiện thực đòi hỏi có cơ chế tài chính linh hoạt, nguồn lực đầu tư đủ mạnh và chính sách hỗ trợ dài hạn về phát triển hạ tầng công nghệ số, cũng như kế hoạch đào tạo nhân sự báo chí chất lượng cao. Nếu không có sự đầu tư bài bản và đồng bộ, hoạt động của báo chí đối ngoại sẽ gặp khó khăn trong việc thích ứng với xu thế truyền thông toàn cầu và khó phát huy vai trò là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng, truyền thông đối ngoại trong thời đại số.

Chẳng hạn, “*Tại VOV5, do điều kiện kinh phí eo hẹp, tình trạng kinh phí không được tăng mà còn bị giảm đi sau COVID-19, nên các hoạt động phát triển các nội dung và phương thức thông tin đối ngoại gặp rất nhiều khó khăn. VOV5 đã phải nỗ lực rất nhiều và động viên các cán bộ với lòng yêu nghề, đam mê công việc để duy trì 13 chương trình phát thanh với 13 thứ tiếng và hoạt động của 2 phòng chuyên trách phục vụ cho 13 chương trình phát thanh*”. (Trích phỏng vấn ảnh đạo VOV5).

Thứ ba, đội ngũ cán bộ thực hiện thông tin đối ngoại ở một số tờ báo còn mỏng, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh thông tin toàn cầu. Việc thiếu hụt nhân lực chuyên trách không chỉ ảnh hưởng đến khả năng khai thác, xử lý và truyền tải thông tin đối ngoại một cách kịp thời, chính xác và hiệu quả, mà còn gây khó khăn trong việc duy trì tính liên tục, chiều sâu và sự chuyên nghiệp của nội dung. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực ngoại ngữ, hiểu biết sâu sắc về chính trị, đối ngoại và khả năng thích ứng với môi trường truyền thông quốc tế đa dạng và biến động.

Tại báo *Le Courrier du Vietnam*, “*Tờ báo điện tử này được truy cập từ gần*

200 nước và vùng lãnh thổ, song thách thức lớn nhất trong quá trình quản lý thông tin đối ngoại là lực lượng phóng viên, biên tập viên của *Le Courrier du Vietnam* quá mỏng, phải kiêm nhiệm nhiều việc nên đôi khi không trả lời kịp thời các câu hỏi của độc giả” (Trích phỏng vấn lãnh đạo báo *Le Courrier du Vietnam*).

Hay tại “*Nhân Dân điện tử tiếng Trung*, số lượng nhân lực tiếng Trung được tuyển vào gần đây bị giảm so với nhân lực tiếng Anh. Đồng thời, việc đào tạo trong sử dụng các công nghệ mới trong truyền thông hiện vẫn là tự đào tạo. Do đó, cán bộ thực hiện công tác thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân điện tử tiếng Trung* đều mong muốn được đi đào tạo một cách chính quy hơn những công nghệ mới sử dụng để đáp ứng cho yêu cầu của công việc (Trích phỏng vấn lãnh đạo Ban *Nhân Dân điện tử tiếng Trung*).

Bên cạnh đó, công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, cả ở cấp quản lý nhà nước lẫn cấp thực thi nghiệp vụ trong lĩnh vực báo chí đối ngoại, hiện vẫn chưa được quan tâm đúng mức, cả về chính sách, quy mô và tính hệ thống. Thực tế cho thấy, đội ngũ cán bộ quản lý báo chí đối ngoại đóng vai trò then chốt trong việc hoạch định chiến lược phát triển, định hướng nội dung, xây dựng thương hiệu và dẫn dắt các cơ quan báo chí đối ngoại vận hành hiệu quả. Tuy nhiên, phần lớn các cán bộ này xuất thân từ đội ngũ làm chuyên môn, ít được đào tạo bài bản về kỹ năng quản lý trong môi trường truyền thông tích hợp. Họ còn thiếu kinh nghiệm trong việc khai thác và ứng dụng công nghệ báo chí hiện đại, chưa làm chủ được các xu hướng làm báo mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, nền tảng số hóa... Đồng thời, khả năng sử dụng ngoại ngữ ở mức chuyên sâu, yếu tố quan trọng trong hoạt động thông tin đối ngoại, vẫn còn hạn chế, khiến việc giao tiếp, hợp tác quốc tế hay định hướng truyền thông bằng nhiều ngôn ngữ chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý báo chí đối ngoại chưa thực sự nhạy bén trước sự vận động nhanh của các mô hình báo chí hiện đại. Họ còn lúng túng trong việc đưa ra các dự báo chiến lược, chưa chủ động nghiên cứu, cập nhật các xu hướng truyền thông mới để tham mưu cho cấp trên, hoặc để chỉ đạo các cơ quan báo chí khai thác cơ hội hợp tác quốc tế một cách hiệu quả. Các sáng kiến như xây dựng tòa soạn hội tụ, sản xuất nội dung tích hợp đa nền tảng, mời các phóng viên quốc tế vào Việt Nam tác nghiệp, hoặc phát triển các tuyến bài hợp tác quốc tế nhằm lan tỏa hình ảnh Việt Nam vẫn chưa được triển khai đồng bộ,

do thiếu nguồn lực và sự chủ động từ chính những người giữ vai trò quản lý. Trong khi đó, báo chí thế giới đang chuyển mình rất mạnh theo hướng số hóa toàn diện, gia tăng tính tương tác và tự động hóa nội dung, làm gia tăng khoảng cách giữa báo chí đối ngoại Việt Nam và chuẩn mực báo chí toàn cầu.

Hơn nữa, nhiều cán bộ quản lý báo chí đối ngoại hiện vẫn chưa phát huy được tính chủ động trong việc thiết lập mạng lưới giao lưu, hợp tác với báo chí nước ngoài, hoặc tận dụng được vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài như một kênh truyền thông hiệu quả. Họ chưa thể hiện rõ sự linh hoạt trong việc điều phối nguồn lực, tổ chức các chiến dịch thông tin quy mô, chưa khai thác hết tiềm năng hợp tác đa phương trong lĩnh vực truyền thông quốc tế.

Thứ tư, môi trường báo chí quốc tế đang trở nên ngày càng cạnh tranh khốc liệt, nhất là ở những quốc gia có nền báo chí phát triển cao, nơi mà thông tin được sản xuất với tốc độ lớn, phong cách thể hiện đa dạng, công nghệ hiện đại và các chiến lược truyền thông luôn đổi mới. Trong bối cảnh đó, báo chí đối ngoại Việt Nam không chỉ cần giữ vững bản sắc và định hướng chính trị, mà còn phải có khả năng cạnh tranh về chất lượng nội dung, độ tin cậy, tốc độ truyền tải và tính hấp dẫn trong cách tiếp cận độc giả quốc tế. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý báo chí đối ngoại không chỉ am hiểu sâu sắc về nghiệp vụ quản lý báo chí, mà còn phải có tư duy chiến lược, sáng tạo và linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch phát triển nội dung, hình thức và kênh truyền tải.

Tại tờ *Le Courrier du Vietnam*, “*Để tạo nguồn thu, lãnh đạo tờ báo đã chú trọng công tác marketing, tăng cường hợp tác với các cơ quan, các doanh nghiệp... Đồng thời, đội ngũ quản lý và thực hiện thông tin đối ngoại ở tờ báo này cũng không ngừng đổi mới hình thức, nội dung cả 3 sản phẩm. Ví dụ: để mở rộng đối tượng xem chương trình Espace Francophone, ngoài voix off bằng tiếng Pháp chương trình có thêm phần phụ đề bằng tiếng Việt. Tháng 10/2022, báo điện tử ra mắt giao diện mới bắt mắt và tiện ích hơn. Tháng 4/2024, báo điện tử có thêm mục podcast. Báo tuần cũng không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức. Nhờ đó, tòa soạn báo Le Courrier du Vietnam đã biến khó khăn, thách thức thành cơ hội trong hoạt động*” (Trích phỏng vấn lãnh đạo báo *Le Courrier du Vietnam*).

Thứ năm là khó khăn trong đảm bảo bản quyền và an toàn thông tin. Trong thời đại kỹ thuật số, nơi thông tin có thể được sao chép và lan truyền nhanh chóng, tình trạng vi phạm bản quyền báo chí đã trở nên phổ biến và khó kiểm soát. Các sản phẩm báo chí đối ngoại, thường là những tác phẩm có tính chuyên sâu, đòi hỏi quy trình sản xuất nghiêm ngặt, đầu tư lớn về nguồn lực con người và tài chính rất dễ bị các trang web tổng hợp tin tức, blog cá nhân hay nhóm chia sẻ trên mạng xã hội sao chép, chỉnh sửa hoặc đăng tải trái phép mà không ghi rõ nguồn, thậm chí cố tình bóp méo nội dung nhằm thu hút lượt xem.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ chế pháp lý hiệu quả và đồng bộ để bảo vệ quyền tác giả trong lĩnh vực báo chí số, đặc biệt là trên môi trường xuyên biên giới. Những hành vi vi phạm này không chỉ làm tổn hại đến lợi ích kinh tế của các cơ quan báo chí chính thống, mà còn làm suy giảm động lực sáng tạo, tác động tiêu cực đến chất lượng nội dung và làm xói mòn niềm tin của công chúng vào báo chí. Đồng thời, việc thông tin bị sao chép và biến tướng một cách tùy tiện có thể dẫn đến hiểu nhầm trong dư luận quốc tế, gây tổn hại tới hình ảnh quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh báo chí đối ngoại là một công cụ quan trọng trong việc tác động đến dư luận toàn cầu.

Thậm chí, các công nghệ trí tuệ nhân tạo như Deepfake, Chatbot tự động đang được sử dụng để tạo ra các thông tin sai lệch có độ tin cậy cao, gây khó khăn trong việc phân biệt thật, giả. Mặc dù pháp luật về sở hữu trí tuệ đã có nhiều quy định mà Hội Nhà báo Việt Nam đã cung cấp hỗ trợ. Tuy nhiên, hiệu quả vẫn còn hạn chế, nguồn lực bị tiêu thụ nhiều và tình trạng này vẫn kéo dài. Việt Nam chưa có công cụ kiểm chứng thông tin (fact-checking) đủ mạnh để chống lại làn sóng thông tin giả trên môi trường số. Thách thức này đòi hỏi Việt Nam cần tập trung phát triển công cụ chống tin giả, nâng cao năng lực phản ứng nhanh, hiện đại hóa phương thức truyền thông, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin để bảo vệ, xây dựng hình ảnh đất nước.

Thứ sáu là khó khăn trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức quản lý thông tin đối ngoại làm ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai các chiến lược truyền thông quốc gia. Điều này chủ yếu xuất phát từ sự thiếu đồng bộ trong cơ chế phối hợp, chưa có quy trình thống nhất về chia sẻ thông tin, phân công nhiệm vụ hay cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Một số cơ quan còn

hoạt động rời rạc, thiếu sự kết nối chặt chẽ với các đơn vị khác trong hệ thống, dẫn đến tình trạng trùng lặp nội dung, phân tán nguồn lực và chưa tối ưu hóa được hiệu quả truyền thông. Ngoài ra, sự khác biệt về mục tiêu, phương pháp tiếp cận và mức độ đầu tư giữa các đơn vị cũng khiến cho việc hợp tác gặp nhiều trở ngại. Những hạn chế này đòi hỏi cần có một cơ chế điều phối tập trung, thống nhất hơn, cùng với việc nâng cao năng lực quản lý, chia sẻ dữ liệu và xây dựng quy chuẩn hoạt động chung, nhằm đảm bảo sự liên kết hiệu quả trong quản lý thông tin đối ngoại.

Ở TTXVN, “*Trong những năm qua, Le Courrier du Vietnam đã phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các đơn vị làm công tác thông tin đối ngoại của TTXVN, các cơ quan ngoại giao nước ngoài, tổ chức Pháp ngữ, các trường đại học cũng như một số cơ quan, bộ, ban, ngành, các địa phương... Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy sự hợp tác giữa các cơ quan báo chí có các sản phẩm bằng tiếng Pháp như ở VOV, báo Nhân Dân còn hạn chế*” (Trích phỏng vấn lãnh đạo báo *Le Courrier du Vietnam*).

Ngoài ra, việc phối hợp giữa các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực còn hạn chế do sự thiếu hụt các văn bản quy phạm pháp luật hoặc chỉ đạo điều hành có tính chất chuyên biệt dành riêng cho lĩnh vực báo chí đối ngoại. Phần lớn các cơ quan quản lý vẫn đang vận hành dựa trên hệ thống các quy định mang tính bao quát chung của lĩnh vực báo chí, truyền thông, trong khi báo chí đối ngoại lại là một lĩnh vực đặc thù, đòi hỏi có những quy định riêng phù hợp với đặc điểm, chức năng, mục tiêu, đối tượng tiếp nhận và phạm vi hoạt động trải dài trên nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Việc thiếu khung pháp lý riêng biệt dẫn đến khó khăn trong việc phân định rõ trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị, ảnh hưởng đến hiệu quả điều hành, chỉ đạo thông tin đối ngoại, đặc biệt trong các tình huống truyền thông có tính chiến lược.

Nhìn tổng thể, trong giai đoạn 2020-2022, công tác thông tin đối ngoại của Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế rõ rệt do tác động kép của đại dịch COVID-19 và khủng hoảng truyền thông toàn cầu, khi tin giả và thông tin sai lệch lan truyền nhanh chóng trên các nền tảng số. Những bất cập chủ yếu bao gồm thiếu một chiến lược truyền thông dài hạn và ổn định, dẫn đến việc thông tin mang tính ứng phó tạm thời hơn là chủ động định hướng; chậm trễ trong chuyển đổi số và đa dạng hóa phương tiện truyền thông; hạn chế

về nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ có năng lực ngoại ngữ và am hiểu truyền thông quốc tế; cùng với đó là sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa các cơ quan quản lý, báo chí và đối ngoại. Nội dung thông tin đối ngoại trong giai đoạn này đôi khi còn thiếu chiều sâu và chưa đủ sức thuyết phục, làm giảm hiệu quả lan tỏa thông điệp quốc gia ra bên ngoài. Bối cảnh đại dịch cũng khiến nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế bị gián đoạn, ví dụ như việc hạn chế phóng viên nước ngoài tác nghiệp tại Việt Nam khiến việc quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới càng trở nên khó khăn. Ngoài ra, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu và chiến lược hợp tác quốc tế về truyền thông phòng chống dịch cũng làm giảm tính dự báo và khả năng chủ động của thông tin đối ngoại.

Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế nêu trên cho thấy nhu cầu đổi mới toàn diện công tác thông tin đối ngoại là hết sức cấp bách. Nhu cầu đổi mới từ xây dựng chiến lược truyền thông dài hạn, đầu tư mạnh mẽ cho chuyển đổi số, đến việc nâng cao năng lực nhân lực, đa dạng hóa hình thức truyền tải và tăng cường phối hợp liên ngành. Chỉ khi khắc phục được những điểm yếu này, Việt Nam mới có thể chủ động hơn trong định hướng dư luận quốc tế, ứng phó hiệu quả với khủng hoảng truyền thông tương lai.

Tiểu kết Chương 3

Là các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam, trong giai đoạn 2020-2022, dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV đã thực hiện tốt quản lý thông tin đối ngoại. Ở mỗi cơ quan báo chí chủ lực này, mặc dù quy trình sản xuất thông tin đối ngoại có một số nét đặc thù riêng, nhưng việc quản lý công tác thông tin đối ngoại đều đảm bảo theo 7 nội dung như sau:

- 1) Tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch thông tin;
- 2) Duyệt kế hoạch thông tin;
- 3) Triển khai thực hiện thông tin;
- 4) Giám sát thực hiện thông tin;
- 5) Phổ biến thông tin;
- 6) Tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi;
- 7) Kiểm tra, đánh giá thực hiện thông tin.

Do vậy, công tác thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực này đã có những đóng góp quan trọng trong việc thực hiện tuyên truyền, quảng bá chủ trương, đường lối, chính sách, quan điểm, lập trường, tình hình mọi mặt, tiềm năng của Việt Nam tới cộng đồng quốc tế; thông tin sâu rộng, kịp thời những nỗ lực và thành quả đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; thông tin nổi bật quan điểm, lập trường của Việt Nam về các vấn đề khu vực và quốc tế; khẳng định vai trò tích cực, chủ động và trách nhiệm của Việt Nam trong việc tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; thông tin phòng chống COVID-19 cũng như các nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam trong bối cảnh đất nước và thế giới mở cửa trở lại sau đại dịch COVID-19.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc quản lý công tác thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV còn có một số khó khăn, hạn chế như: thiếu chiến lược dài hạn và ổn định, dẫn đến nội dung mang tính ứng phó ngắn hạn hơn là chủ động quản lý xây dựng phát triển nội dung; sự phối hợp giữa các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực với các cơ quan khác; quản lý thông tin qua thanh tra, kiểm tra, giám sát, đề xuất khen thưởng, kỷ luật các hành vi vi phạm pháp luật về báo chí đối ngoại. Điều này do những nguyên nhân khác nhau và sẽ cần có những giải pháp để nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại trong những điều kiện, bối cảnh khủng hoảng tương tự trong tương lai.

CHƯƠNG 4. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỚI

4.1. Bối cảnh, những vấn đề đặt ra và bài học từ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022

4.1.1. Bối cảnh mới của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

4.1.1.1 Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tác động mạnh mẽ đến quản lý thông tin đối ngoại

Trong thời gian tới, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ tiếp tục là xu thế chủ đạo, tác động ngày càng sâu rộng và phức tạp đến công tác thông tin đối ngoại của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông hiện đại và các nền tảng số toàn cầu dự báo sẽ làm gia tăng mạnh mẽ các dòng chảy thông tin xuyên biên giới, kéo theo sự lan tỏa sâu rộng của các hệ tư tưởng, giá trị văn hóa, lối sống và chuẩn mực xã hội đa dạng. Những biến đổi này sẽ tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, tâm lý và hành vi xã hội, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý thông tin đối ngoại trong việc vừa hội nhập, vừa giữ vững định hướng và bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong bối cảnh đó, *trước hết*, báo chí và truyền thông nói chung, báo chí đối ngoại nói riêng, được dự báo sẽ chịu áp lực đổi mới ngày càng lớn cả về nội dung, hình thức và phương thức tổ chức quản lý. Không gian truyền thông quốc tế trong thời gian tới sẽ tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các mô hình phát triển, các quan điểm học thuật, chính trị và kinh tế khác nhau. Các cuộc tranh luận, phản biện và “cọ xát thông tin” giữa các quốc gia trên truyền thông quốc tế được dự báo sẽ diễn ra thường xuyên hơn, đòi hỏi các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực phải duy trì trạng thái chủ động, nhạy bén và có khả năng thích ứng cao trong quản lý và điều phối thông tin đối ngoại.

Thứ hai là sự chuyển đổi từ truyền thông chính trị thuần túy sang quản trị hình ảnh và thương hiệu quốc gia. Dự báo, báo chí đối ngoại sẽ đóng vai trò hạt nhân trong việc xây dựng “quyền lực mềm” của Việt Nam. Công tác

quản lý thông tin sẽ không chỉ dừng lại ở việc phản ánh tình hình chính trị - kinh tế, mà tập trung vào chiến lược thiết lập khung truyền thông nhất quán để định vị bản sắc quốc gia rõ ràng trên trường quốc tế. Việc quản trị nội dung sẽ hướng tới mục tiêu thu hút sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế đối với các vấn đề chiến lược, từ đó tối ưu hóa lợi ích trong xúc tiến thương mại, đầu tư và ngoại giao đa phương.

Thứ ba là sự lên ngôi của mô hình tòa soạn số và quản trị thông tin dựa trên dữ liệu. Trong kỷ nguyên số, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực sẽ phải chuyển mình trở thành những tổ hợp truyền thông đa nền tảng, có khả năng thích ứng cao với môi trường thông tin không biên giới. Quản lý thông tin đối ngoại sắp tới sẽ dựa trên việc phân tích dữ liệu công chúng toàn cầu để "đối tượng hóa" thông tin, đảm bảo mỗi thông điệp phát ra không chỉ chính xác về chính trị mà còn tương thích về văn hóa và thị hiếu của từng khu vực địa lý.

Thứ tư là vai trò trụ cột trong bảo vệ lợi ích quốc gia trên không gian mạng. Khi các cuộc tranh luận và cọ xát chính kiến quốc tế diễn ra thường xuyên hơn trên môi trường số, quản lý thông tin đối ngoại sẽ trở thành "lá chắn" chiến lược. Các cơ quan chủ lực như TTXVN, VOV5 hay Báo Nhân Dân sẽ đóng vai trò tiên phong trong việc phản bác các thông tin sai lệch, củng cố lòng tin của các đối tác và nhà đầu tư quốc tế vào môi trường ổn định của Việt Nam, góp phần trực tiếp vào việc bảo vệ độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia trong tình hình mới.

4.1.1.2. Xu thế phát triển của truyền thông đa phương tiện dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trong thời gian tới, cách mạng công nghiệp lần thứ tư được dự báo sẽ tiếp tục tạo ra những biến đổi sâu sắc và mang tính cấu trúc đối với lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trên phạm vi toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Nền tảng của quá trình này là sự tích hợp ngày càng sâu giữa các công nghệ cốt lõi như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT), làm gia tăng mức độ kết nối giữa không gian vật lý, không gian số và không gian xã hội. Sự phát triển của các công nghệ này không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất và phân phối thông tin, mà còn tái cấu trúc cách

thức công chúng tiếp nhận, tương tác và đánh giá thông tin trong môi trường truyền thông hiện đại.

Đối với báo chí và truyền thông đối ngoại, những tiến bộ công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng mạnh mẽ khả năng sản xuất các sản phẩm báo chí đa phương tiện, đa nền tảng và mang tính tương tác cao. Trong tương lai gần, các cơ quan báo chí đối ngoại sẽ ngày càng phải vận hành trong môi trường truyền thông nơi các định dạng nội dung đa dạng như bài viết phân tích chuyên sâu, video ngắn, đồ họa dữ liệu, podcast, cũng như các ứng dụng công nghệ mới như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các hệ thống chatbot ứng dụng AI cùng tồn tại và cạnh tranh lẫn nhau. Điều này đặt ra yêu cầu quản lý không chỉ đối với nội dung, mà còn đối với hình thức thể hiện, nhịp độ truyền tải và khả năng cá nhân hóa thông tin đối ngoại cho từng nhóm công chúng quốc tế.

Tuy nhiên, cùng với cơ hội mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng, môi trường truyền thông đa phương tiện trong thời gian tới cũng sẽ trở nên cạnh tranh gay gắt hơn. Sự gia tăng nhanh chóng của các tập đoàn truyền thông xuyên quốc gia, các nền tảng số toàn cầu và các nhà sản xuất nội dung độc lập được dự báo sẽ tạo ra sức ép lớn đối với các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về tốc độ đưa tin, độ chính xác, chiều sâu phân tích và khả năng định hướng dư luận quốc tế sẽ ngày càng khắt khe, đặc biệt khi các hiện tượng “tin giả”, “thông tin sai lệch” và “chiến tranh thông tin” có xu hướng gia tăng trên không gian mạng.

Trong môi trường truyền thông mới, báo chí chính thống được dự báo vẫn giữ vai trò trụ cột, song chỉ có thể phát huy vai trò này nếu biết khai thác hiệu quả lợi thế về kiểm chứng thông tin, uy tín nguồn tin và năng lực phân tích chuyên sâu. Xu hướng công chúng quốc tế quay trở lại với các kênh thông tin chính thống trong những vấn đề phức tạp, nhạy cảm hoặc có tác động lớn đến chính trị – kinh tế toàn cầu cho thấy báo chí đối ngoại vẫn có “không gian ảnh hưởng”, nhưng không còn là không gian mặc định, mà phải được tạo dựng thông qua chất lượng nội dung và năng lực quản lý thông tin.

Đồng thời, hành vi tiếp nhận thông tin của công chúng trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục dịch chuyển theo hướng cá nhân hóa, tương tác hóa và lựa chọn theo nhu cầu riêng biệt. Công chúng không còn đóng vai trò

tiếp nhận thụ động mà ngày càng tham gia sâu vào quá trình phản hồi, chia sẻ và tái tạo nội dung. Điều này buộc các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam phải thay đổi căn bản tư duy quản lý thông tin, chuyển từ mô hình truyền thông một chiều sang mô hình quản lý truyền thông lấy công chúng làm trung tâm, trong đó nhu cầu tiếp nhận, phản hồi và trải nghiệm thông tin của công chúng trở thành yếu tố quan trọng trong hoạch định và điều phối nội dung đối ngoại.

Đáng chú ý, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, truyền thông xã hội được dự báo sẽ tiếp tục giữ vai trò ngày càng quan trọng như một “không gian mềm” trong cạnh tranh quốc tế. Các nền tảng này không chỉ là công cụ lan tỏa thông tin, mà còn trở thành phương tiện định hình dư luận, xây dựng sức mạnh mềm và hỗ trợ triển khai chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, cùng với tiềm năng đó là những rủi ro về thao túng thông tin, xung đột giá trị và xói mòn bản sắc văn hóa nếu thiếu cơ chế quản lý và định hướng phù hợp. Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều quốc gia đang điều chỉnh chính sách theo hướng vừa tăng cường quản lý nhà nước đối với truyền thông xã hội, vừa chủ động khai thác các nền tảng này như một bộ phận cấu thành của chiến lược truyền thông quốc gia.

Từ những phân tích trên có thể thấy, cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong thời gian tới sẽ đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam phải chuyển từ tư duy “quản lý báo chí truyền thống” sang tư duy “định hướng và quản lý truyền thông tích hợp”. Trong đó, quản lý thông tin đối ngoại không chỉ giới hạn trong phạm vi cơ quan báo chí, mà cần mở rộng sang quản lý hệ sinh thái truyền thông đa nền tảng, kết hợp hài hòa giữa báo chí chính thống và các nền tảng truyền thông xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông đối ngoại và củng cố vị thế của Việt Nam trong không gian thông tin toàn cầu.

4.1.1.3. Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường

Trong thời gian tới, môi trường chính trị – an ninh quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục biến động sâu sắc với mức độ bất ổn gia tăng, làm gia tăng tính khó lường trong quan hệ quốc tế và khu vực. Các xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ và điểm nóng địa chính trị có xu hướng kéo dài hoặc tái bùng phát

dưới những hình thức mới, xuất phát từ mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên, cũng như sự can thiệp của các lực lượng bên ngoài. Song song với đó, các thách thức an ninh phi truyền thống như khủng bố quốc tế, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, khủng hoảng lương thực, di cư xuyên biên giới và tội phạm mạng được dự báo sẽ tiếp tục gia tăng và đan xen chặt chẽ với các nguy cơ an ninh truyền thống, tạo ra môi trường an ninh đa chiều, phức tạp và khó kiểm soát.

Mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn được xem là xu thế lớn của thời đại, song trong thời gian tới, các giá trị này được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực mạnh từ sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Quan hệ giữa các trung tâm quyền lực như Hoa Kỳ – Trung Quốc, Hoa Kỳ – Nga, Liên minh châu Âu – Nga nhiều khả năng sẽ tiếp tục căng thẳng và lan rộng sang các lĩnh vực mới như công nghệ, không gian mạng, chuỗi cung ứng, truyền thông và ngoại giao. Xu hướng chính trị hóa các quan hệ kinh tế, thương mại, tài chính và đầu tư quốc tế được dự báo sẽ gia tăng, làm suy giảm vai trò của các nguyên tắc thương mại tự do và các cơ chế đa phương truyền thống, đồng thời đặt các quốc gia trước yêu cầu phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại và truyền thông đối ngoại theo hướng linh hoạt hơn.

Một đặc điểm nổi bật của bối cảnh thế giới và khu vực trong thời gian tới là việc gia tăng sử dụng các công cụ phi truyền thống như chiến tranh thông tin, truyền thông định hướng, thao túng dư luận và phát tán thông tin sai lệch nhằm phục vụ cạnh tranh chiến lược và mở rộng ảnh hưởng. Không gian truyền thông quốc tế được dự báo sẽ tiếp tục trở thành một “mặt trận mềm” quan trọng, nơi các quốc gia cạnh tranh về diễn ngôn, hình ảnh, giá trị và tính chính danh. Trong khi đó, hệ thống quản trị toàn cầu và hiệu lực của luật pháp quốc tế có nguy cơ tiếp tục bị suy yếu, khiến khả năng kiểm soát và xử lý khủng hoảng thông qua các thiết chế đa phương trở nên hạn chế hơn.

Tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương và Đông Nam Á, tình hình an ninh – chính trị trong thời gian tới được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, đặc biệt liên quan đến các tranh chấp chủ quyền và lợi ích chiến lược trên biển. Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn trong khu vực có khả năng gia tăng, đặt các quốc gia vừa và nhỏ trước yêu cầu phải nâng cao năng lực tự chủ, tự cường và chủ động hơn trong bảo vệ lợi ích quốc gia. Trong bối cảnh

đó, vai trò của truyền thông và thông tin đối ngoại trong việc định hướng nhận thức, giảm thiểu hiểu lầm và góp phần ổn định môi trường khu vực được dự báo sẽ ngày càng quan trọng.

Những chuyển động địa chính trị toàn cầu và khu vực nêu trên được dự báo sẽ tiếp tục tác động sâu sắc đến lợi ích chiến lược, an ninh, kinh tế, chính trị và văn hóa của Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với việc kiên trì và cụ thể hóa đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, đồng thời không để đất nước bị cuốn vào các cuộc đối đầu hay xung đột mang tính cường quyền. Trong bối cảnh đó, công tác thông tin đối ngoại cần được nâng lên tầm chiến lược, góp phần bảo vệ hình ảnh quốc gia, củng cố vị thế và tăng cường uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đặc biệt, trong môi trường cạnh tranh chiến lược gia tăng và không gian thông tin toàn cầu ngày càng phức tạp, quản lý thông tin đối ngoại trong thời gian tới sẽ cần được đổi mới mạnh mẽ cả về tư duy, nội dung và công cụ triển khai. Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực được dự báo sẽ phải chủ động hơn trong việc cung cấp thông tin chính thống, kịp thời và có định hướng về quan điểm, lập trường của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với các vấn đề quốc tế và khu vực; đồng thời tăng cường năng lực đấu tranh phản bác thông tin sai lệch, xuyên tạc và các chiến dịch truyền thông bất lợi. Qua đó, công tác thông tin đối ngoại không chỉ góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố lòng tin của công chúng quốc tế và phát huy sức mạnh mềm của Việt Nam trong bối cảnh thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, khó lường.

Ngoài ra, trong cuộc đấu tranh thông tin hiện nay, báo chí đối ngoại cần kết hợp hiệu quả giữa các phương tiện truyền thông truyền thống với truyền thông số, mạng xã hội để mở rộng phạm vi ảnh hưởng, tiếp cận đa dạng đối tượng độc giả quốc tế, đặc biệt là thế hệ trẻ. Việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số hóa trong công tác thông tin đối ngoại là một xu thế tất yếu nhằm gia tăng hiệu quả tương tác, nâng cao khả năng định hướng dư luận và giữ vững vai trò trung tâm của báo chí chính thống trong không gian truyền thông toàn cầu [57].

4.1.1.4. Tình hình mới về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa trong nước sau khoảng 40 năm đổi mới

Trong giai đoạn chiến lược sắp tới, khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới sau 40 năm đổi mới, môi trường chính trị, xã hội và văn hóa sẽ có những biến chuyển sâu sắc, đòi hỏi công tác quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan chủ lực phải thay đổi tư duy từ "phản ứng" sang "chủ động dẫn dắt". Các xu hướng trọng tâm bao gồm:

Thứ nhất là sự nâng cao vị thế quốc gia và yêu cầu quản trị "quyền lực mềm". Dự báo, khi vị thế chính trị và kinh tế của Việt Nam tiếp tục được củng cố, thông tin đối ngoại sẽ không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ giải thích chính sách mà chuyển mạnh sang quản trị thương hiệu quốc gia. Quản lý thông tin sẽ hướng tới việc xây dựng một hình ảnh Việt Nam năng động, trách nhiệm và có bản sắc riêng biệt để thu hút nguồn lực quốc tế. Báo chí đối ngoại chủ lực sẽ trở thành công cụ chiến lược để củng cố "lòng tin số" của bạn bè quốc tế đối với môi trường đầu tư và ổn định chính trị trong nước.

Thứ hai là thách thức từ sự phân hóa nhận thức và sự bùng nổ của truyền thông xã hội. Dự báo không gian mạng sẽ tiếp tục là "mặt trận chính" của công tác tư tưởng. Sự trỗi dậy của các "cá nhân có sức ảnh hưởng" và sự lấn lướt của các nền tảng xuyên biên giới đặt ra yêu cầu cơ quan quản lý phải làm chủ thuật toán để định hướng dư luận. Quản lý thông tin đối ngoại sắp tới phải giải được bài toán: làm thế nào để thông tin chính thống không bị "chiếm sóng" bởi nội dung giật gân, độc hại. Tư duy quản lý sẽ chuyển từ "ngăn chặn" sang "đối thoại và định hướng" trên các nền tảng đa phương tiện.

Thứ ba là sự thay đổi trong hành vi tiếp nhận của độc giả và áp lực "đôi tượng hóa". Trình độ dân trí và năng lực công nghệ của độc giả (cả trong và ngoài nước) sẽ ngày càng cao, dẫn đến sự khắt khe trong việc lựa chọn nguồn tin. Dự báo, mô hình truyền thông một chiều sẽ hoàn toàn mất ưu thế. Quản lý thông tin đối ngoại phải lấy "trải nghiệm người dùng" làm trung tâm, áp dụng tư duy dịch vụ thông tin để đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa, đa văn hóa của độc giả quốc tế. Đây chính là động lực để các tòa soạn đối ngoại chủ lực tiến hành chuyển đổi số toàn diện.

Thứ tư là tái cấu trúc hệ thống báo chí theo hướng "tinh gọn, chuyên nghiệp và dẫn dắt". Thực hiện lộ trình quy hoạch báo chí đến năm 2030 và tầm nhìn xa hơn, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực sẽ hình thành các tổ hợp đa phương tiện có sức mạnh hội tụ. Quản trị báo chí sẽ chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang quản trị năng lực sáng tạo và hiệu quả tác động. Việc hình thành các "đầu tàu" truyền thông có năng lực cạnh tranh quốc tế sẽ là ưu tiên hàng đầu để giữ vững chủ quyền thông tin và bảo vệ nền tảng tư tưởng dân tộc trong môi trường hội nhập.

4.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

4.1.2.1 Vấn đề định hướng thông tin đối ngoại và đảm bảo tính thống nhất trong thông điệp quốc gia

Một trong những vấn đề cốt lõi đặt ra đối với quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam là làm thế nào bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt và nhất quán của thông điệp quốc gia trong khi vẫn đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa hình thức, ngôn ngữ và đối tượng tiếp nhận. Với sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng truyền thông số, dòng chảy thông tin ngày càng đa dạng và khó kiểm soát, dẫn đến nguy cơ phân tán thông điệp, thậm chí mâu thuẫn trong cách thể hiện hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

Do đó, yêu cầu đặt ra cho các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực là cần xây dựng khung thông tin quốc gia thống nhất, đồng thời tăng cường phối hợp liên ngành giữa Bộ Ngoại giao, Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương), Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và các cơ quan báo chí lớn (như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV...) để đảm bảo sự đồng bộ, chính xác và kịp thời trong thông tin đối ngoại. Việc này không chỉ giúp nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế mà còn tránh tình trạng bị động, phản ứng chậm trước các luồng thông tin xuyên tạc, sai lệch.

Bên cạnh đó, trong điều kiện cạnh tranh thông tin và diễn ngôn quốc tế ngày càng gay gắt, vấn đề bảo đảm thống nhất thông điệp quốc gia còn gắn liền với nâng cao năng lực phản ứng chiến lược của hệ thống báo chí đối ngoại. Quản lý thông tin đối ngoại trong thời gian tới không thể chỉ dừng ở việc "phát đi"

thông tin, mà cần hướng tới khả năng chủ động định hình diễn ngôn, dự báo sớm các vấn đề có thể phát sinh tranh luận, từ đó chuẩn bị thông điệp và phương án truyền thông phù hợp, hạn chế tình trạng bị động hoặc phản ứng chậm trước các luồng thông tin xuyên tạc, sai lệch.

Từ góc độ tổ chức bộ máy, vấn đề đặt ra là các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cần tiếp tục được tái cơ cấu theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả, nhằm nâng cao năng lực điều phối thông tin, giảm sự phân tán nguồn lực và tăng tính liên thông trong sản xuất nội dung đối ngoại. Việc tinh gọn không chỉ mang ý nghĩa tổ chức – hành chính, mà còn là điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý thông tin, bảo đảm thông điệp quốc gia được truyền tải nhất quán, có trọng tâm và phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn đối ngoại.

4.1.2.2 Vấn đề chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản lý báo chí đối ngoại

Trong bối cảnh khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh chóng, phương thức sản xuất, phân phối và tiếp nhận thông tin trong thời gian tới được dự báo sẽ tiếp tục thay đổi sâu sắc, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc đổi mới mô hình quản lý báo chí đối ngoại. Quản lý thông tin đối ngoại không còn có thể vận hành hiệu quả nếu chỉ dựa trên mô hình quản lý báo chí truyền thống, vốn lấy sản phẩm báo chí đơn tuyến và quy trình khép kín trong từng cơ quan làm trung tâm. Thay vào đó, vấn đề đặt ra là phải từng bước chuyển sang mô hình quản lý truyền thông tích hợp, trong đó báo chí chính thống giữ vai trò nòng cốt, đồng thời kết nối, điều phối và khai thác hiệu quả các nền tảng truyền thông số và truyền thông xã hội.

Từ góc độ quản lý, chuyển đổi số trong báo chí đối ngoại không chỉ là ứng dụng công nghệ vào sản xuất nội dung, mà còn là quá trình tái cấu trúc toàn diện mô hình quản lý, bao gồm quản lý quy trình, quản lý nội dung, quản lý dữ liệu và quản lý tương tác với công chúng. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng tư duy quản lý mới, trong đó hoạt động thông tin đối ngoại được tổ chức theo hướng đa nền tảng, đa định dạng và lấy công chúng làm trung tâm, thay vì chỉ tập trung vào việc phát đi thông tin một chiều.

Một vấn đề quan trọng khác đặt ra trong quá trình chuyển đổi số là sự thay đổi vai trò và chức năng của các chủ thể quản lý báo chí đối ngoại. Trong môi trường truyền thông số, ranh giới giữa sản xuất và phân phối thông tin ngày càng mờ nhạt, tốc độ lan tỏa thông tin nhanh hơn nhiều so với các cơ chế kiểm soát truyền thống. Do đó, quản lý báo chí đối ngoại trong thời gian

tới cần chuyển từ mô hình kiểm soát chủ yếu theo quy trình tiền kiểm sang mô hình quản lý linh hoạt, kết hợp hài hòa giữa tiền kiểm, hậu kiểm và quản lý theo chuẩn mực, trách nhiệm nghề nghiệp, nhằm vừa bảo đảm định hướng chính trị – đối ngoại, vừa không kìm hãm tính sáng tạo và khả năng thích ứng của báo chí trong môi trường số.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số trong báo chí đối ngoại còn đặt ra vấn đề về xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu số phục vụ quản lý và hoạch định chiến lược truyền thông. Trong thời gian tới, quản lý thông tin đối ngoại sẽ ngày càng cần dựa trên dữ liệu về hành vi tiếp nhận của công chúng, mức độ lan tỏa thông tin, phản hồi xã hội và xu hướng truyền thông quốc tế. Điều này đòi hỏi phải hình thành các cơ chế quản lý mới gắn với phân tích dữ liệu lớn, đo lường hiệu quả truyền thông và đánh giá tác động của thông tin đối ngoại, thay vì chỉ dựa trên các chỉ số định tính hoặc kinh nghiệm truyền thống.

Đồng thời, quá trình đổi mới mô hình quản lý báo chí đối ngoại trong kỷ nguyên số cũng đặt ra yêu cầu phải xây dựng khung tiêu chuẩn và quy chuẩn quản lý báo chí số phù hợp với đặc thù thông tin đối ngoại. Các tiêu chuẩn này không chỉ bao gồm yêu cầu về chất lượng nội dung, hình thức thể hiện và tính tương tác, mà còn gắn chặt với nhiệm vụ bảo đảm an ninh thông tin, an toàn dữ liệu và chủ quyền không gian mạng quốc gia. Đây là vấn đề mang tính chiến lược, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực và các chủ thể liên quan trong hệ sinh thái truyền thông số.

Tóm lại, chuyển đổi số và đổi mới mô hình quản lý báo chí đối ngoại trong thời gian tới không đơn thuần là lựa chọn mang tính kỹ thuật, mà là vấn đề mang tính tất yếu và chiến lược đối với việc nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại của Việt Nam. Việc giải quyết tốt vấn đề này sẽ tạo nền tảng quan trọng để các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực vừa giữ vững vai trò định hướng thông tin, vừa nâng cao năng lực cạnh tranh và sức lan tỏa trong môi trường truyền thông toàn cầu ngày càng phức tạp.

4.1.2.3 Vấn đề năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng trong môi trường truyền thông quốc tế

Trong không gian truyền thông toàn cầu, các cơ quan báo chí đối ngoại Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với những tập đoàn truyền thông lớn, hãng tin quốc tế có tiềm lực mạnh như Reuters, CNN, BBC, Xinhua hay Al

Jazeera... Sự chênh lệch về nguồn lực, công nghệ và trình độ chuyên nghiệp khiến các cơ quan báo chí đối ngoại của Việt Nam khó tạo được vị thế cạnh tranh bình đẳng, nhất là trong việc tiếp cận công chúng quốc tế. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải nâng cao năng lực quản trị truyền thông quốc tế, chú trọng đào tạo đội ngũ nhà báo, biên tập viên đối ngoại có trình độ ngoại ngữ, hiểu biết sâu về văn hóa, chính trị và luật pháp quốc tế, đồng thời có kỹ năng làm báo đa phương tiện, dữ liệu và phân tích xu hướng công chúng. Cơ quan quản lý cần có chính sách đãi ngộ, thu hút và bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho báo chí đối ngoại, hướng tới xây dựng các trung tâm báo chí đối ngoại chuyên nghiệp, có thương hiệu quốc tế.

4.1.2.4 Vấn đề đấu tranh thông tin và phản bác các luận điệu sai trái, thù địch

Cùng với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, chiến tranh thông tin và truyền thông định hướng đã trở thành công cụ phổ biến trong quan hệ quốc tế. Việt Nam cũng đang đối mặt với sự xuất hiện ngày càng tinh vi của tin giả, tin xấu độc và các chiến dịch truyền thông chống phá, nhằm xuyên tạc chính sách, bôi nhọ hình ảnh đất nước, gây mất niềm tin trong nước và ngoài nước. Điều này đặt ra yêu cầu quản lý thông tin đối ngoại phải chuyển từ tư duy cạnh tranh thuần túy về lượng sang tư duy cạnh tranh về chất lượng nội dung, độ tin cậy của nguồn tin, chiều sâu phân tích và giá trị diễn giải gắn với lợi ích, quan điểm và bối cảnh của Việt Nam. Trong môi trường truyền thông quốc tế đa chiều, khả năng cung cấp thông tin chính xác, nhất quán và có chiều sâu về Việt Nam và khu vực được xem là lợi thế mà báo chí đối ngoại Việt Nam cần được quản lý và khai thác hiệu quả.

Một vấn đề quan trọng khác đặt ra là nâng cao năng lực quản trị truyền thông quốc tế trong toàn bộ hệ thống báo chí đối ngoại chủ lực. Quản lý thông tin đối ngoại trong thời gian tới không chỉ là quản lý nội dung báo chí, mà còn là quản lý chiến lược tiếp cận công chúng quốc tế, quản lý hình ảnh quốc gia và quản lý sự hiện diện truyền thông của Việt Nam trên các không gian và nền tảng khác nhau. Điều này đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, quản lý báo chí đối ngoại phải có tư duy chiến lược, hiểu biết sâu về truyền thông quốc tế, ngoại giao công chúng và các xu hướng cạnh tranh diễn ngôn toàn cầu.

Từ góc độ nguồn nhân lực, vấn đề đặt ra là phải xây dựng đội ngũ nhà báo, biên tập viên đối ngoại có năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và thích ứng trong môi trường truyền thông quốc tế hiện đại. Trong thời gian tới, công tác đào tạo và bồi dưỡng cần hướng tới phát triển những năng lực cốt lõi như trình độ ngoại ngữ chuyên sâu, hiểu biết về văn hóa – chính trị – pháp luật quốc tế, kỹ năng làm báo đa phương tiện, báo chí dữ liệu và khả năng phân tích xu hướng công chúng quốc tế. Đây không chỉ là yêu cầu nghiệp vụ, mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững của báo chí đối ngoại Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của báo chí đối ngoại còn gắn liền với chính sách quản lý và đãi ngộ nhân lực. Trong bối cảnh cạnh tranh nhân lực chất lượng cao trên thị trường truyền thông quốc tế, quản lý báo chí đối ngoại trong thời gian tới cần đặt ra vấn đề xây dựng cơ chế thu hút, sử dụng và giữ chân đội ngũ nhân lực giỏi, đồng thời tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển nghề nghiệp lâu dài. Trên cơ sở đó, từng bước hình thành các trung tâm báo chí đối ngoại chuyên nghiệp, có khả năng sản xuất nội dung chất lượng cao, xây dựng thương hiệu truyền thông đối ngoại của Việt Nam và nâng cao mức độ nhận diện quốc gia trên trường quốc tế.

4.1.2.5 Vấn đề đổi mới cơ chế quản lý, chính sách và hành lang pháp lý

Sự phát triển nhanh của truyền thông số và mạng xã hội đang vượt xa tốc độ hoàn thiện của hệ thống pháp lý trong lĩnh vực báo chí đối ngoại. Điều này đặt ra một vấn đề mang tính nền tảng đặt ra đối với quản lý thông tin đối ngoại ở Việt Nam là đổi mới cơ chế quản lý và hoàn thiện hành lang pháp lý phù hợp với môi trường truyền thông xuyên biên giới. Thực tiễn cho thấy tốc độ đổi mới công nghệ và mô hình truyền thông đang diễn ra nhanh hơn nhiều so với quá trình xây dựng và điều chỉnh hệ thống pháp luật, làm xuất hiện những vấn đề mới liên quan đến quản lý nội dung số, bản quyền, quảng cáo, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm soát thông tin phát tán ngoài biên giới quốc gia.

Trong thời gian tới, quản lý báo chí đối ngoại đòi hỏi phải chuyển từ cách tiếp cận quản lý chủ yếu dựa trên phương tiện và loại hình truyền thông sang quản lý theo chức năng, nhiệm vụ và tác động xã hội của thông tin đối ngoại. Điều này đặt ra yêu cầu xây dựng các quy định pháp lý mang tính đặc

thù cho báo chí đối ngoại, trong đó xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong hệ thống thông tin đối ngoại quốc gia. Việc hình thành một bộ tiêu chí riêng cho báo chí đối ngoại, gắn với chuẩn mực nội dung, yêu cầu chính trị – đối ngoại và tiêu chuẩn chất lượng truyền thông quốc tế, được xem là vấn đề cần được ưu tiên giải quyết.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập truyền thông quốc tế, vấn đề mở rộng quyền tự chủ gắn với tăng cường trách nhiệm giải trình cũng trở thành yêu cầu quan trọng trong đổi mới cơ chế quản lý báo chí đối ngoại. Quản lý trong thời gian tới cần hướng tới sự kết hợp hài hòa giữa quản lý nhà nước, tự quản nghề nghiệp và giám sát xã hội, bảo đảm tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong hoạt động báo chí đối ngoại, đồng thời tạo điều kiện để các cơ quan báo chí chủ lực phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực cạnh tranh trong môi trường truyền thông toàn cầu.

4.1.2.6 Vấn đề xây dựng “sức mạnh mềm” và thương hiệu quốc gia thông qua báo chí đối ngoại

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, một vấn đề mang tính chiến lược đặt ra đối với quản lý thông tin đối ngoại là làm thế nào phát huy hiệu quả vai trò của báo chí đối ngoại trong xây dựng sức mạnh mềm và thương hiệu quốc gia. Báo chí đối ngoại trong thời gian tới không chỉ được nhìn nhận như một công cụ truyền tải thông tin, mà cần được định vị là một nguồn lực quan trọng trong chiến lược tổng thể về truyền thông đối ngoại và ngoại giao công chúng của Việt Nam.

Vấn đề đặt ra ở đây là yêu cầu xây dựng một cách tiếp cận thống nhất, dài hạn và có chiến lược trong việc quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới thông qua báo chí đối ngoại. Quản lý thông tin đối ngoại cần hướng tới việc hình thành và lan tỏa các thông điệp cốt lõi phản ánh bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, tinh thần đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm quốc tế của Việt Nam, thay vì tiếp cận rời rạc, manh mún theo từng chiến dịch hoặc từng cơ quan riêng lẻ. Điều này đòi hỏi báo chí đối ngoại phải được gắn kết chặt chẽ với các trụ cột của đối ngoại quốc gia như ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế và đối ngoại nhân dân.

Trong thời gian tới, các sản phẩm báo chí đối ngoại cần được chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa theo chuẩn mực truyền thông quốc tế, đồng thời bảo đảm tính hấp dẫn, tính kể chuyện và khả năng truyền cảm hứng đối với công chúng quốc tế. Vấn đề quản lý đặt ra không chỉ là kiểm soát nội dung, mà là định hướng sáng tạo nội dung nhằm nâng cao giá trị biểu trưng, khả năng lan tỏa và sức thuyết phục của thông tin đối ngoại, qua đó góp phần xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc gia Việt Nam một cách bền vững trong môi trường cạnh tranh truyền thông toàn cầu.

4.1.2.7 Vấn đề nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

Một vấn đề có tính nền tảng và lâu dài đối với quản lý thông tin đối ngoại là xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu của môi trường truyền thông số và hội nhập quốc tế. Trong thời gian tới, nhà báo và cán bộ quản lý báo chí đối ngoại không chỉ cần vững vàng về nghiệp vụ báo chí, mà còn phải có bản lĩnh chính trị, tư duy đối ngoại, hiểu biết sâu rộng về văn hóa, chính trị và luật pháp quốc tế, cũng như khả năng phân tích và phản biện trong môi trường truyền thông đa chiều.

Bên cạnh yêu cầu về năng lực chuyên môn, vấn đề đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm báo đối ngoại trong không gian số ngày càng trở nên quan trọng. Trong môi trường truyền thông có tính lan tỏa nhanh, tương tác cao và khó kiểm soát, mỗi sản phẩm báo chí đối ngoại đều có khả năng tạo ra tác động xã hội lớn, cả tích cực lẫn tiêu cực. Do đó, quản lý thông tin đối ngoại trong thời gian tới cần đặc biệt chú trọng việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực ứng xử trên không gian mạng và ý thức trách nhiệm chính trị – xã hội của đội ngũ cán bộ làm báo đối ngoại.

Từ góc độ quản lý, vấn đề đặt ra là phải xây dựng cơ chế đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại theo hướng dài hạn, liên tục và thích ứng với thay đổi của môi trường truyền thông quốc tế. Việc kết hợp giữa nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường bản lĩnh chính trị và củng cố chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp được xem là điều kiện then chốt để bảo đảm chất lượng, uy tín và tính bền vững của hoạt động thông tin đối ngoại trong bối cảnh mới.

4.1.3. Bài học từ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022

Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm đặc biệt, khi Việt Nam phải đối diện với nhiều thách thức mới trong bối cảnh đại dịch COVID-19, sự biến động nhanh chóng của tình hình khu vực và thế giới, cùng với yêu cầu ngày càng cao của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, hoạt động quản lý thông tin đối ngoại đã bộc lộ nhiều điểm mạnh, hạn chế và để lại những bài học kinh nghiệm có giá trị cho hiện nay cũng như thời gian tới.

Thứ nhất là bài học về tính chủ động, kịp thời trong định hướng thông tin. Trong đại dịch COVID-19, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực như báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV... đã nhanh chóng thông tin ra thế giới về nỗ lực chống dịch của Việt Nam, đồng thời phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc. Bài học rút ra là quản lý thông tin đối ngoại cần bảo đảm cơ chế phản ứng nhanh, có dự báo chiến lược để xử lý khủng hoảng truyền thông, không để bị động trước những diễn biến bất ngờ.

Thứ hai là bài học về gắn kết thông tin đối ngoại với đối nội. Trong giai đoạn này, việc truyền tải hình ảnh Việt Nam an toàn, kiểm soát tốt dịch bệnh đã không chỉ giúp nâng cao uy tín quốc tế mà còn tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Đây là minh chứng cho bài học: quản lý thông tin đối ngoại không thể tách rời quản lý thông tin đối nội, mà cần sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong định hướng dư luận trong nước và ngoài nước.

Thứ ba là bài học về đa dạng hóa phương thức và nền tảng truyền thông. Giai đoạn từ năm 2020-2022 chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ sang môi trường số. Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã đẩy mạnh ứng dụng mạng xã hội, nền tảng số, đa ngôn ngữ để mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng quốc tế. Điều này cho thấy việc quản lý thông tin đối ngoại trong hiện tại và tương lai phải tiếp tục thích ứng nhanh với công nghệ truyền thông mới, xây dựng chiến lược truyền thông số, nâng cao năng lực số cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên.

Thứ tư là bài học về phối hợp liên ngành và đa kênh. Trong giai đoạn dịch bệnh và các biến động quốc tế (cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ukraine, vấn đề Biển Đông...), thông tin đối ngoại được triển

khai hiệu quả nhờ sự phối hợp giữa Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương) và các cơ quan báo chí chủ lực. Bài học rút ra là cần tiếp tục củng cố cơ chế phối hợp liên ngành, đảm bảo tiếng nói thống nhất, tránh tình trạng thông tin rời rạc, phân tán.

Thứ năm là bài học về đầu tư cho nguồn lực và tính chuyên nghiệp. Giai đoạn 2020–2022 cũng cho thấy những hạn chế khi một số cơ quan báo chí còn bị động, thiếu nhân sự giỏi ngoại ngữ, công nghệ, thiếu cơ chế khuyến khích sáng tạo và bảo vệ phóng viên trong môi trường thông tin quốc tế phức tạp. Bài học đặt ra là phải coi trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia báo chí đối ngoại có bản lĩnh chính trị, kỹ năng nghiệp vụ, khả năng tiếp cận công chúng quốc tế một cách chuyên nghiệp.

Bài học kinh nghiệm từ giai đoạn 2020–2022 cho thấy công tác quản lý thông tin đối ngoại cần được đặt trong tầm nhìn chiến lược, vừa bảo đảm định hướng chính trị - tư tưởng, vừa thích ứng nhanh với môi trường truyền thông toàn cầu đang thay đổi. Điều đó đòi hỏi sự chủ động dự báo, phối hợp chặt chẽ, đa dạng hóa phương thức, ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng lực của đội ngũ, qua đó góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, củng cố niềm tin và nâng cao uy tín, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

4.2. Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam

4.2.1. Quan điểm, chủ trương, định hướng của đảng về công tác thông tin đối ngoại và quản lý thông tin đối ngoại

+ Quan điểm, chủ trương, định hướng của đảng về công tác thông tin đối ngoại:

Thông tin đối ngoại là một bộ phận hữu cơ, có vai trò chiến lược trong tổng thể công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đây là lĩnh vực gắn bó chặt chẽ với các hoạt động ngoại giao chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa trong bối cảnh Việt Nam ngày càng chủ động và tích cực hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế. Đảng ta luôn coi trọng và đề cao vai trò của công tác thông tin đối ngoại như một kênh quan trọng để truyền tải chính xác, kịp thời và có định hướng hình ảnh, lập trường, quan điểm của Việt Nam tới bạn

bè quốc tế; góp phần bảo vệ chủ quyền, giữ gìn ổn định chính trị, xây dựng hình ảnh đất nước hòa bình, năng động và phát triển.

Ngay từ Đại hội XI (2011), đảng đã đề ra phương châm “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” với nguyên tắc “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”. Quan điểm này đã đặt nền móng để công tác thông tin đối ngoại được xác định là một trụ cột cần được ưu tiên đầu tư nhằm hỗ trợ cho tiến trình hội nhập trên mọi lĩnh vực. Trên cơ sở đó, nhiều văn bản quan trọng đã được ban hành để cụ thể hóa chiến lược phát triển thông tin đối ngoại, như:

- Kết luận số 16-KL/TW ngày 14/02/2012 của Bộ Chính trị về “Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020”;
- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 06/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020;
- Quyết định số 1209/QĐ-TTg ngày 04/9/2012 về Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020;
- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 phê duyệt Chương trình hành động về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013–2020;
- Đề án nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2020.

Tại Đại hội XII (2016), công tác thông tin đối ngoại tiếp tục được nhấn mạnh là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm “tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Trong giai đoạn này, thông tin đối ngoại được xem như một công cụ chính trị, tư tưởng quan trọng để bảo vệ nền tảng lý luận của đảng, phản bác các luận điệu xuyên tạc, đồng thời quảng bá hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Thực hiện chủ trương của đảng, ngày 5/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1191/QĐ-TTg phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp đổi mới hoạt động tuyên truyền đối ngoại, nhấn mạnh vào các khu vực biên giới, nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng.

Tới Đại hội XIII (2021), trước những biến chuyển nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới, đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của công tác hội nhập quốc tế và đối ngoại, trong đó có công tác thông tin đối ngoại. Văn kiện Đại hội nêu rõ: Việt Nam cần “chủ động và tích cực làm sâu

sắc hơn các quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác”, đồng thời “đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại” để tạo lập vị thế vững chắc cho đất nước trong môi trường cạnh tranh và hợp tác toàn cầu.

Xuyên suốt từ Đại hội XI đến Đại hội XIII, đường lối nhất quán của đảng về hội nhập quốc tế và công tác thông tin đối ngoại được thể hiện qua định hướng phát triển có chiều sâu, gắn với các mục tiêu chiến lược dài hạn. Đó là:

- Tận dụng môi trường hòa bình và các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước một cách nhanh và bền vững;
- Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ;
- Nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia, tăng cường vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế;
- Quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, bản sắc văn hóa dân tộc trước các thách thức từ hội nhập.

Có thể khẳng định, công tác thông tin đối ngoại không chỉ là một nhiệm vụ truyền thông đơn thuần mà còn là một công cụ chiến lược góp phần định hình vị thế quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, tạo lập niềm tin với cộng đồng quốc tế, đồng thời xây dựng “thế trận truyền thông” quốc gia vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Quan điểm, chủ trương, định hướng của đảng về quản lý công tác thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực:

Thứ nhất, thông tin đối ngoại là một bộ phận quan trọng của công tác đối ngoại và tư tưởng của đảng, là nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống chính trị, gắn liền với đường lối đối ngoại của đảng và chính sách phát triển của đất nước, là một công cụ quan trọng trong bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế đất nước và tạo dựng hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế. Việc quản lý công tác thông tin đối ngoại tiếp tục được thúc đẩy theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo phù hợp với yêu cầu mới của công cuộc hội nhập và phát triển quốc gia. Một trong những trọng tâm quan trọng là phát huy vai trò tham mưu chiến lược của các cơ quan truyền thông đối ngoại trong việc đề xuất, kiến nghị và cung cấp luận cứ cho đảng, nhà nước trong hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại.

Cụ thể, hoạt động tham mưu không chỉ dừng ở việc phản ánh thực tiễn

mà còn mở rộng sang lĩnh vực dự báo tình hình khu vực và thế giới trong dài hạn, phân tích các xu hướng quốc tế có khả năng ảnh hưởng đến an ninh, kinh tế và môi trường chính trị của Việt Nam. Những dự báo này là cơ sở để đưa ra các quyết sách đối ngoại đúng đắn, đảm bảo sự chủ động, linh hoạt trong ứng phó với biến động toàn cầu, đồng thời thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng trên nền tảng giữ vững độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Bên cạnh đó, công tác định hướng nội dung thông tin đối ngoại cũng được chú trọng theo hướng lựa chọn trọng tâm, xác định rõ ưu tiên trong việc truyền tải thông tin ra bên ngoài. Việc xác định rõ các chủ đề ưu tiên không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân các quốc gia, mà còn phù hợp với tâm lý, quan tâm của cộng đồng người Việt ở nước ngoài, một lực lượng có vai trò cầu nối quan trọng trong việc lan tỏa thông tin, hình ảnh tích cực về Việt Nam.

Truyền thông đối ngoại ngày nay không đơn thuần là công cụ quảng bá mà đã trở thành một phương tiện tích cực hỗ trợ mở rộng quan hệ hợp tác đa phương, thúc đẩy ngoại giao kinh tế, văn hóa, quốc phòng và tăng cường niềm tin chiến lược với các quốc gia, tổ chức quốc tế. Đồng thời, các cơ quan báo chí đối ngoại cũng góp phần bảo vệ quan điểm chính thống, khẳng định lập trường kiên định của Việt Nam trong bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị.

Để đáp ứng yêu cầu đó, đảng luôn chú trọng công tác định hướng chỉ đạo thông tin đối ngoại một cách thống nhất và toàn diện. Các cơ quan báo chí, xuất bản được khuyến khích xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách đối ngoại, các thành tựu hội nhập quốc tế, đồng thời tăng cường các bài viết mang tính phản biện, đấu tranh tư tưởng nhằm bác bỏ các thông tin sai lệch, xuyên tạc về tình hình đất nước. Đây là biện pháp chủ động và hiệu quả nhằm vô hiệu hóa các âm mưu, hoạt động can thiệp, xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, ảnh hưởng tiêu cực đến vị thế và môi trường ổn định của đất nước.

Tất cả các hoạt động thông tin đối ngoại đều phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của đảng và sự quản lý thống nhất của nhà nước nhằm đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán về nội dung và hình thức truyền thông. Việc kết hợp chặt chẽ giữa định hướng chính trị với chuyên môn nghiệp vụ truyền thông là yếu tố then chốt để công tác thông tin đối ngoại thực sự phát huy

hiệu quả trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Thứ hai, đa dạng hóa phương thức, kênh truyền thông, nâng cao tính chuyên nghiệp. Lãnh đạo các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cần chỉ đạo và phát triển các ấn phẩm báo chí đối ngoại theo hướng hấp dẫn, hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người đọc, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa thông tin đối nội và thông tin đối ngoại; bảo đảm sự đồng bộ giữa truyền thông trong nước và quốc tế, tránh tình trạng mâu thuẫn hoặc thiếu nhất quán trong thông tin; thiết lập mối quan hệ với các cơ quan quản lý báo chí, các hãng thông tấn, cơ quan truyền thông lớn của nước ngoài.

Thứ ba, đẩy mạnh những ứng dụng của công nghệ thông tin và những nền tảng công nghệ hiện đại vào quản lý báo chí đối ngoại. Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với công tác quản lý báo chí đối ngoại là cần chủ động nắm bắt và ứng dụng hiệu quả các thành tựu của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và các nền tảng số hiện đại. Việc tích hợp công nghệ số vào quy trình quản lý báo chí không chỉ giúp nâng cao hiệu suất hoạt động quản lý mà còn mở ra khả năng kiểm soát, điều phối nội dung báo chí mọi lúc, mọi nơi, với mức độ phản ứng nhanh chóng, kịp thời hơn trước những diễn biến mới trong nước và ngoài nước.

Ứng dụng công nghệ không chỉ dừng lại ở việc số hóa quy trình truyền tải thông tin, mà còn hỗ trợ hiệu quả cho việc cập nhật, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực thông tin đối ngoại đến các nhà báo, phóng viên, biên tập viên một cách thuận tiện, trực tiếp và đồng bộ. Các nền tảng truyền thông số, mạng xã hội, hệ thống quản trị nội dung báo chí trực tuyến và công cụ phân tích dữ liệu lớn đang trở thành công cụ hữu ích giúp các cơ quan quản lý nắm bắt tình hình báo chí trong thời gian thực, từ đó nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và xử lý tình huống khẩn cấp.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác quản lý báo chí đối ngoại không thể thực hiện hiệu quả nếu chỉ dừng ở khía cạnh kỹ thuật. Điều quan trọng hơn là các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý cần thay đổi tư duy, làm mới phong cách quản lý theo hướng thích ứng với môi trường báo chí kỹ thuật số, vốn đặc trưng bởi tốc độ lan truyền thông tin nhanh, tính tương tác cao, phạm vi ảnh hưởng toàn cầu và dễ bị tổn thương bởi các luồng thông tin sai lệch, xuyên tạc. Quản lý báo chí đối ngoại trong bối cảnh mới không chỉ cần giữ vững định hướng chính trị - tư tưởng mà còn đòi hỏi sự linh hoạt,

nhảy bén với xu thế quốc tế, từ đó hòa nhập với phương pháp quản trị báo chí hiện đại đang được áp dụng phổ biến trên thế giới.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của báo chí điện tử, các nền tảng đa phương tiện và xu hướng hội tụ truyền thông đang đặt ra những thách thức lớn đối với các mô hình quản lý báo chí truyền thống. Nếu tiếp tục duy trì phương thức điều hành báo chí đối ngoại theo lối cũ là chủ yếu dựa trên mô hình kiểm duyệt thụ động và hệ thống hành chính phân tầng sẽ khó có thể theo kịp được với tốc độ biến đổi và mức độ cạnh tranh của truyền thông hiện đại. Do vậy, việc chuyển đổi số trong quản lý báo chí cần được xem là một yêu cầu tất yếu, nhằm đảm bảo không chỉ năng lực kiểm soát nội dung mà còn tạo điều kiện để báo chí đối ngoại Việt Nam thực sự hội nhập, vươn lên ngang tầm với các cơ quan báo chí lớn trên thế giới cả về chất lượng nội dung lẫn trình độ quản trị.

Vì vậy, xu hướng chung trong quản lý báo chí đối ngoại ngày càng ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu của những nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để tối ưu hóa thông tin đối ngoại.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ làm công tác thông tin đối ngoại chuyên nghiệp. Việc xây dựng đội ngũ làm công tác thông tin đối ngoại chuyên nghiệp, năng động, có trình độ chuyên môn cao và am hiểu quốc tế là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia và thúc đẩy việc đưa hình ảnh Việt Nam ra thế giới một cách hiệu quả, chủ động và có chiều sâu. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt để thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại hiệu quả.

4.2.2. Giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam

4.2.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại

Để nâng cao nhận thức về vai trò chiến lược của quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí đối ngoại, các cơ quan quản lý cần tổ chức các hội thảo và khóa tập huấn định kỳ quý, tập trung quán triệt các văn kiện cốt lõi của đảng như Nghị quyết 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế và Chỉ thị 25-CT/TW về tăng cường công tác thông tin đối ngoại. Các chương trình này cần nhấn mạnh vai trò của

báo chí đối ngoại trong bảo vệ nền tảng tư tưởng và xây dựng hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Đồng thời, việc phát hành cẩm nang chuyên khảo về chức năng, nhiệm vụ của báo chí đối ngoại sẽ cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các cơ quan báo chí chủ lực, đảm bảo sự thống nhất trong định hướng chính trị. Các chiến dịch truyền thông nội bộ, thông qua bản tin hoặc cổng thông tin điện tử, cũng cần được triển khai để củng cố nhận thức về trách nhiệm chính trị, tư tưởng trong lĩnh vực này.

Trong giai đoạn trung hạn, việc xây dựng một hệ thống đánh giá nhận thức của cán bộ quản lý và phóng viên về vai trò của báo chí đối ngoại là cần thiết để đảm bảo tính bền vững của các nỗ lực nâng cao nhận thức. Bộ tiêu chí đánh giá cần bao gồm các yếu tố như hiểu biết về chính sách đối ngoại, khả năng phân tích xu hướng truyền thông quốc tế và mức độ tuân thủ định hướng chính trị trong sản xuất nội dung. Đồng thời, các học phần về báo chí đối ngoại cần được tích hợp vào chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục báo chí, như Học viện Báo chí và Tuyên truyền, với trọng tâm là vai trò chiến lược trong ngoại giao văn hóa và bảo vệ lợi ích quốc gia. Việc thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu tại các cơ quan báo chí chủ lực sẽ hỗ trợ phân tích thị hiếu và xu hướng tiếp nhận thông tin của công chúng quốc tế, từ đó cung cấp dữ liệu cho việc hoạch định chiến lược truyền thông đối ngoại.

Về dài hạn, cần xây dựng văn hóa tổ chức trong các cơ quan báo chí đối ngoại, trong đó nhận thức về vai trò chính trị, tư tưởng của lĩnh vực này trở thành giá trị cốt lõi, được thể chế hóa thông qua các quy định nội bộ và chương trình đánh giá hiệu quả quản lý. Các cơ quan báo chí cần được khuyến khích tham gia phản biện và đề xuất chính sách dựa trên thực tiễn truyền thông quốc tế, góp phần hoàn thiện khung pháp lý và định hướng chiến lược dài hạn. Hơn nữa, việc đề xuất đưa vai trò của báo chí đối ngoại vào các văn kiện chiến lược quốc gia, như chiến lược phát triển kinh tế, xã hội năm 2025-2030, sẽ khẳng định vị trí quan trọng của lĩnh vực này trong tổng thể công tác đối ngoại, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

4.2.2.2. Hoàn thiện thể chế quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Cần xây dựng và hoàn thiện khung thể chế riêng cho báo chí đối ngoại, trong đó xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong hệ thống thông tin đối ngoại quốc

gia. Khung thể chế này cần quy định cụ thể các nguyên tắc quản lý nội dung, chuẩn mực chất lượng thông tin, cơ chế phối hợp liên ngành và liên cơ quan trong định hướng, tổ chức và phản ứng truyền thông đối ngoại, đặc biệt đối với các vấn đề quốc tế và khu vực nhạy cảm. Đồng thời, cần hình thành các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại gắn với mức độ lan tỏa, uy tín thông tin, khả năng định hình hình ảnh quốc gia và tác động đối ngoại, thay vì chỉ dựa trên số lượng sản phẩm hay tần suất phát tin.

Một nội dung quan trọng khác trong hoàn thiện thể chế quản lý là hoàn thiện thể chế về kinh tế báo chí và đầu tư hạ tầng công nghệ cho báo chí đối ngoại. Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, Nhà nước cần ban hành các cơ chế tài chính đặc thù, ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các dự án chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) trong quản trị và sản xuất thông tin đối ngoại. Giải pháp này bao gồm việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về mô hình tòa soạn số hội tụ, cũng như hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại đa phương tiện. Một thể chế kinh tế báo chí phù hợp sẽ tạo điều kiện để các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực vừa thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, vừa có khả năng huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp để tái đầu tư vào công nghệ, nền tảng và nội dung, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng ảnh hưởng của báo chí Việt Nam trên bản đồ thông tin quốc tế.

Song song với đó, việc đổi mới thể chế quản lý cần gắn với mở rộng quyền tự chủ đi đôi với tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Thể chế quản lý trong giai đoạn mới cần tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan báo chí chủ lực chủ động hơn trong tổ chức sản xuất, phân phối và khai thác nội dung thông tin đối ngoại, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát công khai, minh bạch nhằm bảo đảm tuân thủ định hướng chính trị, pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp. Việc kết hợp hài hòa giữa quản lý nhà nước, tự quản nghề nghiệp và giám sát xã hội sẽ góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả và tính bền vững của hoạt động thông tin đối ngoại.

Cuối cùng, hoàn thiện thể chế quản lý thông tin đối ngoại cần đặc biệt chú trọng kiện toàn thể chế quản trị nội bộ tại các tòa soạn báo chí đối ngoại chủ lực. Các cơ quan báo chí cần chuẩn hóa quy trình sản xuất thông tin theo mô hình 8 hoặc 9 bước (từ khai thác nguồn tin, biên tập, hiệu đính chuyên gia

đến hậu kiểm và đánh giá phản hồi) thành các quy chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong quản lý báo chí. Đồng thời, việc thể chế hóa các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và năng lực số đối với đội ngũ phóng viên, biên tập viên làm công tác thông tin đối ngoại không chỉ góp phần bảo đảm an ninh thông tin và chất lượng nội dung, mà còn là nền tảng để xây dựng đội ngũ nhân lực tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu “tinh gọn, hiệu quả và chuyên nghiệp” theo định hướng của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn phát triển mới.

4.2.2.3. Tăng cường đầu tư ngân sách cho quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa trong quản lý thông tin đối ngoại, cần ưu tiên phân bổ ngân sách từ cấp Bộ và các cơ quan liên quan để nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, tập trung vào các hệ thống quản lý nội dung (CMS), phần mềm phân tích dữ liệu độc giả và các công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ kiểm duyệt nội dung, như Grammarly hoặc Hemingway App. Đồng thời, việc số hóa hệ thống lưu trữ báo chí, chuyển đổi từ phương thức thủ công sang cơ sở dữ liệu điện tử thông minh, sẽ đảm bảo khả năng tra cứu nhanh chóng và bảo mật thông tin. Ngoài ra, đầu tư vào các hệ thống bảo mật mạng là cần thiết để phòng chống tấn công mạng và thao túng thông tin, đặc biệt trong môi trường báo chí điện tử, nơi thông tin lan truyền với tốc độ cao và phạm vi toàn cầu.

Trong giai đoạn trung hạn, việc xây dựng mô hình tòa soạn hội tụ đa phương tiện tại các cơ quan báo chí chủ lực là một ưu tiên chiến lược. Mô hình này cần tích hợp các công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn và điện toán đám mây để tối ưu hóa quy trình sản xuất và phân phối nội dung. Việc hỗ trợ tài chính cho phát triển phần mềm quản lý nội dung có khả năng nhận diện và cảnh báo nội dung nhạy cảm, kết hợp với công nghệ dịch thuật đa ngữ, sẽ nâng cao hiệu quả sản xuất thông tin. Đồng thời, cơ chế huy động nguồn lực xã hội thông qua quỹ đổi mới sáng tạo báo chí đối ngoại cần được thiết lập để giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tạo sự linh hoạt và bền vững trong đầu tư.

Về dài hạn, cần xây dựng một chiến lược đầu tư tổng thể cho công nghệ báo chí đối ngoại, tập trung vào các trụ cột như AI, Big Data và an ninh mạng, được tích hợp vào chiến lược phát triển thông tin quốc gia có tầm nhìn dài hạn. Việc thiết lập các thỏa thuận hợp tác với các tổ chức công nghệ quốc tế, như Google hoặc Meta, sẽ tạo điều kiện tiếp cận các công nghệ tiên tiến và

trao đổi kinh nghiệm về quản lý nội dung số. Ngoài ra, việc phát triển hệ thống lưu trữ dữ liệu báo chí quốc gia, với khả năng tích hợp, phân tích và khai thác dữ liệu, sẽ hỗ trợ nghiên cứu và hoạch định chính sách dài hạn, góp phần nâng cao vị thế của báo chí đối ngoại Việt Nam trong hệ sinh thái thông tin toàn cầu.

4.2.2.4. Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ thực hiện thông tin đối ngoại

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và thực hiện thông tin đối ngoại, cần ban hành bộ tiêu chuẩn đầu vào nghiêm ngặt, bao gồm trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh tối thiểu IELTS 6.5 hoặc tương đương), kỹ năng sử dụng công nghệ và kiến thức về chính sách đối ngoại. Quy trình tuyển dụng cần được tổ chức công khai, minh bạch, với sự tham gia của các chuyên gia từ các ban, bộ và ngành. Các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng phân tích dữ liệu truyền thông, quản trị rủi ro nội dung và ứng dụng công nghệ AI trong báo chí cần được triển khai, với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và ngoài nước. Đồng thời, chính sách đãi ngộ hợp lý, như hỗ trợ chi phí đào tạo và phúc lợi đặc thù, cần được áp dụng để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là phóng viên thường trú nước ngoài.

Trong giai đoạn trung hạn, việc đổi mới chương trình đào tạo là cần thiết để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Các cơ sở đào tạo như Học viện Báo chí và Tuyên truyền cần xây dựng chương trình chuyên biệt, tích hợp các học phần về báo chí đa phương tiện, quản lý khủng hoảng truyền thông và phân tích dư luận quốc tế, với sự tham gia giảng dạy của các nhà báo và chuyên gia công nghệ quốc tế. Hợp tác với các trường đào tạo báo chí uy tín của quốc tế để tạo cơ hội trao đổi giảng viên và chương trình, nâng cao trình độ cho phóng viên Việt Nam. Ngoài ra, cần luân chuyển phóng viên thường trú nước ngoài theo nhiệm kỳ 3 năm, kèm theo các chương trình đào tạo ngoại ngữ hiếm (Hàn, Nhật, Ả Rập) và kỹ năng phân tích địa chính trị.

Về dài hạn, việc xây dựng đội ngũ chuyên gia báo chí đối ngoại theo từng khu vực địa lý (Đông Nam Á, châu Âu, Trung Đông) là cần thiết để đảm bảo khả năng phân tích và tham mưu chiến lược truyền thông cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Có thể thành lập một trung tâm hoặc chương trình đào tạo báo chí đối ngoại tại Việt Nam, hợp tác với các tổ chức quốc tế để tạo nền tảng cho việc đào tạo cán bộ theo chuẩn quốc tế. Đồng thời, khung pháp lý về

tuyên dụng, đào tạo và đánh giá cán bộ cần được hoàn thiện, đảm bảo tính minh bạch, chuyên nghiệp và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, từ đó xây dựng một đội ngũ nhân lực báo chí đối ngoại có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

4.2.2.5. Tiếp tục đổi mới quy trình sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Để đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin của công chúng quốc tế, các cơ quan báo chí chủ lực cần ưu tiên sản xuất nội dung trực tiếp bằng các ngôn ngữ quốc tế như tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Trung, Nhật, Hàn... sử dụng chuyên gia bản địa để hỗ trợ hiệu đính, đảm bảo tính chính xác và tránh mất ngữ nghĩa. Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về thiết kế giao diện báo chí điện tử, với trọng tâm là tính thẩm mỹ và khả năng tương thích trên các thiết bị di động, sẽ nâng cao trải nghiệm người dùng. Đồng thời, cần xây dựng và quản lý các kênh truyền thông số chính thức trên các nền tảng như YouTube, TikTok và X, với nội dung được tối ưu hóa cho từng nhóm đối tượng quốc tế, tập trung vào các chủ đề văn hóa, kinh tế và du lịch Việt Nam.

Trong giai đoạn trung hạn, việc triển khai mô hình tòa soạn hội tụ tại các cơ quan báo chí chủ lực là cần thiết để tích hợp các công cụ quản lý nội dung (CMS), quản trị dữ liệu người dùng (CRM) và công nghệ AI nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và phân phối nội dung. Các sản phẩm báo chí đa phương tiện, như video tương tác, podcast và đồ họa động, cần được phát triển mạnh mẽ để thu hút công chúng quốc tế. Việc ứng dụng công nghệ AI trong tự động hóa sản xuất tin bài cần có sự giám sát thông tin sai lệch và đảm bảo nội dung phù hợp với chuẩn mực quốc tế, định hướng chính trị, đồng thời nâng cao hiệu quả tiếp cận và lan tỏa thông điệp.

Về dài hạn, các cơ quan báo chí đối ngoại cần xây dựng một hệ sinh thái truyền thông số độc lập, giảm phụ thuộc vào các nền tảng quốc tế, với các ứng dụng di động và trang thông tin điện tử chuyên biệt. Việc tích hợp các công nghệ tiên tiến như thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) vào sản xuất nội dung sẽ tạo ra các trải nghiệm tương tác độc đáo, nâng cao sức hấp dẫn của báo chí đối ngoại. Đồng thời, các chiến dịch truyền thông dài hạn, kết hợp giữa báo chí truyền thống và truyền thông số, cần được triển khai để quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam, góp phần tăng cường sức mạnh mềm quốc gia trên trường quốc tế.

4.2.2.6. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc

quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Để nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại, cần ban hành quy chế phối hợp liên ngành giữa Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương), Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Bộ Ngoại giao và các cơ quan báo chí chủ lực, xác định rõ trách nhiệm phát ngôn và xử lý thông tin trong các tình huống khủng hoảng. Việc thành lập nhóm công tác liên ngành chuyên trách, bao gồm các chuyên gia về truyền thông, ngoại giao và an ninh mạng, sẽ hỗ trợ tư vấn và phản ứng nhanh trước các vấn đề truyền thông quốc tế. Đồng thời, các thỏa thuận hợp tác với các nền tảng quốc tế như Facebook và YouTube cần được ký kết để tối ưu hóa phân phối nội dung và kiểm soát thông tin sai lệch.

Trong giai đoạn trung hạn, việc hoàn thiện khung pháp lý phối hợp là cần thiết, thông qua đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí năm 2016, thêm các điều khoản về phối hợp liên ngành trong quản lý thông tin đối ngoại. Hợp tác với các hãng thông tấn quốc tế như Reuters, AP, AFP thông qua các chương trình trao đổi phóng viên và đồng sản xuất nội dung sẽ tăng cường hiện diện của thông tin Việt Nam trên truyền thông toàn cầu. Ngoài ra, việc xây dựng hệ thống giám sát nội dung báo chí điện tử, kết hợp với lực lượng thanh tra, sẽ đảm bảo phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin sai lệch hoặc xuyên tạc, góp phần nâng cao kỷ luật thông tin.

Về dài hạn, cần xây dựng một chiến lược truyền thông đối ngoại quốc gia, tích hợp vai trò của các cơ quan báo chí chủ lực, các bộ ngành và các tổ chức quốc tế, nhằm nâng cao vị thế Việt Nam trên trường thông tin toàn cầu. Việc đề xuất thành lập trung tâm điều phối thông tin đối ngoại quốc gia sẽ đảm bảo sự thống nhất trong quản lý và định hướng nội dung, tạo điều kiện cho sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan chức năng. Đồng thời, thiết lập các liên minh truyền thông khu vực, như trong khuôn khổ ASEAN hoặc APEC, sẽ hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, xử lý các vấn đề truyền thông xuyên biên giới và lan tỏa hình ảnh tích cực về Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cơ quan truyền thông lớn từ phương Tây.

4.3. Một số khuyến nghị cụ thể

4.3.1. Khuyến nghị các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại ở trung ương

Đường lối của đảng thể hiện nhất quán trong các kỳ Đại hội cũng như trong hệ thống nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị và Ban Bí thư luôn nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Cùng với đó là nhiệm vụ tăng cường quản lý và tổ chức lại hệ thống báo chí theo hướng tinh gọn, vận hành hiệu quả, đồng thời đổi mới nội dung và phương thức truyền thông để đáp ứng yêu cầu phát triển. Đảng cũng xác định vai trò then chốt của các cơ quan báo chí chủ lực quốc gia trong công tác định hướng thông tin, nhất là trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, hoàn thiện thể chế và mở rộng phân cấp quản lý. Những chủ trương lớn này đặt báo chí, bao gồm báo chí đối ngoại, vào vị trí trọng tâm của mặt trận tư tưởng.

Trong xu thế chung của việc sắp xếp, tinh giản và nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy nhà nước ở cả trung ương và địa phương theo tinh thần chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, cơ cấu tổ chức các đơn vị chịu trách nhiệm định hướng và chỉ đạo thông tin đối ngoại đã có sự điều chỉnh từ đầu năm 2025. Theo đó, một số cơ quan chuyên môn như Cục Báo chí - Xuất bản thuộc Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Cục Báo chí, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử, Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được sắp xếp, điều chỉnh chức năng nhằm bảo đảm bộ máy tinh gọn, thống nhất và phù hợp với yêu cầu quản lý thông tin trong giai đoạn mới. Về cơ bản tên gọi cũng như chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực tiếp quản lý báo chí không thay đổi, nhất là báo chí đối ngoại nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực báo chí nói chung, báo chí đối ngoại nói riêng.

Tình hình truyền thông quốc tế diễn biến nhanh chóng và môi trường thông tin ngày càng phức tạp, nhiệm vụ quản lý và định hướng báo chí đối ngoại đặt ra nhiều yêu cầu mới, đòi hỏi sự chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ từ hệ thống các cơ quan quản lý báo chí ở cấp trung ương. Các cơ quan như Vụ Báo chí - Xuất bản (Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương); Cục Thông tin Cơ sở và thông tin Đối ngoại, Cục Báo chí, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Vụ Khoa giáo - Văn xã (Văn phòng Chính phủ); Vụ Thông tin Báo chí (Bộ Ngoại

giao); cùng với đơn vị chức năng về an ninh báo chí, xuất bản thuộc Bộ Công an cần thể hiện rõ nét hơn nữa vai trò quan trọng của cơ quan mình trong việc định hình chính sách và hành lang pháp lý cho hoạt động báo chí đối ngoại.

Các cơ quan nêu trên cần phát huy mạnh mẽ chức năng tham mưu chiến lược, đề xuất chính phủ ban hành chiến lược tổng thể về thông tin đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn; cơ chế phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong việc triển khai thông tin đối ngoại; các giải pháp và chính sách ưu tiên cho đầu tư phát triển công nghệ số trong truyền thông đối ngoại. Đồng thời, nhà nước cũng cần xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến báo chí, truyền thông số, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân để đẩy mạnh thông tin mạng, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả trong truyền thông đối ngoại. Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng nhằm kiểm soát thông tin sai lệch, tăng cường tính chính danh của các nguồn tin chính thống về Việt Nam. Cải thiện cơ chế hậu kiểm và bảo vệ nội dung trên các nền tảng số để hạn chế thông tin xuyên tạc, sai lệch về Việt Nam.

Các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại ở trung ương cần phát huy vai trò định hướng chiến lược một cách chủ động, quyết liệt và đồng bộ. Trong đó, trọng tâm là việc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí xây dựng lộ trình phát triển báo chí đối ngoại phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm vừa theo kịp xu thế truyền thông toàn cầu vừa giữ vững định hướng chính trị của đảng trong công tác thông tin đối ngoại. Trước hết, cần xây dựng các định hướng phát triển dài hạn cho báo chí đối ngoại trên cơ sở bám sát chiến lược đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đồng thời phản ánh trung thực, khách quan về tình hình đất nước, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia trên không gian truyền thông quốc tế. Các cơ quan quản lý báo chí ở trung ương cần phối hợp chặt chẽ để thống nhất chỉ đạo nội dung, hình thức và phương pháp truyền tải thông tin ra thế giới. Điều này không chỉ giúp các cơ quan báo chí định hình rõ hơn vai trò của mình trong truyền thông quốc tế, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ tuyên truyền đối ngoại trên các nền tảng số, truyền hình, phát thanh, báo in và báo điện tử. Đồng thời, các cơ quan quản lý cần chủ động tham gia vào quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, phát huy vai trò của các cơ quan báo chí chủ lực, có uy tín, có khả năng tác động đến dư luận quốc tế. Việc quy hoạch này không chỉ

nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả mà còn nhằm hạn chế tình trạng manh mún, trùng lặp hoặc thiếu kiểm soát về nội dung, đặc biệt trong môi trường truyền thông đa nền tảng hiện nay.

Một trong những nhiệm vụ then chốt là siết chặt công tác quản lý nội dung thông tin trên báo chí đối ngoại. Trong môi trường thông tin mở, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng những điểm yếu về kỹ thuật, sơ suất trong xử lý nội dung hoặc các biểu đạt thiếu nhất quán để bóp méo sự thật, xuyên tạc chính sách của đảng, nhà nước, gây tổn hại đến hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Do đó, cơ quan quản lý báo chí cần chủ động kiểm tra, thẩm định và có cơ chế phản ứng nhanh khi phát hiện các nội dung nhạy cảm hoặc sai lệch. Việc này không chỉ là bảo vệ cơ quan báo chí mà còn là bảo vệ uy tín, lập trường đối ngoại và lợi ích chiến lược của quốc gia.

Ngoài ra, việc tái cơ cấu hệ thống báo chí đối ngoại được thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong đó các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đều cần được tái cơ cấu, sắp xếp tinh gọn bộ máy theo hướng giảm đầu mối, sáp nhập các loại hình, đổi tên gọi, tinh gọn bộ máy, chuyển đổi mô hình hoạt động, tập trung đầu tư cho tổ hợp truyền thông đa phương tiện.

Các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại ở trung ương cần có cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, đảm bảo các cơ quan liên quan chủ động chia sẻ thông tin, thống nhất quan điểm trong tuyên truyền đối ngoại. Nghiên cứu thành lập hội đồng điều phối thông tin đối ngoại quốc gia mang tính chuyên sâu trong Ban chỉ đạo Công tác Thông tin Đối ngoại, trong đó có sự tham gia của các bộ, ngành, chuyên gia truyền thông và đại diện doanh nghiệp để tư vấn chính sách và xử lý các tình huống khẩn cấp [59].

Các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cần xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực thông tin đối ngoại, đặc biệt là những người có kinh nghiệm quốc tế. Khuyến khích sự tham gia của các đội ngũ chuyên gia từ các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức quốc tế và cộng đồng kiều bào vào công tác thông tin đối ngoại. Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc dựa trên kết quả thực tế, đảm bảo những người có đóng góp thực sự được

ghi nhận và khuyến khích.

4.3.2. Khuyến nghị báo Nhân Dân, TTXVN, VOV

Trước yêu cầu ngày càng cao về tính thống nhất, chính xác và kịp thời của thông tin đối ngoại, cần xác lập rõ vai trò điều phối trung tâm của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở Trung ương, trước hết là báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV. Ba cơ quan này cần được giao trách nhiệm cụ thể trong việc hướng dẫn nội dung, định hình thông điệp và kết nối hệ thống báo chí đối ngoại trên phạm vi cả nước, đặc biệt trong xử lý các vấn đề quốc tế, khu vực nhạy cảm. Trên cơ sở đó, cần thể chế hóa cơ chế giao ban thông tin đối ngoại định kỳ theo hình thức trực tuyến, với quy định rõ về tần suất, thành phần tham dự, nội dung trao đổi và trách nhiệm triển khai sau giao ban.

Các cuộc giao ban trực tuyến cần được tổ chức theo hướng mở rộng thành phần tham gia, không chỉ gồm các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực ở Trung ương mà còn có đại diện cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí địa phương và đơn vị liên quan đến công tác tuyên truyền đối ngoại. Đây là kênh điều phối thông tin hai chiều, giúp thống nhất định hướng, hạn chế tình trạng chồng chéo, phân tán hoặc sai lệch thông tin, đồng thời nâng cao năng lực phản ứng nhanh của hệ thống báo chí trước các diễn biến quốc tế phức tạp. Việc duy trì hình thức trực tuyến cũng giúp tiết kiệm chi phí tổ chức, mở rộng khả năng tham gia của phóng viên, biên tập viên ở địa phương, nhất là tại các khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa – nơi thông tin đối ngoại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Về hoàn thiện thể chế pháp lý, việc Luật Báo chí năm 2025 được Quốc hội thông qua vào tháng 12/2025 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2026 tạo cơ sở pháp lý mới cho hoạt động báo chí nói chung và báo chí đối ngoại nói riêng. So với Luật Báo chí năm 2016, Luật Báo chí năm 2025 đã tiếp cận rõ hơn các vấn đề của báo chí trong môi trường số, thừa nhận mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực, mở rộng không gian hoạt động báo chí trên nền tảng số và đặt nền móng cho phát triển kinh tế báo chí. Trên cơ sở Luật mới, cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quy định rõ cơ chế đặc thù đối với báo chí đối ngoại, nhất là về nhiệm vụ chính trị, mô hình tổ chức, tiêu chuẩn sản phẩm và cơ chế phối hợp liên ngành trong thông tin đối ngoại.

Một nội dung kiến nghị cụ thể là hoàn thiện thể chế kinh tế báo chí đối ngoại gắn với đầu tư hạ tầng công nghệ. Cần ban hành các cơ chế tài chính đặc thù, cho phép Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách và hỗ trợ đầu tư cho các dự án chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản trị và sản xuất thông tin đối ngoại. Đồng thời, cần xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về tòa soạn số hội tụ và định mức kinh tế – kỹ thuật đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại đa phương tiện, làm cơ sở cho việc đặt hàng, giao nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả đầu tư công trong lĩnh vực báo chí đối ngoại.

Bên cạnh hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thể chế mới cần mở rộng cơ chế huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp cho báo chí đối ngoại chủ lực thông qua quy định rõ về liên kết, hợp tác, quảng cáo và cung cấp dịch vụ truyền thông phù hợp với tôn chỉ, mục đích. Việc này giúp các cơ quan báo chí đối ngoại vừa thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, vừa có điều kiện tái đầu tư cho công nghệ, nội dung và nhân lực, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và ảnh hưởng của báo chí Việt Nam trên không gian thông tin quốc tế. Đặc biệt, việc Luật Báo chí năm 2025 công nhận các sản phẩm báo chí phát hành trên mạng xã hội là sản phẩm của cơ quan báo chí cần được cụ thể hóa bằng quy định về quản lý nội dung, kiểm soát bình luận và tương tác, tạo cơ sở pháp lý để đẩy mạnh thông tin đối ngoại xuyên biên giới.

Song song với hoàn thiện thể chế pháp lý và kinh tế báo chí, cần bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định cho hoạt động thường xuyên và đầu tư chiều sâu cho hạ tầng kỹ thuật tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Việc đầu tư vào hệ thống công nghệ, công cụ xử lý dữ liệu, phân tích xu hướng truyền thông, sản xuất nội dung đa phương tiện là điều kiện thiết yếu để nâng cao chất lượng và sức lan tỏa của thông tin đối ngoại trong môi trường số.

Cuối cùng, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực cần tiên phong trong chuyển đổi số và xây dựng mô hình tòa soạn hội tụ hiện đại, đồng thời gắn chặt quá trình này với chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Cần có chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về ngoại ngữ, truyền thông quốc tế, kỹ năng đa phương tiện và năng lực số cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên đối ngoại, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất các sản phẩm báo chí chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế và truyền tải hiệu quả hình ảnh Việt Nam ra thế giới trong giai đoạn mới.

Tiểu kết Chương 4

Trong bối cảnh mới của tình hình thế giới và trong nước như: toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế có tác động mạnh mẽ đối với công tác thông tin đối ngoại; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến sự phát triển mới của truyền thông đa phương tiện; tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng và khó lường; tình hình mới về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa trong nước sau gần 40 năm đổi mới, quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có một số điểm mạnh, điểm yếu và có những thời cơ, thách thức mới. Trên cơ sở phân tích SWOT về điểm mạnh, điểm yếu và có những thời cơ, thách thức trong quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan đối ngoại chủ lực, kết hợp với việc thực hiện quan điểm, chủ trương, định hướng của đảng về công tác đối ngoại và quản lý thông tin đối ngoại, luận án đã đưa ra một số giải pháp dựa theo bốn chiến lược phát triển (theo đuổi cơ hội phù hợp với điểm mạnh, vượt qua điểm yếu để tận dụng tốt cơ hội, xác định cách sử dụng lợi thế, điểm mạnh để hạn chế thách thức từ môi trường bên ngoài và thiết lập kế hoạch “bảo vệ” để tránh cho những điểm yếu bị tác động nặng nề hơn từ môi trường bên ngoài. Các giải pháp được đề xuất gồm: Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại; tăng cường đầu tư ngân sách cho quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực; tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ thực hiện thông tin đối ngoại; tiếp tục đổi mới quy trình sản xuất nội dung thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng có liên quan trong việc quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực. Ngoài ra, luận án cũng đưa ra một số khuyến nghị đối với các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại ở trung ương; khuyến nghị với báo *Nhân Dân*, TTXVN, VOV nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành.

KẾT LUẬN

Trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam, thông tin đối ngoại đã trở thành một trụ cột quan trọng trong việc củng cố sức mạnh tổng hợp quốc gia. Bên cạnh ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và ngoại giao nhân dân, báo chí đối ngoại đóng vai trò then chốt trong việc truyền dẫn tư tưởng, định hướng dư luận, cung cấp thông tin khách quan, chính xác về tình hình Việt Nam tới công chúng quốc tế, đồng thời phản ánh quan điểm, lập trường của Việt Nam đối với các vấn đề khu vực và toàn cầu. Do đó, quản lý thông tin đối ngoại trong báo chí đối ngoại chủ lực không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật hành chính mà còn thể hiện tầm chiến lược của Nhà nước trong quản lý truyền thông quốc gia, trong xây dựng hình ảnh Việt Nam có trách nhiệm, minh bạch và hội nhập.

Luận án “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020-2022)*” được triển khai trong bối cảnh thế giới chứng kiến những biến động nhanh chóng và khó lường. Không gian truyền thông quốc tế chuyển dịch mạnh mẽ do sự phát triển vượt bậc của công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và mạng xã hội xuyên biên giới. Những biến động này vừa mở rộng cơ hội tiếp cận công chúng toàn cầu, vừa tạo ra thách thức về kiểm chứng thông tin, cạnh tranh diễn ngôn, bảo vệ chủ quyền số và ứng phó truyền thông khủng hoảng. Đồng thời, ở trong nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng đặt ra yêu cầu mới về nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống truyền thông đối ngoại. Do đó, việc nghiên cứu về quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí chủ lực không chỉ có giá trị lý luận mà còn mang tính cấp thiết trong hoạch định chính sách truyền thông quốc gia.

Thứ nhất, từ tổng quan nghiên cứu trong nước và quốc tế, luận án đã chỉ ra rằng các nghiên cứu về truyền thông đối ngoại nói chung và quản lý thông tin đối ngoại trong báo chí đối ngoại nói riêng còn phân tán, thiếu sự tích hợp về lý luận và ít tập trung vào thực tiễn của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam. Nhiều công trình đề cập đến truyền thông quốc

tế, quản lý báo chí hoặc hoạt động đối ngoại nhưng chưa đào sâu vào mối quan hệ mang tính cấu trúc giữa quản lý nhà nước, cơ chế vận hành báo chí và yêu cầu triển khai thông tin đối ngoại trong bối cảnh truyền thông số. Khoảng trống học thuật này tạo tiền đề để luận án xây dựng một khung lý luận mang tính hệ thống và cập nhật hơn, trong đó kết hợp giữa cách tiếp cận quản trị công, lý thuyết truyền thông quốc tế, mô hình quản lý báo chí và đặc thù vận hành của báo chí đối ngoại chủ lực.

Khung lý luận được phát triển trong luận án không chỉ làm rõ khái niệm, vai trò và đặc trưng của thông tin đối ngoại mà còn xác lập cấu trúc nội dung quản lý gồm bảy mắt xích chính: tiếp nhận thông tin, xây dựng kế hoạch, duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, giám sát, phổ biến thông tin và tiếp nhận, xử lý phản hồi. Đồng thời, luận án cũng phân tích sâu các phương thức quản lý hiện hành như quản lý bằng pháp luật, bằng cơ chế tài chính, bằng tổ chức bộ máy, thuyết phục - cảm hóa và đào tạo - bồi dưỡng nhân lực. Việc phân tích này giúp đặt thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại trong một bối cảnh lý luận rộng hơn, tạo cơ sở cho đánh giá thực chứng ở Chương 3, đề xuất giải pháp ở Chương 4.

Thứ hai, thông qua khảo sát và phân tích thực tiễn tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV, luận án đã phác họa một bức tranh toàn diện về hoạt động quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn 2020-2022. Đây là giai đoạn đặc biệt với khủng hoảng y tế và khủng hoảng truyền thông mang tính toàn cầu, khi đại dịch COVID-19 gây gián đoạn lớn trong đời sống quốc tế, làm thay đổi phương thức sản xuất và tiêu thụ thông tin, đồng thời thúc đẩy nhanh sự dịch chuyển sang môi trường truyền thông số. Trong bối cảnh này, 3 cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã thể hiện năng lực thích ứng linh hoạt, duy trì dòng chảy thông tin đối ngoại ổn định, cung cấp thông tin cập nhật về chống dịch, phục hồi kinh tế - xã hội, tham gia các hoạt động đa phương và những đóng góp tích cực của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Tính thống nhất cao trong quy trình quản lý thông tin đối ngoại ở 3 cơ quan cho thấy sự chuyên nghiệp hóa ngày càng rõ nét của báo chí đối ngoại. Thông tin được kiểm chứng chặt chẽ, tuân thủ định hướng chính trị, trong đó

bao gồm định hướng đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đồng thời mở rộng phạm vi tiếp cận thông qua các nền tảng truyền thông đa phương tiện, xuất bản đa ngôn ngữ và ứng dụng công nghệ số. Đây là những minh chứng rõ ràng cho thấy báo chí đối ngoại Việt Nam đã bước vào giai đoạn chuyển đổi từ mô hình báo chí truyền thống sang mô hình truyền thông tích hợp, hướng tới công chúng toàn cầu.

Thứ ba, bên cạnh những thành tựu, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy còn tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống, khiến hoạt động quản lý thông tin đối ngoại chưa phát huy hết tiềm năng. Nổi bật trong số đó là việc thiếu vắng một chiến lược tổng thể dài hạn, dẫn đến xu hướng ứng phó ngắn hạn trong sản xuất thông tin; sự phối hợp giữa các cơ quan báo chí và giữa báo chí với các cơ quan đối ngoại, cơ quan quản lý còn phân tán; công tác giám sát, đánh giá hiệu quả thông tin đối ngoại chưa có hệ thống chỉ số chuẩn hóa. Ngoài ra, năng lực đội ngũ nhân sự, đặc biệt trong bối cảnh truyền thông số, phân tích dữ liệu, truyền thông khủng hoảng và ngoại ngữ, vẫn còn khoảng cách so với yêu cầu của truyền thông quốc tế hiện đại.

Những hạn chế này chỉ ra rằng mô hình quản lý hiện nay tuy đã vận hành tốt trong bối cảnh thông thường, nhưng còn gặp khó khăn khi đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt của không gian truyền thông số xuyên biên giới, nơi thông tin xấu độc, tin giả và các chiến dịch truyền thông có chủ đích xuất hiện ngày càng tinh vi. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mới mang tính chiến lược, hệ thống và chủ động hơn.

Thứ tư, thông qua phân tích SWOT, luận án xác định rằng quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực đang đứng trước những chuyển biến quan trọng. Về mặt điểm mạnh, Việt Nam có lợi thế về hệ thống báo chí đối ngoại đã được định hình rõ ràng, kinh nghiệm phong phú về thông tin quốc tế, đội ngũ phóng viên được đào tạo bài bản và nguồn thông tin chính thống phong phú từ hệ thống cơ quan đảng, nhà nước, ngành, bộ. Tuy nhiên, điểm yếu vẫn nằm ở khả năng dự báo truyền thông, mức độ chủ động xây dựng diễn ngôn quốc tế, năng lực khai thác công nghệ truyền thông số và sự thiếu đồng bộ về cơ chế điều phối liên ngành.

Trong bối cảnh này, nỗ lực tận dụng cơ hội, như xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ, sự quan tâm gia tăng của quốc tế đối với Việt Nam, hay nhu cầu phối hợp truyền thông đa phương, có thể giúp báo chí đối ngoại nâng tầm ảnh hưởng. Ngược lại, thách thức đến từ cạnh tranh địa - chính trị thông qua truyền thông, sự phát tán thông tin sai lệch và chiến tranh thông tin đòi hỏi một cơ chế bảo vệ thông tin quốc gia mạnh mẽ và phương thức quản lý hiện đại hơn.

Thứ năm, trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất nhóm giải pháp chiến lược gồm: nâng cao nhận thức đối với vai trò của quản lý thông tin đối ngoại; hoàn thiện cơ chế đầu tư, tăng cường nguồn lực tài chính; chuẩn hóa và đổi mới quy trình sản xuất và quản trị nội dung; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, đa năng, am hiểu luật pháp và thông lệ quốc tế; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả; và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phổ biến thông tin. Các giải pháp này nhằm hướng tới xây dựng một mô hình quản lý thông tin đối ngoại chủ động, hiện đại, hội nhập, đảm bảo thông tin đối ngoại hiệu quả, minh bạch và phù hợp với chiến lược hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia trong môi trường thông tin đầy biến động. Việc thực hiện các giải pháp đòi hỏi sự chung tay của toàn bộ hệ thống chính trị, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội để công tác thông tin đối ngoại thực sự trở thành một trong những trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển quốc gia.

Cuối cùng, xét về mặt học thuật, luận án đóng góp vào việc mở rộng cơ sở lý luận cho nghiên cứu truyền thông đối ngoại trong điều kiện Việt Nam, đặc biệt trong việc tích hợp khung lý thuyết quản trị truyền thông hiện đại với thực tiễn vận hành báo chí đối ngoại. Về mặt thực tiễn, luận án không chỉ đưa ra bức tranh trung thực về hoạt động quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn 2020–2022 gần đây, mà còn cung cấp những luận cứ đáng tin cậy cho việc hoạch định chính sách truyền thông đối ngoại trong thời gian tới.

Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, tăng cường vai trò tại các thể chế đa phương và chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, việc xây dựng một hệ thống quản lý thông tin đối ngoại hiện đại, thích ứng và hiệu quả là yêu cầu cấp thiết. Với những đóng góp về lý luận và thực tiễn, luận án kỳ vọng sẽ trở thành cơ sở tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí đối ngoại, cũng như các nhà nghiên cứu, từ đó góp phần nâng cao chất lượng truyền thông đối ngoại, củng cố vị thế và hình ảnh Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập mới./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Duy Hưng (2021), *Quản lý thông tin đối ngoại nhìn từ đội ngũ phóng viên thường trú báo Nhân Dân tại nước ngoài*, Tạp chí Người làm báo, số 453, tháng 11/2021.
2. Vũ Duy Hưng (2022), *Báo chí đối ngoại - những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Người làm báo, số 463, tháng 9/2022.
3. Vũ Duy Hưng (2023), *Mô hình tòa soạn số ở cơ quan báo chí đối ngoại: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, kỷ yếu Hội thảo báo chí quốc tế *Quản trị tòa soạn báo chí số: Lý luận, thực tiễn, kinh nghiệm tại khu vực ASEAN*, Hội Nhà báo Việt Nam, tháng 12/2023.
4. Vũ Duy Hưng (2024), *Phát huy vai trò quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực*, Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị, ngày 16/1/2024.
5. Vũ Duy Hưng (2024), *Đổi mới quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực phục vụ phát triển kinh tế báo chí – truyền thông trong bối cảnh phát triển kinh tế số*,), kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Kinh tế báo chí truyền thông trong bối cảnh kinh tế số (Economics of journalism and communication in the context of digital economy development*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Vũ Duy Hưng (2025), *Promoting the role of foreign information management in key press agencies*, Online Journal Political Theory, vol. 44, Mar, 2025.
7. Vũ Duy Hưng (2025), *Một số giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 567, tháng 5/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Hoàng Anh (2012), *Tăng cường quản lý nhà nước về pháp luật đối với báo chí*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 25/10/2012.
2. Hoàng Thế Anh (2022), *Vấn đề tổ chức xuất bản các ấn phẩm báo in ở tòa soạn báo Nhân Dân hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tr. 64.
3. Nguyễn Thị Mai Anh (2015), *Quản lý nhà nước về báo chí trong thời kỳ đổi mới*, tạp chí *Tổ chức nhà nước*, số 6 (6/2015), tr. 41-43.
4. Nguyễn Thị Mai Anh (2016), *Quản lý nhà nước về báo chí ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.
5. Arnaud Mercier (chủ biên) (Cao Thị Hồng Nga, Hoàng Thị Bích, Nguyễn Thị Huyền Trang, Phạm Thị Hải Anh, dịch) (2020), *Truyền thông chính trị*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
6. Ban Bí thư Trung ương Đảng (1992), *Chỉ thị số 11/CT-TW ngày 13/6/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại*.
7. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2010), *Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
8. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), *Quyết định số 16-QĐ/TW ngày 27/12/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Quy chế phối hợp chỉ đạo hoạt động thông tin đối ngoại*.
9. Ban chấp hành Trung ương (2023), *Kết luận số 57-KL/TW, ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị Về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới*.
10. Ban Tuyên giáo Trung ương (2015), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý nhà nước báo chí điện tử trước yêu cầu mới*, Hà Nội.

11. Báo Nhân Dân (2022), *Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng huân chương lao động hạng ba (về thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác phòng, chống COVID-19)*.

12. Hoàng Quốc Bảo chủ biên (2010), *Lãnh đạo và quản lý hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

13. Lê Thanh Bình (2012), *Báo chí và thông tin đối ngoại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Lê Thanh Bình (chủ biên) (2012), *Tổng quan truyền thông quốc tế - Dành cho người làm công tác thông tin đối ngoại*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

15. Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Ngoại giao (2011), *Thông tư số 34/2011/TTLT/BTTTT-BNG ngày 24/11/2011 giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc phối hợp thi hành quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ*.

16. Bộ Chính trị (2012), *Kết luận số 16-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI ngày 14/2/2012 về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020*.

17. Bộ Thông tin và Truyền thông (2013), *Quyết định 732/QĐ-BTTTT ngày 20/6/2013 ban hành Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2013-2020*.

18. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), *Hội thảo “Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch COVID-19”*, Học viện Báo chí & Tuyên truyền - KOICA, Hà Nội.

19. Chính phủ (2017), *Nghị định số 18/2017/NĐ-CP ngày 26/10/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TTXVN*.

20. Lan Chi (2020), *Tòa soạn hội tụ - Mô hình báo chí hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số*, Báo điện tử VTV News, ngày 05/11/2020.

21. Liêm Chính, Bình Nguyên (2024), *Phát triển truyền thông đối ngoại, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc*, Tạp chí Công an Nhân dân điện tử ngày 24/06/2024.

22. Claudia Mast (2004), *Truyền thông đại chúng - những kiến thức cơ bản*, (Nxb. UVK Meien Cộng hòa Liên bang Đức), Trần Hậu Thái (dịch), Nxb. Thông tấn, Hà Nội.

23. Hoàng Đình Cúc và Đức Dũng (2007), *Những vấn đề của báo chí hiện đại*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

24. David Held (Phạm Nguyên Trường dịch) (2013), *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

25. Trần Bá Dung (2001), *Các quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về báo chí trong thời kỳ đổi mới* in trong cuốn sách *Báo chí những điểm nhìn từ thực tiễn*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

26. Nguyễn Công Dũng (2015), *Báo điện tử ở Việt Nam định hướng và giải pháp*, Nxb. Quân đội Nhân dân.

27. Đinh Tiến Dũng (2024), *Đổi mới công tác thông tin đối ngoại đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới*, Tạp chí Thông tin và Truyền thông điện tử ngày 28/12/2024.

28. Đỗ Quý Doãn (2014), *Quản lý và Phát triển Thông tin báo chí ở Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

29. Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên) (2016), *Quản lý tòa soạn hội tụ*, Nxb. Thông tin Truyền thông.

30. Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên) (2017), *Báo chí và Truyền thông đa phương tiện*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

31. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, tr. 297.

32. Đoàn Thế Hanh (2013), *Quản lý nhà nước đối với báo chí nước ta*, Tạp chí Cộng sản điện tử,
<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=22183&print=true>.

33. Lê Hải (2013), *Xây dựng tập đoàn truyền thông giải pháp chiến lược trong phát triển nền báo chí Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

34. Đỗ Văn Hợp (2016), *Nâng cao hiệu quả tuyên truyền của Tin Đối ngoại TTXVN đáp ứng nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp bộ, TTXVN, Hà Nội.

35. Lê Doãn Hợp (2007), *Quản lý nhà nước báo chí trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 18/6/2007.

36. Nguyễn Phùng Hồng (1999), *Báo chí Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự*, đề tài cấp bộ, Cục Quản lý Khoa học, Bộ Công an.

37. Việt Hoàng (2005), *Thông tin đối ngoại qua báo chí - kênh quan trọng để Việt Nam hội nhập quốc tế*, tạp chí Thông tin Đối ngoại, số (16) 7/2005.

38. Đặng Đình Huân (2015), *Vấn đề quản lý nhà nước về hoạt động báo chí ở Cần Thơ hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

39. Trung Hưng (2025), *Báo chí đối ngoại - trụ cột của sức mạnh mềm quốc gia trong kỷ nguyên mới*, Ban Nhân Dân điện tử ngày 21/06/2025.

40. Đặng Thị Thu Hương (2016), *Báo chí đối ngoại Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước*, in trong cuốn *Báo chí truyền thông - Những vấn đề đương đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

41. Nguyễn Thị Thương Huyền (2018), *Quy trình sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

42. Phạm Gia Khiêm (2010), *Công tác thông tin đối ngoại góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng X*, *Thông tin Đối ngoại*, (81), tr. 7-14.

43. Phan Văn Kiên, Phan Quốc Hải, Phạm Chiến Thắng và Nguyễn Đình Hậu (2016), *Một số xu hướng mới của báo chí truyền thông hiện đại*, Nxb Thông tin và Truyền thông.

44. Nguyễn Thế Kỷ (chủ biên) (2012), *Công tác chỉ đạo quản lý nhà nước báo chí trong 25 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

45. Nguyễn Thế Kỷ, Nguyễn An Tiêm, Doãn Thị Thuận (2011), *Nghệp vụ Công tác báo chí - xuất bản*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

46. Line Ross (Ngọc Kha, Hạnh Ngân dịch) (2004), *Nghệ thuật thông tin*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.

47. Phạm Văn Linh (2010), *Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong một số cơ quan thông tấn báo chí chủ lực ở nước ta hiện nay – thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ.

48. Nguyễn Thị Mai (2022), *Công tác thông tin đối ngoại trong quá trình hội nhập quốc tế*, Tạp chí *Thông tin đối ngoại và khoa học điện tử*.

49. Trần Thị Mai (2023), *Những điểm mới trong công tác thông tin đối ngoại giai đoạn hiện nay*, Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Nghệ An ngày 24/10/2023.

50. Nguyễn Thị Hồng Nam, Phạm Thái Việt và Lý Thị Hải Yến (2016), *Truyền thông quốc tế: lý luận và thực tiễn*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.

51. Vũ Thị Việt Nga (2022), *Truyền thông đối với hoạt động văn hóa đối ngoại trong bối cảnh hiện nay*, tạp chí Văn hóa Nghệ thuật điện tử ngày 21/09/2022.

52. Khánh Nguyễn (2021), *Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*, Thời báo VOV điện tử ngày 15/10/2021.

53. Lê Thị Minh Nguyệt (2012), *Hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại cho người Việt Nam ở nước ngoài qua kênh truyền hình VTV4*, Đề tài nghiên cứu khoa học.

54. Nguyễn Ngọc Oanh (2011), *Tổ chức sản xuất các sản phẩm báo chí đối ngoại*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

55. Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Đồng Anh đồng chủ biên (2020), *Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

56. Nguyễn Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Thương Huyền, Nguyễn Đồng Anh (2021), *Giáo trình Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí đối ngoại và truyền thông quốc tế*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

57. Nguyễn Ngọc Oanh (2022), *Tăng cường trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong đào tạo nhân lực báo chí đối ngoại*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 534.

58. Nguyễn Ngọc Oanh (2025), *Công tác thông tin đối ngoại giai đoạn 2016 -2026: Bài học kinh nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045*, tham luận tại Hội thảo Ngoại giao Việt Nam giai đoạn 2016 - 2026 và 40 năm đổi mới: bài học kinh nghiệm và kiến nghị chính sách đối ngoại trong kỷ nguyên mới.

59. Philippe Breton, Serge Proulx (1996), *Bùng nổ truyền thông: Sự ra đời một ý thức hệ mới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

60. Trương Xuân Phúc (2014), *Quản lý nhà nước về an ninh trên lĩnh vực báo chí ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh Nhân dân.

61. Lưu Đình Phúc (2016), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với báo chí trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

62. Quốc hội (2016), Luật Báo chí năm 2016, Điều 16.

63. Quốc hội (2016), Luật Báo chí năm 2016, Khoản 1 Điều 3.

64. Phan Thị Sáu (2024), *Nâng cao kiến thức, kỹ năng về thông tin đối ngoại và truyền thông*, Trang Tin trong nước điện tử của Thông tấn xã Việt Nam ngày 11/12/2024.

65. Nguyễn Bắc Sơn (2014), *Tăng cường công tác quản lý báo chí trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 30/7/2014.

66. Phạm Minh Sơn (Chủ biên) (2016), *Đối ngoại công chúng - mô hình hoạt động của một số nước lớn trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.

67. Vũ Thanh Sơn (2008), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước về báo chí ở nước ta trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế*, Đề tài cấp bộ, Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông.

68. Tạp chí Người làm báo (2022), *Kỷ yếu diễn đàn thông tin đối ngoại trong kỷ nguyên số*, Hội Nhà báo Việt Nam.

69. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng – động lực phát triển của xã hội hiện đại* trong cuốn sách *Báo chí những điểm nhìn từ thực tiễn*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.

70. Tạ Ngọc Tấn (2004), *Truyền thông đại chúng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

71. Tạ Ngọc Tấn (chủ biên) (2007), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

72. Phạm Văn Thành (2022), *Quản lý và khai thác thông tin từ đơn thư bạn đọc gửi đến báo Nhân Dân*, <https://nguoi lambao.vn/quan-ly-va-khai-thac-thong-tin-tu-don-thu-ban-doc-gui-den-bao-nhan-dan>.

73. Nguyễn Minh Thắng (2019), *Quản lý nhà nước về báo chí điện tử ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.

74. Trịnh Xuân Thắng (2013), *Quản lý nhà nước về báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Thông tin Đối ngoại số tháng 7/2013.

75. Thông tấn xã Việt Nam (2021), Quyết định số 29/QĐ-TTX ngày 10/12/2021 của Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam *Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2021-2015, định hướng đến năm 2030*.

76. Minh Thu (2023), *Đổi mới phương thức để thông tin đối ngoại bắt kịp xu hướng truyền thông quốc tế*, Báo Vietnamplus điện tử ngày 21/12/2023.

77. Thủ tướng Chính phủ (2000), Chỉ thị số 10/2000/CT-TTg ngày 26/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ *Về tăng cường quản lý và đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại*.

78. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại*.

79. Thủ tướng Chính phủ (2012), Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 6/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020*.

80. Thủ tướng Chính phủ (2012), Kế hoạch số 2668/KH-BTTTT ngày 03/10/2012 triển khai Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện *Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020*.

81. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 1209/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Quy hoạch phát thanh, truyền hình đối ngoại đến năm 2020*.

82. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 28/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020*.

83. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 2434/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt *Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.

84. Thủ tướng Chính phủ (2017), Quyết định số 1669/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.

85. Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025*.

86. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển một số báo in và báo điện tử đối ngoại quốc gia giai đoạn 2022-2030*.

87. Thủ tướng Chính phủ (2023), Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.

88. Doãn Thị Thuận (2014), *Thực trạng phát triển báo chí điện tử, mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Tuyên giáo điện tử, ngày 30/9/2012.

89. Đỗ Thị Hùng Thuý (2022), *Thông tin đối ngoại thông qua tổ chức*

các sự kiện đối ngoại ở Việt Nam hiện nay, Luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

90. Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiên, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Bá đồng chủ biên (2022), *Chuyển đổi số báo chí Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

91. Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiên, Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Bá đồng chủ biên (2024), *Kinh tế báo chí truyền thông trong bối cảnh kinh tế số*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Nxb. Thế giới.

92. Đào Việt Trung (2008), *Tiếp tục đổi mới công tác thông tin đối ngoại*, tạp chí Thông tin Đối ngoại, số 49, tr. 12-15.

93. Nguyễn Vũ Tiến (2002), *Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với báo chí*, tạp chí Lý luận Chính trị, số 9/2002.

94. Lê Hoàng Anh Tuấn (2025), *Tòa soạn hội tụ - Mô hình báo chí hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số*, tạp chí Luật sư điện tử, ngày 20/05/2025.

95. Bùi Thị Vân (2016), *Một số vấn đề trong công tác quản lý hoạt động thông tin đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Lý luận Chính trị, số 6.

96. Bùi Thị Vân (2019), *Nội dung quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt nam hiện nay*, tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, số 10.

97. Bùi Thị Vân (2020), *Phát huy vai trò của quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông, số 9.

98. Bùi Thị Vân (2021), *Quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

99. Hồng Vinh (2006), *Thông tin đối ngoại góp sức tích cực thúc đẩy hội nhập quốc tế*, tạp chí Thông tin Đối ngoại, số 28, tr.8-12.

100. Nguyễn Tiến Vự (2017), *Xu thế phát triển của báo chí địa phương Việt Nam trong bối cảnh truyền thông đa phương tiện*, Luận án tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

101. Vụ Báo chí - Xuất bản thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Chỉ đạo, quản lý báo chí trong tình hình hiện nay*, Đề tài cấp bộ..

102. Vụ Thông tin đối ngoại và Hợp tác quốc tế, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp Cục Thông tin Đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông (biên soạn) (2013), Hà Nội.

103. V. V. Vôrôsilốp, Lê Tâm Hằng, Trần Phú Tuyết (dịch) (2004), *Nghịệp vụ báo chí: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.

104. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, TP. Hồ Chí Minh, tr. 1587.

Tài liệu tiếng Anh

105. Bateson Gregory. (1972), *Steps to an ecology of mind: Collected essays in anthropology, psychology, evolution and epistemology*, Jason Aronson Inc. Northvale, New Jersey London.

106. Bechmann G., J. Fecker, U. Huws, G.V. Hootergem, M.L. Mirabile, A.B. Moniz, S. Siochru (1999), *Information society, Work and the Generation of New Forms of Social Exclusion (SOWING). First Interim Report (Literature Review)*, Tampere, p 8 - 9.

107. Behnke, Philip (edited) (2010), *Social media and politics: Online social networking and political communication in Asia*, Konrad-Adenauer-Stiftung Singapore.

108. Chris Toulouse, Timothy W. Luke (1998), *The politics of cyberspace: A New Political Science Reader*, Psychology Press.

109. Ciolek, Melanie (2010), *Understanding social media's contribution to public diplomacy*, USC Center on Public Diplomacy at the Annenberg School.

110. Claude Elwood Shannon (1948), "Thuyết truyền thông", tạp chí Bell System Technical Journal.

111. Complex Discovery (2025), *AI in journalism: enhancing newsrooms or undermining integrity ?*, Analysis from Reuters Institute.

112. *Epistemology*, San Francisco, CA: Chandler.

113. Frank Webster (2006), *Theories of the information society*, Third Edition, Routledge Publisher, Master e-book.

114. Fred S. Siebert, Theodore Peterson, Wilbur Schramm (1956), *Four theories of the press: the authoritarian, libertarian, social responsibility, and Soviet communist concepts of what the press should be and do* (Lê Ngọc Sơn dịch) (2013), Nxb. Tri thức.

115. Frederick W. Taylor (1911), *Principles of scientific management*, Harper & Brothers Publishers.

116. G. V. Ladutina (2003), *Basic issues of professional ethics of journalists*, Political Theory Publishing House.

117. George L. Bird and E. Merwwin (1955), *The press and society*, Prentice-Hall, Inc, New York.

118. Hall Stuart (1973), *Encoding and decoding in the television discourse. Discussion paper*. University of Birmingham, Birmingham.

119. Hans N.Tuch & Marvin Kalb (1990), *Communicating with the World: U.S. Public diplomacy overseas*, institute for the study of diplomacy, St. Martin's Press. New York, Aug 15, 1990.

120. Harold Lasswell (1920), *Propaganda technique*,
<https://mitpress.mit.edu/9780262620185/propaganda-technique-in-world-war-i/>.

121. Henry Fayol (1915), *Industrial and general administration*, International Management Institute.

122. Herbert Lee Williams and Frank Warren Rucker (1955), *Newspaper organization and management*, 5th Edition, ISBN-13: 978-0813811505, ISBN-10: 0813811503.

123. James Wilson, Stan Le Roy Wilson (1998), *Mass media, mass culture*, Fourth Edition, McGraw-Hill.

124. Janies Gomez (2004), *Between freedom and censorship: Asian political partics and cyberspace*, in “*The fate of liberty -Human rights and civil liberties in the age of global crime and terror*” conference in Potsdam, Germany, 7-19 September 2004, file:///Users/linhchi/Downloads/10-OC-low.pdf.

125. Jo, E., & Berkowitz, L. (1994), *A priming effect analysis of media influences*, Lawrence Erlbaum Associates, Inc.
126. John Merrill (1995), *Global journalism global journalism: Survey of international communication*, Longman Publishing Group.
127. John Prescott Thomas (2009), *Media management manual: A handbook for television and radio practitioners in countries in transition*, Communication and Information Sector, United Nations Educational Scientific & Cultural Organization.
128. Jorgen Skrubbeltrang (2015), *Research: The role of the fixer in foreign news*, <https://en.ejo.ch/research/research-role-fixer-foreign-news>.
129. Jørgen Skrubbeltrang (2015), *The role of the fixer in foreign news*, <https://en.ejo.ch/research/research-role-fixer-foreign-news>.
130. Joseph S. Nye Jr. (2008), *Public diplomacy and soft power*, The Annals of the American Academy of Political and Social Science.
131. Junhao Hong (2011), *From the world largest propaganda machine to a multipurposed global news agency: Factors in and implications of Xinhua's transformation since 1978*, Taylor & Francis Group publishes.
132. Kevin L. McCrudden (1999), *Media convergence models*, Online Publication.
133. KevinWilliams (2011), *International journalism*, Sage Press, <http://dx.doi.org/10.4135/9781446251133>.
134. Kurt Lewin (1947), *Frontiers in Group Dynamics:II. Channels of Group Life, Social Planning and Action Research*. Human Relations
135. Lasswell, H. D. (1948), *The structure and function of communication in society*, In L. Bryson (Ed.), *The Communication of Ideas* (pp. 37-51). New York: Harper and Brothers.
136. Martin F.Herz (1990), *Communicating with the world: U.S. public diplomacy overseas*, St Martin's Press, New York.
137. Maxwell McCombs and Donald L. Shaw (1972), *Agenda setting*

function of mass media.

138. Michael T. Heaney, Scott D. McClurg, Carbondale (2009), *Social networks and American politics*,

<https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/1532673X09337771#bibliography>.

139. *Newspaper organization and management*, 5th Edition, ISBN-13: 978-0813811505, ISBN-10: 0813811503.

140. Nicholas Negroponte (1979), *MIT Media lab, depicted digital convergence*.

141. Paul Lazarsfeld (1942), *Limited effects theory*, in *a dictionary of media and communication*, Oxford Reference.

142. R. M. Stogdill & A.E. Coons (1957), *Leader behaviour: Its description and measurement*, Columbus: Ohio State University Bureau of Business Research.

143. Thussu, D. K. (2000), *International communication: Continuity and change*, London.

144. U.S Fed News Service (2005), *China again tightens control of online news and information*, 26/9/2005, in ProQuest central.

145. UNDP (2021), *Vietnam's COVID-19 Response and international image*.

146. Wilding, D., Fray, P. Molitorisz S. & McKewon E. (2018), *The Impact of digital platforms on news and journalistic content*, University of Technology Sydney, NSW.

147. William Hachten and James F. Scotton (2011), *The world news prism - Challenges of digital communication*, Wiley-Blackwell Publishing, New Jersey, USA, 8 edition, October 4-2011.

Các trang web

148. <https://antoanthongtin.vn/an-toan-thong-tin/c-e-shannon---nguoi-khai-sinh-ra-ly-thuyet-thong-tin-104744>.

149. http://uscpublicdiplomacy.org/pdfs/mciolek_socialmedia_indonesia.pdf, p8.

150. http://uscpublicdiplomacy.org/pdfs/mciolek_socialmedia_indonesia.pdf , p10 .
151. <http://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/10584609.2011.572487>.
152. <http://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/10584609.2011.572487>.
153. <https://www.jstor.org/stable/2747787>.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC - PHÒNG VẤN SÂU

1. PHÒNG VẤN ĐỐI TƯỢNG THUỘC TTXVN

1.1. Lãnh đạo TTXVN

Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn chị đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, rất mong chị trả lời các câu hỏi về quản lý lựa chọn thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn và một số vấn đề khác nữa.

Sự hỗ trợ của chị có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của chị đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của chị sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: TTXVN là cơ quan thuộc chính phủ và là cơ quan thông tin chính thức của nước CHXHCN Việt Nam. Theo đó, TTXVN thực hiện chức năng thông tấn nhà nước trong việc phát thông tin, văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước; cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo của đảng và quản lý của nhà nước; thu thập, phổ biến thông tin bằng các loại hình truyền thông, phục vụ các cơ quan thông tin đại chúng, công chúng và các đối tượng có nhu cầu ở trong nước và ngoài nước. Vậy, chị có thể đánh giá khái quát về thành công trong quản lý thông tin đối ngoại ở TTXVN thời gian gần đây, nhất là giai đoạn 2020-2022 ?

Câu hỏi 2: TTXVN hiện cũng là cơ quan hoạt động báo chí với nhiều ngôn ngữ nhất và là một trong những trung tâm thông tin đối ngoại quan trọng nhất của cả nước. Vậy chị có thể chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong quản lý nhân lực, nhất là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cả chính trị và chuyên môn ?

Câu hỏi 3: Chị có cho rằng, sự bùng nổ của truyền thông đa phương tiện và truyền thông cá nhân đang thực sự tác động đến công tác quản lý thông tin đối ngoại tại TTXVN và TTXVN đã có kế hoạch sử dụng điểm mạnh, lợi thế để hạn chế thách thức từ môi trường bên ngoài như thế nào ?

Trân trọng cảm ơn chị đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

1.2 . Báo Việt Nam News

Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, rất mong anh trả lời các câu hỏi về quản lý lựa chọn thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn và một số vấn đề khác nữa.

Sự hỗ trợ của anh có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của anh đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của anh sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: *Việt Nam News* là nhật báo tiếng Anh quốc gia duy nhất trong các báo chí đối ngoại Việt Nam và hiện nay đã trở thành đơn vị thông tin đối ngoại quan trọng phát triển theo mô hình đa phương tiện. Vậy, anh có thể khái quát những thành tựu quan trọng, những quyết định thay đổi mang tính bước ngoặt trong hơn 30 năm qua của tòa báo ?

Câu hỏi 2: Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, số lượng các cơ quan báo chí xuất bản bằng tiếng Anh ngày càng tăng lên. Vậy, báo đã quản lý những thách thức này như thế nào và cách vượt qua để duy trì vị trí đầu trong cung cấp thông tin đối ngoại ?

Câu hỏi 3: Là cơ quan báo chí có uy tín, *Việt Nam News* có số lượng truy cập lớn và có nhiều ý kiến đóng góp, đánh giá. Vậy, báo đã triển khai quản lý dòng phản hồi này như thế nào ?

Câu hỏi 4: Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm dịch bệnh COVID-19 lan

rộng và ảnh hưởng tới toàn thế giới, rất nhiều điều chỉnh đã được các cơ quan báo chí thực hiện. Anh có thể chia sẻ thêm về vấn đề này, nhất là vấn đề nhân lực ?

Câu hỏi 5: Sự phát triển của *Việt Nam News* nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung phụ thuộc rất lớn vào công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo anh, công tác phối hợp này trong thời gian qua như thế nào và cần điều chỉnh/bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Xin trân trọng cảm ơn anh đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

1.3. Báo *Le Courrier du Vietnam*

“Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn chị đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, rất mong chị trả lời các câu hỏi về quản lý lựa chọn thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn và một số vấn đề khác nữa.

Sự hỗ trợ của chị các có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của chị đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của chị sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: *Le Courrier du Vietnam* là tờ báo là tờ báo duy nhất bằng tiếng Pháp trong làng báo chí đối ngoại Việt Nam và hiện nay đã trở thành đơn vị thông tin đối ngoại quan trọng phát triển theo mô hình đa phương tiện. Vậy, Toà báo đã quản lý việc lựa chọn thông tin thế nào để đảm bảo tính thống nhất trong đa dạng và mới mẻ đối với 3 sản phẩm thông tin (Báo tuần, Báo điện tử *lecourrier.vn* và Chuyên mục “*Không gian Pháp ngữ*” phát sóng hằng tuần trên kênh *Truyền hình Thông tấn*) ?

Câu hỏi 2: Báo điện tử *Le Courrier du Vietnam* (*lecourrier.vn*) là một

trong những đơn vị thông tin của TTXVN có số nước và vùng lãnh thổ truy cập nhiều nhất (gần 200). Số lượng truy cập lớn cũng cho thấy ý kiến đóng góp, đánh giá sẽ nhiều về số lượng, đa dạng về nội dung. Vậy, báo đã triển khai quản lý dòng phản hồi này như thế nào ? Thách thức lớn nhất của quá trình này là gì ?

Câu hỏi 3: Giai đoạn 2020- 2022 là thời điểm dịch bệnh COVID-19 lan rộng và ảnh hưởng tới toàn thế giới, vậy tờ báo đã điều chỉnh các hoạt động sau thế nào:

3.1: Quản lý lựa chọn thông tin

3.2: Quản lý chuyên mục

3.3: Quản lý nội bộ

3.4: Quản lý quá trình sản xuất

3.5: Quản lý dòng phản hồi

Câu hỏi 4: Cuộc thi “*Phóng viên trẻ Pháp ngữ*” - một thương hiệu đã tới mùa giải thứ 8 rất uy tín của báo *Le Courrier du Vietnam* trong cộng đồng Pháp ngữ khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Điều này cho thấy Tòa báo rất quan tâm đến công tác phát triển chuyên môn. Chị có thể chia sẻ thêm về cuộc thi này (mục đích, ý nghĩa, chất lượng chuyên môn, sự lan tỏa,...) ?

Câu hỏi 5: *Le Courrier du Vietnam* cũng được biết đến ở thế mạnh hợp tác với các tổ chức nước ngoài trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho phóng viên, biên tập viên. Chị có thể cho biết thêm về những thành công cũng như những vấn đề cần làm tốt hơn nữa trong hoạt động này.

Câu hỏi 6: Hơn 30 năm qua, *Le Courrier du Vietnam* đã thực hiện tốt chức năng thông tin đối ngoại về các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa - xã hội của Việt Nam và những vấn đề thời sự quốc tế; giới thiệu và quảng bá hình ảnh đất nước, thể chế, con người Việt Nam tới cộng đồng Pháp ngữ. Tuy nhiên, sự phát triển bùng nổ của truyền thông cũng đặt các cơ quan báo chí, nhất là báo chí đối ngoại trước những cơ hội và thách thức mới. Xin chị có thể chia sẻ thêm về chiến lược tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức để *Le Courrier du Vietnam* tiếp tục phát triển và thành công hơn nữa ?

Câu hỏi 7: Sự phát triển của *Le Courrier du Vietnam* nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung phụ thuộc rất lớn vào công tác

phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo anh/chị, công tác phối hợp này trong thời gian qua như thế nào và cần điều chỉnh/bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Xin trân trọng cảm ơn chị đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

2. BÁO NHÂN DÂN

2.1. Dự án “Going Home”: “Xin kính chào anh tham gia quản lý Dự án “Going Home” của báo Nhân Dân.

Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi. Trong phạm vi đề tài này, rất mong muốn anh trao đổi xung quanh một số vấn đề về việc xây dựng kế hoạch và triển khai ý tưởng dự án, những kết quả, thành công đạt được, dự án trong tương lai và một số vấn đề khác.

Tháng 4/2025, Báo *Nhân Dân* đã công bố một sản phẩm mới, thu hút được sự quan tâm và đánh giá cao của công chúng. Đó là dự án “*Going Home*” - một sản phẩm âm nhạc đỉnh cao kết hợp giữa tiếng saxophone của nghệ sĩ Kenny G và chiêm ngưỡng các địa danh mang những giá trị văn hóa, lịch sử của Hà Nội cũng như Việt Nam; qua đó lan tỏa giá trị lịch sử, văn hóa, vẻ đẹp con người Việt Nam, góp phần quảng bá, thúc đẩy phát triển du lịch. Xem xét và phân tích từ góc độ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, thành công của dự án âm nhạc này là bài học quý cho công tác này.

Sự hỗ trợ của các anh có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của anh đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của anh sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: Kết luận 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao

chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới (Kết luận 57) nhấn mạnh phương châm của thông tin đối ngoại trong giai đoạn mới là “Chủ động, đồng bộ, kịp thời, sáng tạo, hiệu quả”

Anh có thể cho biết, phương châm này có ảnh hưởng/tác động gì trong quá trình xây dựng ý tưởng và triển khai dự án âm nhạc này không ?

Câu hỏi 2: Có rất nhiều nghệ sĩ quốc tế đã tham gia các dự án quảng bá, giới thiệu về đất nước và con người Việt Nam, vậy những lý do nào khiến anh lựa chọn nghệ sĩ Kenny G và đối tác cho dự án âm nhạc này ?

Câu hỏi 3: Trong quá trình thực hiện dự án này, những thuận lợi và khó khăn mà nhóm thực hiện gặp phải là gì? Điều gì nằm ngoài dự kiến và tại sao ?

Câu hỏi 4: Anh có thể đánh giá kết quả của dự án khi so sánh với mục tiêu ban đầu ?

Câu hỏi 5: Có thể khẳng định, dự án âm nhạc này là một thành công trong sự đổi mới cả về phương thức, nội dung lẫn việc “thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá” và khuyến khích xã hội hoá, vậy nhóm thực hiện có tham vọng gì với các dự án trong tương lai ? Nhất là mối quan hệ giữa báo *Nhân Dân* và đối tác IB group.

Xin trân trọng cảm ơn anh đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

2.2. *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung Quốc

“Xin chào anh thuộc ban *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung. Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020-2022)*” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này.

Bộ phận *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung ra đời nhằm cụ thể hóa việc thực hiện chiến lược đối ngoại trong tình hình mới, góp phần tăng cường quảng bá, giới thiệu lịch sử, văn hóa, hình ảnh con người và đất nước Việt Nam, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình và hữu nghị của Đảng và Nhà nước ta giới thiệu những thành tựu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, của nhân dân Việt Nam với đồng bào ta ở nước ngoài và bạn

bè quốc tế, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân Trung Quốc. Vậy sau 12 năm hoạt động, rất mong anh có thể chia sẻ một số vấn đề về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác nữa.

Sự hỗ trợ của anh có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng là không có câu trả lời nào là đúng hay là sai. Tất cả các câu trả lời của anh thì đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin ý kiến của anh sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: Thưa anh, thành công trong suốt 12 năm qua của *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung có sự đóng góp rất của rất nhiều yếu tố. Vậy thì yếu tố nào là quan trọng, nổi bật nhất và mang tính độc đáo riêng có của *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung ?

Câu hỏi 2: Anh có thể cho biết thêm về cái quy trình sản xuất và quản lý thông tin ở 11 chuyên mục của *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung ?

Câu hỏi 3: Phóng viên, biên tập viên của *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung có nhiều cách làm việc sáng tạo, tích cực thực hiện các tin, bài theo hình thức đồ họa hấp dẫn, dễ đọc, ngày càng đáp ứng nhu cầu của bạn đọc cũng như phù hợp với xu thế phát triển của báo chí hiện đại. Anh có thể chia sẻ thêm kinh nghiệm này, nhất là trong cái tình huống mà nhân lực của *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung là khá hạn chế ?

Câu hỏi 4: Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm mà dịch bệnh COVID-19 lan rộng và ảnh hưởng đến toàn thế giới. Vậy *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung thì có gặp khó khăn như thế nào khi mà cần phải điều chỉnh các hoạt động, nhất là về vấn đề nhân lực ?

Câu hỏi 5: *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung có cái số lượng truy cập và user tăng năm, trong đó có khoảng độ 70 % số lượng là đến từ Trung. Anh có thể cho biết là *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung đã quản lý cái dòng phản hồi này như thế nào ?

Câu hỏi 6: Để phát triển hơn nữa *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung và đáp ứng tốt yêu cầu của sản phẩm thông tin đối ngoại trong đơn vị báo chí đối

ngoại chủ lực, theo anh thì cần làm gì ? Ví dụ đối với cơ quan chủ quản, với báo *Nhân Dân* và đối với bản thân *Nhân Dân* điện tử tiếng Trung ?

Câu hỏi 7: Sự phát triển của báo *Nhân Dân* nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung, phụ thuộc rất lớn vào công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo anh, công tác phối hợp này trong thời gian qua thế nào và cần điều chỉnh, bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57 ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Câu hỏi 8: Đội ngũ biên tập viên tiếng Trung, số lượng và việc trực tiếp ra hiện trường viết bài. Việc kiểm tra, giám sát các biên tập viên hiện nay như thế nào ?

Trân trọng cảm ơn anh đã dành cho chúng tôi cuộc nói chuyện này.

2.3 . Phóng viên thường trú báo *Nhân Dân* tại Cộng hòa LB Nga

“Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020 – 2022)*” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn chị đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi.

Sự hỗ trợ của chị có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của chị đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của chị sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: Thưa chị, bên cạnh là một phóng viên thường trú kỳ cựu thì chị có một trải nghiệm mà em nghĩ là hiếm có trong giới phóng viên thường trú, đó là chị ở TTXVN rồi báo *Nhân Dân*. Vậy, chị có thể chia sẻ một số điểm tương đồng và khác biệt của hai đơn vị chị đã công tác, về:

- Sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị trong hoạt động chuyên môn
- Quy trình làm việc và sự phối hợp công tác giữa các ban (trong nước) và phóng viên ?

Câu hỏi 2: Một trong những đặc điểm nổi bật của phóng viên thường trú

là sự tác nghiệp độc lập trong môi trường quốc tế. Vậy, xin chị chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động này khi ở TTXVN và báo *Nhân Dân*.

Câu hỏi 3: Làm việc trong môi trường quốc tế nên việc tiếp nhận thông tin, đặc biệt là thông tin phản hồi về đối ngoại của phóng viên thường trú rất đa dạng. Xin chị chia sẻ một số kinh nghiệm trong việc tiếp nhận thông tin phản hồi, nhất là tiếp nhận và đánh giá của các ban (trong nước) trước thông tin này ở cả hai nơi chị đã làm việc ?

Câu hỏi 4: Trong các giai đoạn chị là phóng viên thường trú của TTXVN và báo *Nhân Dân*, tình hình quốc tế và trong nước đã có rất nhiều thay đổi. Xin chị đánh giá một vài nét thay đổi quan trọng nhất mà qua đó, công tác quản lý thông tin đối ngoại cũng có những thay đổi tương ứng ?

Câu hỏi 5: Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm dịch bệnh COVID-19 lan rộng và ảnh hưởng tới toàn thế giới, chị có thể chia sẻ về những khó khăn trong công việc, nhất là sự chỉ đạo và phối hợp giữa các bộ phận và cách khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ ?

Câu hỏi 6: Làm việc độc lập ở nước ngoài nên chắc chắn việc tự học, tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ là rất quan trọng. Chị có thể cho biết thêm về quá trình này của cá nhân và theo chị, cơ quan cần hỗ trợ gì ?

Câu hỏi 7: Sự phát triển của hoạt động thông tin đối ngoại nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung phụ thuộc rất lớn vào công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo chị, công tác phối hợp này trong thời gian qua như thế nào và cần điều chỉnh/bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Xin trân trọng cảm ơn chị đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

3. ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

3.1. Ban Đối ngoại (VOV5)

“Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn

2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn chị đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, rất mong chị trả lời các câu hỏi về quản lý lựa chọn thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn và một số vấn đề khác nữa.

Sự hỗ trợ của các chị có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của chị đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của chị sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: VOV5 là 1 trong 3 đơn vị đầu tiên ra đời cùng VOV ngày 07/09/1945. Trong gần 80 năm qua, các chương trình phát thanh đối ngoại đã góp phần to lớn làm nên cây cầu hữu nghị kết nối Việt Nam với thính giả khắp thế giới qua làn sóng phát thanh. Chị có thể khái quát những thành tựu quan trọng mang tính cốt lõi, xuyên suốt gần 80 năm qua của VOV5 ?

Câu hỏi 2: Với ngôn ngữ đa dạng và nội dung truyền tải phong phú, anh/chị có thể cho biết, VOV5 đã quản lý việc xây dựng chương trình, duy trì chuyên mục thế nào để đảm bảo sự độc đáo trong từng ngôn ngữ phát sóng mà vẫn giữ được sự thống nhất chung của cả VOV5 ?

Câu hỏi 3: Là cơ quan báo chí đối ngoại rất có uy tín, VOV5 nhận được nhiều ý kiến đóng góp, đánh giá. Vậy, VOV5 đã quản lý dòng phản hồi này như thế nào ?

Câu hỏi 4: Trong khoảng 10 năm trở lại đây, các cơ quan báo chí, đặc biệt là báo chí đối ngoại, đã phát triển rất mạnh các loại hình phổ biến thông tin, phát trên nhiều nền tảng như báo nói, báo hình, podcast. Vậy, VOV5 đã có chiến lược gì trước thách thức này ?

Câu hỏi 5: Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm dịch bệnh COVID-19 lan rộng và ảnh hưởng tới toàn thế giới, rất nhiều điều chỉnh đã được các cơ quan báo chí thực hiện. Chị có thể chia sẻ về vấn đề này, nhất là vấn đề nhân lực ?

Câu hỏi 6: Sự phát triển của VOV5 nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung phụ thuộc rất lớn vào công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo chị, công tác phối hợp này trong thời gian qua

như thế nào và cần điều chỉnh/bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Xin trân trọng cảm ơn VOV5, các chị đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.

3.2. Phóng viên thường trú tại Nhật Bản

“Tôi là Vũ Duy Hưng, nghiên cứu sinh chuyên ngành Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, đang tiến hành nghiên cứu về đề tài “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực*” (Giai đoạn 2020-2022)” cho luận án tiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh đã dành thời gian tham gia cuộc trao đổi nhỏ này với tôi.

Sự hỗ trợ của anh có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả nghiên cứu và sự thành công của đề tài này. Xin lưu ý rằng không có câu trả lời nào đúng hay sai. Tất cả các câu trả lời của anh đều có giá trị cho đề tài nghiên cứu này và mọi thông tin, ý kiến của anh sẽ được giữ bí mật tuyệt đối.

Câu hỏi 1: Thưa anh, là phóng viên thường trú tại Nhật Bản, anh có thể chia sẻ một số đánh giá về ưu điểm và những điểm cần khắc phục trong hoạt động quản lý thông tin đối ngoại ở VOV đối với phóng viên thường trú, nhất là địa bàn Đông Bắc Á về:

- Sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị trong hoạt động chuyên môn
- Quy trình làm việc và sự phối hợp công tác giữa các ban (trong nước) và phóng viên ?

Câu hỏi 2: Một trong những đặc điểm nổi bật của phóng viên thường trú là sự tác nghiệp độc lập trong môi trường quốc tế. Vậy, xin anh chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động này trong quá trình làm việc của mình ?

Câu hỏi 3: Giai đoạn 2020-2022 là thời điểm dịch bệnh COVID-19 lan rộng và ảnh hưởng tới toàn thế giới, anh có thể chia sẻ về những khó khăn trong công việc, nhất là sự chỉ đạo và phối hợp giữa các bộ phận và cách khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ ?

Câu hỏi 4: Làm việc trong môi trường quốc tế nên việc tiếp nhận thông

tin, đặc biệt là thông tin phản hồi về đối ngoại của phóng viên thường trú rất đa dạng. Xin anh chia sẻ một số kinh nghiệm trong việc tiếp nhận, trao đổi giữa 3 đại diện cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực TTXVN, VOV và báo *Nhân Dân* tại địa bàn Nhật Bản ?

Câu hỏi 5: Trong thời gian là phóng viên thường trú của VOV tại Nhật Bản, anh chắc hẳn đã thấy rõ được sự thay đổi của tình hình quốc tế và trong nước cũng như sự thay đổi của các cơ quan truyền thông đối ngoại của Nhật Bản. Xin anh đánh giá một vài nét thay đổi quan trọng mà công tác quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực chúng ta có thể học hỏi ?

Câu hỏi 6: Làm việc độc lập ở nước ngoài nên chắc chắn việc tự học, tự đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ là rất quan trọng. Anh có thể cho biết thêm về quá trình này của cá nhân và theo anh, cơ quan cần hỗ trợ gì ?

Câu hỏi 7: Sự phát triển của hoạt động thông tin đối ngoại nói riêng và các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực nói chung phụ thuộc rất lớn vào công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Vậy theo anh, công tác phối hợp này trong thời gian qua như thế nào và cần điều chỉnh, bổ sung gì để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới theo đúng tinh thần của Kết luận 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị ?

Xin trân trọng cảm ơn anh đã dành thời gian cho buổi trao đổi này.